

Lê Ngọc Mai

Tìm trong nỗi nhớ



VNTHUQUAN.NET, 2008.

Chương 1

Tác phẩm "Tìm trong nỗi nhớ" của Lê Ngọc Mai đã đạt giải nhì cuộc thi tiểu thuyết lần thứ 2 của HNV. NMS xin gửi đến các bạn tác phẩm này.

1

Đó là một ngày mùa hè nắng chói chang cách đây vừa đúng hai mươi năm. Chiếc xe commăngca đã chiến bại sồn, sơn lở mà bố tôi mượn của cơ quan chở ba bố con tôi ra sân bay Nội Bài. Tôi lên đường đi học đại học ở Nga, bố và em trai đi tiễn. Đây là lần đầu tiên tôi rời Việt Nam. Mười tám tuổi, bốn mươi ba cân, hành lý là một chiếc vali lèn đầy quần áo và các mặt hàng tạp hóa. Sơn phấn Thái (xịn), kimono Nhật (rởm), áo phong nữ "cành mai", áo phong nam "cá sấu"..., mỗi loại xếp thành một xấp. Một đồng quần lót "hoa hồng" xanh đỏ tím vàng với số lượng thừa thãi cho cả năm năm đại học. Hai bức tranh sơn mài màu sắc na ná như nhau, đỏ đỏ, xỉn xỉn, một bức "chăn trâu thổi sáo" và một bức "vịnh Hạ Long". Vài tấm tranh lụa, cái nào cũng tre, chim với thiếu nữ áo dài (khi tre chim nhiều thì áo dài ít, khi tre, chim ít thì áo dài nhiều). Dăm gói bột nghệ, một lô dầu cao "Sao Vàng", mấy hộp "sâm quy bổ thận" (thành phần ghi ngoài vỏ hộp gồm nhiều loại cây thuốc nghe tên rất đáng nể, nhưng không thấy có sâm.)

Sổ hàng hóa này không phải là dành cho tôi, tức là không phải để tôi dùng. Phần tôi, chỉ có vài bộ quần áo và hai tập từ điển Nga-Việt dày cộp. Còn lại, quần áo, sơn phấn, thuốc thang là để xuất khẩu sang thị trường Nga với mục đích đổi về bàn là, nồi hầm, ấm điện, tủ lạnh...

Các tác phẩm nghệ thuật thì dành để khi có dịp dùng làm quà tặng thầy giáo, bạn bè (người Nga, tất nhiên, chứ người mình có ai treo những thứ này trong nhà.) Suốt cả tuần lễ trước ngày tôi lên đường, chiều nào sau giờ làm việc cô tôi cũng phải lặn lội lượn đi lượn lại Hàng Ngang, Hàng Đào để kiểm cho đủ chủng loại, số lượng hàng hóa cần thiết. Cô nhất quyết dành cái công việc khổ sai này về phần mình vì không tín nhiệm bố con tôi. "Lù đù như bố con mày, không mua nhảm hàng rởm thì cũng bị chúng nó chém cho, thôi cứ để đấy cô lo, cô có kinh nghiệm mua đồ cho thằng V. đi Hung năm ngoái rồi". Những túi to, bọc nhỏ mà cô hí hụi vác đến làm bố tôi phát hoảng: "Con L. C. đi học chứ có đi buôn đâu mà cô bắt nó tha đi nhiều thứ thế!" " Ai cũng mang đi như vậy cả, tội gì không mang", cô tôi gạt phắt.

Đúng, ai cũng mang đi như vậy cả. Lúc kiểm tra ở hải quan, hơn ba chục cái vali của cả đoàn mở ra, cái nào cũng có ngấn ấy thứ: "cành mai", "cá sấu", phấn "con bướm", xi líp "hoa hồng"... Mấy cậu bạn tôi, trong lúc xếp lại đồ đạc, vụng về làm tung ra ngoài xấp quần lót nữ màu sặc sỡ, mặt đỏ lựng lên ngang màu đỏ của bông hồng thêu trên quần lót (thời ấy khái niệm "đỏ mặt" còn tương đối thông dụng.)

Trong vali của tôi có một thứ mà chắc chẳng ai trong đoàn cùng đi hôm ấy có. Không, không phải là một mặt hàng "độc" mang lậu qua hải quan. Đó chỉ là một tờ giấy đơn sơ với vài hàng chữ viết to, đường nét rần rở, tự tay bố tôi viết và dán vào mặt trong của nắp vali cho tôi trước hôm tôi lên đường. "Tính con hay quên nên bố dán vào đây cho khỏi thất lạc, và để mỗi lần con mở vali ra thì lại thấy ngay", bố tôi bảo. Nội dung tờ giấy là những điều bố tôi căn dặn cô con gái lần đầu tiên đi học xa nhà. Ông đánh số cẩn thận, có bảy điều cả

thầy.

Hai mươi năm đã qua, chiếc vali cũ mòn và quê kệch của chuyến xuất ngoại đầu tiên đã bị quẳng từ lâu ra bãi rác, nhưng tờ giấy ấy thì đến giờ tôi vẫn giữ. Ổ vàng, mép giấy chỗ sòn mỏng tang, chỗ cộm vết hồ dán, nó nằm sâu trong một ngăn tủ của tôi, kẹp giữa cuốn sổ thơ thời sinh viên. Bây giờ đọc lại, thấy thương bố đến nao lòng.

Nhưng ngày đầu tiên ở Matxcova, lúc mở vali ra, đập vào mắt những lời dặn dò của bố, tôi chỉ thấy buồn cười. Từ khi mẹ tôi mất, mọi nỗi lo toan cho hai đứa con dồn cả lên vai bố tôi, ông đâm ra thành người kỹ tính. Con gái đã mười tám tuổi mà bố phải dặn chi li từ chuyện ăn, chuyện mặc. Mặc đủ ấm khi trời lạnh... (Ông già không yên tâm với cô con gái chủ trương ăn mặc vị nghệ thuật, bất chấp thời tiết. "Mặc gì" luôn luôn là đề tài tranh luận nảy lửa giữa hai bố con, những sáng mùa đông trước giờ đi học, kể từ khi tôi bắt đầu trở thành một cô bé thích làm điệu, lớn lên giữa Hà Nội đói nghèo của thời bao cấp mà khái niệm "ấm" và khái niệm "đẹp" chẳng mấy khi may mắn đi đôi được cùng nhau.) Ăn uống điều độ... (chứ đừng thỉnh thoảng lại bỏ bữa ban ngày, lục cơm nguội ăn đêm, như hồi ôn thi đại học!) Chịu khó tập thể thao... (đây là điều mà cụ vẫn phàn nàn rằng con chẳng giống cha: bố thì hăng hái hết chạy lại bơi, con thì rảnh rỗi chỉ thích nằm dài ra đọc truyện.) Học tập là nhiệm vụ chính, không được để các hoạt động khác làm ảnh hưởng đến việc học... (Các hoạt động khác? Hẳn cụ muốn nói đến "hoạt động thương mại"? Nghe nói sinh viên Việt Nam ở Liên Xô và Đông Âu bây giờ buôn bán rầm rầm, bố tôi chỉ sợ con gái theo đuôi bạn bè mà xao lãng chuyện học. Nếu không có cô tôi vừa thuyết phục vừa trách móc thì bố tôi đã quyết không cho tôi mang đi những mặt hàng "chiến

lược" kể trên. ("Dính vào chuyện buôn bán phức tạp lắm, nhà mình không có khiếu đi buôn!"). Tôi đang háo hức với chuyến đi, thấy bố bảo sao cũng sẵn sàng nghe vậy, nhưng cô tôi đã đưa ra một lý lẽ đơn giản: "Anh có lo được cho con L.C. không, mà không để nó tự lo cho nó? Mấy năm nữa nó học xong về nước, lấy chồng đẻ con, anh muốn nó cũng sống cực như anh bây giờ à?". Bố tôi lập tức đầu hàng, những rõ ràng trong lòng vẫn không yên.) Tuyệt đối tránh quan hệ yêu đương với người nước ngoài... A, đây mới là vấn đề mấu chốt!

"Tình không biên giới" là nỗi lo sợ ám ảnh hầu hết các ông bố bà mẹ có con đi du học thời bấy giờ. Đương nhiên, ở một cái xứ, một cái thời, mà việc cô con gái Hà Nội lấy chồng Nghệ Tĩnh đôi khi cũng đủ làm nên một bi kịch gia đình, thì chuyện dâu tây rể tây phải bị coi là đại họa. Vả lại, ai cũng biết rằng đi du học mà "lấy tây" thì chẳng còn đường về nước: đương sự bị coi như kẻ đào ngũ, bố mẹ mất con, gia đình mất danh dự. Đây mới là điều đáng sợ nhất đối với các bậc phụ huynh. Hai tiếng "lưu vong" thời ấy nghe giống như một án tù. Những trường hợp "lưu vong ái tình" trong giới lưu học sinh mới chỉ xảy ra hiếm hoi lẻ tẻ, nhưng cũng đủ để treo gương tày liếp.

Cuộc đời luôn luôn có những biến động bất ngờ. Thế hệ của chúng tôi, lớp du học sinh ra đi vào những năm tám mươi, sẽ mở đầu cho một làn sóng lưu vong mới mà "ái tình" không phải là nguyên nhân và con đường duy nhất như các năm về trước. Nhưng vào thời điểm đó, đứng chen chúc trên sân bay Nội Bài, nhể nhại mồ hôi trong cái oi ả của một ngày cuối tháng tám, không ai trong chúng tôi có thể ngờ trước được điều này. Vali đầy ắp hàng và đầu đầy ắp ước mơ, chúng tôi ra đi, để lại sau lưng mình quê hương mà sau này đối với

những người mãi mãi sẽ chỉ còn là một chốn để thương để nhớ. Đêm đầu tiên ở Matxcova, trời cuối hè bắt đầu se lạnh. Một phò người sau một chuyến bay dài và một lô thủ tục hành chính rắc rối, nhưng không sao ngủ được, tôi và T.H. ra đứng bên cửa sổ, nhìn xuống thành phố lấp lánh dưới ánh đèn. Choáng ngợp trước vẻ đẹp lộng lẫy của đêm Matxcova, choáng ngợp vì nhiều cảm xúc mơ hồ, lẫn lộn, choáng ngợp với những dự cảm về một tương lai còn chưa rõ nét nhưng chính vì vậy mà lại có vẻ đẹp huyền bí đến nao lòng. Còn gì rạo rực hơn khi người ta mười tám tuổi, thả hồn bay bổng đến một vùng trời mà mọi mơ ước đều được phép, một vùng trời bí ẩn có cái tên gọi rất quyến rũ là Tương Lai.

Tìm trong nỗi nhớ

Chương 2

Mùa đông bao giờ cũng là mùa cửa hàng vắng khách nhất trong năm. Kỳ nghỉ Noel đến gần, thiên hạ nô nức đi mua sắm quà cáp, các cửa hàng quần áo, giày dép, đồ chơi...ở trung tâm thành phố đông nghịt người. Hiệu sách to đứng bên cạnh cũng kẻ ra người vào tấp nập, nhưng cửa hàng của Lan Chi thì vắng hắt hắt hiu. Văn hóa Á đông không phải là một món quà Noel thích hợp đối với cả người Âu lẫn người Á.

Cả buổi sáng nay cánh cửa ra vào cửa hàng được đẩy ra có năm lần. Đầu tiên, một người Âu vào mua một quyển sách về đạo Phật. Tiếp đến là ba người Á Đông cùng đi với nhau, mua một quyển truyện ở ngăn "văn học Thái Lan". Rồi một tốp năm người Á Đông nữa, cười rất to, tranh luận rất ồn ào (bằng một thứ tiếng mà Lan Chi không hiểu), nhưng không mua gì hết. Sau khi nhóm người này đi ra, cửa hàng rơi vào trạng thái lặng như tờ đến gần một tiếng, rồi có một phụ nữ tóc vàng vào mua một bức tượng gỗ. Đến quá trưa, khi Lan Chi chuẩn bị kết thúc ca làm việc của mình, thì một đôi nam nữ thanh niên đẩy cửa bước vào. chàng trai tóc đen, rõ là dân châu Á. Cô gái

tóc nâu, nhưng mặt mũi cũng không Áu gì hơn. Căn cứ vào hai đĩa nhạc Việt Nam mà họ mua, Lan Chi giả thiết rằng họ là đồng hương của mình. Nhưng vì đã có kinh nghiệm cay đắng nên tất nhiên cô không thốt ra một câu tiếng Việt nào. Đôi thanh niên nhìn cô vẻ dò hỏi, mỉm cười thân thiện, nhưng có thể vì họ cũng có kinh nghiệm cay đắng như cô, hay vì một lý do gì khác mà cô không rõ, họ chỉ trao đổi với Lan Chi vài câu ngắn gọn bằng tiếng Pháp.

Một giờ trưa, Lan Chi bàn giao cửa hàng cho Julie, cô bạn người Pháp làm ca chiều. Cả Lan Chi lẫn Julie đều chọn làm việc theo hình thức "mi-temps", tức là chỉ làm nửa ngày. Làm như vậy thu nhập ít, nhưng lại có thời gian và sức lực để chăm sóc chồng con. Lan Chi chủ trương làm việc "tà tà", vì với cái nghề bán sách của cô, dù có làm cả ngày, hay thậm chí làm cả đêm đi nữa, thì cũng đến thế mà thôi. Đường công danh có gì hứa hẹn đâu mà phải cố.

Về đến nhà, việc đầu tiên của Lan Chi là bật máy vi tính lên. Sau đó, cô mở tủ lạnh nhặt ra vài thứ, đặt vào máy vi sóng cho nóng lại, rồi đem ra bàn làm việc, vừa ăn, vừa dán mắt vào màn hình vi tính.

Trung đã đi làm, ăn trưa ở bệnh viện. Ba đưa con ăn ở trường. Có một mình, Lan Chi chỉ ăn qua quýt vài miếng cho xong chuyện.

Nếu không kể thời gian ngủ mà sáng nào Lan Chi cũng phải rời bỏ với rất nhiều lưu luyến, thì quãng thời gian từ hai giờ chiều đến bốn giờ chiều là quãng thời gian mà cô cho là "xa xỉ" nhất trong hai mươi tư tiếng đồng hồ của một ngày, tức là quãng thời gian mà cô có thể yên tâm dành hoàn toàn cho những sở thích cá nhân của riêng cô.

Ba mươi phút đầu, Lan Chi dùng để xem e-mail, trả lời thư từ, và vào những địa chỉ yêu thích trên Internet để xem bài vở, tin tức. Tuy đã qua cái tuổi dễ bị một ảnh hưởng, nhưng cô vẫn không tránh được cái bệnh dịch thời đại đang lan nhiễm toàn cầu, tức là căn bệnh "nghiện Internet". Ngày nào không mò được vào mạng một chút là cô ăn không ngon, ngủ không yên, cảm giác như là mình bỗng trở thành Robinson sống giữa đảo hoang, bị cắt đứt mọi liên lạc với thế giới loài người. Lòng dạ bồn chồn như thể có biến cố gì vĩ đại lắm đang diễn ra, mà mình lại bị đẩy ra ngoài cuộc, không được ai cho biết.

Có hai bức e-mail nằm trong hộp thư của Lan Chi hôm nay. Bức đầu là của Thanh Hoa. Cô bạn thông báo rằng đến kỳ nghỉ Noel sắp tới sẽ cùng chồng con đi xuống miền Nam trượt tuyết ở vùng núi Alpes, nếu tiện thì lúc về sẽ lái xe đi vòng vài trăm cây số để đến thăm gia đình Lan Chi. "Nếu tiện", cô bạn nhấn mạnh. "Nhất định phải tiện", Lan Chi viết trả lời, bỗng thấy còn lên trong lòng niềm ước muốn được gặp lại cô bạn cũ, để trò chuyện, hàn huyên, kể lể... Hay thậm

chỉ là để không nói gì hết, chỉ khóc một chút thôi cho vơi bớt nỗi lòng. Thanh Hoa là nhịp cầu duy nhất ở đây nối Lan Chi với khoảng trời xưa, với cái thời tuổi trẻ xa quá mà thương quá.

Bức thư thứ hai là của cậu em trai ở Berlin, giục chị đến kỳ nghỉ thì đem lũ nhóc sang Đức chơi với hai đứa em họ ở Đức, cho chúng nó luyện tiếng Việt với nhau, "cố sang nhé, chị hứa nhiều lần rồi đấy!". Lan Chi biết là mình lại phải khát thêm lần nữa. " Năm nay chị không thu xếp đi được. Hay vợ chồng em đem bọn trẻ sang đây chơi?"

Thư từ xong, dạo một vòng qua mấy site Internet, biết thế giới vẫn không có gì đặc biệt, tức là vẫn động đất ở chỗ này, lũ lụt ở chỗ kia, khủng bố ở một (hay vài) nơi khác, các loại tội phạm giết người, trộm cắp... ở khắp mọi nơi, Lan Chi thở dài, gạt ra khỏi đầu một triết lý sáo mòn về nhân tình thế thái mà bao giờ cũng hiện đến với cô ngoài ý muốn, những lúc cô vào Internet đọc tin. Rồi Lan Chi ngắt mạng và nhấn con chuột, mở ra một cửa sổ mới trên màn hình vi tính.

Cái cửa sổ này là bí mật của Lan Chi, nỗi đam mê của cô, niềm hạnh phúc của cô. Cô giấu nó với chồng như người vợ ngoại tình giấu thư của tình nhân. Cô giấu nó với tất cả người quen như một người đàn bà đoan chính giấu thói nghiện rượu hay thói ham cờ bạc của mình. Mỗi ngày, cô chỉ dành cho cái ô cửa ấy chừng một tiếng rưỡi đồng hồ, nhưng đó là những giờ phút cô sống mãnh liệt nhất, hết mình nhất, những giờ phút mà quá khứ, tương lai, hiện tại hòa trộn vào nhau, hiện thực và ước mơ không còn ranh giới. Ở ô cửa này, Lan Chi viết và lưu giữ một bản thảo đang dở dang của cô.

Lan Chi chưa bao giờ là nhà văn. Cô chưa biết nên gọi bản thảo đang viết dở là gì. Nó bắt đầu từ những hồi ức xa xưa, nhưng không hẳn là hồi ký: Lan Chi muốn hình dung lại cái không khí chung của một thời đã sống, chứ không định ghi lại chính xác một trăm phần trăm từng chi tiết, từng sự kiện. Vả lại, Lan Chi không định dừng câu chuyện của mình lại trong quá khứ, cô vẫn còn chưa biết sẽ kéo dài nó đến tận đâu. Thôi thì cứ tạm gọi đó là một cuốn tiểu thuyết tự truyện.

Đây là lần đầu tiên Lan Chi viết tiểu thuyết. Dự định về cuốn tiểu thuyết ấy cô đã ấp ủ rất lâu rồi, nhưng sau khi xóa đi viết lại nhiều lần và bỏ dở nửa chừng, cô chỉ mới thực sự bắt đầu lại cách đây có vài tháng. Cô chưa hề nghĩ đến chuyện mình sẽ gửi in ở đâu (thậm chí có gửi in hay không cũng chưa nghĩ đến), chỉ thấy có sức mạnh vô hình nào cứ thôi thúc mình phải viết. Viết như một sự giải thoát. Viết để sống lại với quá khứ, để nhìn lại con đường đi của mình và bạn bè, một thế hệ mà cô cho rằng có số phận thật là đặc biệt (thực ra,

thế hệ nào mà chẳng coi số phận của họ là đặc biệt?) Và có lẽ còn viết để thực hiện những ước mơ thầm kín mà cô không thể thực hiện được ngoài đời.

Người duy nhất được Lan Chi tiết lộ về cuốn tiểu thuyết này là Thanh Hoa. Chính Thanh Hoa là người đầu tiên đã gieo vào đầu Lan Chi cái ý định viết tiểu thuyết. Từ hồi học cấp ba, cô bạn đã ngưỡng mộ Lan Chi như một " tài năng văn học", vì đợt thi báo tường nào của trường lớp họ cũng giắt giải nhờ những bài thơ vắn điệu du dương của Lan Chi (những câu thơ đại loại như "Con đường mờ sương ngày ta đi học", hay "Làn tóc em bay, mát cả trời chiều"... một thời đã khiến cho các cậu con trai trong trường ra ngẩn vào ngơ, chốc chốc lại tìm dịp nhìn trộm nữ thi sĩ một cái, - của đáng tội, không có thơ thì cũng đã khỏi người muốn liếc trộm cô rồi). Trong một lần ngồi trò chuyện với nhau, nhắc đến bạn bè giờ đây chỉ có vài đứa còn ở trong nước, còn thì tung tán khắp mọi nơi, Nga, Pháp, Anh, Đức, Mỹ, Nhật... nơi nào cũng có, Thanh Hoa chột buột miệng nói: "Tao mà có tài như mày thì tao sẽ viết một cuốn tiểu thuyết về thế hệ bọn mình. Mà sao mày không viết đi, tha hồ lảm chuyện giắt gân."

Vậy là Lan Chi viết tiểu thuyết. Viết một cách giấu giếm vì cô không muốn trở thành lố bịch dưới mắt người đời (đặc biệt là dưới mắt chồng). Thời buổi này tiến sĩ tâm lý học đi bán sách thì chẳng ai ngạc nhiên, chứ cô bán sách mà lại viết tiểu thuyết thì đúng là làm trò cười cho thiên hạ.

Đúng bốn giờ chiều, chuông đồng hồ reo vang, Lan Chi rời máy vi tính đứng dậy nhưng mắt vẫn mơ màng như người chưa tỉnh ngủ. Cô phải đặt chuông đồng hồ, nếu không thì thế nào cũng mê mải viết mà quên đi giờ giấc. Cô dành nửa tiếng để dọn dẹp nhà cửa trước giờ đi đón con ở trường. Nửa tiếng ấy cũng là để cho Lan Chi hồi tỉnh, bứt ra khỏi cái trạng thái như người lên đồng mà cô thường có trong khi viết, để trở về với hiện thực. Kỷ luật này Lan Chi đặt ra cho mình sau một lần suýt phải trả giá đắt: lần ấy, quá ham viết, cô ngồi lỳ trước máy vi tính cho đến tận bốn giờ rưỡi mới hốt hoảng bật dậy chạy đi đón con, và vừa đi vừa chìm trong dòng suy nghĩ như một kẻ mộng du, cô đã lững thững bước qua đường giữa lúc chưa có đèn xanh cho người đi bộ. Nếu người lái chiếc xe ô tô hôm ấy không phanh kết lại kịp thời (kèm theo một câu gắt gỏng), thì có lẽ giờ đây ba đứa con cô đã mồ côi mẹ.

Lan Chi đến trường mẫu giáo đón hai bé sinh đôi trước, rồi dẫn hai đứa sang trường tiểu học đón cu Nam. Bốn mẹ con thông thả đi bộ về nhà. Không ai chạy như lúc sáng nữa, vì bây giờ chẳng có gì mà

vội. Vả lại, sau một ngày ở trường cả ba đứa trẻ đều đã thấm mệt. Mới quăng năm giờ chiều mà trời đã xâm xẩm tối. Thành phố bắt đầu lên đèn. Còn hơn chục ngày nữa mới đến Noel, nhưng phố xá đã chẳng đèn kết hoa rực rỡ. Gió thổi vù vù làm những chuỗi dây đèn màu chao đi đảo lại. Trời lạnh buốt, bốn mẹ con bước co ro, chỉ mong chóng về đến nhà. Vẫn là con đường đi buổi sáng, mà sao như dài ra gấp đôi. Lan Chi bỗng thấy thềm một vài bông tuyết rơi, thật nhẹ, thật mềm, để xóa mờ đi cái vẻ nghiệt ngã của thành phố mùa đông mà tất cả những chùm đèn lấp lánh kia cũng không sao làm dịu được.

Mùa đông năm nay thật lạ. Trời lạnh đến thế rồi mà sao vẫn chưa có tuyết rơi?

Tìm trong nỗi nhớ

Chương 3

Tuyết rơi nhiều, rất nhiều, mùa đông năm ấy ở Matxcova.

Đầu tháng mười một, tuyết bắt đầu rơi, như thường lệ năm nào cũng vậy. Tinh khiết và dịu dàng, những bông tuyết đầu mùa rơi thật chậm trong không trung, lượn lờ mãi rồi mới thông thả ngập ngừng đáp xuống. Đất và trời hòa lẫn vào nhau trong một màu trắng muốt tinh khôi.

Nhưng rồi tuyết cứ rơi mãi, mỗi lúc một hồi hã hơn, dạn dĩ hơn, đão dễ hơn. Rơi như không có cách nào ngừng lại được. Từ ngày này qua ngày khác, từ tháng này qua tháng khác, từ phố này qua phố khác..., người ta có cảm giác như không đi đâu cho thoát nỗi cái màu trắng ấy, đơn điệu đến mức tẻ ngắt, buồn bã đến độ thê lương.

Đó là một mùa đông khắc nghiệt của tôi. Tôi bước vào năm cuối đại học. Kỳ thi tốt nghiệp đến gần, và lấp ló ngay sau đó là ngày về nước. Đi cùng với khái niệm "về nước" là khái niệm "gửi hàng biển". Đi cùng với khái niệm "gửi hàng biển" là khái niệm "magazin". Vấn đề nan giải đặt ra là làm sao có đủ thời gian để vừa học thi và làm luận văn tốt nghiệp, vừa đi magazin kiểm đồ lấp cho đầy thùng hàng sẽ được gửi về nước bằng đường biển. Sau một mùa đông hót hải chạy trên những con đường ngập tuyết theo lộ trình "trường-thư viện-cửa hàng-nhà", người cứng đờ vì lạnh, ê ẩm vì những cú trượt chân, tuyết đọng trên má, trên mi và táo tợn chui vào tận cổ..., tôi thôi không làm thơ về những bông tuyết dịu dàng trong trắng nữa. Và cứ nghe nói đến từ magazin là ngao ngán cả người.

Thậm chí cho đến tận mấy năm sau, cứ nghe nhắc tới từ magazin là tôi vẫn còn thấy chóng mặt. Thấy hiện lên trước mắt những cửa hàng rộng thênh thang hàng ít, người nhiều. Thấy hàng trăm con người nhẩn nhục đứng chờ từ giờ này sang giờ khác trong giá lạnh, xếp thành những cái đuôi rồng rắn để đến vài cây số. Thấy những cảnh ẩu đả loạn xạ ngẫu, võ mồm và võ tay chân, trên cái nền là một bản hợp âm nhiều thứ tiếng (Việt, Nga và gì gì nữa), nhiều thứ giọng (đanh đá, hăm dọa, than thở, phân bua và gì gì nữa)...., tất cả là để bảo vệ chỗ đứng chính đáng của mình trong hàng, để duy trì niềm mơ ước cũng vô cùng chính đáng là một cái âm điện. Thấy nụ cười

khoái trá một cách độc ác của cô bán hàng trước sự tên tò, thất vọng của đám dân đen khi bỗng nhiên nghe người nắm trong tay niềm mơ ước của mình đồng dục tuyên bố: "Hôm nay thôi không bán nữa!"

Thấy mình thiếu não ra về, mặt mũi bơ phờ, nhân cách tơi tả...

"Chiến hữu" gần gũi nhất của tôi, người luôn luôn kề vai sát cánh với tôi trong những chiến dịch "đánh quả" là T.H. Đó là cô bạn gái thân từ hồi học cấp ba, đến khi sang Nga thì hai đứa lại may mắn được học cùng trường (tuy khác ngành nhau). T.H. nhanh nhẹn, xông xáo hơn tôi, cho nên cô giữ vai trò thủ lĩnh trong mọi "phi vụ thương mại" mà chúng tôi thực hiện. Nhưng cô cũng gầy và nhỏ như tôi, nên mỗi khi may mắn "trúng quả" thì hai đứa đều thờ không ra hơi lúc chuyên chở chiến lợi phẩm về. Hồi đó bọn tôi nghèo lắm, toàn lấy công làm lãi, đâu dám động tí tiền ra đi taxi như những lớp sinh viên về sau. Mùa đông, đường thật trơn, gió thật lạnh, tay xách nách mang, hai đứa đi lò dò như ríu vào nhau, chỉ sợ ngã. Nhưng ngã còn không đau bằng thỉnh thoảng bắt gặp những cái nhìn thiếu thiện cảm của dân Nga ném vào mình. Chạm trán các đấng mày râu đồng hương, cũng còm và làm thân ngựa thồ như mình, thì chẳng hy vọng gì được họ giúp, mà còn phải nghe họ chót nhả: "Xinh thế mà sao không có anh nào giúp?"

Ừ, sao không có anh nào giúp? Lũ bạn gái cùng trường bảo tôi và T.H. khổ vì quá kiêu, bao nhiêu thằng theo, sao không nhận đại một thằng làm bồ để nó đi đánh quả hộ cho khỏi nhọc thân. Thì ai chả biết rằng làm thân con gái đã muốn đánh quả mà không có bồ là rất thiệt. Nhìn chị em phụ nữ ở đây thì thấy ngay, người nào có bồ thật đúng như có cánh. Bàn là, nồi hầm... cứ tự dưng bay vèo vèo về nhà.

Nhưng "nhận đại" thì tôi và T.H. chịu không làm được. Thâm tâm cũng muốn có bồ, nhưng trong đám con trai lượn lờ xung quanh, chẳng thấy ai làm mình rung động. Hai đứa đều được coi là xinh xắn, dễ thương, nhưng học đến năm cuối đại học rồi, bạn gái có đứa đã thay đến bồ thứ ba, mà tôi với T.H. thì vẫn "trơ thổ địa".

Một trong những vệ tinh lượn quanh tôi dai dẳng nhất hồi ấy là T., thường được bạn bè gọi là T. "ủng", còn bản thân anh ta thì luôn tự giới thiệu mình bằng tên kép như nghệ sĩ là S.T.

T. hơn tôi bốn tuổi, là nghiên cứu sinh ngành kinh tế. Đẹp trai, dân Hà Nội gốc ba đời là ít (bố mẹ anh ta có cửa hàng buôn bán rất phát đạt ở khu Hàng Ngang, Hàng Đào), chỉ riêng hai ưu điểm ấy đã đủ để T. lọt vào mắt xanh của nhiều cô gái. Một ưu điểm cực kỳ quan trọng nữa của T. là anh ta rất giàu (cái này khiến nhiều chị em chết

hắn!). Giàu vì được hưởng lộc nhà thì đã đành, nhưng anh ta còn giàu thêm gấp nhiều lần do tài làm kinh tế. Đó là một nhà kinh tế bẩm sinh mà ảnh hưởng rất đậm nét trong hoạt động thương mại của sinh viên Việt Nam ở Nga lúc bấy giờ: anh buôn gì là nhân dân ào ào buôn theo. Từng là trùm buôn "sâm bổ thận" (nhà anh ta có thời giống như kho chứa hàng của xí nghiệp dược phẩm, thuốc "bổ thận" xếp chót vót đến tận trần), T. lại là người đầu tiên đánh hơi thấy rằng mặt hàng này đã bão hòa trên thị trường Nga. Trong lúc nhiều người còn lóc cóc vác thuốc "bổ thận" từ Việt Nam sang Nga, để rồi ế chông ế trơ tiếc của đành đem ra tự uống (hậu quả thế nào có trời mà biết được!), thì T. đã nhanh nhẹn chuyển sang lĩnh vực khác: anh ta trở thành người đi tiên phong trong việc buôn bao cao su, mặt hàng của thời kỳ "hậu bổ thận". Chính vì phát hiện ra mặt hàng bao cao su này mà T. được gọi là T. "ủng", chứ anh ta hoàn toàn không có quan hệ gì với loại giày cao cổ đi mưa.

Tôi không hiểu sao một người như vậy lại mê tôi, một đứa con gái chẳng có gì đặc biệt (thực lòng, tôi biết mình cũng dễ thương, nhưng trong số con gái mê anh ta có cô còn xinh hơn tôi), đã thế còn hết sức lớ ngớ trong chuyện làm ăn. Bạn gái thì bao nhiêu đứa bảo: "Gật nhanh đi kẻo hết rồi lại tiếc". Đến T.H., tuy không tỏ thái độ vun vào, cũng nói: "Mày mà lấy T. thì đúng là chuột sa chĩnh gạo nhé".

Nhưng tôi không chịu được T. Không chịu được cái vẻ đẹp trai trơ trẽn và lộc lõi của anh ta. Không chịu được cái lối cười hơ hớ vừa tự mãn, vừa khả ố của anh ta. Không chịu được cái thói suồng sã, gặp con gái chưa quen biết gì mà đã xưng "anh, em" xoen xoét.

Phải công nhận là T. rất kiên nhẫn với tôi. Dù cho tôi đã nói hết sức thẳng thắn về tình cảm của mình, dù cho anh ta cực kỳ bận với các hoạt động kinh tế, T. vẫn đều đặn một tuần một buổi đến thăm tôi rất đúng lịch. Lần nào đến thăm anh ta cũng có hai thứ quà, lãng mạn và hiện thực: nước hoa thì đi cùng bàn là, sôcôla thì cặp đôi với ấm điện. Ngày mừng 8 tháng 3 năm trước, anh ta mang tặng tôi một bó hoa hồng to tướng, kèm theo một cái nồi hầm. Tất nhiên, bao giờ tôi cũng tìm cách từ chối lịch sự nhưng kiên quyết. T. chẳng hề chạnh lòng, không nhận thì thôi, anh ta gói lại cẩn thận để mang về, rồi thản nhiên ngồi nói chuyện như không có việc gì xảy ra (và lần sau đến lại tiếp tục mang theo quà khác). Tán chuyện cũng là một cái tài của T., mồm anh ta dẻo quẹo quẹo, ngồi mấy tiếng cũng không hết chuyện. Đối với tôi, ngồi tiếp chuyện T. quả là một cực hình, nhưng may quá cực hình đó không kéo dài lắm. Tôi nhanh chóng nhận ra lịch đến thăm của T.: tuần nào cũng đúng tối thứ sáu. Thế là tôi chỉ việc đi

lánh nạn sang nhà T.H. vào tối thứ sáu hàng tuần. Sau nhiều lần đến hụt, để lại những mẩu giấy đầy tình cảm (âu yếm, trách móc như đã là gì của nhau!), T. có thử đến thăm tôi một cách thất thường, không theo lịch, và bắt gặp tôi ở nhà được vài lần. Nhưng hình như việc đi thăm tôi thất thường như vậy là quá sức đối với T., một nhà kinh doanh mà thời giờ hết sức khít khao và kế hoạch đã lên trước đến cả tháng. Thành thử những chuyến viếng thăm của anh ta cuối cùng thừa dần đi, chỉ còn được ở mức khoảng mỗi tháng một lần.

Thời ấy, T.H. cũng thường được hưởng những chuyến viếng thăm đều đặn như tôi, nhưng cây si trung thành của cô là một đối cực của T "ủng". Không dám nói là quy luật, nhưng tôi nghiệm ra rằng những chàng đáo để đôi khi hay mê những cô gái hiền hiền, nhà lành, còn ngược lại những chàng lành như bụt thì cứ thấy các cô gái sắc sảo là y như rằng bị hút hồn, không tránh vào đâu được. Tội nghiệp Q., anh hoàn toàn như bị thôi miên, không còn sức kháng cự trước cô bạn thông minh, lém lỉnh của tôi.

Q. bằng tuổi tôi và T.H., học cùng năm, cùng trường, nhưng khác khoa. Anh cũng đẹp trai, nhưng là một vẻ đẹp trí thức hơi "cây cảnh". Anh cũng nổi tiếng lầy lùng như T. "ủng", nhưng không phải vì tài làm ăn, mà vì học giỏi. Q. đã từng được giải cao trong một kỳ thi toán quốc tế, tên và ảnh của anh có thời đã từng xuất hiện trên nhiều tờ báo lớn nhỏ ở Việt Nam. Với những chi tiết có thật và không có thật về Q., báo chí đã làm cho anh trở thành một nhân vật gần như huyền thoại trong giới sinh viên, anh đi đến đâu là con gái ở đấy đổ xô ra xem mặt. Nhưng bụt chùa nhà không thiêng, tuần nào T.H. cũng được nhìn mặt Q. ít nhất là vài lần rồi, nên cô không thấy ở anh có gì là huyền thoại cả.

Thực tình, tôi thấy Q. có rất nhiều ưu điểm. Anh không chỉ học giỏi mà còn có máu nghệ sĩ, đàn ngọt, hát hay. Hội diễn văn nghệ nào của trường mà không có Q. lên sân khấu thì đám con gái bỏ về đến một nửa. Có lần tôi nói với T.H., nửa đùa nửa thật: "Tao không hiểu mày còn chê gì nữa. Tao mà là mày thì đã đổ từ lâu." T.H. trả lời tỉnh bơ: "Thằng này còn non lắm, phải dạy dỗ nhiều mới cho đi lấy vợ được." Tôi biết, trong thâm tâm T.H. cũng quý Q., nhưng gọi là tình yêu thì chưa phải, hoàn toàn không phải. Cho nên cô cứ để lửng lơ con cá vàng mãi, không từ chối mà cũng chẳng nhận lời. Nói đúng ra thì cũng có lời gì mà nhận đâu, Q. chưa bao giờ đủ can đảm thốt lên một câu tỏ tình với T.H. Lỗi chính là tại T.H. thôi: với loại nhát gái tầm cỡ như Q. mà T.H. lại nhất quyết không chịu bật đèn xanh thì đời nào anh dám tiến.

Vậy là trong khi tất cả sinh viên Việt Nam ở Matxcova đều biết là Q. chết mê chết mệt vì T.H., thậm chí thỉnh thoảng có người gặp anh còn hỏi thăm "bao giờ cưới", Q. vẫn không hề dám thổ lộ với T.H. về tình cảm của mình. Cứ vài tối anh lại đến thăm cô một lần, sau mấy câu đáp ứng hỏi thăm sức khỏe, bàn chuyện thời tiết, anh bèn ngồi vào bàn giờ báo ra đọc. Bao giờ T.H. cũng để sẵn trên bàn một chồng báo dày cộp, "cho hấn có việc mà làm". Đọc hết xấp báo, uống xong bốn cốc nước chè to tướng (T.H. phải đổ thêm nước ít nhất là hai lần vào bình trà), Q. nhìn quanh quất dường như để tìm xem có có gì ngồi thêm nữa không. Vì việc tìm cái có này đối với Q. cũng khó ngang việc kiếm hàng "độc" ở Matxcova thời ấy, cho nên nói chung Q. thường phải ngậm ngùi đứng dậy ra về sau cốc nước chè thứ tư, miệng lí nhí vài lời "chúc ngủ ngon nhé".

Thỉnh thoảng tôi cũng gặp Q. trong những tối sang nhà T.H. để tránh mặt T. "ủng". Bình thường, đi tán gái mà lại gặp phải bạn gái của đối tượng ngồi lù lù ra ở đấy thì ai chẳng bức mình (còn làm ăn gì được nữa!), nhưng Q. thì ngược lại: anh có vẻ thoải mái hẳn lên với sự có mặt của tôi.. Chưa đủ bản lĩnh để mặt đối mặt với ý trung nhân, khi chỉ có một mình với T.H., dáng điệu Q. cứ như người xấu hổ vì có ba tay bốn chân thừa thãi quá không biết để đâu. Tấm thân mét bẩy của anh cứng đờ ra mỗi khi chạm phải ánh mắt tinh quái của nàng. Cái không khí căng thẳng này được phá vỡ với sự xuất hiện của một người thứ ba: thần kinh của Q. được giải tỏa khỏi trạng thái ức chế. Chồng báo bị bỏ rơi, trà chỉ nhấp vài ngụm rất phong thái con người lịch lãm, óc hài hước được phát huy hết sức triệt để, Q. trở nên dạn dĩ hẳn, đến mức đã vài bận dám liếc mình nhìn thẳng vào mắt nàng một cái (công nhận là một cái nhìn hầy còn ngấn, và chưa thể hiện được hết độ sâu tình cảm, nhưng như vậy đã hứa hẹn lắm rồi). Nói chung là tình hình tỏ ra có rất nhiều triển vọng. Từ lúc nào không biết, tôi nhận thấy mình đã bắt giắc trở thành đồng minh của Q.: tôi đâm ra mến anh và rất muốn tác thành anh với cô bạn thân nhất của mình.

Những buổi tối ngồi nói chuyện trong căn phòng ấm áp của T.H. thật thoải mái, dễ chịu, nhưng đề tài rồi cũng đến lúc cạn dần. Từ chuyện hài hước đến chuyện nghiêm chỉnh, từ tình hình chính trị Việt Nam và quốc tế đến tình hình buôn bán của dân ta ở Nga..., tóm lại, chỉ còn thiếu mỗi đề tài tình yêu thôi, còn thì không đề tài nào là không được lôi ra phân tích hết sức kỹ lưỡng. Q. bắt đầu rơi vào tình trạng phải đối đầu với nguy cơ lặp lại những điều "biết rồi, khổ lắm, nói mãi". Hoặc là đành trở về với chồng báo mà ít lâu nay đã bị lãng

quên. Cả hai nguy cơ này đều đe dọa những thành quả rất đáng khích lệ đã đạt được.

Thêm nữa, căn phòng của T.H. ẩm thì có ẩm, nhưng trong khi chưa chuyển sang được giai đoạn "hai trái tim vàng", thì khung cảnh lâu dần dần trở nên đơn điệu. Không thể trông chờ bất cứ một sự thăng hoa tình cảm nào diễn ra ở đây.

Q. nhận thấy rằng thời cơ đã chín muồi cho một cuộc nhảy vọt mới về chất. Anh quyết định rủ T.H. đi xem phim.

Sau ba lần rình dợt trên con đường đi học quen thuộc của T.H. để "tình cờ" gặp nàng một mình, sau ba lần ném cho nàng một cái nhìn theo dự định là dài và đăm đúi, nhưng không hiểu sao lại biến thành một cái cụp mắt hướng xuống đất quá nhanh, sau ba lần lời mời đi xem phim (đã ôn luyện trước cả đêm) tự dưng biến thành một câu hỏi ngớ ngẩn và ấp úng "T.H. đi đâu đấy?", Q. hiểu rằng thời cơ vẫn chưa chín muồi cho một cuộc đi xem phim chỉ có nàng và anh, vai kề vai, mặt đối mặt. Anh bèn gọi điện thoại cho tôi.

Sứ mệnh lịch sử mà Q. muốn giao phó cho tôi thực ra rất đơn giản: tôi phải chuyển hộ Q. lời mời đi xem phim đến T.H., đồng thời chính tôi cũng là người được mời đi. "Mình sẽ rủ thêm mấy thằng bạn nữa, -Q. bảo, - cả hội sẽ cùng đi cho vui, còn lúc về thì mình sẽ đi tiễn T.H".

Kế hoạch như vậy là đã được suy tính khá chặt chẽ. Tôi thực hiện nhiệm vụ của mình không chút khó khăn. Gì chứ chuyện vui chơi giải trí thì cô bạn tôi rất ít khi từ chối, nhất là khi có tôi cùng tham dự.

Điểm hẹn để cùng xuất phát là trước cổng B của tòa nhà chính trường bọn tôi. Khi tôi và T.H. đến nơi thì Q. đã có mặt ở đó, dáng điệu không giấu được vẻ bồn chồn. Tôi nhận thấy cái gọi là "mấy thằng bạn" của Q. thực ra chỉ là một nhân vật không dưới 1m75, mái tóc bờm xờm nuôi ít ra đã được ba tháng, ánh mắt tò mò hướng về T.H. và nụ cười tủm tỉm cho thấy đây là một người ý thức rất rõ về vai trò ông mối của mình. Q. giới thiệu: "K., bạn mình, học bên trường kiến trúc."

Q. chọn một rạp chiếu bóng khá xa trường, hẳn là do đặt nhiều hy vọng vào màn "đưa em về trong tuyết lạnh". Phải chuyển tuyến tàu điện ngầm hai bận, đi mất chừng bốn mươi phút mới tới được rạp. Hai tiếng đồng hồ ngồi trong rạp trôi nhanh, rất nhanh đối với Q., lần đầu tiên được ngồi bên nàng cùng xem một bộ phim tình yêu khá lâm ly.

Đường về, chúng tôi đi cùng một đoạn rồi phải chia đôi ngã, vì T.H. và tôi tuy học cùng trường nhưng sống ở hai ký túc xá khác nhau.

Mạnh dạn một cách đáng ngạc nhiên (chắc là do tác động của bộ phim vừa xem), Q. nhận đưa T.H. về, và đương nhiên, theo phép lịch sự, K. nói sẽ đi tiễn tôi. Giờ G. đã điểm, chúng tôi tạm biệt nhau, và không ai bảo ai, tôi và K. cùng gửi cho Q. một cái nháy mắt tinh nghịch.

K. tiễn tôi về. Đọc đường anh bảo: “Q. tính hay lắm đấy, phải cái mê cô bạn của L.C. quá rồi thành ra cứ như thằng mất hồn, mà cái cô T.H. này xem chừng nói năng đáo đả ra phết nhỉ, cô ấy thương cho thì thôi, chứ muốn hành kiểu gì thì thằng Q. cũng phải chịu.” “T.H. dễ thương lắm, - tôi cãi, - mồm miệng nó loe toe như vậy, chứ nó rất tốt bụng và tình cảm.” “Q. thực sự là loại thiên tài hiếm có đấy, -K. tiếp, - cô nào vớ được nó thì bằng trúng số độc đắc.” “Thì T.H. cũng lắm tài, - tôi lại nói, - cả thành phố này kiếm được một đứa con gái tài sắc vẹn toàn như nó chẳng phải dễ đâu.” Câu chuyện cứ thế tiếp tục. K. khen Q. hết lời, tôi khen T.H. hết lời, cuối cùng chúng tôi nhất trí với nhau ở chỗ mong sao cho trai anh hùng chiếm được trái tim của gái thuyền duyên.

Hết chuyện người đến chuyện mình. Tôi được biết K. cũng là người Hà Nội như tôi. Anh đã tốt nghiệp đại học từ năm ngoái, hiện là nghiên cứu sinh năm thứ nhất ở trường kiến trúc. Thấy tôi bảo học ngành tâm lý, K. kêu sợ quá, kiểu này mình nghĩ gì L.C. biết hết phải không? “Việc gì mà sợ, -tôi cười, - cây ngay đâu có sợ chết đứng, nếu K. không nghĩ gì xấu thì chẳng có gì phải lo.” “Biết thế nào là tốt là xấu,- K. nói,- tốt xấu nhiều khi phụ thuộc vào quan niệm của mỗi người”. Sực nhớ mình đang phải làm một cuộc điều tra xã hội học về "quan niệm tình yêu và hôn nhân" để lấy tài liệu cho luận văn tốt nghiệp, tôi bèn hỏi K. có nhận phát giùm tôi khoảng vài chục tờ anketa cho các bạn trai của anh được không. K. đồng ý ngay. Chúng tôi thỏa thuận là K. sẽ phát hộ tôi hai mươi tờ, cho các sinh viên hoặc nghiên cứu sinh nam độ tuổi từ 20 đến 25, nếu được mười người Việt và mười người Nga là tốt nhất.

K. đưa tôi lên đến tận phòng để nhận anketa. Tôi cảm ơn anh rồi tiễn anh ra thang máy. Trong lúc đợi thang máy, K. bảo tối nay đi xem phim vui quá nhỉ, có khi lần sau thì lại đến lượt mình phải nhờ Q. mời L.C. và T.H. đi xem phim mới được. “K. cứ phát anketa hộ mình đi cái đã, chuyện xem phim sẽ bàn sau”, tôi nói. K. định đáp lại điều gì, nhưng thang máy đã đến, anh bước vào, mỉm cười và chào tôi "hẹn gặp lại". Cánh cửa tự động đóng sập ngay tức khắc, mang theo nụ cười rất tươi của anh. Tôi nhận thấy K. có nụ cười thật dễ thương. Đúng hẹn, một tuần sau, K. đến tìm tôi để đưa cho tôi tập anketa đã

điền câu trả lời. Thay vào hai mươi tờ như tôi chờ đợi, K. chỉ chìa ra được có năm tờ.

- Tại mấy thằng bạn mình ầu quá, - K. thanh minh, - đã hứa như đinh đóng cột là chậm nhất chiều nay sẽ đưa, vậy mà cuối cùng thằng thì quên, thằng thì biến đâu mất hút, chịu không tìm ra được. Vì đã hẹn nên mình phải đến kéo L.C. lại trách. Thôi, nhất định lần sau mình sẽ mang đến đủ những tờ còn lại. Còn bây giờ có cái này để đền cho L.C. đây.

Nói rồi, K. chìa ra một bông hoa. Chỉ một bông hoa thôi, chứ không phải cả một bó to đùng như T. "Ủng" tặng tôi hồi trước, nhưng đó là một bông hồng nhung tuyệt đẹp. Trên cái cọng rất thẳng và cứng cáp là một cái nụ vừa mới chớm chín hé nở thành hoa, đỏ thắm và óng ả, thật hợp với lọ hoa xinh xinh của tôi. Mọi lời trách móc của tôi tiêu tan hết, tôi chỉ còn biết mỉm cười và cảm ơn K.

Ngồi nói chuyện trên trời dưới biển thế nào mà ba tiếng đồng hồ trôi vèo qua chẳng ai kịp nhận thấy. Đã đến lúc K. phải ra về. Chia tay, anh hứa đi hứa lại mấy lần là nhất định tuần sau tôi sẽ có đủ các bản anketa mong đợi.

Một tuần nữa trôi qua. Vào buổi tối mà K. hẹn đến, tôi nhận thấy mình nhấp nhồm đứng ngồi không yên trước đó cả tiếng đồng hồ. Chốc chốc lại đứng dậy nhìn qua cửa sổ hoặc vểnh tai lên khi nghe thấy tiếng ồn của thang máy, tiếng bước chân ngoài hành lang. Đúng tám giờ có tiếng gõ cửa. Tôi ra mở cửa và thấy trước mắt mình là một bông hoa. Một bông hồng nhung tuyệt đẹp vừa hé nở, đỏ thắm và óng ả, thật hợp với lọ hoa xinh xinh của tôi.

- Sao, lại lỡ hẹn nên phải đền lần nữa à? - Tôi vừa cười vừa hỏi.

- Chiu L.C. thật, đúng là nhà tâm lý học, chỉ cần nhìn hoa là đoán ngay được tội lỗi của kẻ tặng hoa. Lần này mình chỉ đem thêm được tám tờ nữa thôi. Tại mấy thằng bạn mình ầu quá... - K. lại bắt đầu thanh minh, nội dung không có gì mới hơn là những lý do lần trước. Bông hồng được đem cắm ngay vào lọ, thay cho bông hôm nọ đã bắt đầu tàn mà lúc trước tôi còn lưu luyến chưa muốn bỏ đi. "Lọ hoa đẹp thế này thì phải luôn luôn có hoa tươi mới xứng", K. bảo.

Hai ngày trước buổi hẹn lần thứ ba với K., tôi được biết là đúng buổi tối hôm đó tôi sẽ không rảnh. Ông thầy của tôi bảo tôi đến làm việc với ông vào buổi chiều, sau đó ở lại ăn cơm luôn với gia đình ông buổi tối. Lý do là vì nhân dịp một giáo sư người Anh cùng chuyên môn với thầy trò tôi đang dự hội nghị ở Matxcova, ông thầy tôi có mời vị giáo sư này đến nhà ăn tối, và ông muốn tôi có mặt để tham gia câu chuyện.

Tôi gọi điện thoại cho K. để đổi lại ngày hẹn. Tìm mãi không thấy ngày nào thích hợp, hôm tôi rảnh thì K. bận, lúc tôi bận thì K. rảnh, mà đợi thêm một tuần nữa thì cả tôi và K. đều không muốn. Cuối cùng chúng tôi thỏa thuận là vẫn giữ nguyên ngày cũ, nhưng thay vào việc đến nhà tôi buổi tối thì K sẽ đợi tôi ở ga tàu điện ngầm "Thư viện Lenin". Buổi chiều tôi phải đọc tài liệu ở thư viện đó, đến năm giờ rưỡi thì có hẹn ở nhà thầy giáo. Về phần K., quãng bốn rưỡi năm giờ chiều anh cũng có việc đi về phía này. Vì vậy, chúng tôi hẹn nhau vào lúc năm giờ kém mười lăm ở trước cửa ga tàu điện ngầm ấy để K. trao tập anketa cho tôi, xong xuôi tôi vẫn còn hơn nửa tiếng đồng hồ, đủ thời gian thông dong đến nhà ông giáo (cũng nằm trên tuyến đường đó, chỉ cách có vài bến tàu). "Liệu có phải để lại vài tờ đến lần sau không?", tôi hỏi qua điện thoại, nửa đùa nửa thật. "Đừng lo, sẽ thanh toán dứt điểm lần này. Lần sau thì để dành cho chuyện khác", K. trả lời.

Chúng tôi đến chỗ hẹn gần như cùng một lúc. Khi tôi đang đi về phía cửa ga thì thấy K. từ trong ga đi ra. Nhìn thấy trong tay anh không có hoa, tôi cười bảo:

- May quá, không mang cái gì để đền thế này thì chắc là đã có đủ anketa?

- Không phải vậy đâu. Mình không mang hoa tặng L.C. là vì biết L.C. phải đến nhà ông thầy ngay nên không tiện, chứ chuyện này chẳng liên quan gì đến mấy tờ anketa cả.

- Vậy K. có mang được đủ tất cả các tờ còn lại cho mình không? - tôi hỏi.

- Có chứ, - K. trả lời, tay lục lọi trong cặp, - tức là chỉ còn thiếu một tờ thôi.

- Lại thiếu một tờ? Chắc vẫn còn một thằng bạn ầu quá!

- Không, bọn bạn mình lần này chu đáo hết ý, chẳng có thằng nào ầu cả, - K. cười hì hì trả lời. - Thiếu một tờ, nhưng là một tờ có thể giải quyết ngay tại chỗ, tức là tờ của mình ấy mà. Mình sẽ điền anketa cho L.C. ngay bây giờ đây.

K. hỏi nhà ông thầy tôi ở chỗ nào. "Phố Arbat", tôi đáp. "Mình cũng có việc phải đi về hướng đó, - K. nói như reo lên, - vậy mình sẽ điền anketa cho L.C. lúc ngồi đợi tàu và trong khi tàu chạy."

Chúng tôi cùng đi vào ga. K. ngồi viết hí hoáy trong lúc đợi tàu, vẻ mặt rất tập trung khiến tôi không dám nói chuyện. Tàu đến, K. ngẩng lên, tôi hỏi anh đã làm xong chưa. "Còn một câu cuối cùng thôi", K. đáp.

Giờ cao điểm, trong tàu đông nghẹt người. Có chỗ đứng là may, hy

vọng gì viết lách được. K. bảo: “Mình sẽ viết nốt khi xuống tàu, được không?” “Tất nhiên là được”, tôi trả lời.

Tàu đến nơi. Chúng tôi đi ra. K. rút tờ giấy, viết thêm vài chữ rồi đưa cho tôi và bảo: “L.C. đọc hộ mình xem đã đạt yêu cầu chưa?” “K. điền câu trả lời thế nào chẳng được, làm gì có chuyện đạt hay không đạt ở đây”, tôi đáp. “Thì L.C. cứ đọc thử xem, biết đâu có câu hỏi mình hiểu sai thì còn chữa lại được kịp thời”, K. nhất quyết nài.

Tôi vừa đi vừa đọc, K. đi theo. Rẽ vào phố Arbat thì tôi đọc đến câu hỏi thứ năm: Mẫu người yêu lý tưởng của bạn? Có ba câu trả lời cho sẵn để lựa chọn và một dòng thứ tư để trống cho người làm test tự viết ý của mình, nếu cảm thấy không thích hợp với cả ba câu trả lời trên. Tôi đọc thấy tên tôi ở dòng thứ tư, viết bằng nét chữ to và đậm: L.C.

Có lẽ chỉ có tuổi sinh viên cách đây hai mươi năm mới tỏ tình ngây thơ và vòng vo như vậy. Có lẽ, chỉ cần thêm vài năm nữa, nếu một tờ giấy như vậy rơi vào tay tôi thì tôi sẽ dứt khoát coi đó là một trò đùa ngớ ngẩn. Có lẽ, vào ngay thời điểm này, nếu người trao cho tôi tờ giấy là T. “ủng” chứ không phải là K, thì lập tức anh ta sẽ bị tôi cười khẩy vào mặt và dán ngay cho cái nhãn “lố bịch” to tướng. Nhưng lúc này đây, ở bên tôi là K., căng thẳng, đợi chờ và hơi hốt hoảng, hết như một chú bé vừa mới đánh liều châm vào ngòi nổ của quả pháo đùng. Sự hốt hoảng của K. lan sang tôi.

- Sao K. lại viết thế? - Tôi lúng búng nói một câu thật vô nghĩa, giọng hơi lạc đi.

Giọng nói của K. cũng lạc đi không khác gì tôi:

- Tại vì, tại vì... anh yêu em, - anh nói như hụt hơi.

Chúng tôi dừng lại bên một cây đèn lồng. Tôi ngược mắt nhìn K., đầu óc rối loạn, chưa biết đáp lại thế nào thì anh đã cúi xuống, đôi môi kề sát miệng tôi. Câu nói chưa kịp thốt lên vụt tắt ngấm, người tôi như tan đi trong một cái hôn dài.

Khi tôi mở mắt ra, hoàng hôn hình như vừa buông xuống. Đường phố bỗng bình trong một màu tím hồng huyền ảo, ánh chiều đang lịm dần phía trên những ngọn đèn đường còn chưa kịp sáng lên. Matxcova bắt đầu vào tháng ba, tuyết đang tan, trời rất trong, rất dịu.

Tìm trong nỗi nhớ

Chương 4

Trời rất trong, rất dịu khi Lan Chi bước ra đường vào buổi sáng hôm nay. Cô đang có tâm trạng khá vui vẻ. Chỉ còn một hôm nữa thôi là hai tuần nghỉ lễ sẽ bắt đầu, lũ trẻ nhà cô sẽ được nghỉ ở nhà, Lan Chi cũng không đi làm vì vào dịp này cửa hàng của cô bao giờ cũng đóng cửa cùng một lúc với các trường học. Và sau đó, vào giữa kỳ nghỉ, Thanh Hoa sẽ cùng chồng con đến chơi với gia đình Lan Chi chừng bốn, năm hôm. Một kế hoạch chu đáo đến từng chi tiết cho dịp hội ngộ này đã được vạch ra. Lần đầu tiên sau rất nhiều năm hoàn toàn dừng dưng với Noel, Lan Chi nhận thấy mình bị cuốn vào không khí náo nức, hội hè của dân châu Âu từ lúc nào không biết. Một tiếng đồng hồ sau, bên ngoài cửa sổ tình hình thời tiết và không khí đường phố dường như vẫn không có gì thay đổi, nhưng tâm trạng của Lan Chi thì đã không còn dấu vết gì của sự vui vẻ lúc trước. Nguyên nhân của sự biến chuyển đột ngột này là hai cú điện thoại mà cô vừa nhận được. Cú đầu tiên cho Lan Chi biết rằng kỳ nghỉ này nhà cô sẽ không có những người khách đang mong đợi: hai đứa con của Thanh Hoa tự dưng lẫn ra ốm làm cho kế hoạch đi nghỉ của cả gia đình phải hủy bỏ. Cú thứ hai thông báo một sự kiện bất ngờ: bà mẹ chồng sẽ từ Paris xuống miền Nam nghỉ Noel đợt này với gia đình Lan Chi. Qua điện thoại, cô em chồng giải thích một cách rất dài dòng lý do dẫn đến chuyến đi Mỹ ngoài dự kiến của vợ chồng mình vào đúng dịp Noel, thổ lộ một cách rất thân tình rằng để má lại một mình ở Paris vào dịp lễ tết này thì tội quá, em đã tính hay đem má đi chơi cùng, mà nhiều việc quá lo không kịp, mà má cũng đâu có muốn... Rồi, sau khi thông báo rằng em đã mua vé máy bay cho má xuống chỗ anh chị ngày mai, cô em như sực nhớ ra bèn hỏi bằng giọng của một người đã biết trước câu trả lời: “Má xuống chơi đường đột vậy có phiền anh chị quá không?” “Phiền gì đâu”, Lan Chi đáp lại bằng giọng của một người biết rằng mình không có cách trả lời nào khác.

Trưa hôm sau, hết ca làm việc, Lan Chi không về nhà mà lái xe ô tô ra thẳng sân bay đón mẹ chồng. Như thường lệ, ban ngày Trung không có được một phút rảnh rỗi, nếu không bận rộn ở bệnh viện thì lại có người bệnh đợi ở phòng khám, vì vậy, buổi sáng trước khi đi làm, anh giao hẹn với Lan Chi là để lại cho cô chiếc ô tô cùng với nhiệm vụ đi đón mẹ.

Máy bay từ Paris đến chậm hai mươi phút. Hai mươi phút ngồi đợi ở sân bay, không mang theo cái gì để đọc, đầu óc Lan Chi chỉ có mỗi một việc để nghĩ là cuộc gặp mặt sắp tới với mẹ chồng. Lần cuối

cùng cô gặp bà cách đây đã năm năm, khi hai bé sinh đôi ra đời và bà nội từ Paris xuống thăm cháu, đánh dấu sự kết thúc thời kỳ chiến tranh lạnh dai dẳng nhiều năm giữa mẹ chồng và nàng dâu. Từ đó đến nay, quan hệ của họ vẫn chỉ dừng lại ở vài câu trao đổi ngắn gọn, lạnh lùng nhưng lịch sự qua điện thoại. Đôi lần, vợ chồng Lan Chi cũng đã dự định thu xếp một kỳ nghỉ nào đó đưa lũ trẻ lên Paris chơi với bà nội, nhưng rồi cô luôn luôn có những lý do chính đáng để hoãn lại chuyến đi, nhiều khi vào phút cuối cùng. Thường thì năm nào Trung cũng có việc phải đi Paris ít nhất một lần, kết hợp luôn ghé thăm mẹ, nhưng gần một năm nay anh quá bận công việc ở đây nên chưa đi được, có lẽ đó cũng là một trong những lý do của việc mẹ anh đột ngột quyết định đến chơi vào kỳ nghỉ cuối năm này.

Phút đầu gặp lại diễn ra hơi sượng sùng. "Thằng Trung đâu?", bà mẹ chồng hỏi thay câu chào, tuy đã biết từ trước là con trai bận không ra sân bay được. "Dạ, giờ này anh ấy bận ở bệnh viện. Má đưa vali con xách cho", Lan Chi nói rồi tự cảm thấy cái từ "má" phát ra bằng chất giọng Hà Nội trăm phần trăm của mình nghe giả dối đến nỗi cô bực bội cắn vào lưỡi mình một cái.

Ngồi vào ô tô, hai bên trao đổi đôi lời thăm hỏi. Đầu tiên, mẹ chồng hỏi lũ nhỏ có khỏe không, có ngoan không, có nhanh lớn không. Lan Chi tóm ngay lấy cơ hội kể lể về con để chuyển cách xưng hô, vẫn xưng "con" nhưng gọi mẹ chồng là "bà", cái lối gọi thay con này làm cô nhẹ nhõm hẳn. Nói được chừng năm phút thì Lan Chi nhận thấy mẹ chồng bắt đầu lơ đãng nhìn ra ngoài cửa sổ, cô bèn chuyển đề tài, hỏi thăm tình hình gia đình cô em chồng ở Paris. Câu hỏi này đem lại cho cô hơn mười phút khởi động não tìm chuyện để nói, chỉ việc nghe mẹ chồng kể về lũ cháu ngoại một cách say sưa, say sưa đến mức tự dưng cô đâm chạnh lòng nghĩ đến mấy đứa con mình chẳng còn bà ngoại. Rồi Lan Chi hỏi thăm đến gia đình ông chú ruột chồng và được biết tiệm ăn của bà thím dạo này không còn đông khách như trước, cậu em họ sắp cưới đến nơi thì chẳng biết bị bỏ bỏ hay bỏ bỏ, giờ lại cặp với một cô bỏ khác, lần này là tây..."Vậy cái cô định cưới thì là người Việt ă?", Lan Chi hỏi. "Ờ,... mà không, con trước cũng tây, nhưng con trước nữa thì là Việt. Con nhỏ nhà ông Tư Bình đó. Hai nhà ưng lắm rồi mà hai đứa nó lại chẳng chịu nhau..." Câu chuyện được chuyển sang nhà ông Tư Bình. Lan Chi thoáng nghĩ không biết ông Tư Bình là ai nhỉ, tuy vậy cô không hỏi để mẹ chồng khỏi mất hứng. Điềm một vòng hết tình hình bà con, người quen và không quen ở Paris, thêm được mười phút nữa mà vẫn chưa về được tới nhà. Mấy phút im lặng nặng nề, rồi mẹ chồng kêu

buồn ngủ và ngã người vào lưng ghế lim dim mắt.

Vào đến trung tâm thành phố, ô tô giảm tốc độ rồi lăn từng tí một như bò trên những đường phố tắc nghẽn xe và đông nghịt người qua lại. Ở mỗi ngã tư, đèn hiệu màu xanh lấp lóe như trêu người: cứ mỗi một lần ô tô nhích lại được đến gần thì nó lập tức chuyển sang thành màu đỏ. Mười phút đã trôi qua mà ô tô của Lan Chi vẫn chưa ra khỏi được cái đại lộ chỉ dài có quãng nửa cây số. Không khí nhốn nháo ngoài đường làm sự im lặng trong xe trở nên mỗi lúc một ngột ngạt hơn. Lan Chi hạ cửa kính xuống, gió lạnh và và những âm thanh đường phố hỗn độn ập vào. Mắt vẫn nhắm lim dim, người vẫn ngã trên lưng ghế, mẹ chồng bỗng nói như than: "Chỗ này tỉnh lẻ mà sao cũng đông dữ vậy!" "Dạ, sắp đến Noel nên người ta đi mua sắm", Lan Chi đáp bằng một giọng chán nản. Noel, sao Noel nào cũng vậy, cứ đến cái thời điểm mà thiên hạ vui vẻ nhất thì cô lại thấy lòng mình cô độc nhất.

Cuối cùng thì ngôi nhà nhỏ nằm nép mình buồn bã trong một góc phố vắng cũng hiện ra. Lan Chi nhìn đồng hồ: ba giờ mười lăm, còn hơn một tiếng nữa mới đến giờ đi đón bọn trẻ ở trường về. Ăn trưa giờ này đã muộn nhưng tối qua Lan Chi biết trước là buổi trưa sẽ cấp rập nên đã cẩn thận nấu nướng sẵn vài món. Cô vừa vào bếp định làm nóng lại thức ăn thì mẹ chồng nói ngay là không đói, đã ăn trên máy bay rồi. Bà kêu mệt và muốn đi nằm. Lan Chi đành tự thưởng thức một mình những món ăn mà cô đã lui hui làm cả tối hôm qua, món nào cũng cho đường ngọt lịm để chứng tỏ thiện chí với mẹ chồng. Cây thông cao mét rưỡi đã được dựng lên ở một góc phòng khách từ cách đây mấy hôm. Thông nhựa, nhưng nhìn xa cũng na ná như thông thật. Đèn màu nhấp nháy, dây kim tuyến lóng lánh, những đồ trang trí hình quả thông, quả chuông, hình ông già Noel... đủ màu sắc treo lủng lẳng khá vui mắt trên những cành thông. Kỳ nghỉ đã bắt đầu. Không khí Noel cuối cùng cũng đã lan được đến đây.

Sáng 24 tháng 12, tuy không phải đi đâu nhưng Lan Chi dậy rất sớm. Trung vẫn phải đi làm như thường lệ, sáu giờ rưỡi sáng đã vừa ngáp ngáp dài vừa lau bầu than thở rồi chui ra khỏi giường. Ở phòng bên cạnh, mẹ chồng cũng cựa mình, lục đục. Lan Chi bật dậy theo Trung, xăng xái đi pha cà phê và làm mấy lát bánh cho chồng ăn sáng, mặc dù anh đã ra sức can ngăn "ngủ tiếp đi, anh tự làm lấy được mà". Trung đi rồi, ba đứa con còn ngủ say sưa, Lan Chi bèn tranh thủ dọn dẹp nhà cửa. Bữa ăn Noel tối nay sẽ đặc biệt hơn mọi năm: ngoài mẹ chồng ra, nhà còn có thêm một vị khách nữa là bà hàng xóm Xvetlana. Cô đã có lời mời bà đến ăn tối Noel với gia đình

cô từ tuần trước, sau khi tình cờ biết rằng dịp nghỉ lễ này cô con gái duy nhất của bà có việc bận nên không về thăm mẹ được.

Lan Chi vừa đặt vào dưới gốc thông vài gói quà mua sẵn từ hôm trước cho lũ trẻ thì mẹ chồng từ phòng ngủ bước ra. Nhìn thấy những gói quà bọc giấy màu bóng bẩy và thắt nơ diêm dúa, bà sực kêu lên: "Mấy thứ đồ chơi mua ở Paris lại đưa ngay cho sắp nhỏ từ hôm trước mất rồi, tối nay vậy là không còn gì hết trơn cho tụi nó".

Cô con dâu phải ra sức can ngăn bà mới đành từ bỏ ý định chạy ra cửa hàng mua thêm quà khác cho cháu, bụng vẫn áy náy không yên, bảo vậy là tối nay lũ trẻ chỉ có quà của ba mẹ chúng thôi mà không có quà của bà. "Quà Noel thì phải để tối Noel mới mở chứ", bà nói.

Rồi bà lại băn khoăn hỏi: "Không biết để quà dưới gốc thông vậy đã đúng chưa, hay phải cho vào trong cái giày cao cổ? Mà là đưa ngay cho tụi nó tối nay, hay phải giấu đi đợi đến sáng ngày mai mới đúng? Có phải thuê ông già Noel đến đưa quà không? Vợ chồng con Hạnh ở Paris năm nào cũng thuê người làm ông già Noel mang quà đến tận nhà cho bọn nhỏ đó."

"Mấy thứ thủ tục ấy con cũng không rõ lắm, - Lan Chi nói. - Thôi thì cứ có quà cho bọn trẻ con nó vui là được rồi, cho nó khỏi thấy khác biệt con nhà người ta. Chứ còn truyền thống của người ta, phong tục của người ta, mình làm sao biết hết, theo hết được. Bọn con cứ phiên phiên thôi bà ạ."

Bảo là phiên phiên nhưng bữa ăn tối nay vẫn phải có sẫm banh và một con gà tây rôti nhồi thịt băm to đùng cho đúng lệ. Trung thấp mấy cây nến thơm tỏa hương ngào ngạt để tạo thêm không khí Noel. Mẹ anh bảo đã thấp nến rồi sao còn để đèn điện làm gì. Cu Nam nghe bà nói liền nhanh nhẩu chạy đi tắt đèn. Mọi người ngấm ngấm một hồi rồi quyết định phải châm thêm cây nến nữa không thì tối quá. Trung châm thêm luôn hai ngọn nến cuối cùng còn sót lại trong nhà. Cả nhà lại ngấm ngấm thêm lần nữa rồi quyết định bật đèn lên, vừa nến vừa đèn càng tốt.

Đúng bảy giờ rưỡi tối thì có tiếng chuông. Lan Chi ra mở cửa. Bà hàng xóm Xvetlana xuất hiện với một chiếc bánh gatô rất to. "Gatô tôi làm theo kiểu Nga đấy, - bà nói, - chắc cô đã ăn loại này rồi chứ nhỉ?"

"Cám ơn bác, cháu cũng không nhớ nữa bác ạ, lâu quá rồi mà, để tí nữa ăn thử có khi lại nhớ", Lan Chi vừa đáp vừa nhận chiếc bánh từ tay bà hàng xóm rồi mang vào bếp.

Trung giới thiệu bà Xvetlana với mẹ. Sau vài câu chào hỏi xã giao, mẹ anh ồ lên sững sốt khi biết bà hàng xóm là người Nga.

- Bà nói tiếng Pháp hay quá, hết như người Pháp vậy, - mẹ Trung

khen bà khách bằng một thứ tiếng Pháp ngọng nghịu.

- Tôi sống ở đây gần bốn chục năm rồi, toàn nói tiếng Pháp chứ có mấy dịp để nói tiếng Nga đâu, muốn nói tiếng Nga ở nhà với chồng con cũng khó thì còn nói ở đâu được nữa, - bà hàng xóm cười trả lời.

- Vậy ông nhà là người Pháp? - mẹ Trung hỏi.

- Ông ấy cũng người gốc Nga, nhưng sinh ở Pháp. Ông ấy mất mười năm rồi.

Mẹ Trung có vẻ định hỏi tiếp điều gì, nhưng xem ra phải diễn đạt bằng một câu tiếng Pháp không đơn giản, cho nên bà nhăn mặt lại, căng thẳng lựa lời, rồi sau một hồi ậm ừ đành bỏ cuộc. Để lấp chỗ trống trong lúc đợi người đối thoại tìm được một câu khác để nói hơn, bà Xvetlana quay sang chỉ vào Lan Chi và nói rất âu yếm:

- Cô Lan Chi thì nói tiếng Nga giỏi lắm. Từ khi quen cô ấy, tôi lại có thêm dịp nói tiếng Nga.

Mẹ chồng ném cho con dâu một cái nhìn lạ lẫm nhưng không bình luận gì mà quay sang hỏi thăm chuyện con cái của bà hàng xóm. Đề tài "mấy con, mấy cháu" rõ ràng là vừa đơn giản về mặt ngôn ngữ, vừa thích hợp về mặt tuổi tác và giới tính đối với cả hai người, cho nên câu chuyện lại có cơ kéo dài thêm được.

Bà Xvetlana là người hàng xóm duy nhất ở phố này mà Lan Chi có quen thân. Những người khác thì quan hệ nhiều nhất cũng chỉ ở mức một câu chào khi thỉnh thoảng chạm trán nhau ngoài phố. Trong hai năm đầu Lan Chi sống ở đây, quan hệ của cô với bà Xvetlana thực ra cũng chỉ có vậy. Bà sống ở ngay ngôi nhà bên cạnh, hàng ngày Lan Chi vẫn nhìn thấy bà đi ra đi vào, nhưng cô không hề biết điều gì về bà, thậm chí đến cả cái tên cũng không biết. Thế rồi một hôm cô vừa về đến cửa thì gặp bà đi chợ về. Hai tay xách khệ nệ hai túi to, bà trượt chân ngã làm cà chua, cà rốt, khoai tây... rơi ra vĩa hè tung tóe. Lan Chi vội chạy đến đỡ bà già dậy, giúp bà nhặt các thứ đồ ăn xếp lại vào trong túi. Rồi tiện thể, cô xách hộ luôn cả hai cái túi đến tận cửa nhà bà. Trong lúc bà già cảm ơn Lan Chi rồi rít thì tình cờ cô nhìn thấy cái tên đề trên một khung giấy nhỏ phía dưới nút bấm chuông ở cửa: Xvetlana Popova. Một cái tên Nga chính hiệu không lẫn đi đâu được. Lan Chi buột miệng hỏi bằng tiếng Nga: "Bác là người Nga à?" "Vâng", bà già ngẩn người ra sững sờ, đáp lại câu đầu bằng tiếng Pháp, rồi lập tức chuyển sang tiếng Nga: "Sao cô lại nói được tiếng Nga?" "Cháu đã học ở Nga tám năm". "Những tám năm cơ à? Vậy cô học ở thành phố nào?" "Ở Matxcova ạ." "Tôi là người Matxcova đây", bà già nói và đột nhiên cầm lấy tay Lan Chi, miệng cười như mếu, rồi nhất định kéo cô vào nhà chơi, "để nói

chuyện về Matxcova một chút cho đỡ nhớ". Đang có thời gian rảnh, Lan Chi theo bà hàng xóm vào nhà ngay. Cô cũng muốn nói chuyện về Matxcova một chút cho đỡ nhớ.

Ngồi nửa tiếng với bà Xvetlana, Lan Chi đã biết rất nhiều điều về bà. Biết rằng bà đến Paris vào đầu những năm sáu mươi, khi đang là sinh viên Pháp văn, được gửi qua Pháp thực tập. Chỉ định đi có một năm thôi, rồi lấy chồng là người gốc Nga (bố mẹ ông ấy sang Pháp sống ngay sau cuộc cách mạng năm 1917), thế rồi ở lại Pháp mãi cho đến tận bây giờ. Mấy năm trước chồng bà chết vì tai nạn ô tô. Cô con gái duy nhất lấy chồng người Pháp, hiện sống ở Lille, một thành phố tận cực bắc nước Pháp, thỉnh thoảng mới đem con về thăm bà. "Sao bác không chuyển đến đó ở cho gần con cháu?", Lan Chi hỏi. "Tôi sống ở đây mấy chục năm rồi. Nhà cửa ở đây, thói quen cũng ở đây, không nhớ rẽ đi đâu được nữa. Nếu đi được thì tôi đã về Matxcova sống chứ chẳng đi chỗ khác. Bao nhiêu năm nay lúc nào cũng nghĩ đợi thêm ít nữa rồi về Nga hẳn, vậy mà cuối cùng có về được đâu."

Từ đó họ thường xuyên qua lại thăm nhau. Để chia sẻ với nhau những hồi ức về một thành phố xa xăm trong quá khứ. Matxcova, thời thơ ấu của bà. Matxcova, tuổi trẻ của cô. Đôi lúc, nhìn cặp mắt long lanh ngấn lệ của bà khi nhắc tới những tên đường, tên phố, Lan Chi tự hỏi không biết đằng sau những cái tên ấy bà cất giữ những kỷ niệm gì. Còn cô, ở mỗi một con đường xưa cô đều nhìn thấy bóng hình Kiên. Ở góc phố này là nụ hôn đầu cháy bỏng của anh, một ngày cuối đông tuyết tan. Ở vỉa hè kia, dưới một hàng hiên, cô đã nép trong vòng tay anh để tránh một cơn mưa tầm tã đến hơn tiếng đồng hồ, hai đứa trò chuyện huyền thuyên, trời tạnh lúc nào không biết. Còn ở con đường nhỏ rợp bóng cây ấy, cô đã gục vào vai anh khóc nức nở sau một trận cãi nhau kịch liệt rồi lại làm lành, hai tháng trước ngày họ chia tay mãi mãi... Bà Xvetlana rất ngạc nhiên và cảm động khi thấy Lan Chi biết rõ cả cái phố nhỏ của bà, một phố hoàn toàn chẳng có gì đặc biệt ở gần ga Kiev. Đành rằng Lan Chi đã sống ở thành phố này tám năm, nhưng Matxcova rộng mênh mông, nhiều người sống ở đó cả đời cũng chưa chắc đã biết được hết tất cả các phố. Mà phố của bà thì có danh lam thắng cảnh gì đâu. Lan Chi chỉ cười, không dám khai thật rằng cô hay lui tới nơi này, vì ở gần đó có một "danh lam thắng cảnh" rất quan trọng đối với cô: một cửa hàng bán dụng cụ gia đình khá lớn, nơi thường bán nhiều mặt hàng được dân Việt Nam hồi đó ưa chuộng. Có những buổi chiều cùng Kiên đi "đánh quả" ở đó nhưng chẳng kiếm được gì, cô và anh bèn đi dạo

lang thang và bao giờ cũng tạt vào cái phố nhỏ này, một con phố vắng lặng và thơ mộng, tách biệt hẳn thế giới náo động bên ngoài, dường như được làm ra để dành riêng cho các cặp tình nhân. Nếu cô không làm thì họ đã từng có lần dừng lại hôn nhau ngay trước ngôi nhà mà có thời đã là nhà của bà. Có phải nhà số sáu mươi của bác là cái nhà bốn tầng có cây phong trước cửa, hàng rào xanh, cửa sổ xanh không ạ? Cây phong thì có đấy, còn hàng rào, cửa sổ tôi cũng không dám chắc nữa cô ạ. Bao nhiêu năm rồi, chắc người ta đã sơn lại nhiều lần. Bao nhiêu năm rồi còn gì...

Các món ăn đã được dọn lên bàn. Sâm banh sủi bọt trong các ly dành cho người lớn. Nước cam vàng óng trong những cốc nhỏ của lũ trẻ con. Mọi người cùng nâng cốc, chẳng biết chúc gì đặc biệt vào lễ Noel, cho nên cuối cùng tất cả đều chúc nhau điều có thể chúc vào bất cứ dịp nào là sức khỏe. Hai bé sinh đôi là hăng hái nhất với việc chạm cốc: chúng nhất định đòi đập cốc rõ to vào ly của từng người một, không chịu bỏ sót một ai.

Câu chuyện được đưa ra khai mào ở bữa ăn tiện nhất tất nhiên vẫn là chuyện thời tiết. Lan Chi nói: “Sao Noel năm nay buồn quá nhỉ, chẳng có lấy một bông tuyết rơi.” Trung bảo: “Hình như ở Paris mấy hôm rồi cũng có tuyết đấy, phải không má (mẹ anh gật đầu), nhưng tuyết thì có gì hay đâu, ở đây miền Nam ấm áp sướng hơn nhiều chứ.” “Đúng là vùng này ấm áp dễ chịu hơn Paris, - bà hàng xóm góp chuyện, - nhưng Noel mà lại không có tuyết thì tôi thấy không giống Noel. Ở Nga vào dịp này thì tuyết phủ trắng đường.” “Năm nào cũng vậy hả bà”, mẹ Trung hỏi. “Vâng, năm nào cũng vậy, tuyết rơi suốt bốn tháng mùa đông”, bà hàng xóm trả lời. Cu Nam hóng chuyện đến đây bèn kêu lên là bốn tháng tuyết rơi liền thì thích quá nhỉ, con thích đi trượt tuyết lắm. Trung bèn vỗ vào vai con trai rồi hứa để kỳ nghỉ sau ba sẽ đưa cả nhà lên núi Pyrenees trượt tuyết, chịu không? Chuyện tuyết đến đây hình như là cạn ý. Mọi người bèn cúi đầu vào đĩa chăm chú ăn. Mẹ Trung ăn vài miếng rồi ngẩng lên, quay sang nói với con trai bằng tiếng Việt:

- Cái món gà tây rôti này ăn vài miếng thì được, chớ ăn nhiều ngán thấy mồ, sao Noel nào, nhà nào cũng cứ ăn hoài vậy?
- Thì nó đã thành tục lệ rồi, làm sao bỏ được. Cũng như bánh chưng bánh tét của mình đó má, - ông con trai trả lời.
- Bánh tét của mình ngon chớ, ăn đâu có ngán. So vậy sao được, - bà mẹ cãi.

Thấy tiếng nói chuyện, bà hàng xóm bèn ngẩng lên nhìn chăm chú. Nhận ra là người ta nói một thứ tiếng mà mình không hiểu, bà mỉm

cười hơi ngượng ngịu rồi quay sang Lan Chi:

- Cái món gà tây này cô làm ngon quá, ăn nhiều cũng không sợ ngán, có phải cô làm theo kiểu Việt Nam không, lúc nào bày cho tôi cách làm với nhé.

- Không phải kiểu Việt Nam đâu bác ạ, - Lan Chi trả lời. - Cách làm này cháu học theo một quyển sách Pháp thôi. Thực ra về cơ bản cũng như cách làm thông thường, chỉ đặc biệt ở chỗ có một vài loại gia vị lạ và phải bơm thêm rượu vào dưới da gà cho đỡ ngán. Còn ở Việt Nam thì không có lệ ăn gà tây vào lễ Noel đâu, đúng hơn là không có ăn mừng Noel gì cả.

- Thế à! - bà Xvetlana tỏ ra sửng sốt.

- Vâng, à mà cháu cũng không biết chắc. Hồi trước thì không có, còn bây giờ thì không biết thế nào. Nghe nói ở châu Âu có gì Việt Nam bây giờ có hết. Nghe nói vậy thôi, chứ cháu đi lâu rồi nên cũng không biết nữa.

- Ở Nga bây giờ cũng thay đổi nhiều lắm, - bà hàng xóm thở dài. - Không như cái hồi xưa tôi ở đó...

Câu chuyện lại rộ lên quanh bàn ăn. Ở góc này mẹ Trung kể với con trai (bằng tiếng Việt) rằng nhà cô em gái anh ở Paris Noel năm ngoái cũng làm con gà tây to lắm, dễ đến bốn cân, cả nhà ăn hai ngày không xong, ngán quá phải đem vứt đi đến gần một nửa. Rồi bà kể tiếp đến chuyện nhà ông chú, xong chuyển sang nhắc đến người quen nào đó còn sống ở Sài Gòn, xong lại sực nhớ đến một người bà con bên Mỹ... Ở một góc bàn khác, bà Xvetlana và Lan Chi hỏi tưởng (bằng tiếng Pháp, thỉnh thoảng xen lẫn tiếng Nga) những Noel ở Matxcova. Rồi cô kể cho bà nghe Noel ở Hà Nội của cô, không có tuyết nhưng cũng lạnh cắt da và thỉnh thoảng lại mưa phùn bác ạ, người ta không ăn gà tây ở nhà, nhưng thanh niên đi ra đường đông như trẩy hội, vui lắm, quanh Hồ Gươm đông nghịt toàn người là người...

Sau lễ Noel, Trung được nghỉ hai ngày liền. Lâu lắm rồi bữa ăn sáng mới quây quần cả nhà đông vui như vậy. Sáng hôm ấy, trong lúc ngồi ăn, mẹ Trung bảo: "Mai là ngày rằm, má ăn chay đó." Rồi bà hỏi: "Hai đứa xem liệu ngày mai có đưa má lên chùa được không, à mà ở đây có cái chùa nào không vậy?" Chuyện chùa chiền thì vợ chồng Lan Chi chịu không có khái niệm gì. Trung bèn gọi điện hỏi bà Thanh, một người quen, sống ở thành phố này đã mấy chục năm. May quá túm đúng được chuyên gia. "Chùa thì thiếu gì, - bà Thanh bảo, - nhưng má cháu muốn đi chùa nào?" "Chùa nào cũng vậy thôi, - Trung lúng túng, - có cái nào gần gần của người Việt mình là được".

"Ấy, không đại khái vậy được đâu, - bà Thanh kêu lên trong điện thoại. - Thì toàn là chùa của người Việt mình đó chứ, nhưng có đến năm bảy cái, năm bảy hội khác nhau, ông nào cũng thờ Phật hết nhưng mỗi ông thờ một kiểu, cách thức khác nhau, khác nhau nhiều thứ lắm, hội nào đi chùa của hội đó thôi. Vậy má cháu thường đi chùa nào ở Paris?" Đến đây thì Trung đành chịu, anh chuyển máy cho mẹ anh nói chuyện trực tiếp với bà Thanh. Hóa ra mẹ anh cũng là người đã dạn dày kinh nghiệm và chính kiến vững chắc trong lĩnh vực này. Hai bà trao đổi với nhau sôi nổi một hồi, rồi cuối cùng mẹ Trung cũng chọn được một cái chùa phù hợp. Hơi xa một tí, cơ ngơi thì cũng hơi sơ sài, chỉ là một căn phòng ở tầng trệt của một cư xá thôi, nhưng các mặt khác thì đều hợp ý bà cả. Vậy là tốt rồi, thờ Phật tại tâm chứ đâu phải hơn kém nhau cái chỗ chùa to chùa nhỏ.

Sáng hôm sau, Trung đưa mẹ lên chùa. Lan Chi vào phòng ngủ thắp một nén hương trên cái tủ thấp kê ở góc phòng. Ở đó có tấm ảnh đã ố vàng của một người phụ nữ ba mươi năm tuổi, trẻ hơn cô hiện nay. Mấy chục năm rồi, vào ngày này bao giờ Lan Chi cũng thắp hương. Bao giờ cô cũng khóc. Mấy chục năm rồi, vết thương chỉ dịu đi chứ không lành hẳn được.

Hai mẹ con Trung đi chùa về khi Lan Chi đang lúi húi chuẩn bị bữa ăn trưa trong bếp. Vừa bước vào cửa, mẹ Trung nhận ngay ra mùi hương. Bà thắc mắc sao ở nhà lại cũng thấp nhang vậy? Trung thoáng giật mình, hình như lúc này anh mới nhớ ra, anh hạ giọng nói với mẹ rằng hôm nay là ngày giỗ bà ngoại lữ nhỏ đó. Mẹ Trung im lặng không nói gì. Không ai nói gì nữa cả. Mọi người đều biết mẹ Lan Chi mất năm 1972 ở Hà Nội, trong một trận bom B52.

Bữa trưa, món gà tây Noel còn thừa lại được bê ra. Lan Chi rán thêm mấy cái nem vì lũ trẻ không muốn ăn gà tây nữa. Mẹ Trung ăn chay thì có đĩa rau và đĩa đậu phụ riêng. Mùi hương từ phòng ngủ đưa ra làm không khí trầm lắng hẳn. Chỉ có ba đứa trẻ là đùa nghịch trêu ghẹo nhau chí chöhe, còn người lớn ai nấy ngồi ăn chẳng nói năng gì. Cuối bữa, mẹ Trung buông đũa rồi quay sang bảo con trai: "Tháng sau là giỗ ba mảy. Định làm ở nhà chú Cừ cho nó tiện và mời được bà con đông đủ. Con tính xem rồi cố thu xếp để lên Paris. Năm nay là vừa đúng hai mươi năm rồi đó."

Hai mươi năm trước, mẹ Trung được gọi đến nhận vài thứ kỷ vật của ba anh, sĩ quan của quân đội Sài Gòn cũ, chết bệnh trong một trại cải tạo ở vùng núi phía Bắc. Sau ngày này, cả gia đình Trung rời Việt Nam.

Trung không lên Paris ngày giỗ ba anh được. Bệnh viện đang lúc

thiếu người, không thể tìm được một bác sĩ khác để tạm thay anh dù chỉ một hôm. Mẹ anh buồn. Trung cũng buồn và áy náy, nhưng anh hứa với mẹ là ít ngày nữa, đến Tết ta, anh sẽ đưa cả nhà lên Paris cùng ăn Tết, rồi thấp nhang luôn cho ba. Tết âm lịch năm nay rơi đúng vào kỳ nghỉ đông tháng hai của bọn trẻ con, Lan Chi không phải đi làm, Trung cũng đã xin được nghỉ vào ngày hôm đó.

Vậy là đúng ngày ba mươi Tết cả nhà có mặt ở Paris. Đi máy bay thì chỉ hơn một tiếng đồng hồ, nhưng lũ trẻ cứ nhất quyết đòi đi tàu hỏa. Lan Chi cũng cùng ý thích như con nên Trung đành miễn cưỡng đầu hàng. Kết quả là hôm đó cả nhà phải dậy từ sáng sớm, chỉ kịp ăn sáng qua quýt vài miếng rồi chạy vội ra ga, vậy mà đến quá trưa tàu đoàn thê tử mới lếch thếch kéo nhau tới Paris được.

Hạnh, em gái Trung, ra đón anh chị và các cháu ở ga rồi lái xe chở mọi người về thẳng nhà mình. Gia đình cô sống trong một căn hộ bốn phòng, ở tầng ba của một tòa nhà xây theo kiểu cũ, trần rất cao. Mẹ Trung cũng sống trong tòa nhà này, bà có căn hộ một phòng ở ngay tầng trệt. Thành thử, tuy là con gái đã lấy chồng, ở riêng, mà mẹ con bà cháu vẫn được gần nhau.

Vào đến nhà Hạnh, lập tức thấy mùi phở bò thơm ngào ngạt. Hạnh bảo biết anh chị đi tàu mệt và háo lắm, nên em nấu phở bò cho nó dễ ăn, còn cỗ giao thừa thì tối nay mình qua ăn bên chú Cừ, chú thím đã hẹn trước rồi. Mọi người đều đói ngấu nên ngồi vào ăn ngay, không đợi mời đến lần thứ hai. Trung ăn nhoáng một cái đã xong bát phở to đùng, cô em gái lại tắt tả làm thêm bát khác. Bốn mẹ con Lan Chi ăn từ tốn hơn. Lan Chi ăn chậm phần vì còn mệt, phần vì thói quen, còn ba đứa trẻ thì rõ ràng không thích ăn phở lắm. Chẳng cần tinh ý cô Hạnh cũng nhận thấy điều này, cô hỏi:

- Sao, ba đứa không thích ăn phở hả? Có phải tại phở cô nấu khác phở mẹ nấu không?

- Không phải vậy đâu, - Lan Chi trả lời thay con.- Tại bọn này nó không thích ăn những món nhiều nước lỏng bông. Phở, bún hay miến mì gì cũng vậy thôi.

- Vậy thì cũng giống con Linh nhà này, - cô Hạnh bảo. Rồi cô động viên lũ trẻ: - Các con ráng ăn một chút cho đỡ đói nghen, ngoan rồi mai cô cho đi ăn McDonald với thằng Vinh, con Linh.

Trẻ con cả hai nhà vừa a lên mừng rỡ thì bà chúng đã lừ mắt bảo con gái: "Mai mừng một Tết, thiếu gì cái ăn, sao lại đi ăn McDonald? "

"Tại con quên mất", Hạnh cười xí xóa rồi quay sang hỏi Lan Chi:

- Phở em nấu kiểu Sài Gòn vậy chị ăn được không?

- Ăn được chứ, - Lan Chi trả lời. - Có phở ăn là thích rồi. Phở Sài

Gòn hay phở Hà Nội thì mình đều thấy ngon cả..

- Dân Bắc nhiều người ăn phở Sài Gòn riết rồi lại ghiền hơn phở Hà Nội đó, - Hạnh nói. - Người ta cứ bảo phở Hà Nội thanh, chứ em thấy nó hơi lạt lẽo, lại ít rau, chỉ có vài cọng hành lơ thơ, không đậm đà phong phú như phở Sài Gòn.

"Đừng có đại mà sa vào cái trận chiến muôn thuở này", Lan Chi tự nhủ. Nghĩ vậy, nhưng nuốt miếng phở đang ăn dở trong miệng xong, cô lại quay sang nhìn em chồng, cười thật hiền rồi nói rất nhẹ nhàng: - Ủ, đúng đấy, phở Sài Gòn ai ăn quen như mình thì thấy cũng ngon lắm. Nhưng người không quen thì họ kêu là cho nhiều đường thành ra hơi ngọt lợ. Với lại ăn kèm giá nó không hợp, cứ tanh tanh thế nào ấy. Rau cho đủ loại cũng hơi hồ lốn, chả vị nào ra vị nào cả.

Trung vừa giải quyết xong hai bát phở bèn ngẩng lên cười bảo: "Lại bắt đầu rồi. Thôi dẹp đi hai bà. Hôm nay ngày Tết đó. Tranh luận mấy cái thứ này thì vài chục năm nữa cũng chưa xong."

Vài chục năm nữa thì chưa biết có đúng không, nhưng trên thực tế cuộc tranh luận này suýt nữa đã kéo dài từ năm cũ sang năm mới. Bữa ăn tất niên ở nhà ông chú, nó lại thập thò xuất hiện ở bàn tiệc, lúc thì dưới dạng cụ thể "bánh tét - bánh chưng", lúc thì ở mức khái quát "Tết Nam - Tết Bắc". Nhưng lần này Lan Chi nhất quyết không chịu tham chiến, phần vì đã ngán, phần nữa lại biết mình thân cô thế cô, sức mấy độ lại được với một lực lượng áp đảo để đến hai chục người của bà con họ hàng nhà chồng. Cô bèn đóng vai gái ngoan nghe lời chồng dạy, đáp lại mọi nhận xét có tính chất "khiêu chiến" bằng một nụ cười tủm tỉm, chẳng ra phản đối, chẳng ra đồng tình. Cuộc tranh luận được nhen lên nhưng thiếu người đối đáp nên dần ra chết yểu.

Cảm giác rõ rệt nhất mà Lan Chi lưu giữ lại từ bữa tiệc tất niên này là quá đông và quá ồn ào. Hơn hai chục người dự tiệc trong căn phòng rộng thênh thang, tiệm ăn của nhà ông chú: bà thím đã đóng cửa tiệm để ăn tết trong gia đình. Nhưng bữa tiệc gia đình này không có gì giống với những bữa ăn đêm ba mươi Tết đầm ấm ở nhà Lan Chi ngày xưa. Ngoài bánh tét cũng có cả bánh chưng (không biết vì mọi người thích ăn cả hai thứ bánh, hay chỉ do chiều cổ đến cô con dâu Bắc Kỳ?), nhưng bánh chưng Paris ăn không thấy giống bánh chưng Hà Nội, không buộc lạt, mà lại buộc bằng dây nylon. Lại thêm mấy quả dưa hấu to đùng, kiếm được ở Pháp mùa này là một thành tích không nhỏ. Trung bảo ăn dưa hấu nhớ Tết Sài Gòn quá, nhưng đối với Lan Chi, quả dưa ngày Tết này chẳng khác gì món gà tây Noel. Vui nhất có lẽ chỉ là khi bữa tiệc đã tàn, lũ trẻ con trở tài biểu diễn

múa hát. Đầu tiên, bà thím đem cô cháu ngoại ra khoe: cô bé sáu tuổi, xinh như một con búp bê, mắt đen láy trong veo, giọng hát cũng trong veo và đặc biệt là hát rất diễn cảm và đúng nhạc. Điều đáng trong chiếc áo dài màu đỏ xinh xắn may vừa khít, cô bé hát luôn ba bài, hai bài tiếng Pháp và một bài tiếng Việt về trăng Trung Thu, không hợp cảnh lắm, nhưng hát tiếng Việt mà hay được như thế thì đã là quá giỏi. Tất cả mọi người vỗ tay nhiệt liệt. Thế là trẻ con các nhà khác, được bố mẹ chúng khuyến khích, cũng hăng hái xông ra. Sau khi hai đứa con của Hạnh trình diễn xong một tiết mục song ca, Hạnh bèn quay sang hỏi: "Ba anh em cu Nam chắc cũng biết hát chứ?" Ba đưa đã nhấp nha nhấp nhồm muốn lên biểu diễn từ lâu, nhưng còn e ngại vì là người lạ, nay thấy cô hỏi vậy phần khởi đứng lên ngay. Cu Nam chọn bài hát và lĩnh xướng, hai bé sinh đôi ra sức gân cổ hát theo anh. Ba đưa say sưa hát liền một lúc ba bài hát trẻ con tiếng Pháp, hết "Au clair de la lune" đến "Il était un petit navire", xong lại "Joli tambour". Được mọi người cổ vũ bằng những tràng pháo tay sôi nổi, cu Nam phần khởi bèn quyết định gây ấn tượng với dân Paris bằng bài hát tử của mình: ba anh em liền hát tiếp bài hát thứ tư, một bài hát người lớn mà chúng rất thích và thuộc lòng do nghe đĩa CD của mẹ: "À toutes les filles que j'ai aimées avant". Khởi phải nói bài hát đã thu được thành công lớn đến thế nào: mọi người vừa cười nghiêng ngả vừa vỗ tay không ngớt, mà người vỗ tay to nhất có lẽ là ông bố của ba đứa. Khi tiếng vỗ tay lắng lại, bà nội hỏi: "Ba đứa có biết bài hát tiếng Việt nào không? Hát hay lắm, nhưng Tết ta sao toàn hát bài tây vậy? Má bày nhỏ không dạy con hát tiếng Việt à?". Lan Chi cười chống chế: "Hồi nhỏ bọn nó cũng biết nhiều bài hát tiếng Việt lắm ạ. Con có mấy cái băng nhạc cũ mang đi từ Việt Nam, bọn nó nghe rồi hát theo được hết. Nhưng lớn lên, đi học ở trường cả ngày, chúng nó đâm ra quên dần bài hát Việt Nam." Cu Nam cãi lại ngay: "Có bài con vẫn thuộc đấy chứ mẹ!". "Bài nào, hát thử coi", bà nội bảo. "Bài "Hà Nội, niềm tin và hy vọng", cu Nam trả lời. Một thoáng im lặng. Rồi bà nội bỗng à lên như vừa mới sực nhớ ra, bà bèn quay sang nhắc cô Hạnh tuần sau phải gọi thợ đến sửa lại cho bà cái lò sưởi. Trung và Lan Chi cười cười nhìn con trai, chưa biết nói sao thì cu Nam chạy đến bên mẹ, bảo: "Con thuộc thật đấy, ba mẹ không tin con hát cho mà xem". Lan Chi dịu dàng vuốt nhẹ tóc con: "Mẹ tin, mẹ tin chứ. Nhưng hôm nay hát thế nhiều rồi. Để lần sau con nhé."

Mùng một Tết là ngày chủ nhật. Đêm hôm trước, sau bữa tiệc tất niên, lúc vợ chồng nằm trong giường, Lan Chi vừa định nói chuyện

với Trung thì anh đã đoán ngay được ý vợ và bảo: "Mình còn ở đây nốt ngày mai thôi. Mai em tranh thủ ghé thăm Thanh Hoa đi. Để con anh giữ cho. Anh sẽ dẫn bọn nhỏ đi chơi với lũ con nhà Hạnh." Để đền bù cho lũ trẻ chuyện không được đi ăn McDonald ngày mừng một Tết, Hạnh và Trung quyết định cho chúng đi chơi Disneyland. Lan Chi ấn vào tay chồng một cái túi to, nào khăn mùi xoa, nào nước uống, nào bánh phồng khi bọn trẻ đói, nào áo quần dự trữ nhớ đưa nào ngã bầm hay uống nước rớt ra còn có cái thay... Trung phải sốt ruột kêu lên: "Mấy ba con đi chơi không có mẹ mỗi một buổi thôi mà mẹ làm như xa cả năm vậy." Sau khi lặp lại đến lần thứ ba những lời dằn dò cho cả bốn bố con, Lan Chi tiễn Trung và ba đứa trẻ cùng mẹ con Hạnh ra ô-tô rồi đi đến nhà Thanh Hoa bằng tàu điện ngầm. Bốn năm rồi họ mới lại gặp nhau. Thanh Hoa nhìn Lan Chi vẻ xót xa rồi bảo:

- Tao thấy mày hơi gầy đi đấy.
- Một chồng ba con rồi còn béo làm sao được, - Lan Chi đáp. - Mà mày cũng gầy đi thì phải. Có sụt cân không?
- Sụt hai cân so với trước đây vài năm. Thôi thế là vừa. Khỏi phải thể dục, khỏi phải ăn kiêng để giữ eo nữa nhé.
- Tuổi bọn mình bây giờ phải béo mới sang Hoa ạ. Gầy như tao với mày về nước thế nào cũng bị chê là số vất vả.
- Thì vất vả thật chứ còn gì, - Thanh Hoa cười. - Chục năm rồi chẳng được ăn một cái Tết nào cho ra hồn. Ở Việt Nam có ai vất vả đến thế không?

Rồi Thanh Hoa than thở: "Hôm qua mua một cái bánh chưng ở chợ về, thấy sao mà quái dị. Đã một lớp lá bên trong, lại phải thêm một lớp giấy nylon bên ngoài. Mở ra ăn, thấy nếp đồ thịt đủ cả, không biết thiếu cái gì, mà sao ăn chẳng giống bánh chưng. Bực mình chỉ muốn mua gạo mua lá về tự gói, nhưng chồng con có ai thích ăn đâu, ăn một mình thì chẳng bõ công gói. Đấy, mấy hôm vừa rồi thấy thềm canh măng quá bèn ninh một nồi rổ to cho có không khí Tết, mà chồng con mỗi người chỉ ném thử một hai thìa rồi thôi, mình tao ăn chắc phải đến Tết sang năm mới xong. Tết năm ngoái đi chợ thấy có quả gấc đẹp quá lại còn hứng chí vác về nấu đĩa xôi, lão kia (Thanh Hoa hát đầu chỉ về phía ông chồng đang ngồi đọc báo ở góc phòng) ăn một miếng tí teo rồi lịch sự rút lui chẳng phát biểu gì. Còn mấy đứa nhóc không được lịch sự như bố nó nên bảo thẳng: "Khiếp, mẹ nấu món gì mà kinh thế." Từ đó tao cạch, không trở tài nấu các món ăn dân tộc nữa mày ạ. Chả ai hưởng ứng mình cả, mà mình thì Noel nào cũng chịu khó gặm gà tây với chúng đấy chứ, mày bảo thế có

bất công không? À, may còn món nem thì cả nhà đều thích, nên tao phải tích cực làm nem cho bố con nó ăn, chứ không dám mua ở chợ. Nem mua chợ họ cho đường ăn ngọt khé cổ, hồng khẩu vị đi mình..." Pascal, "lão kia", ngồi đọc báo, chẳng hiểu được câu tiếng Việt nào, nhưng chắc nghe giọng điệu của Thanh Hoa, rồi nhìn vẻ mặt của cô và cái hất đầu hướng về phía anh, anh cũng đủ hiểu là vợ mình đang kể khổ, và kể phải chịu trách nhiệm về nỗi thống khổ bao la ấy đích thị là mình chứ không còn ai khác. Hẳn là để lập công chuộc tội (hay cũng có thể do đã bàn trước với Thanh Hoa?), anh đứng dậy lại gần hai người, mỉm cười ra chiều thông cảm và bảo rằng hôm nay là Tết Việt Nam, lại chẳng mấy khi có Lan Chi đến chơi, nếu Thanh Hoa muốn dẫn bạn đi chơi Paris thì anh xung phong quản lý lũ nhóc và chịu trách nhiệm cơm nước, cứ đi đi rồi tí nữa về là có cơm ăn.

Thanh Hoa bảo anh trông hai đứa trẻ không để xảy ra chuyện gì là được rồi, còn ăn uống thì bọn này đi chơi tiện đâu ăn đấy (cô quay lại thì thầm với Lan Chi: "Đừng có dại ăn cơm lão ấy nấu!"). Lan Chi hỏi: "Mày định đi đâu?" "Đi dạo loăng quăng ngoài đường một chút cho thoáng, đâu chả được. Hôm nay mừng một, đi hái lộc!"

Gọi là hái lộc chứ lấy đâu ra lộc mà hái. Hai người đi lang thang trên đường phố, nhìn bất cứ cái gì cũng nhớ đến Tết ở quê hương. Ngày chủ nhật, người đi chơi ngoài đường khá đông vui, Lan Chi bảo nếu mình ở Hà Nội thì giờ này cũng đang đi chúc Tết đấy. Thấy một quầy bán hoa, Thanh Hoa kêu nhớ cái lần cuối bọn mình cùng đi chợ hoa Hàng Lược quá, hôm ấy hai đứa mua được hai cành đào đẹp ghê người, chỉ phải cái hơi đắt, Chi nhớ không, cứ như mới ngày nào Chi nhỉ. Hơn hai chục năm rồi, còn mới mẻ gì nữa, hồi ấy bọn mình chỉ có mười bảy tuổi thôi mà Hoa... Rẽ vào một phố vắng, đi ngang qua một biệt thự, thấy trong vườn nhà người ta có cây gì nở hoa na ná giống hoa đào, Thanh Hoa bảo: "Bây giờ già rồi nên bắt buộc phải đứng đắn, chứ không tao đã nhảy vào kia bẻ trộm một cành về cắm cho đỡ nhớ hoa đào. Không có ngày nào trong năm thấy nhớ nhà như ngày Tết ta, Chi ạ."

Đi một lúc đã đến giữa trưa, Thanh Hoa nói xem gần đây có hiệu nào ăn được thì ghé vào ăn tạm. "Hôm nay Tết ta, mình vào ăn quán Việt Nam đi", Lan Chi đề nghị. "Thôi, ăn Việt Nam làm gì chán lắm, - Thanh Hoa gạt đi. - Gọi là Việt Nam chứ ta chẳng ra ta, Tàu chẳng ra Tàu. Món nào cũng có, món nào cũng hơi giống giống, nhưng chẳng món nào đúng hẳn, ăn cứ như ăn của giả. Ngày Tết ăn như thế càng thêm nhớ nhà. Muốn ăn món ta thì để khi nào về Hà Nội ăn cho bổ. Còn bây giờ ở đây mình đi ăn món Pháp cho xong."

Vào một hiệu ăn tình cờ ở dọc đường, Lan Chi chọn món cá hấp, Thanh Hoa gọi miếng thịt bò bifeck nướng đúng kiểu Pháp, bên trong còn hồng hồng, nước đỏ chảy ra. "Không sợ bò điên à?", Lan Chi hỏi. "Sợ gì, bây giờ muốn điên cũng không phải dễ đâu", Thanh Hoa cười đáp.

- Vợ chồng mày dạo này thế nào?, - ăn được một chút, Thanh Hoa bỗng hỏi.

- À, bình thường thôi, vẫn chịu đựng được nhau, - Lan Chi trả lời.

- Chịu được nhau là tốt rồi. Tao với Pascal cũng vậy. Thế mẹ chồng mày bây giờ ra sao?

- Không có vấn đề gì.

- Quá trình hòa giải hòa hợp dân tộc vậy là tiến triển tốt hả? - Thanh Hoa cười hỏi.

- Sự thế đã thế, không hòa giải thì mày bảo còn làm gì nữa? - Lan Chi cũng cười theo. Rồi bỗng nhiên, cô đổi đề tài:

- Lâu nay mày có tin tức gì của Quân không, Hoa?

- Hình như hiện giờ hấn dạy đại học ở Mỹ hay Canada ấy, tao cũng không rõ lắm. Mấy năm trước thì hình như ở Anh. Nghe nói hấn có vợ và một con trai rồi thì phải. Toàn là nghe nói thôi, chứ hơn chục năm rồi có lúc nào thư từ cho nhau đâu mà biết rõ được. Còn Kiên ra sao, mày biết tin tức gì của hấn không?

- Cũng toàn tin cũ và tin "nghe nói" thôi. Thấy bảo Kiên vẫn ở Hà Nội, vợ con đề huề, làm giám đốc công ty gì đó, có biệt thự to hơn đứt bọn mình ở đây.

Im lặng một chút, rồi Thanh Hoa thở dài:

- Tao không bao giờ hiểu nổi vì sao hồi đó mày và Kiên lại bỏ nhau. Yêu nhau dữ dội như Romeo và Juliette, vậy mà đùng một cái...

- Thời đại này chết vì tình hết mất rồi. Càng Romeo - Juliette thì lại càng dễ tan.

- Nhưng tại sao bọn mày lại bỏ nhau? Có chuyện gì vậy? Bao nhiêu năm rồi, tại sao không khi nào mày chịu kể cho tao nghe chuyện gì đã xảy ra?

- Tại vì chính tao cũng không biết rõ chuyện gì đã xảy ra, - Lan Chi nói. - Có lẽ vì tất cả. Vì Kiên, vì tao, vì hoàn cảnh. Mọi sự đã thay đổi rất nhiều sau khi mày rời khỏi Matxcơva, Hoa ạ.

Tìm trong nỗi nhớ

Chương 5

Mọi sự đã thay đổi rất nhiều sau khi T.H. rời khỏi Matxcova. Trước đó một năm, chúng tôi cứ tưởng mình không còn có thể hạnh phúc hơn được nữa. Tốt nghiệp đại học xong, về nước nghỉ ngơi được vài tháng thì cả tôi, T.H. và Q. đều được trở lại Matxcova làm tiếp nghiên cứu sinh. Ba đứa lại cùng đi một chuyến máy bay, lần này có cảm giác như trở về nhà. Sau năm năm, Matxcova đã trở nên thân thương với đầy kỷ niệm.

K. ra đón tôi ở sân bay. Anh ôm ghì lấy tôi rồi kêu sao có mấy tháng mà em gầy đi thế. "Tại mùa hè nóng quá, em chưa quen lại được với khí hậu ở nhà", tôi bảo. Tôi không muốn thú nhận với K. rằng lý do chính là vì tôi chưa quen sống xa anh. Kể từ buổi hoàng hôn trên phố Arbat ấy, tôi như bị cuốn theo K. vào một cơn bão lốc. Tình yêu của anh mạnh mẽ, ào ạt đến nỗi tôi không có lúc nào dừng lại để thở, để suy nghĩ, để nhìn ra xung quanh. Lúc nào cũng chỉ thấy có K. trước mắt. Đi đâu cũng có anh ở bên. Tôi ngồi nhà viết luận văn tốt nghiệp, K. mang tài liệu sách vở của anh đến nhà tôi, ngồi bên cạnh, nói là để cùng "thi đua" học tập. Nhưng chốc chốc anh lại rời sách ra, lúc thì vuốt tóc tôi rồi bảo: "Cứ viết đi, đừng để ý gì đến anh", lúc khác lại năn nỉ: "L.C. ơi, cho anh hôn một cái, một cái thôi, không thì anh chết mất!" "Hôn lên trán thôi nhé", tôi đùa. "Hôn trán thì chán chết", K. cười, rồi tự coi là đã được phép, anh nghiêng người về phía tôi, sách vở của hai đứa rơi rào rào xuống sàn nhà và phải đến mười lăm phút sau mới được K. cúi xuống nhặt lên đặt lại vào chỗ cũ. Kết quả là chương cuối cùng trong luận văn của tôi bị ông thầy bắt viết lại lần thứ hai và kêu là mắc nhiều lỗi chính tả vớ vẩn ("Có chuyện gì thế? Những chương trước khó hơn thì em lại viết rất tốt, và hầu như không có lỗi", - ông thầy tôi ngạc nhiên bảo). May mà trước đó tôi đã viết xong những phần cơ bản, cho nên cuối cùng cũng hoàn thành được luận văn và tốt nghiệp đại học với bằng đỏ. Nhận bằng, vừa mừng vừa lo sợ vì không hình dung nổi về nước sẽ sống ra sao khi không có K. bên cạnh. Thời hạn nghiên cứu sinh của anh còn hai năm nữa mới xong. Tôi và anh đều không dám nghĩ đến chuyện phải sống xa nhau những hai năm. Cả hai đứa đều bám vào niềm hy vọng là mấy tháng sau tôi sẽ được quay lại để học tiếp. "Nhưng nếu em không được sang lại thì sao?", tôi hỏi. "Thì đến kỳ nghỉ Noel anh sẽ về Hà Nội. Chúng mình sẽ làm đám cưới", K. trả lời chắc như đinh đóng cột. Tôi ngả đầu vào vai anh, mơ màng tưởng tượng đến lễ cưới của mình ở Hà Nội, tưởng tượng đến một bé con sẽ ra đời chín tháng sau đó, tưởng tượng rằng cái nhìn sâu thẳm và nụ cười dễ

thương của bé, giống hệt như K., sẽ giúp cho tôi chịu đựng nốt một năm cuối cùng sống xa anh.

Nhưng niềm hy vọng của bọn tôi vậy là đã thành hiện thực. Trước mắt chúng tôi còn có hai năm sống bên nhau ở Matxcova. Kế hoạch về lễ cưới và "baby" tạm gác lại, bây giờ chuyện cần phải lo là học hành, thi cử, luận án. "Chỉ hoãn lại ba năm, đợi em học xong thôi đấy nhé", K. cảnh cáo tôi. Rồi nghĩ ngợi một lúc, anh hăng hái bảo: "Mà sao phải hoãn lại nhỉ? Chúng mình cứ làm luôn đám cưới ở Matxcova ngay bây giờ đi!" Anh đâm ra phấn khởi với sáng kiến đó tới mức ngày nào cũng nhắc đi nhắc lại đến mấy lần, làm tôi sốt cả ruột. "Thì cứ từ từ, để em thở một cái đã, rồi chúng mình tính sau", tôi bảo.

Tính đi tính lại tôi vẫn muốn đợi lúc học xong về Hà Nội mới làm đám cưới. Tôi muốn lễ cưới của tôi phải có mặt bố tôi, có mặt cô tôi mà từ khi mẹ tôi mất đã thương yêu chăm sóc chị em tôi như mẹ, có mặt đồng đủ bạn bè học cùng từ phổ thông đến đại học. Vả lại có gì mà vội? Cưới hay không thì lúc nào K. cũng vẫn ở bên tôi. "Mày có đuổi hẳn cũng chẳng chịu đi đâu, việc gì phải lo giữ", T.H. xui. Lúc tưởng rằng sẽ phải sống xa K. lâu thì tôi phát hoảng, sẵn sàng cưới ngay, sẵn sàng có con ngay. Bây giờ anh đang ở bên, tôi lại nán ná chưa muốn vội bước vào cuộc sống đó. Tôi luyến tiếc cái thời lãng mạn, tán tỉnh, tặng hoa... "Cưới rồi thì anh vẫn tặng hoa cho em hàng ngày", K. thề thốt. Tôi bèn cò kè mặc cả: "Thôi, không phải ba năm, mà chỉ hai năm nữa thôi nhé. Khi nào anh bảo vệ xong về nước, thì em sẽ xin về phép cùng với anh. Chúng mình cưới ở Hà Nội rồi em quay sang học tiếp. Anh ở lại nhà chẳng biết có đủ sức thủ tiết đợi em một năm không?" "Đợi em thì mấy chục năm anh cũng đợi được. Nhưng giá em đừng bắt anh đợi ngày nào thì hơn", K. bảo. Nhưng rồi cuối cùng anh cũng đồng ý với "kế hoạch hai năm" của tôi, chỉ bảo thêm rằng nếu em thay đổi ý kiến, muốn cưới sớm hơn thì nói ngay với anh nhé, anh lúc nào cũng sẵn sàng "nộp mạng" cho em. Tạm thời thì hầu như ngày nào K. cũng đã đến "nộp mạng" ở nhà tôi. Ngoảnh đi ngoảnh lại, tự nhiên tôi thấy căn phòng nhỏ của mình bị lấn chiếm từ lúc nào không biết, khắp nơi bừa bộn sách vở đồ đạc của K. Đầu tiên chỉ là mấy quyển sách thôi, K. mang đến đọc (vẫn với tinh thần "thi đua" như trước), rồi buổi tối đứng dậy ra về thì bảo: "Anh để sách lại đây L.C. nhé. Mai anh đến đọc tiếp". Dần dần, hình như cả tủ sách của K. đã được chuyển hẳn về nhà tôi. Sau thì đến các loại quần áo, đồ dùng, cũng xâm nhập bằng cách ấy. Cuối cùng đến lượt cái giá vẽ công kênh với tất cả đồng phụ tùng kèm

theo. Hôm K. vác cái đồng lĩnh kinh này vào nhà, tôi vừa định mở miệng phản đối thì anh chặn họng ngay:

- Thiếu những thứ này anh không sống thoải mái được. Cảm thấy hình như không phải là nhà của mình nữa!

- Thì tất nhiên đây không phải là nhà của anh. Em nhắc cho anh nhớ đây vẫn là nhà em đấy nhé, - tôi nhận xét.

- Ủ nhỉ, dạo này ngày nào cũng ở đây từ sáng đến tối nên đâm ra quên mất, cứ tưởng bỏ, - K. cười xòa. - Nhưng mà không có em thì anh càng không sống thoải mái được, thấy rõ ràng không phải là nhà của mình. Hay là em chuyển đến chỗ anh ở đi, anh sẽ mang đồ của anh về đó ngay.

Tôi lắc đầu.

- Thấy chưa, - K. đắc thắng. - Chuyển mấy thứ đồ này dễ hơn là chuyển em.

Tôi đành chấp nhận cho cái giá về vị trí thứ nhì trong đời K., sau tôi, và chia sẻ căn phòng chật chội của mình với nó. Nhờ đó mà tôi biết được niềm đam mê lớn của anh: vẽ. Vẽ chỉ là một say mê nghiệp dư của K., ngành học của anh là kiến trúc, nhưng đôi khi tôi có cảm giác là anh dành nhiều tâm huyết cho hoạt động này hơn cho ngành học chính của mình. Anh có thể vẽ hầu như mọi lúc: lúc vui, lúc buồn, lúc gặp bế tắc trong luận án, lúc nghĩ ra một ý tưởng hay. Tranh của K. rất trừu tượng, khó hiểu. Tôi vốn đã mù tịt về hội họa, xem tranh của anh cứ thấy đầu óc mình sao mà u u mê mê. Nhưng càng không hiểu thì lại càng ngưỡng mộ. K. bảo, từ khi anh gặp tôi, trong tranh nào của anh cũng có tôi. Anh nói vậy thì tôi sung sướng tin là vậy, chứ thực ra nhìn căng cả mắt tôi cũng không dám quả quyết là có mình trong tranh của anh. Giữa những bố cục kỳ lạ, đôi khi thấy thấp thoáng mờ ảo cái gì đó giống như một bờ vai gầy với mái tóc đen dài buông xõa, một thân hình thon thả với vạt váy trong gió bay bay, hay là một đôi mắt to, to quá khổ... Tất cả đều là tôi, theo như K. nói. Tôi gật gù đồng tình và nói với vẻ mãn nguyện: "Ít nhất thì những đứa béo quay và tóc ngắn cũng không thể nhận vợ là được anh vẽ. Mấy cô tây tóc vàng cũng không có cơ để nhận xăng!" Rồi tôi chỉ vào bức tranh có đôi mắt to và hỏi: "Mắt em thô lỗ như thế này à?" "Mắt em mệnh mông như thế đó", K. cười và cúi xuống hôn vào mắt tôi.

T.H. và Q. đến chơi, sững sốt khi thấy căn phòng của tôi đã biến thành xưởng vẽ với ngổn ngang đồ đạc.

- Chết thật!- cô bạn tôi thốt lên. - Hai vị này đã xây tổ ấm ở đây rồi đấy hả? Sao không báo cho bà con biết để ăn mừng?

Tôi hơi ngượng, chưa biết nói sao thì K. đã nhanh nhẩu trả lời:

- Chưa xây gì đâu. Mới chỉ là tổng diễn tập thôi. Mục đích là để huấn luyện L.C. dần dần. Tại vì L.C. kêu sợ cuộc sống gia đình, tiếc thời lãng mạn, nên phải có thời kỳ quá độ.

- Thằng cha này số đỏ thật, - Q. bình luận rồi liếc xéo T.H. một cái. - Thời kỳ quá độ như thế này thì mình cũng muốn tiến vào lắm, mà không biết làm sao để tiến được.

Quan hệ giữa Q. và T.H. vẫn đang ở giai đoạn mập mờ khó hiểu. Tất nhiên, cái thời chàng không dám nhìn thẳng vào mắt nàng thì từ lâu đã thuộc về cổ tích. Hai người dạo này thường hay đi chơi với nhau, nhưng mỗi khi tôi hỏi đến, T.H. đều khẳng khái bảo: "Bạn thân thôi, không có gì khác đâu". Giới tự cho là thạo tin trong trường nói rằng Q. đang ở bước đi ban đầu của thời kỳ quá độ. Nhưng K., nguồn tin sát nhất với Q., lại ngao ngán bảo tôi rằng: "Cái thằng lóng ngóng ấy bao nhiêu lâu rồi vẫn chỉ giơ chân ra, chứ đã bước được bước nào đâu. Dạy mãi rồi mà cũng không khá lên được".

Cái giọng kể cả của một kẻ dày dặn kinh nghiệm trong tình trường ấy, K. mới sấm được kể từ ngày có tôi. Lắm lúc tôi bực mình, chỉ muốn dẹp ngay cái giọng này đi. Nhưng khổ nỗi, chẳng làm sao dẹp nổi, vì bọn con trai ở đây thần phục thành tích "đánh nhanh thắng nhanh" của K. đã đồng loạt tôn anh lên làm sư phụ. Thỉnh thoảng lại có một kẻ thất tình đến hỏi ý kiến quân sư. Gì chứ về khoản lời khuyên thì bao giờ K. cũng rộng rãi ban phát. Rồi, sau khi kẻ đi "thỉnh kinh" đã ra về, anh lại quay sang tôi, nói với một vẻ rất hoài nghi: "Chỉ bảo cho cu cậu cặn kẻ lắm rồi đấy, nhưng chẳng biết có ăn thua gì không. Chuyện này nhiều khi học mấy cũng không đủ. Còn phải có khiếu nữa!"

Q. được K. xếp vào loại "học trò" đặc biệt không có khiếu của anh. Về mặt chuyên cần học hỏi và tinh thần cầu tiến thì đồ ai dám chê Q. Động có vấn đề gì là anh lại hốt hải đến thỉnh ý quân sư ngay lập tức. Nhiều khi hai gã ngồi bày mưu tính kế cả buổi. K. phán gì, Q. cũng ngoan ngoãn nuốt lấy từng lời. Vậy mà trời chẳng đền đáp cho cái công khó nhọc ấy. Cứ mỗi lần tôi hỏi thăm K. về tình hình "học trò" anh thì anh lại thở dài: "Thề thắm lắm L.C. ạ. Theo đuổi gần hai năm rồi mà vẫn chưa hôn được cái nào thì đúng là tuyệt vọng!" "Lỗi tại thầy trước hết, - tôi nói. - Anh từ chức đi cho Q. kiếm thầy khác". "Vấn đề không phải là ở thầy, -K. phản đối.- Nói em đừng bảo là tự kiêu, chứ thầy giỏi tầm cỡ như anh thì cả Mat này không kiếm được người thứ hai đâu. Tại cái thằng Q. ấy chứ, lý thuyết thì hỏi đến đâu nói vanh vách đến đó, mà thực hành thì chả biết gì sất cả. "

Quả thật, lỗi không phải ở thầy. Nhưng theo tôi, lỗi cũng không phải

ở trò nót. Sau khi gặng hỏi T.H. nhiều lần, tôi ngờ rằng nguyên do chủ yếu là tại cô bạn tôi đọc quá nhiều tiểu thuyết. Từ lâu, T.H. đã mắc phải một khuyết điểm rất lớn là có sự ham mê thái quá đối với các loại truyện tình yêu lâm ly đắm nước mắt. Đọc nhiều, rồi so sánh với tình cảm của mình và Q., cô nhận thấy là hình như nó không giống. "Không giống cái gì?", tôi hỏi. "Không giống tình yêu", T.H. trả lời. "Không tình yêu thì là tình bạn à?", tôi lại hỏi. "Hình như cũng không phải là tình bạn", T.H. ậm ừ nói. Tôi phì cười: "Không tình yêu, không tình bạn, thế thì mày bảo là tình gì?"

Vấn đề hóa ra là không đơn giản tí nào. Theo như T.H. nói thì cô rất quý mến Q. Đi chơi với Q. thấy rất thoải mái. Lâu không gặp cũng thấy trống trải, vắng vẻ. Như vậy chắc là hơn tình bạn rồi. Khốn nỗi, gọi là trống trải vắng vẻ, nhưng có lần Q. bận việc phải đi xa, không gặp nhau đến hai tuần mà vẫn cứ chịu được. Không hề thấy khắc khoải đau thương như trong sách tả. Lúc gặp lại nhau thì quả là có vui mừng, nhưng không thấy tim mình đập loạn xạ gì hết. Vậy chắc chưa phải là tình yêu.

Tình hình đã phức tạp như vậy thì tôi và K. lại vô tình làm rối thêm. Vẫn theo T.H., thì sau khi nhìn tôi với K., cô mới hiểu thế nào là tình yêu đích thực, mãnh liệt, say đắm và v.v... (vân vân ở đây là nhiều tính từ mạnh khác.) Tình cảm với Q. lại bị T.H. đem ra so sánh thêm lần nữa, rồi bị nhận thêm một dấu hỏi to đùng.

- Thế mày định thế nào? - tôi hỏi.

- Chưa định gì hết, - T.H. trả lời.

- Gì thì cũng nên quyết định sớm đi cho Q. nó được nhờ, - tôi bảo. - Nếu không xơ múi gì thì nó còn được giải phóng để đi kiếm chỗ khác. Cứ om nó mãi thế tội nghiệp.

- Tao có om gì đâu, - T.H. cãi. - Tao đã nói hết với Q. như vừa nói với mày ấy. Nhưng Q. vẫn hy vọng là sẽ có lúc tao hiểu ra rằng đó là tình yêu đích thực. Thật tình, tao cũng hy vọng như vậy.

Tất cả chúng tôi đều hy vọng như vậy. Nhưng cuộc đời đã quyết định theo kiểu khác, bằng cách đưa vào một nhân tố mới.

Nhân tố mới này là một nhà khoa học Pháp đến làm việc ba tháng trong phòng thí nghiệm của T.H., theo chương trình hợp tác khoa học Pháp - Nga (T.H. học ngành sinh học phân tử). Cùng với ông thầy của mình, T.H. là một trong những người tham gia trực tiếp vào chương trình này. Vì ông thầy của T.H., một giáo sư có tên tuổi khá uy tín, còn bận rất nhiều việc khác, nên nói chung ông chỉ đứng tên vào đề tài là chính, còn mọi công việc "trâu bò" thì giao cả cho T.H. Lại vì đề tài luận án của T.H. gắn liền với chương trình hợp tác này,

cho nên quyền lợi thiết thân của mình khiến cô phải hùng hục kéo cái cày ông thầy giao cho một cách vui vẻ, tự nguyện. Thành thử, cuối cùng, người đại diện cho nền khoa học Nga để làm việc với nền khoa học Pháp, trên thực tế chính là cô bạn T.H. của tôi.

Sứ giả của nền khoa học Pháp là một giáo sư tiến sĩ có những công trình nghiên cứu nghe nói rất đáng nể, nhưng lại hiện diện dưới cái lột của một người đàn ông trẻ, tuổi mới ngoài ba mươi. Giáo sư hầy còn độc thân vui tính, lại rất say mê khoa học, thành ra suốt ba tháng ở Matxcova ông chẳng còn biết làm gì, ngoài việc miệt mài tối ngày trong phòng thí nghiệm. Đề tài nghiên cứu nghe nói rất lý thú. Đại diện cho nền khoa học Nga thì rõ ràng vừa có tài, vừa duyên dáng, xinh tươi. Giáo sư không còn muốn rời phòng thí nghiệm ra nữa.

Ngày nào ông cũng yêu cầu đồng nghiệp ở lại làm việc cùng ông đến tận gần nửa đêm. Một sự tận tụy với khoa học như vậy hiển nhiên sẽ dẫn đến những kết quả tuôn ra ào ạt. Ào ạt đến nỗi là sau khi thời hạn ba tháng kết thúc, giáo sư Pháp cho rằng sẽ có tội với khoa học nếu dừng chương trình hợp tác lại ở đây. Mọi người đều nhất trí là phải tiếp tục chương trình này, nhưng địa điểm của sự hợp tác sắp tới sẽ chuyển từ Matxcova sang Paris.

Giáo sư Pháp đúng là người có tác phong làm việc khoa học, nhanh nhẹn. Về Pháp được một tháng, ông đã dàn xếp xong chuyến đi Paris của các nhà khoa học Nga. Ông thầy của T.H. bận đủ thứ việc nên chỉ nhận lời đi một tháng. Về phần T.H. thì lời mời của giáo sư Pháp quả thực là hơi bất ngờ: ông không mời cô đi hợp tác nghiên cứu ngắn hạn, mà đề nghị cô chuyển hẳn sang làm tiếp luận án ở phòng thí nghiệm của ông. Ông đã kiếm được cho cô một học bổng để làm luận án tiến sĩ ở Paris, thời hạn ba năm.

T.H. tự dưng bị đặt trước sự lựa chọn Matxcova -Paris. Một bên giống như ngôi nhà thân thương với những thói quen, bạn bè, thầy cô, kỷ niệm..., nhưng đi cùng với nó là cuộc sống vất vả: vừa làm khoa học lại phải vừa lo "đánh quả" để có "lương khô" về nước ăn dần. Bên kia là chân trời mới choáng ngợp, niềm mơ ước của bao người, và quan trọng nhất là ở đó, chỉ với khoản tiền học bổng của mình, T.H. cũng đã có thể yên tâm với công việc nghiên cứu khoa học, không phải lo nghĩ nhiều đến chuyện "dự trữ" cho tương lai. Vả lại (cái "vả lại" này chỉ là một lý do tiện thể nói thêm, nhưng xem chừng cũng hơi quan trọng), như T.H. tâm sự với tôi, thì cô thấy mình làm việc với ông thầy hiện nay tuy cũng tốt, nhưng không được ăn ý như khi làm việc với Pascal (giáo sư tiến sĩ Durant, chỉ sau nửa tháng hợp tác khoa học, đã bị đồng nghiệp hạ bệ xuống thành

"Pascal" cụt lủn). T.H. cũng có nghĩ đến Q., nhưng những tình cảm mơ hồ của cô đối với anh không đủ sức nặng để thay đổi cán cân lực lượng. Sự lựa chọn như vậy là đã rõ. Ông thầy của T.H. phải trả giá cho sự hợp tác với nền khoa học Pháp bằng việc mất cô học trò cưng. Nhưng sự mất mát này làm sao so sánh nổi với sự mất mát của Q.

T.H. đi rồi, Q. gần như suy sụp hẳn. Một trong những mục tiêu phấn đấu chính của đời anh, tưởng như đã ở trong tầm tay đến nơi, đừng một cái lại tự nhiên biến mất, thử hỏi làm sao mà không suy sụp được? Ngoài những bài toán yêu quý của mình ra, từ nay thế là Q. không còn có chỗ nào để tiêu hao cho hết thời gian và năng lượng. Thỉnh thoảng buồn quá không chịu nổi, Q. lại mò đến nhà tôi để ăn vạ ông bạn thân thiết nhất của mình. K. bị mất vai trò "cố vấn ái tình", nhưng anh lập tức vào vai "chị Thanh Tâm", an ủi, động viên rất khá, cho nên dần dần thì nỗi buồn của Q. cũng có vẻ phần nào nguôi đi. Mà nguôi đi là phải, vì đã là đàn ông chân chính thì không nên để cho những chuyện tình cảm nhỏ mọn ấy nó làm ảnh hưởng đến sự nghiệp lớn của mình, càng không nên chấp nhận hay luyến tiếc cái bọn đàn bà nhẹ dạ, không biết đâu là giá trị đích thực (câu này là của K. nói với Q., sau khi nhìn quanh quất và hạ giọng thì thảo, tưởng rằng tôi không nghe thấy, và được Q. cho là rất chí lý).

Thời gian có lẽ sẽ làm lành mọi vết thương. Cuộc sống có lẽ sẽ trở lại với dòng chảy bình thường của nó.

Nhưng mọi sự đã thay đổi rất nhiều sau khi T.H. rời khỏi Matxcova. Tất cả chúng tôi đều bước vào thời kỳ bận rộn với việc làm luận án: năm đầu thông dong đã trôi qua, thời hạn càng rút ngắn đi thì sức ép lại càng lớn.

Trong ba người chúng tôi thì K. là người bận nhất. Anh học trên Q. và tôi một năm, thời hạn bảo vệ luận án của anh đã đến gần, chỉ còn tính bằng từng tháng.

Thực ra, những phần cơ bản trong luận án của K. cũng đã hòm hòm, anh có thể ung dung hoàn chỉnh nốt những phần còn lại nếu không bị các công việc khác chi phối. Có điều, bao giờ cũng vậy, bảo vệ luận án xong là phải nghĩ đến chuyện về nước, phải lo đến cuộc sống tương lai ở Việt Nam. Với K., nỗi lo này còn nhân lên gấp bội, vì cái dự định lễ cưới đã ôm ấp từ hai năm nay. Chàng họa sĩ chuyên vẽ tranh siêu thực và trừu tượng của tôi giờ đây đã không còn tâm trí và thời gian để ngó ngàng đến giá vẽ. Trong đầu anh lúc này, chỉ còn bức tranh rất hiện thực và rất cụ thể về một ngôi nhà nhỏ, tổ ấm tương lai của chúng tôi.

"Anh muốn chúng mình cưới xong phải có nhà ở riêng. Anh không muốn em về nước phải vất vả, lam lũ, đầu tắt mặt tối. Anh muốn anh với em có tiền đủ sống để làm công việc chuyên môn của mình. Anh không muốn nhìn thấy em phải đi nuôi lợn, nuôi gà, hay gò lưng may thuê, đan thuê. Anh muốn con mình sinh ra phải được nuôi nấng tử tế..." Để giải quyết những cái "muốn" và "không muốn" này, lúc đó K. chỉ còn một cách là lao đầu vào "đánh quả".

Nhưng "đánh quả" ở Matxcova trước đã không đơn giản, đến thời kỳ này lại càng rắc rối. Nước Nga đang ở những ngày cuối cùng trước khi Liên Xô sụp đổ. Các cửa hàng hầu như trống rỗng. Tình hình xã hội bắt đầu rối ren. Thời thế thay đổi, những người Việt Nam tháo vát cũng tìm đến những phương án làm ăn khác, chẳng mấy khi buồn bỏ thời gian đi lòng sục cửa hàng để châu chực mua vài thứ đồ lặt vặt như trước nữa. Hoạt động thương mại của người Việt ở Nga đã chuyển sang giai đoạn "làm ăn lớn" với nhiều cách thức phức tạp mà tôi chỉ có một khái niệm hết sức mù mờ, vì K. kiên quyết không cho tôi tham gia vào những hoạt động này.

Anh bảo, những việc này hoàn toàn không thích hợp với loại con gái chân yếu, tay mềm, ngờ ngác như em. Anh bảo, anh không muốn em làm những cái trò đó vì sợ em sẽ không còn là em nữa. Thế nhưng anh lại bảo, những việc ấy sẽ cho chúng mình nhiều tiền để sống thoải mái ở Việt Nam, vì vậy anh không thể bỏ lỡ cơ hội. Tôi không hiểu mình phải làm gì, không thể và không dám ngăn cản anh, chỉ còn biết thương xót nhìn anh gầy rộc đi giữa những chuyến đi, những chuyến hàng và bản luận án.

Rồi cuối cùng, đúng hạn, K. cũng bảo vệ thành công luận án phó tiến sĩ. Ngày anh bảo vệ, lại có những đóa hồng nhung thắm đỏ, nhưng lần này, lần đầu tiên, người tặng là tôi, còn người nhận là anh. Có lẽ đến khi tôi bảo vệ thành công luận án của mình, tôi cũng không thể mừng hơn thế được. Một năm nay, tôi luôn luôn trong tình trạng căng thẳng, nín thở lo sợ nhìn anh chơi trò xiếc leo dây, đi chêngh vênh giữa công việc nghiên cứu khoa học và hoạt động kinh tế. Nhiều lúc đứng tim lại vì tưởng thấy anh ngã lộn nhào đến nơi. Nhưng bây giờ, tất cả những nỗi lo sợ này đã chấm dứt, chấm dứt một cách may mắn. K. sẽ về nước với tám bằng phó tiến sĩ và một khoản tiền, không nhiều lắm nhưng cũng đỡ được phần nào cho cuộc sống tương lai của chúng tôi. Một nỗi buồn ập đến khi tôi nghĩ rằng mình sẽ còn phải ở lại Matxcova học tiếp một năm nữa, xa K. Nhưng tôi tự an ủi mình là tôi sẽ chỉ xa anh sau khi đã làm đám cưới. Một năm sẽ trôi qua rất nhanh. Tôi sẽ trở về với anh. Chúng tôi sẽ có một cuộc

sống gia đình thực sự ở Hà Nội. Những bé con xinh xắn, giống anh và giống tôi, sẽ ra đời. Sau một "thời kỳ quá độ" được K. "huấn luyện", tôi cảm thấy mình đã hoàn toàn sẵn sàng cho cuộc sống đó. Thế nhưng, người chưa sẵn sàng bây giờ lại là K.

Ở Matxcova, K. đã nhận bằng. Ở Hà Nội, bố mẹ anh đã đến gặp bố tôi để làm lễ ăn hỏi và bàn chuyện tổ chức đám cưới. Mọi việc đều phải lo tính trước thật chu đáo, vì tôi chỉ được về phép ít ngày, cưới xong là phải quay lại Matxcova ngay.

Đột nhiên, K. tuyên bố là anh chưa muốn về nước lúc này. Anh muốn ở lại Matxcova, đợi tôi bảo vệ xong thì hai đứa về luôn một thể. Anh đã xin được giấy tờ để ở lại thêm một năm nữa, dưới dạng "cộng tác viên khoa học". Nhưng anh cũng nói thẳng với tôi rằng chuyện "cộng tác" ấy chỉ là hình thức. Lý do chính của việc anh ở lại đây, ngoài chuyện muốn được ở gần tôi ra (K. nhấn mạnh điều này), là vì anh đang có một mối làm ăn rất tốt, bỏ đi bây giờ thì quá phí. "Chỉ cần thêm một năm nữa thôi, anh sẽ kiếm thừa tiền cho chúng mình về nước sống thoải mái, rồi em xem", K. bảo. Rồi, nhìn thấy vẻ mặt băn khoăn của tôi, anh hỏi: "Em không thích anh ở lại đây với em à?"

Tất nhiên là tôi thích, nhưng cái thích ấy không đủ để bóp nghẹt nỗi sợ trong tôi. Tôi sợ khi thấy anh quyết định bỏ ra một năm để toàn tâm toàn ý dấn thân vào cái thế giới làm ăn ngày càng trở nên kinh khủng ấy. Gần đây, thỉnh thoảng lại nghe thấy những tin hãi hùng. Những chuyện trần lộn, đâm chém, giết người xảy ra trong giới làm kinh tế. Tôi sợ cho anh, cho tôi.

Suốt một năm tiếp đó, tôi triền miên sống trong nỗi buồn và nỗi sợ. K. nói là chưa về nước vội để được ở lại gần tôi, nhưng công việc làm ăn cứ buộc anh phải đi vắng suốt. Những chuyến đi ngày một xa hơn, ngày một kéo dài hơn. Đầu tiên chỉ là đi đến các thành phố khác, vài ngày thôi. Rồi sau đó anh bắt đầu phải đi xa hơn, sang Ba Lan. Độ dài cây số kéo theo độ dài thời gian. K. bắt đầu vắng mặt một tuần, hai tuần, rồi đôi khi thành cả tháng.

Nếu không có bản luận án phải hoàn thành mà thời hạn bảo vệ ngày càng đến sát, thì có lẽ sự đợi chờ căng thẳng đã làm cho tôi phát điên lên. Tôi vùi đầu vào luận án, tự nhủ rằng một khi tôi bảo vệ xong, thì mọi chuyện điên rồ này sẽ chấm dứt.

Sau mỗi chuyến đi về, giờ đây K. đến ở hẳn nhà tôi. Căn phòng của anh bây giờ hoàn toàn bỏ trống, kể cả ban đêm.

Lần đầu tiên chuyện đó xảy ra là khi K. trở về sau một phi vụ làm ăn ở một thành phố phía Nam. Chuyến tàu của anh quá nửa đêm mới về đến Matxcova. Gần một giờ, khi tôi đã lên giường ngủ, nhưng

chưa tài nào ngủ được vì những nỗi lo cho K. ám ảnh trong đầu, thì anh đập cửa và ào vào như một cơn gió lốc. Anh bảo, anh nhớ em quá không chịu được nên phải đến đây ngay. Anh bảo, anh không muốn một mình về ngủ trong căn phòng lạnh lẽo trống hơ trống hoác của anh nữa. Anh bảo, em nhìn bạn bè mà xem, mọi người có cần đợi cưới đâu mà đều đã sống hẳn với nhau rồi. Anh bảo, chúng mình đã ăn hỏi, lễ ra là đã cưới, thực chất cũng sắp cưới, anh có điên mới trở về ngủ một mình ở cái căn phòng đáng ghét ấy. Anh bảo... rất nhiều thứ, tôi không kịp nghe, không kịp hiểu, không kịp có ý kiến, chỉ còn kịp nhận thấy những cái hôn của anh tới tấp phủ khắp người mình. Nổi mừng được gặp lại anh, nổi nhẹ nhõm vì anh đã trở về nguyên vẹn, tình yêu dâng lên tràn ngập khiến tôi không còn đủ sức kháng cự, không còn ý định kháng cự. Tôi để yên cho anh kéo mình vào một cơn xoáy lốc điên cuồng.

Buổi sáng tỉnh dậy, một cảm giác dịu dàng tràn ngập người tôi. Bàn tay anh đang nhẹ nhàng nghịch một túm tóc tôi. Mở mắt ra, tôi nhận thấy anh đang nhìn tôi đắm đắm. "Sáng dậy, ngái ngủ trông em xinh quá!", anh nói. Tôi mỉm cười, định đáp lại là trông anh cũng rất "xinh", nhưng anh đã cắt ngang câu nói của tôi bằng một nụ hôn cuồng nhiệt.

Ngày hôm ấy, chúng tôi nằm lì trong giường đến hơn mười một giờ sáng. K. bảo hôm nay anh quyết định nghỉ ngơi, không làm việc gì cả. Tôi cũng không muốn làm việc, bản luận án cứ để nằm đấy đợi tôi thêm một ngày cũng chẳng sao. Hai đứa chúng tôi nói đủ thứ chuyện linh tinh. Anh hỏi: "Tình hình luận án của em bây giờ ra sao, có cần anh phát hộ anketa nữa không?" Tôi bảo: "Bây giờ mà còn đợi anh giúp thì chắc luận án của em toi mất rồi anh ạ." Rồi tôi hỏi về những chuyến đi của anh. K. kể cho tôi về những thành phố mà anh đến, về những câu chuyện buồn cười mà anh gặp ở dọc đường, về nỗi nhớ tôi, nỗi nhớ đã làm anh khổ sở ra sao..., nhưng không đụng một câu nào đến những chuyện làm ăn của anh. Sau này cũng vậy, không bao giờ anh hé răng nói một lời đến chuyện đó. Tôi có gắng hỏi thì anh cũng dứt khoát gạt đi bằng một câu trả lời ngắn gọn là anh không muốn tôi phải dính vào những chuyện như thế.

Lâu lắm rồi chúng tôi mới lại cảm thấy hạnh phúc đến như vậy. K. không muốn xa tôi nửa bước. Như thời xưa, anh lại luẩn quẩn bên tôi khi tôi ngồi viết luận án. Nhưng bây giờ K. đã bảo vệ luận án rồi, anh không còn gì để "thi đua" với tôi, thành thử anh bèn trở về với niềm say mê của mình là cái giá vẽ. Và thế là tôi lại được dịp căng mắt ra để tìm những đường nét của mình trong bức tranh khó hiểu của anh.

Một tuần sau đó, lẽ ra K. lại có việc phải đi xa. Nhưng đang ở trạng thái ngất ngây như trong tuần trăng mật, anh quyết định tung hê tất cả. Anh bảo anh không thích đi đâu bây giờ, thế thôi, muốn ra sao thì ra. Sau một cú điện thoại gọi đến một nơi nào đó, thuyết phục, cãi cọ một hồi, cuối cùng K. bảo tôi rằng anh đã giải quyết xong việc này. Chuyến đi đã hoãn lại. Tuần này, anh sẽ ở nhà với em, đồng ý không L.C.?

Ngày tôi bảo vệ luận án, K. không ở nhà với tôi. Tôi khóc, khi nhận những bông hoa hồng nhưng do bạn bè tặng. K. đang có việc bận ở Ba Lan. Cách đó vài ngày, anh còn gọi điện thoại cho tôi, bảo rằng nhất định anh sẽ về. Rằng anh không thể vắng mặt trong một ngày như vậy được. Nhưng cuối cùng anh đã vắng mặt.

Hai ngày sau anh mới trở về. Với một đồng quà, một bó hồng nhưng đồ sộ và hàng trăm lời thanh minh, hàng ngàn lời xin lỗi. Rằng anh bị giữ lại đúng phút cuối cùng. Rằng nếu anh bỏ đi lúc đó thì hồng hết cả, bao nhiêu công lao của mình bấy lâu nay sẽ thành công cốc... Tôi thấy mình quá mệt mỏi, những lời anh nói nghe bập bùng chẳng lọt vào tai. Đợi cho anh nói xong, tôi hỏi:

- Bao giờ chúng mình về nước?

- Từ từ cái đã, để anh giải quyết xong mấy việc rồi tính sau, - K. hơi bối rối.

- Anh đã nói là đợi em bảo vệ luận án xong thì chúng mình sẽ cùng về nước. Em đã bảo vệ xong rồi. Vậy bao giờ thì chúng mình về? - tôi nhắc lại.

- Anh nghĩ là chỉ khoảng hai tháng nữa là anh giải quyết xong mọi chuyện. Đợi anh hai tháng nữa thôi, L.C. nhé.

Tôi đã đợi anh hai tháng. Tôi lại đợi anh thêm hai tháng nữa. Những tháng ngày dài dằng dặc sau khi bảo vệ luận án. Không còn có việc gì làm cho khỏi điên đầu. Tôi sống vật vờ giữa những chuyến đi của anh, giữa những ngày nhớ nhung lo sợ dài lê thê, và những đêm yêu đương cuồng nhiệt gần ngủ.

Loáng thoáng đến tai tôi những tin đồn thực hư chẳng biết ra sao. Người ta bảo là K. gần đây "đánh quả" bị lừa mất sạch hết tiền. Rồi có cô bạn cùng trường lại nói với tôi, vẻ rất thương hại, rằng thấy bảo hình như K. đã từng qua đêm ở đâu đó, với một cô gái nào đó, trong hội cùng đi "đánh quả". "Nghe đồn vậy thôi, chứ chẳng có gì chắc chắn đâu. Nhưng L.C. cũng nên biết đề phòng. Khi người ta đi làm ăn xa nhà thì những chuyện như vậy cũng dễ xảy ra lắm", cô bạn bảo.

Sức chịu đựng của tôi đã đến lúc cạn kiệt.

Anh lại trở về sau một chuyến đi, ập vào nhà, ôm ghì lấy tôi, dữ dội và cuồng nhiệt như lần nào cũng vậy.

Tôi quay mặt đi để tránh cái hôn của anh.

- Có chuyện gì thế, L.C.? - anh sững sờ hỏi.

- Bao giờ chúng mình về nước? - tôi trả lời bằng một câu hỏi khác.

- Sao em cứ hỏi mãi một câu ấy thế, - K. nói với vẻ chán nản. - Anh đã bảo đợi thêm một thời gian nữa, anh giải quyết xong mọi việc thì chúng mình về.

- Em không muốn đợi thêm nữa, - tôi nói gay gắt.

- Vậy em muốn gì? - K. bức bối hỏi.

- Anh không biết là em muốn gì à? - tôi gào lên. - Em muốn chúng mình về nước. Em muốn chúng mình làm lễ cưới. Em muốn đi làm. Em muốn có một gia đình. Em muốn có con. Em muốn có con!

Chợt nhìn thấy vỉ thuốc tránh thai đang uống dở để trên cái tủ nhỏ phía đầu giường, tôi chớp lấy, giơ lên và nói về hăm dọa:

- Em nói cho anh biết, em không nuốt cái của này vào người nữa đâu!

Rồi tôi xăm xăm cầm vỉ thuốc ra bỏ tọt vào sọt rác.

K. đứng chờ người ra, nhìn tôi kinh hãi. Anh chưa bao giờ nhìn thấy tôi hung hăng như vậy cả. Anh lúng búng:

- L.C, nghe anh nói đây...

Nhưng tôi không còn muốn nghe gì nữa. Tôi khóc òa lên, vớ lấy cái áo khoác rồi chạy ra ngoài cửa.

K. chạy theo tôi. Tôi lao vào thang máy, ấn nút. Cánh cửa tự động đóng sập lại trước mặt anh.

Khi bước ra khỏi thang máy, tôi nghe tiếng K. gọi từ cầu thang vọng xuống. Phòng chúng tôi ở trên tầng thứ bảy, không biết bằng cách nào mà anh đã chạy được gần xuống tới tầng trệt.

Người tôi mù mẫm đi, không còn suy nghĩ được gì. Tôi cứ vừa khóc vừa lao ra đường, mặc cho K. đuổi theo gọi đằng sau. Trong đầu tôi bây giờ chỉ còn một ý muốn là hành hạ anh cho bố ghét.

Một chiếc xe buýt xích đến, tôi nhảy vọt lên ngay. Khi xe bắt đầu chạy tiếp, tôi ngoái lại nhìn qua cửa kính, thấy K. đang vẫy một chiếc taxi. Xe đi qua bao nhiêu bên tôi cũng không nhớ nữa. Đứng dựa vào thành xe, nhìn ra ngoài đường, tôi thẫn thức, mặc kệ những cái nhìn tò mò của hành khách trên xe.

Khi xe dừng lại ở một phố nhỏ rợp bóng cây, mấy hành khách đứng sau tôi lách ra để xuống. Tôi bèn xuống theo họ, thẫn thờ bước đi, như một cái máy, chẳng hiểu mình định đi đâu.

Có tiếng bước chân chạy phía sau tôi. Tôi chẳng buồn quay lại mà

vẫn biết đó là ai. Rồi K. chạy tới gần. Anh thở hổn hển, đặt tay lên vai tôi và bảo: "L.C., tha lỗi cho anh. Anh biết anh làm khổ em nhiều lắm. Nhưng anh không bao giờ muốn như thế cả. Đó là vì hoàn cảnh. Có những chuyện không may..."

Không đợi K. nói hết câu, tôi gục đầu vào vai anh, khóc như mưa như gió.

Đêm, nằm trên giường, trong vòng tay K., tôi lặp lại câu hỏi cũ: " Bao giờ chúng mình về nước?" "Cho anh thêm một tháng nữa, anh sẽ cố thu xếp xong mọi việc, rồi chúng mình về", K. hứa. Rồi anh nói rằng chính anh cũng rất muốn về, muốn chúng tôi làm lễ cưới, muốn có con với tôi... "Em sẽ sinh ngay cho anh một thằng cu thật giống anh", tôi bảo. "Không, con trai để sau. Anh muốn đứa đầu của chúng mình là con gái. Một bé gái giống hệt như em. Nước da trắng mịn như thế này này. Hàng mi rợp như thế này này. Và đôi mắt phải đúng như thế này này, mệnh mệnh, mệnh mệnh..." Và K. kết thúc bài văn tả chân dung của mình bằng những cái hôn cuồng nhiệt như thường lệ.

Một tháng sau đêm đó, K. lại đang trong một chuyến đi xa.

Tôi đi mua một vé máy bay về Hà Nội. Ngày bay ghi trên vé là đúng một tháng sau. Tôi đã cho anh một tháng như anh yêu cầu. Tôi lại sẽ cho anh thêm một tháng nữa. Nhưng đây là lần cuối cùng.

Một tuần lễ trôi qua, K. trở về. Tôi lẳng lặng đưa vé máy bay của mình cho anh xem. Mặt K. nhợt đi.

- Sao em tự ý mua, không bàn bạc gì với anh cả?

- Anh đi đánh quả có bao giờ bàn bạc gì với em không?

Im lặng một lúc, rồi K. lại hỏi:

- Em định bỏ anh thật đấy à, L.C.?

- Không. Em không bao giờ bỏ anh cả. Em chỉ về Hà Nội thôi. Anh cũng về với em đi.

- Nhưng anh không về được, lúc này anh không thể về được, - K. nói như rên lên.

- Tại sao thế? Anh có vay nợ gì ai không? - tôi hỏi.

- Có những khó khăn, - K. lấp lửng. Rồi anh lại giở bài ca quen thuộc của mình: - Anh không muốn em phải dính vào những chuyện như thế này. Em biết cũng chẳng ích gì, chỉ tổ đau đầu. Để đó rồi dần dần anh sẽ giải quyết xong.

- Vậy thì anh cứ giải quyết đi, - tôi nói. - Nhưng nhanh nhanh lên. Em sẽ đợi anh ở Hà Nội. Đừng bắt em phải đợi cả đời.

- Sao em không ở lại đây đợi anh? Trả vé máy bay lại đi, L.C., trả vé lại đi, anh xin em, - anh nhìn tôi với một vẻ van xin, tội nghiệp đến nỗi tôi suýt khóc.

- Em không thể chịu đựng nổi cuộc sống như thế này nữa. Nếu em không về, anh sẽ chẳng bao giờ về cả. Em phải về để kéo anh ra khỏi cái vùng lầy ấy, - tôi nói.

K. không nài nỉ gì thêm nữa. Anh ngồi ngả lưng vào ghế, nhắm mắt lại, về hết sức mệt mỏi.

Ba tuần cuối cùng trước khi tôi về Hà Nội, K. không đi đâu xa cả. Anh cùng tôi đi mua sắm những đồ linh tinh vớ vẩn, giúp tôi thu dọn đồ đạc, giành lấy việc xếp vali cho tôi. Anh nhét vào vali của tôi một xấp phong bì đã có sẵn tem Nga, ghi sẵn tên và địa chỉ của anh, và dặn: "Nếu có ai đi Nga thì em nhờ gửi thư cho nhanh nhé, còn nếu không cứ bỏ bưu điện ở Hà Nội cũng được, đừng để anh đợi lâu". Anh có vẻ khá là bình thản. Tôi nghĩ, anh đã hiểu quyết định về Hà Nội của tôi là đúng.

K. giữ được vẻ bình thản ấy cho đến tận lúc tiễn tôi ra sân bay.

Nhưng đến khi chuẩn bị chia tay, chúng tôi hôn nhau lần cuối, cái hôn từ biệt, thì tự nhiên anh xiết chặt lấy tôi, chặt đến nỗi làm tôi phát đau lên, và toàn thân anh run lên trong những tiếng nức nở cố ghìm.

- Anh không muốn mất em, - anh nói bằng một giọng khàn khàn, đứt đoạn.

- Nhưng anh có mất em đâu, - tôi đáp, nước mắt rơi lã chã. - Về với em đi. Em chờ anh ở Hà Nội.

Tôi đợi K. nói rằng anh sẽ về ngay đây, ngay trong chuyến bay sau. Nhưng anh đứng đờ đẫn, không nói gì hết cả, nước mắt chảy ràn rụa trên mặt chẳng buồn lau. Đây là lần đầu tiên tôi thấy anh khóc. Từ trước đến giờ, chỉ có tôi chuyên lấy nước mắt để dọa anh.

Tôi vừa bước lên máy bay vừa khóc, nhưng vẫn tin rằng chẳng bao lâu nữa tôi sẽ lại gặp anh. Tôi biết anh không thể chịu đựng nổi cuộc sống xa tôi quá lâu. Anh sẽ vứt bỏ tất cả để về Hà Nội với tôi, chậm nhất thì cũng chỉ thêm vài tháng nữa. Tôi tin chắc là như vậy.

Tìm trong nỗi nhớ

Chương 6

Không điều gì có thể tin chắc được ở đời, đặc biệt khi đó lại là lời hứa của một ông chồng mắc bệnh đang trí. Lan Chi đã rút ra kết luận này vào buổi tối hôm nay, khi cô hỏi Trung:

- Chú Cừ bảo thế nào hả anh?

- Bảo cái gì nhỉ? - Trung lơ đãng hỏi lại.

- Ở kia, còn cái gì nữa! Thế anh đã gọi điện cho chú Cừ chưa? - Lan Chi sốt ruột kêu lên.

- Trời đất! Anh quên bég đi mất cái chuyện này rồi! - Trung ồ lên, có vẻ bây giờ mới sực nhớ ra.

- Quên là thế nào? - Lan Chi cáu. - Anh đã hứa đi hứa lại với em bao nhiêu lần, chắc như đinh đóng cột. Em tin anh mới đi hứa lại với Thanh Hoa. Bây giờ để lỡ việc của người ta ra thì có phải ê mặt mình không!

- Lỡ sao được, anh sẽ đi gọi điện ngay bây giờ đây, - Trung cười xí xóa. - Vậy cái ông viện sĩ của em bao giờ thì về nước đó?

- Thấy Thanh Hoa bảo là ngày hai mươi tư tháng ba này ông ta sẽ bay về Hà Nội. Hôm nay là ngày bao nhiêu nhỉ? - Lan Chi nhìn lịch và nhẩm tính. - Mười chín tháng ba. Như vậy chỉ còn năm hôm nữa thôi. Anh làm sao giải quyết cho xong việc này thì làm.

- Rồi, xong ngay chớ có gì đâu, - Trung đáp. - Mà nói thiệt, anh vẫn chưa hiểu tại sao em với Thanh Hoa lại nghĩ ra cái trò này. Hết sức vớ vẩn. Vậy mà em cứ làm như quan trọng lắm, - Trung làu bàu nói, nhưng không giấu được nụ cười tủm tỉm.

Không riêng Trung, mà đến cả Lan Chi lúc đầu cũng không hiểu được ngay tầm quan trọng của vấn đề. Cô hết sức sửng sốt khi Thanh Hoa gọi điện cho cô, tha thiết nhờ vợ chồng cô giúp cho việc tổ chức cuộc gặp gỡ giữa một nhà khoa học Việt Nam, giáo sư viện sĩ viện gì đó, với ông chú của chồng cô.

- Này, mày định đùa đấy hả? - Lan Chi hỏi. - Giáo sư, viện sĩ thì gặp cái ông hâm ấy để làm gì?

- À, nhưng mà giáo sư viện sĩ này lại là lão Tài mày ạ, - Thanh Hoa đáp.

- Tài nào? - Lan Chi hỏi.

- Tài "ủng" ấy, cây si của mày ngày xưa ấy. Mày không nhớ à?

- Tài "ủng" thì tao nhớ. Nhưng sao mày lại bảo là giáo sư, viện sĩ? - Lan Chi vẫn chưa hiểu.

- Chậm hiểu quá, - Thanh Hoa cười rộ lên trong máy điện thoại. - Này, bây giờ chớ có gọi là Tài "ủng" mà phạm thượng đấy nhé. Người ta bây giờ là giáo sư viện sĩ Trần Sỹ Tài!

Hóa ra là từ cái thuở trồng cây si trước cửa phòng Lan Chi đến giờ, Tài "ủng" đã đi được một chặng đường rất xa, vượt lên tất cả bạn bè cùng trang lứa. Vượt một cách xuất sắc mà không ai ngờ đến. Tất nhiên, ở Matxcova thời ấy, ai cũng phải công nhận Tài là một tay anh hùng hảo hán, chứ không phải là loại tầm thường. Trong khi

thiên hạ đi buôn hầu như ai cũng phải trải qua những thời kỳ lên voi xuống chó, thì Tài bao giờ cũng vẫn cứ giàu sụ. Bất kể thời nào, bất kể phương thức làm ăn nào, Tài luôn luôn ung dung giữ vai trò thủ lĩnh trên thương trường. Về cái khoản làm kinh tế này, thì tài năng và bản lĩnh của Tài đã thể hiện quá rõ. Giả như bảo rằng anh bây giờ đã trở thành triệu phú, tỷ phú, giám đốc công ty gì gì đó..., thì hẳn là chẳng có ai lấy làm ngạc nhiên.

Thế nhưng, không hiểu mớ mả tổ tiên anh chọn được chỗ long mạch tốt thế nào, mà bây giờ con cháu không những chỉ được hưởng phúc đức ở khoản no cơm ấm cật, mà lại còn phát cả sang đường khoa học nữa! Điều này quả thật nghe có hơi lạ tai. Rất lạ tai đối với những người đã biết Tài từ cái thời Matxcova xa vắng ấy.

Thời ấy, ai cũng biết là toàn bộ thời gian, tâm huyết của Tài đều được dành hết cho việc làm kinh tế. Làm kinh tế, chứ không phải là nghiên cứu kinh tế học, cái ngành học của anh. Nói đến việc học của anh, thì kết quả của nó cho thấy rằng kinh tế học hóa ra lại là một khoa học hết sức xa rời thực tế. Vì thế mới có hiện tượng quái lạ như thế này: một nhà thực hành kinh tế xuất sắc như Tài, trong khi toàn bộ tài ba và nhiệt huyết đã thể hiện chói sáng trên thương trường không ai có thể chối cãi, thì cứ đến kỳ thi ở khoa Kinh tế lại vác về một đồng điểm hai! Tình hình trầm trọng đến mức suýt nữa Tài đã bị đuổi học. May quá, cuối cùng nhờ rất nhiều tác động ở đủ mọi phía, nhờ cả thái độ ăn năn thành khẩn, những lời hứa quyết tâm học tập và những điểm ba khi thi lại của Tài, cuối cùng, khoa Kinh tế đã tránh được cái sai lầm tai hại là đuổi nhầm một nhà kinh tế có tài năng thực sự.

Rồi mọi việc cũng đâu vào đấy. Tài cũng bảo vệ xong luận án phó tiến sĩ, nhận bằng đảng hoàng. Bọn xấu miệng thì bảo rằng đó là bằng đi mua. Những kẻ khác (có thể do ghen tị với tài sản của anh) thì bảo rằng luận án của anh là thuê người viết, chứ một chữ trong đó anh cũng chẳng hiểu. Mua hay thuê không biết, không có bằng chứng gì cả. Có điều chắc chắn rằng đó là bằng thật, xịn một trăm phần trăm. Đố ai dám bảo đó là bằng giả. Điều này mới là quan trọng, chứ còn miệng lưỡi thế gian thì người đứng đắn hơi đâu thèm để ý đến.

Có lẽ chính nhờ một số người giữ những trọng trách nào đó ở trong nước có thái độ nghiêm túc và thận trọng với những điều thị phi như vậy, mà Tài bỗng dưng xuất hiện ở Việt Nam với danh nghĩa một nhà khoa học có tên tuổi tầm cỡ thế giới.

Trong khi bạn bè cứ tưởng anh vẫn còn đi buôn ở Nga, thì báo chí

trong nước cho biết rằng anh hiện là giáo sư viện sĩ của những cơ quan khoa học danh tiếng ở nước ngoài, niềm tự hào của khoa học Việt Nam, người đã mở ra một chân trời mới cho nền khoa học thế giới. Giáo sư trường nào, viện sĩ ở đâu thì còn là một vấn đề khó hiểu. Vì cứ căn cứ vào những cái tên trường, tên viện mà một vài tờ báo trong nước cung cấp, thì bạn bè của anh ở nước ngoài chưa lần ra được, hoặc đã lần ra được rồi nhưng lại thấy nó không giống như báo nói. Theo như những kẻ tò mò, đa nghi, cứ thích đi kiểm tra lại những điều viết trong báo, thì cái trường mà anh nhận chức danh giáo sư chỉ là một cái trường ma, không hề tồn tại trên đời. Còn cái viện hàn lâm khoa học mà anh là viện sĩ thì quả là có thật, nhưng lại không thiêng liêng như sự mô tả của nhà báo. Là vì bất cứ ai có được tấm bằng tiến sĩ đều có thể thành viện sĩ ở đây, không cần phải qua bầu chọn gì hết cả. Điều kiện duy nhất để có được danh hiệu cao quý đó là phải nộp tiền. Tai hại nhất là cái viện hàn lâm khoa học này lại không hề biết giữ giá, lại đi bán giấy chứng nhận viện sĩ với giá rẻ mạt đến mức đau lòng. Thành thử người Việt mình làm ăn ở Nga thừa tiền là đua nhau trở thành viện sĩ cả loạt.

Về phần Tài thì, với những chức danh khoa học vẻ vang trên, tuy làm ăn (hay là hoạt động khoa học, theo cách gọi của báo chí) ở Nga, nhưng anh vẫn thường xuyên đi về thăm Tổ quốc. Nghe nói mỗi lần anh về nước là báo chí lại có dịp để bàn về tương lai tươi sáng của khoa học Việt Nam, mà một trong những niềm hy vọng lớn là Tài. Thậm chí, hình như có một đài truyền hình nào đó còn phần chần đến mức làm hẳn một bộ phim tài liệu về cuộc đời hoạt động khoa học của anh, tái hiện lại những nỗ lực của anh trong việc vượt khó khăn để làm khoa học, cảm động không kém gì chuyện Lomonoxop ngày xưa đi bộ hàng ngàn cây số từ nhà quê lên Matxcova để tìm đến với khoa học vậy. Xem phim, bạn bè của Tài cũng sẽ được biết rằng thuở hàn vi, khi còn làm nghiên cứu sinh ở Matxcova, do không muốn mất thời giờ vào chuyện làm ăn buôn bán, nên Tài đã phải sống rất vất vả bằng số tiền học bổng ít ỏi, chỉ toàn ăn bánh mỳ với bơ thôi mà đã đóng góp được cho đời những công trình khoa học đồ sộ.

Sau khi danh tiếng đã nổi như cồn ở trong nước, tiền đô đã tích chắt túi ở Nga, Tài quyết định về nước hẳn để dành trọn những ngày còn lại của đời mình (nếu không có gì bất trắc thì còn khá dài) cho nền khoa học nước nhà. Dễ hiểu là với một tên tuổi như vậy, anh được mời ngay về làm việc ở một viện khoa học lớn, được giao cho một chức vụ khá quan trọng. Và bây giờ, với tư cách là đại diện cho viện

khoa học này, anh đang có mặt ở Paris.

Thực ra, chuyện giáo sư viện sĩ Trần Sỹ Tài đến Paris cũng có nhiều pha khá là gay cấn, chứ không đơn giản như việc người ta đi trao đổi khoa học thông thường. Số là, tuy rằng anh đã mở ra một chân trời mới cho nền khoa học thế giới như báo chí nước nhà cho biết, nhưng các nhà khoa học Pháp hình như thiếu thông tin, nên không hề biết đến anh là ai. Vì vậy, sau nhiều năm tung hoành ngang dọc ở Nga, giờ đây Tài muốn đưa chân trời của anh đến phương tây, cụ thể là sang Pháp, nhưng tìm mãi mà chưa thấy được nhà khoa học nào ở nước này hưởng ứng.

May thay, trời thương (hoặc là do long mạch của tổ tiên anh quá tốt), cứ mỗi lúc Tài bí kế thì lại có trời hiển kế cho. Tự dưng, vợ Tài được một suất đi thực tập ở Pháp một năm. Tài bèn quyết định nhân dịp này bám váy vợ sang Pháp để xem xét tình hình khoa học của nước này.

Tuy vậy, tham vọng của Tài là mang lại vinh quang cho khoa học nước nhà. Là để chứng tỏ cho đồng nghiệp trong nước rằng uy tín khoa học của anh vang dội không chỉ ở Nga, mà còn ở phương tây. Là để báo chí nước nhà còn có dịp vui mừng bàn luận về vị trí sáng giá của các nhà khoa học Việt Nam trong nền khoa học thế giới. Vì thế, nếu giáo sư viện sĩ lại xuất ngoại một cách chính thức dưới dạng bám váy vợ thì còn ăn thua gì nữa.

Cần phải có một cái giấy mời. Một cái giấy mời khổng cũng được, nhưng phải là giấy mời hẳn hoi. Do một nhà khoa học hẳn hoi hoặc một cơ quan khoa học hẳn hoi ở Pháp đứng tên chịu trách nhiệm. Tài nghĩ rằng việc xin cái giấy mời này có thể là chuyện khả thi nếu anh hứa với phía mời là anh không đòi hỏi gì hết, không quấy rầy gì hết. Không đòi hỏi kinh phí tài chính cho chuyến đi. Không đòi hỏi cả việc đón tiếp. Tức là trong thời gian anh ở Pháp, phía mời thậm chí không cần biết đến mặt anh. Chỉ cần họ biết tên anh để viết giấy mời cho đúng. Đã có vợ Tài ở Pháp để lo cho anh những chuyện lạ nước lạ cái, Tài chỉ cần một tấm giấy mời để xuất ngoại cho vẻ vang.

Với những yêu cầu khiêm tốn như thế, Tài thấy rằng không cần các nhà khoa học Pháp phải biết đến chân trời khoa học của anh. Chỉ cần anh tìm được một người nào đang ở Pháp, có nhiều quan hệ trong giới khoa học Pháp, có thể đứng ra đảm bảo về những lời hứa của anh để xin được cho anh một tấm giấy mời. Sau một thời gian ngẩn đi điều tra tìm hiểu, Tài đã chớp được đúng cái con người hội đủ mọi điều kiện ấy. Người ấy là Thanh Hoa.

Lan Chi rất ngạc nhiên trước sự tận tâm của Thanh Hoa trong việc

thực hiện những tham vọng của Tài "Ứng". Theo trí nhớ của cô thì thời ở Matxcova hai người này có thân thiết gì với nhau đâu. Hay là họ có những mối liên quan họ hàng mà hồi trước Thanh Hoa không cho cô biết?

- Không có họ hàng gì cả, - Thanh Hoa bảo. - Nhưng lại quan trọng hơn cả họ hàng mà ạ. Là vì em họ của vợ Tài "Ứng" là cô giáo của thằng con trai của ông anh ruột của tao.

Chết thật, một cái quan hệ phức tạp như thế này thì người thường nghe qua làm sao có thể hiểu được cho thấu đáo. Lan Chi cứ phải hỏi đi hỏi lại mấy bận, đếm đi đếm lại mấy lần "của", mà cuối cùng vẫn chịu chết không luận ra nổi tầm quan trọng của mối quan hệ ấy. Cô chỉ vỡ ra sau khi đã được Thanh Hoa bỏ công giải thích cặn kẽ. Phải thừa nhận rằng đây là một chuyện không thể xem nhẹ được. Sự thể là thế này: vợ chồng ông anh ruột của Thanh Hoa có độc mỗi một cậu quý tử, năm nay học lớp bảy. Cậu này không những là niềm hy vọng duy nhất của hai bậc thân sinh, mà còn là biểu tượng tương lai của cả dòng họ. Là vì dòng họ nhà Thanh Hoa đã ba bốn đời rồi toàn là độc đinh cả. Bố cô là con trai duy nhất, anh cô là con trai duy nhất, và đời này thì đến lượt cậu quý tử này. Nhưng cu cậu vô tư, chẳng hề ý thức chút nào về trách nhiệm nặng nề của mình đối với tổ tiên, cho nên học hành hết sức ảm ờ, năm ngoái vừa mới bị đúp. Cả họ phát hoảng, phải họp bàn, rồi ra quyết định là tốn bao nhiêu thì tốn cũng phải lo cho quý tử nên người bằng được, mục tiêu phấn đấu lâu dài là phải nhồi cho được cu cậu vào đại học, mục tiêu cụ thể trước mắt là làm sao đừng có đúp năm nào nữa. Vợ chồng ông anh ruột của Thanh Hoa, chịu trách nhiệm trước dòng họ về việc thực hiện những mục tiêu khó khăn trên, đã đến gặp cô giáo chủ nhiệm của quý tử để bàn bạc cặn kẽ những phương án thực hiện. May được cô giáo thông cảm, nhận lời giúp đỡ. Chỉ sau ba tháng học thêm ở nhà cô giáo theo chế độ đặc biệt (số giờ học gấp đôi các bạn cùng lớp, số tiền học còn gấp nhiều lần hơn), cu cậu đã có những kết quả khá là hứa hẹn, tuy chưa được hẳn như mong muốn. Bố mẹ quý tử nhắm tính rằng nếu tăng tiền học lên mà kết quả tăng nhanh hơn thì cũng bỏ. Thế nhưng, chưa kịp bàn phương án này với cô giáo thì cô đã đích thân đến tận nhà, bảo là có việc muốn nhờ vả. Cái việc ấy, tất nhiên, chính là cái việc mà Tài "Ứng" muốn nhờ Thanh Hoa. Cô giáo hết sức tha thiết muốn giúp đỡ ông anh rể họ, vì tuy chỉ là em họ, nhưng quan hệ của cô với vợ chồng Tài thân thiết quý hóa có khi còn hơn anh chị em ruột trong nhà. Chẳng thân, chẳng quý, sao khi vợ chồng cô mua nhà, ông anh rể họ lại đồng ý cho vay ngay

năm ngàn đô? Mà là với lãi suất hữu nghị thôi đấy nhé. Năm ngàn đô ấy, cô mới trả được có hai ngàn, còn ba ngàn hiện chưa có khả năng, anh chị họ cũng không nỡ thúc ép quá (đành rằng đôi khi anh chị cũng có nhắc nhở, bảo rằng đang có nhiều khoản cần tiêu). Bây giờ, anh rề muồn nhờ mỗi một việc này, mà mình không giúp được, thì thật là áy náy.

Không những cô giáo áy náy, mà anh ruột chị dâu của Thanh Hoa cũng áy náy, thậm chí đến mẹ của Thanh Hoa cũng áy náy nốt. Cho nên, sau khi ông anh ruột đích thân gọi điện sang Pháp để bàn với Thanh Hoa về việc này, thì mẹ cô vẫn không yên tâm, còn phải gọi điện thêm lần nữa. Bảo rằng con cố giúp anh Tài con nhé, chứ có mỗi một việc như vậy mà không giúp người ta được thì cô giáo của thằng Thắng cô áy giận cho đấy, mà thằng Thắng nó lại đúp thêm một lần nữa thì mẹ khổ lắm con ơi. Thanh Hoa hiểu rằng vấn đề không đơn giản là một cái giấy mời, mà là danh dự của cả dòng họ. Phải nói thêm rằng sở dĩ Thanh Hoa được Tài "ủng" chọn mặt gửi vàng, là vì gia đình chồng cô là một gia đình có nhiều quan hệ rộng rãi trong giới khoa học Pháp. Bố chồng cô, mẹ chồng cô đều là những giáo sư đại học có tên tuổi. Bản thân Pascal, chồng Thanh Hoa, cũng đã trở thành giáo sư từ khi tuổi còn rất trẻ, chưa đến ba mươi. Chuyện này thì cả Hà Nội đều biết, thậm chí còn biết hơn cả Thanh Hoa. Có lần cô về Hà Nội thăm nhà, nghe nói chuyện mới vỡ lẽ ra rằng cả bố chồng, mẹ chồng lẫn chồng mình đều là viện sĩ hết.

Như vậy, Thanh Hoa đã phải huy động hết những mối quen biết của mình, của chồng ra để tìm cho được một nhà kinh tế học đồng ý làm một cái giấy mời khổng cho Tài. Cuối cùng thì cũng tìm được một ông bạn của Pascal nhận giúp cho việc đó. Cái giấy mời lập tức được gửi về Hà Nội. Công việc đến đây tưởng là đã xong.

Nhưng giáo sư viện sĩ Trần Sỹ Tài đến được Paris rồi thì lại nảy ra những tham vọng khác. Sau khi đi dạo Paris một vòng, chụp một cái ảnh ở nhà thờ Đức Bà Paris, ba cái ở tháp Eiffel (ba góc độ khác nhau), một cái đứng tư lự bên dòng sông Seine, hai cái cười trước trường Đại học Tổng hợp Paris 7, một cái cũng trước trường này nhưng đăm chiêu trầm tư..., Tài thấy rằng tư liệu ảnh để cung cấp cho giới báo chí vậy là đã đủ. Nhưng vẫn còn thiếu một cái gì đó. Một cái gì đó làm bằng chứng về những hoạt động khoa học của Tài ở Paris.

Suy đi nghĩ lại, Tài nảy ra ý muốn gặp gỡ một nhà kinh tế học Pháp để bàn luận, trao đổi. Không nhất thiết phải bàn luận sâu vào những

vấn đề chuyên môn cụ thể, mà chỉ cần là một sự gặp gỡ làm quen giữa giới kinh tế học hai nước, đặt tiền đề cho sự hợp tác khoa học trong tương lai. Bản thân Tài cũng không sẵn sàng cho những trao đổi chuyên môn, vì khi sang đây, có thể do quá nặng, anh không mang theo tài liệu công trình gì của mình hết cả. Bù lại, Tài mang theo một đồng danh thiếp, in rất đẹp, chữ đã lấp lánh lại còn tỏa mùi thơm ngan ngát, trong đó ghi rõ họ tên chức vụ và mọi học hàm học vị của anh. Ngoài ra, Tài còn cẩn thận mang kèm cả tờ giấy giới thiệu của viện khoa học nơi anh làm việc, viết cả bằng hai thứ tiếng Việt - Pháp, xác nhận tư cách đại diện cho viện của anh. Giấy giới thiệu có đóng dấu đỏ chói, hoàn toàn là dấu thật (Trần Sỹ Tài xưa nay không có xài của rởm bao giờ!) Với từng ấy thứ giấy tờ, Tài thấy anh đã được trang bị đầy đủ cho một cuộc gặp gỡ khoa học. Vấn đề là phải tìm cho được ra đối tác.

Chuyện này tất nhiên lại phải nhờ đến Thanh Hoa. Cô bạn của Lan Chi, sau khi nghe Tài bày tỏ nguyện vọng trên, thì vò đầu kêu khổ. Là vì cô không hình dung được có nhà kinh tế học Pháp nào lại chịu bỏ thời gian ra để làm cái công việc khó nhọc đó. Nhưng cô không dám gạt phắt đi, vì sợ làm cho nhiều người ở Hà Nội áy náy.

Được cái, Thanh Hoa xưa nay bao giờ cũng là người lắm sáng kiến. Vò đầu bứt trán, đào sâu suy nghĩ một hồi, trong đầu cô chợt lóe ra một cái tên. Một cái tên hoàn toàn ngang tầm cỡ giáo sư viện sĩ Trần Sỹ Tài. Hoàn toàn đủ tư cách để đàm đạo khoa học với giáo sư viện sĩ. Cái tên đó là Ba Lê Dị Nhân.

Ba Lê Dị Nhân chính là ông chú của chồng Lan Chi. Tên cha sinh mẹ đẻ của ông là Phan Cừ. Tên riêng của ông khi nhập làng tây là Philippe. Tên đầy đủ của ông khi xuất hiện trên những tờ báo tiếng Việt của cộng đồng người Việt hải ngoại là giáo sư tiến sĩ Philippe Phan Cừ. Tên do những miệng lưỡi thích châm chọc ở Paris đặt cho ông và được những người quen dùng để gọi vụng sau lưng ông là Ba Lê Dị Nhân.

Ba Lê Dị Nhân có một lý lịch khoa học kỳ bí không kém gì giáo sư viện sĩ Trần Sỹ Tài. Trước năm 1975, ông đã từng học luật ở Sài Gòn. Nhưng học được hai năm thì phải đi quân dịch, thành ra sự học nửa chừng dang dở. Rồi Sài Gòn sau tháng 4 năm 1975, ông đến Paris, lúc đó mới ngoài ba mươi tuổi. Thôi bình nghiệp, không biết làm gì, ông bèn quyết chí trở lại với con đường khoa bảng. Lần này, ông chọn học ngành kinh tế.

Chí lớn, thế thời thuận lợi, nhưng không rõ vì lý do gì ông cũng chỉ mài đũng quần trên ghế giảng đường đại học ba năm rồi thôi. Hẳn là

ông cho rằng đã đến lúc nên mang học vấn của mình ra giúp sức cho đời. Bằng chứng là từ đó ông thôi hẳn đời học trò dài lưng tốn vải, chuyển sang gạch làm công ăn lương.

Tiểu sử của Ba Lê Dị Nhân đến chỗ này thì hoàn toàn minh bạch. Bà con, bạn bè nhiều người có thể đứng ra xác nhận cho ông.

Hành tung của ông mới chỉ trở nên mù mờ bí hiểm trong vòng một chục năm trở lại đây, khi tên tuổi ông bỗng dưng xuất hiện rộn rã trên báo chí tiếng Việt hải ngoại, kèm theo các chức danh "tiến sĩ kinh tế học, giáo sư trường X kiêm giám đốc viện Y". Những người quen ông lúc bấy giờ mới ngã ngửa ra, không hiểu ông âm thầm đi học lấy bằng tiến sĩ lúc nào mà khiêm tốn không cho bà con biết. Nhiều người thường gặp ông ở trường X, nơi ông lui tới làm việc hàng ngày, thì bảo rằng chức danh của ông tại đó là nhân viên thư viện, chứ chẳng phải giáo sư gì hết. Thực hư chưa biết thế nào, nhưng ít ra trường X còn tồn tại thật bằng gạch, bằng bê tông ở giữa Paris, chứ còn viện Y nơi ông làm giám đốc thì chỉ có độc mỗi một cái tên và một địa chỉ e-mail trên Internet.

Ba Lê Dị Nhân là một nhà khoa học uyên bác trong nhiều lĩnh vực. Ông không chỉ thu hẹp hoạt động khoa học của mình trong lĩnh vực kinh tế học, mà còn xông xáo đánh Nam dẹp Bắc trong cả chính trị học và sử học. Tất cả các công trình nghiên cứu khoa học của ông đều được đăng tải trên các tờ báo tiếng Việt đại chúng hải ngoại, báo giấy hoặc báo Internet. Theo như ông cho biết, thì bản gốc của những công trình này được công bố dưới dạng tiếng Pháp hoặc tiếng Anh, trên những tạp chí khoa học quốc tế danh tiếng. Nhưng do khiêm tốn, hoặc vì thông cảm với trình độ ngoại ngữ có hạn của đồng bào mình, không bao giờ ông chịu nêu tên những tạp chí quốc tế đã đăng công trình của ông ra.

Một trong những điều khiến Ba Lê Dị Nhân nổi bật lên trong giới khoa học là vốn cổ học vô cùng thâm thúy của ông. Các công trình khoa học của ông, do vậy, là một sự kết hợp tài tình đông tây kim cổ. Tên gọi thì là "điều trần khoa học" hoặc "tham luận khoa học", từ ngữ sử dụng thì "khảo sát", "chứng minh", "luận cứ", luận điểm"... đâu ra đấy, nhưng nội dung khoa học (bản tiếng Việt, còn tiếng ngoại quốc không biết ra sao) lại thường được trình bày bằng thể văn biên ngẫu, thỉnh thoảng lại xen một hai khổ thơ tứ tuyệt, thất ngôn bát cú, ý tứ hết sức sâu xa. Làm khoa học với cả bầu nhiệt huyết, nên ông không thể che giấu được cảm xúc của mình: nhiều khi chứng minh xong một "luận điểm khoa học", ông lại tuôn ra một câu cảm thán "ô hô, ai tai"... Có lẽ, chính do đem cái phong cách quân tử Tàu này ra làm

khoa học, nên ông mới được nhận cái tên gọi là Ba Lê Dị Nhân. Xem đi xét lại, Thanh Hoa thấy rằng không thể tìm ra được một đối tượng nào phù hợp hơn là Ba Lê Dị Nhân cho cuộc gặp gỡ khoa học với giáo sư viện sĩ Trần Sỹ Tài. Ngành nghề phù hợp, chức danh tương đương, tên tuổi đều vang dội như nhau trên báo chí: một người là niềm hy vọng của khoa học nước nhà, người kia lại là biểu tượng "vẻ vang dân Việt" của cộng đồng người Việt hải ngoại. Thanh Hoa bèn đề xuất ý kiến này với Tài. Mới đầu, Tài không được phấn khởi lắm, vì anh muốn gặp một nhà kinh tế học Pháp xịn kia. Nhưng Thanh Hoa đã thuyết phục được Tài bằng cách đưa ra đầy đủ học hàm, học vị, chức vụ của đối tác, kèm thêm cả cái tên tây Philippe của ông.

Nhiệm vụ môi giới được giao cho vợ chồng Lan Chi, mà Trung là người trực tiếp thực hiện.

Đúng như Lan Chi dự kiến, thoát đầu ông chú của chồng cô tỏ ra không mặn mà với cuộc trao đổi khoa học này. Ông bảo là ngôn ngữ bất đồng, e rằng không nói chuyện với nhau được.

Phải công nhận rằng nỗi lo ngại của Ba Lê Dị Nhân là hoàn toàn có cơ sở. Ai cũng biết rằng tiếng Việt Hà Nội với tiếng Việt Sài Gòn vốn đã có nhiều chỗ khác nhau, đằng này lại là tiếng Việt Hà Nội nguyên chất từ trong nước, và tiếng Việt Sài Gòn đã pha nhiều năm ở Paris, thì sự khác nhau có thể còn hơn cả tiếng Việt và tiếng Pháp. Nhưng Trung không phải là người dễ đầu hàng. Một trong những ưu điểm lớn của anh là rất kính nể vợ, nên nhiệm vụ vợ giao anh quyết thực hiện cho bằng được, chứ không có chuyện nửa chừng thoái lui. Anh ra sức thuyết phục ông chú bằng nhiều lý lẽ, đặc biệt là cứ nhằm vào tình yêu khoa học của ông mà kích động.

Có cái may là người Việt mình, tuy có thể không nhìn mặt nhau vì đối lập chính kiến, cãi nhau chí chóe vì dị biệt địa phương, nhưng vẫn mang trong người rất nhiều điểm chung chứng tỏ ngày xưa chui ra từ cùng một bọc. Một trong những điểm chung ấy chính là tình yêu thiêng liêng đến mức sùng kính đối với khoa học (cụ thể trong trường hợp này là đối với các danh vị khoa học, đặc biệt là danh vị ngoại). Bị Trung lôi cái tình yêu ấy ra để kích động, bằng cách trưng bày toàn danh vị có nguồn gốc châu Âu, kêu vang như tiếng kèn đồng, của giáo sư viện sĩ Trần Sỹ Tài, cuối cùng Ba Lê Dị Nhân đã phải xiêu lòng, nhượng bộ. Ông đồng ý tiến hành cuộc trao đổi khoa học này. Cuộc gặp gỡ như vậy về nguyên tắc đã có thể tiến hành, nhưng cụ thể thế nào thì còn phải để Ba Lê Dị Nhân xem lại lịch làm việc cái đã. Vì rằng lịch làm việc của ông bao giờ cũng xếp đặt trước cả

tháng rất khít khao. Những người thường gặp ông luẩn quẩn ở nhà hàng của vợ ông mà tưởng rằng ông rồi rã là hết sức nhảm. Phải đọc báo tiếng Việt hải ngoại thì mới biết là hoạt động khoa học của ông cực kỳ bận rộn: lúc thì đi điều trần ở viện khoa học uy tín nọ, khi lại đi thỉnh giảng ở trường đại học danh tiếng kia...

Cái sự xem lại lịch của ông chú làm Lan Chi hơi lo, vì thời gian còn lại trước chuyến bay của Tài không còn nhiều, nhớ trong thời gian đó ông chú lại phải đi thỉnh giảng ở đâu thì phiền quá. Nhưng đúng là vì số Tài bao giờ cũng đở, cho nên cuối cùng Ba Lê Dị Nhân cũng tìm được một ngày còn trống trong lịch làm việc của ông. Ông ấn định cuộc gặp gỡ vào ngày hai mươi hai tháng đó, vào lúc bốn giờ chiều. Cuộc gặp gỡ của đại diện giới kinh tế học hai nước Việt -Pháp mới đầu dự định tổ chức trong phòng giám đốc của viện Y, nhưng đến phút cuối cùng, Ba Lê Dị Nhân cho biết phòng làm việc của ông tạm thời không sử dụng được, vì có một vài công việc thay đổi về trang trí nội thất đang tiến hành dở dang. Ông đề nghị chuyển địa điểm gặp gỡ sang nhà hàng của vợ ông cho ấm cúng.

Vì theo như thỏa thuận thì cuộc gặp gỡ này mới chỉ có tính chất làm quen, giới thiệu, đặt nền móng..., cho nên nó diễn ra khá là ngắn ngủi. Nó được bắt đầu bằng sự kiện then chốt là hai bên trao cho nhau những chứng cứ khoa học của mình, tức là hai tám danh thiếp, nội dung dài xấp xỉ nhau, về độ lấp lánh thì tài liệu Hà Nội xem ra có phần trội hơn tài liệu Paris một chút. Sau khi bên này đã khảo sát kỹ càng tài liệu của bên kia, sự tin cậy có vẻ đã được thiết lập. Hai bên bèn chuyển sang bàn đến những vấn đề cụ thể hơn của việc hợp tác khoa học Pháp - Việt trong tương lai.

Kết quả của sự hợp tác khoa học này như thế nào thì phải đợi tương lai lâu dài mới biết rõ được, vì làm khoa học là một quá trình gian khổ, không phải ngày một ngày hai là xong. Tuy vậy, trong tương lai không xa lắm, tức là chỉ khoảng một tháng sau, cuộc gặp gỡ này cũng đã đem lại cho đời được hai kết quả cụ thể là hai bài báo. Bài thứ nhất đăng trên một tờ báo đứng đắn ở trong nước, thuật lại những hoạt động khoa học của giáo sư viện sĩ Trần Sỹ Tài ở Paris, mà đáng chú ý nhất là việc xây dựng một đề án hợp tác khoa học với giới kinh tế học Pháp, đại diện là giáo sư tiến sĩ giám đốc Philippe Phan Cừ. Bài thứ hai đăng trên một tờ báo tiếng Việt hải ngoại, cũng đứng đắn không kém, trong đó tác giả (chính là Ba Lê Dị Nhân) cho biết rằng vừa rồi, trên cương vị giám đốc của mình, ông đã giúp cho ngành kinh tế học Việt Nam (thông qua một giáo sư viện sĩ) một số phương hướng nghiên cứu mới, ngõ hầu đưa kinh tế học Việt Nam

ra khỏi tình trạng tụt hậu so với thế giới.

Trước mắt thì cuộc gặp gỡ này có một kết quả rõ ràng là giáo sư viện sĩ Trần Sỹ Tài khá thỏa mãn, Thanh Hoa cũng nhẹ cả người, và ở Hà Nội không có ai phải áy náy cả. Công việc đến đây hẳn đã là xong.

Buổi sáng ngày hai mươi ba tháng ba, Lan Chi đang ngồi ở hiệu sách thì một hồi chuông điện thoại vang lên. Cô nhắc ống nghe. Một giọng đàn ông nói bằng tiếng Việt xin được gặp cô.

- Vâng, tôi đây, - Lan Chi trả lời.

- Hê hê hê hê...- lập tức, một tràng cười vang dội lên ở đầu máy bên kia. - Lan Chi đấy hả, Sỹ Tài đây, có nhận ra anh không em?

Bao nhiêu năm rồi mà nghe cái tiếng cười khà ồ ấy Lan Chi vẫn thấy gai cả người. "Lại vẫn xoen xoét anh em như là thân thiết lắm", cô nghĩ thầm rồi nói:

- Vâng, chào anh Tài, nghe Thanh Hoa bảo anh đang ở Paris phải không?

Tài gọi điện để cảm ơn về việc vợ chồng Lan Chi đã giúp anh. Mồm miệng vẫn dẻo như xưa, anh kể tràng giang đại hải về những ấn tượng của anh khi đến Paris, rồi về cuộc sống và công việc của anh ở Hà Nội ("Sống trong nước bây giờ sướng lắm rồi, Lan Chi ạ. Gì cũng có, mà rẻ hơn ở Pháp nhiều!"). Tiếp đó, Tài nhắc đến những bạn bè thuở Matxcơva hiện sống ở Hà Nội, ai cũng ăn nên làm ra. Về hết sức tình cờ, Tài kể chuyện trước hôm đi sang đây anh có gặp Kiên.

- Kiên bây giờ làm ăn rất phát đạt, xây nhà ba tầng, có một con trai rồi, vợ trẻ và xinh lắm, chắc Lan Chi cũng biết?

- Vâng, cũng có nghe nói thế, - Lan Chi trả lời, cố giữ giọng thật bình thản.

- Anh có bảo Kiên nếu muốn gửi thư hay quà gì cho Lan Chi thì anh cầm sang cho, nhưng không thấy nó đến gửi gì cả. À, mà đến giữa tháng bảy này thì Kiên đi công tác sang Berlin hai tuần đấy. - Tài nói, rồi sau một lúc im lặng tế nhị đủ để cho cái tin ấy có thời giờ tác động đến Lan Chi, anh nói tiếp, vẫn với một vẻ hết sức tình cờ:

- Thấy Thanh Hoa bảo cậu em của Lan Chi ở Đức đang mời Lan Chi sang đó chơi. Hè này Lan Chi có định sang Đức chơi với cậu em không đấy?

"Sang hay không thì việc gì đến ông mà hỏi", Lan Chi bực bội nghĩ rồi xẵng giọng trả lời:

- Chưa định gì hết cả. Để xem tình hình thế nào cái đã.

Tìm trong nỗi nhớ

Chương 7

“Anh chưa định gì hết cả. Để xem tình hình thế nào cái đã.”

K. đã trả lời tôi như vậy trong cuộc nói chuyện điện thoại lần thứ hai của chúng tôi sau ngày tôi về Hà Nội, khi tôi nhắc lại câu hỏi muôn thuở của mình: “Anh định bao giờ thì về nước?”

Lần nói chuyện đầu tiên, lúc tôi mới về được một tuần, K. vẫn còn bảo anh sẽ cố về sau một, hai tháng nữa. Một tháng trôi qua, bây giờ, đến cả một cái thời hạn anh cũng không thể xác định nổi. Giọng anh đầy vẻ mệt mỏi và thiếu tin tưởng đến nỗi tôi không dám gắng hỏi gì thêm. Mà có hỏi nữa thì cũng vô ích. K. vẫn tránh nói về chuyện làm ăn của mình như thường lệ. Chỉ nói đi nói lại là anh rất nhớ tôi. Rồi anh hỏi tôi đã quen được với cuộc sống ở trong nước chưa, đã nghĩ đến chuyện thử đi xin việc làm chưa?

Rồi máy điện thoại, tôi ngồi lặng hồi lâu, nước mắt chỉ chực trào ra. Tôi đã hy vọng biết bao nhiêu vào cú điện thoại này. Tôi cứ đinh ninh rằng K. gọi điện để báo cho tôi biết ngày giờ anh về nước. Thế mà giờ đây thậm chí anh không còn dám hứa hẹn bất cứ điều gì. Tình hình ngày càng xấu hơn, hay trước kia nó đã xấu như vậy rồi, mà K. cứ hứa bừa để giữ tôi ở lại? Một linh cảm đen tối ập đến bóp nghẹt tim tôi. Lần đầu tiên kể từ ngày cầm trên tay tấm vé máy bay về Hà Nội, tôi tự hỏi liệu quyết định về nước của mình lúc đó có vội vàng quá không?

Dù thế nào đi nữa thì bây giờ cũng không thể nghĩ đến chuyện trở lại Matxcova được. Chỉ còn cách duy nhất là ổn định dần cuộc sống ở Hà Nội trong lúc chờ đợi K. về.

Một tháng sau ngày về nước, tôi bắt đầu tính chuyện đi xin việc. Lúc mới về, nhiều người xui tôi là cứ nghỉ ngơi vài tháng cho bổ tám năm đèn sách nhọc nhằn, chứ làm việc thì còn làm cả đời, đi đâu mà vội. Nhưng chỉ nghỉ được hai ba tuần, đi thăm họ hàng bạn bè một lượt xong, tôi đã bắt đầu cảm thấy buồn chán. Nửa năm ngồi đợi K. ở Matxcova đã làm tôi ngấy đến tận cổ cuộc sống ăn không ngồi rồi. Thêm nữa, nhìn bạn bè nhiều người về nước trước tôi cả năm mà giờ vẫn cứ lông bông chưa có việc làm, tôi đâm ra sốt ruột, nghĩ mình cần phải nhanh chân, chứ không lại rơi vào cảnh trâu chậm uống nước đục.

Tôi bắt đầu bằng việc đi tìm hiểu tình hình, lên một danh sách các cơ quan cần đến những ngành nghề gần gũi với chuyên môn của tôi. Sơ bộ ban đầu, có khoảng hơn một chục cơ quan như vậy đóng trên địa bàn Hà Nội hoặc các vùng lân cận. Tôi đánh số theo thứ tự ưu tiên, đứng đầu là những cơ quan mà tôi thích nhất, đến cuối bảng thì là những nơi không thật phù hợp với ngành học của tôi, nhưng nếu không kiếm được chỗ khác thì làm việc ở đó cũng tạm được.

Tuy đã đi học ở nước ngoài tám năm, tôi vẫn có đủ kiến thức thực tế để hiểu rằng nếu tự đứng lại tò tò vác mặt đến xin việc ở một cơ quan không có quan hệ quen biết gì, thì chắc chắn người ta sẽ nhìn mình như nhìn người từ hành tinh khác rơi xuống. Vì vậy, bước tiếp theo của tôi là mở cuộc điều tra trong tất cả bà con họ hàng xa gần lẫn bạn bè người quen thân sơ, xem có người nào dính dáng dây mơ rễ má gì đến những cơ quan mà tôi đang nhòm ngó không.

Thật là một công việc mò kim đáy bể. Hai bố con tôi ngồi bàn bạc suốt cả buổi tối mà không tìm ra được một ai có thể giúp tôi xin việc. Cả họ nhà tôi xưa nay chẳng có ai học ngành tâm lý bao giờ. Bố tôi là kỹ sư, làm việc ở một Viện khoa học kỹ thuật. Mẹ tôi khi còn sống cũng là kỹ sư, làm việc ở một nhà máy. Tóm lại là phạm vi quan hệ của bố mẹ tôi hoàn toàn không có liên quan gì đến lĩnh vực ngành nghề của tôi.

Tình hình khả quan hẳn lên khi bố con tôi đi tham khảo ý kiến họ hàng. Chú tôi cho biết rằng một bà làm việc cùng phòng với chú có ông chồng vốn là viện phó của viện B (cơ quan đứng thứ hai trong danh sách của tôi), nay đã về hưu. Cô tôi thì nhớ ra được rằng mẹ của anh bạn rất thân của cậu em họ tôi (tức là con trai đầu của cô tôi) là giảng viên đại học, dạy chính ở khoa C (đứng thứ ba trong danh sách của tôi). Bà bác ruột (chị ruột của mẹ tôi) lại cung cấp thêm rằng cô em chồng của bác có ông chồng làm việc ở cơ quan E (đứng thứ năm trong danh sách), ông này vừa mới về hưu cách đây có vài tháng.

Vậy là trước mắt tôi đã có con đường tiếp cận đến ba cơ quan. Tôi đành từ bỏ mơ ước về Viện A, cơ quan mà tôi xếp số một trong danh sách, vì không tìm được người quen nào ở đó. Bù lại, tôi có thể tự coi mình là người tốt số, nếu xin được vào làm việc ở một trong ba cơ quan B, C và E.

Sau khi được ông chú, bà cô và bà bác dẫn đi thăm hỏi, trình diện (và quà cáp) ở ba nơi cần thiết, tôi đã có trong tay hai lá thư giới thiệu, lời lẽ rất nhiệt tình, làm vũ khí phòng thân để đến Viện B và cơ quan E. Riêng cô Châu, mẹ của anh bạn cậu em họ tôi thì lại còn

nhiet tình hơn một bậc: cô hen ngày đích thân dắt tôi đến trường để yết kiến ông trưởng khoa C.

Viện B là nơi mà tôi chọn để mở màn chiến dịch đi xin việc của mình. Chẳng cần học tâm lý cũng phải biết rằng ấn tượng đầu tiên là hết sức quan trọng. Vì vậy, buổi sáng hôm ấy, tôi mất hơn nửa tiếng đồng hồ để lựa áo chọn quần. Tiêu chuẩn là trang nhã mà không già, tươi trẻ mà không lòe loẹt, diện nhưng không được phô trương quá làm cho người ta ghét, giản dị nhưng không được nhếch nhác để người ta có thể coi thường... Toàn bộ kho quần áo của tôi đem ở Nga về bị bới tung ra nhưng tôi không thể tìm được cái gì khả dĩ đáp ứng được những yêu cầu trên. Cuối cùng tôi đành phải cắn răng khoác vào người mình một bộ, nhủ thầm rằng nếu mình biết cách thì lựa sẽ đẹp vì người.

Tiếp đó, mục trang điểm mà mọi khi tôi chỉ mất có mười phút là xong, lần này cũng ngón của tôi mất đứt hơn nửa tiếng. Sau ba lần bôi vẽ mắt xanh mỡ đỏ rồi xóa đi làm lại từ đầu (lúc thì đậm quá, lúc thì nhạt quá), tôi đành phải dừng lại ở lần thứ tư, không phải do đã chọn được gam màu thích hợp, mà vì sợ nếu còn tiếp tục thì chắc là đến chính Ngọ mới có thể xuất hành. Hốt hải nhét cái thư quý vào túi rồi dắt xe ra ngoài cửa, chuẩn bị lên xe mới tôi sực nhớ ra rằng mình để quên tập hồ sơ ở nhà, lại phải quay vào lấy. Lúc đi ra vội vã, tí nữa thì tôi đâm sầm phải cô bé hàng xóm đang lễ mễ xách hai tay hai xô nước. Cô hàng xóm cười hỏi thay câu chào: “Chị L.C. đi đâu mà diện thế?” Tôi cười đáp lại rồi lao vọt đi, vốn tính vô thần nên chẳng nghĩ ngợi gì, nhưng đến tối về ngán ngẩm nhớ lại mới thấy rằng cái câu “ra ngõ gặp gái” của ông bà mình có khi lại đúng. Rõ ràng ngày lành, tháng tốt, thời tiết đẹp, thế mà đi chẳng được việc gì.

Đến viện B, cầm lăm lăm lá thư của ông cựu viện phó trong tay, tôi vào xin gặp ông viện trưởng.

- Cô tìm bác viện trưởng có việc gì?, - một bà quăng ngoài năm chục tuổi, mặt khó đăm đăm, ngồi ở một cái phòng mà tôi đoán là phòng thường trực, hỏi.

- Dạ, cháu có một cái thư của bác Bình gửi cho bác viện trưởng ạ, - tôi vừa nói vừa đưa cái thư quý cho bà này xem.

Bà ta lơ đãng liếc qua phong bì rồi lại hỏi:

- Bình nào nhỉ?

- Dạ, bác Bình trước là viện phó ở đây, - tôi trả lời.

- À à..., - người đối thoại của tôi gật gù đáp lại một cách khó hiểu như vậy rồi cúi xuống tờ báo đang đọc dở.

Tôi đứng đắn ra một lúc, hy vọng bà ta sẽ ngẩng lên nói tiếp, nhưng

đợi mãi không thấy động tĩnh gì, tôi đành phải đánh bạo hỏi tiếp:

- Thưa bác, cháu có thể vào gặp bác viện trưởng bây giờ không ạ?
- Cô cứ để thư lại đây rồi tôi chuyển cho, - người đối thoại của tôi nói, không buồn ngẩng đầu lên.

- Nhưng cháu có việc cần phải nói trực tiếp với bác viện trưởng cơ ạ.

- Bác viện trưởng đang bận họp, chẳng biết sáng nay có xong không. Không xong buổi sáng thì chiều còn họp tiếp. Cô muốn đợi thì ra ngồi trước cái cửa phòng ở cuối hành lang kia mà đợi.

- Thế cháu có thể gặp bác viện trưởng một hôm khác được không ạ, một hôm nào đó không có họp? - nghĩ đến chuyện chờ đợi vô vọng, tôi hơi nản, định lấy hẹn trước cho một ngày khác.

- Tôi không biết, cô tìm bác ấy mà hỏi. Nói chung thì ngày nào bác ấy cũng bận, không họp chỗ này thì họp chỗ kia.

Không còn cách nào khác, phải đợi thôi. Tôi ra trước cửa căn phòng ở cuối hành lang, nhớ lời dặn “ngồi đợi” nên bèn nhìn quanh quất tìm một cái ghế để ngồi. Hành lang trống trơn, không có bất cứ một vật gì có thể làm chức năng của ghế. Chắc bà kia có ý nói ngồi bệt, ngồi xổm hay ngồi lên thành cửa sổ chẳng? Tôi không dám chọn kiểu nào trong ba kiểu ngồi nói trên, cho nên đành dựa lưng vào tường đứng đợi.

Một tiếng đồng hồ trôi qua, chân tôi bắt đầu tê cứng. Tôi bèn đi đi lại lại trong hành lang, không dám xa cái cửa phòng kia quá năm mét, mắt vẫn dán chặt vào đó. Thình thoảng lại có người đi qua hành lang, nhìn tôi tò mò, nhưng không hỏi gì, tôi cũng thấy chả có việc gì phải hỏi, cho nên chỉ tập trung toàn bộ sức lực vào việc bám sát mục tiêu. Hai tiếng đồng hồ trôi qua, đã gần mười hai giờ trưa, tôi bắt đầu thoái chí thì cánh cửa phòng đột nhiên bật mở. Một tốp chừng bốn năm người đi ra. Tôi lao đến, hỏi ngay ông đi đầu: “Chú làm ơn cho cháu hỏi bác viện trưởng có ở đây không ạ?” Ông này nhìn tôi tùm tùm cười, lúc đó tôi mới nhận ra rằng “chú” chỉ quăng ngoài ba mươi, hơn tôi dăm tuổi là căng. “Bác viện trưởng đang ở trong phòng đấy”, “chú” chỉ tay vào phòng nói rất nhã nhặn.

Qua cánh cửa hé mở, tôi nhìn thấy ông viện trưởng ngồi trầm ngâm trước một chồng tài liệu, có vẻ đang suy nghĩ rất mông lung. Tôi ý tứ gõ nhẹ vào cánh cửa hai tiếng. Đợi một lát, chẳng thấy động tĩnh gì, tôi bèn gõ tiếp hai cái nữa, mạnh hơn lần trước. Ông viện trưởng vẫn ngồi trầm tư, mắt tiếp tục nhìn vào cỏi hư vô. Để kéo ông trở lại với thực tế, tôi đánh liều gõ ba tiếng “cộc cộc cộc” thật to. Quả là hiệu nghiệm, viện trưởng giật nảy mình, quay nhìn ra cửa rồi nghiêm khắc hỏi:

- Có chuyện gì thế?

Hốt hoảng trước sự nghiêm khắc của viện trưởng, tôi luống cuống nói líu cả lưỡi:

- Dạ, thưa bác, cháu... cháu có việc...

- Việc gì? - viện trưởng cắt ngang.

- Dạ, cháu có việc xin được gặp bác ạ.

- Cô ở phòng ông Liêm phải không? Đã xin ý kiến trưởng phòng chưa?

- Dạ, không ạ, cháu không ở phòng nào cả, - tôi hoang mang nói.

- Không ở phòng nào thì đến đây có việc gì? - ông viện trưởng bắt đầu có vẻ khó chịu.

- Dạ, cháu có một cái thư của bác Bình gửi bác, nói rõ chuyện này, - vừa nói, tôi vừa đưa bức thư ra.

- Bình nào? - ông viện trưởng hỏi, không buồn nhìn vào phong bì.

- Dạ, bác Bình trước là viện phó ở đây.

- À à..., - lại một chuỗi "à à" bí hiểm hết như cái bà ở phòng thường trực, rồi ông viện trưởng cầm phong bì, lấy thư ra đọc.

Tôi nín thở, hồi hộp theo dõi từng nét mặt, cử chỉ của ông.

Đọc được một chút, viện trưởng có vẻ sốt ruột, ông gấp thư lại rồi ngẩng lên bảo tôi:

- Tóm lại là cô muốn về làm việc ở đây phải không?

- Dạ, vâng ạ, - tôi đáp.

- Thôi, thế này nhé, để tôi dẫn cô ra gặp cậu Công, phụ trách về tổ chức cán bộ ở đây, chuyện này phải làm việc trực tiếp với cậu ấy mới được. Cầm cả cái thư này đưa cho cậu ấy xem, - ông viện trưởng vừa nói vừa đứng lên, đưa cái thư lại cho tôi và đi ra cửa, ra hiệu cho tôi đi theo.

Tôi cầm lấy cái thư bảo bối của mình và leo đéo theo đuôi ông viện trưởng. Đi được một đoạn trong hành lang thì thấy một người đàn ông bước từ một căn phòng ra, khép cửa lại rồi bước đi. Ông ta không nhìn thấy chúng tôi. Ông viện trưởng gọi:

- Đây, Công!

- Dạ, anh gọi em ạ? - người đàn ông quay lại, cười rất nhũn nhặn.

- Có cô này muốn xin về làm việc ở đây. Cậu xem tình hình thế nào thì nói cho cô ấy biết. Có thủ tục gì cần làm thì hướng dẫn người ta, - ông viện trưởng nói, rồi vừa định quay đi thì ông sực nhớ, bèn nói tiếp:

- Cô ấy có cái thư giới thiệu, cậu đọc kỹ xem trong thư nói gì.

- Dạ, vâng, em sẽ giải quyết ngay chuyện này, - ông Công nói, vẫn với nụ cười nhũn nhặn trên môi. Rồi ông ta quay sang tôi, bảo:

- Bây giờ hết giờ làm việc buổi sáng rồi. Cô về nhà nghỉ ngơi rồi đầu giờ buổi chiều quay lại đây, ta nói chuyện.

Đúng hai giờ chiều, tôi có mặt ở trước cửa phòng ông Công. Cửa đóng im ỉm. Tôi thử gõ nhẹ hai tiếng, rồi lại ba tiếng tiếp theo mạnh hơn. Không có ai trả lời. Tôi bèn kiên tâm đứng đợi.

Lần đợi này may mắn hơn buổi sáng. Quãng hai giờ rưỡi, khi chân tôi mới bắt đầu mỏi chứ chưa kịp tê cứng, thì ông Công xuất hiện.

- À, cô đến rồi đấy à, vào đây, - ông Công vừa nói, vừa mở cửa phòng bước vào.

Tôi vào theo, đang lựa lời để nói thì cán bộ tổ chức đã nhanh nhẹn bảo:

- Thư giới thiệu của cô đâu, đưa tôi xem nào.

Tôi vội vã đưa ngay bảo bối. Ông Công vừa cầm phong bì vừa hỏi:

- Ai viết cho cô thư này?

- Dạ, bác Bình, trước là viện phó ở đây ạ, - rút kinh nghiệm hai lần trước, tôi khai tuồn tuột ra ngay để tránh câu hỏi “Bình nào?”

- À, à..., - cán bộ tổ chức gật gù. Rồi ông gấp luôn cái thư vừa mới lấy ra chưa kịp xem, nhét lại vào phong bì và lắc đầu bảo:

- Ông Bình về hưu lâu rồi, thành ra quên hết cả nguyên tắc làm việc.

Lẽ ra ông ấy phải giới thiệu cô lên Bộ, Bộ có giới thiệu xuống thì chúng tôi mới nghiên cứu xem có phù hợp với Viện không, có thể nhận được không. Nói thật với cô, hiện giờ chúng tôi cũng không có biên chế đâu. Biên chế là ở trên Bộ dọi xuống, mà muốn làm hợp đồng để đợi biên chế thì cũng phải do Bộ quyết định mới được. Tóm lại là cô phải lên Bộ cái đã. Lấy được cái giấy giới thiệu của Bộ xuống đây, thì chúng tôi sẽ nhận hồ sơ của cô và xem xét.

Rồi ông Công đưa trả lại tôi lá thư. Tôi chẳng còn biết nói gì nữa, đành chào một câu và lủi thủi đi ra.

Mấy ngày sau, tôi đi lên Bộ, đương nhiên là phải được trang bị bằng một lá thư giới thiệu, cũng của bác Bình. Chú tôi đã lóc cóc đến nhà bác nói khó thêm lần nữa. Nể đồng nghiệp của vợ lắm, bác Bình mới viết thêm cho một lá thư, dài chỉ bằng nửa thư trước, độ nhiệt tình cũng giảm đi một nửa. Nhưng tôi đã có kinh nghiệm là nội dung dài ngắn ra sao không quan trọng, người ta đâu có thời giờ đọc hết lá thư. Cái chính là có tên người nhận ở ngoài phong bì, để tôi còn có chỗ mà bầu vúi.

Người mà bác Bình có nhã ý gửi gắm tôi trên Bộ là một bà trông tuổi chắc cũng sắp về hưu đến nơi. Tôi phải mất thời gian giải thích khá dài dòng bà mới hiểu bác Bình của tôi là ai. Có điều đáng mừng là sau khi hiểu ra, bà bèn mở thư ra đọc rất chăm chú. Đáng mừng hơn

nữa là đọc xong bà còn dăm chiêu suy nghĩ một lúc (chứng tỏ có sự quan tâm!). Rồi bà hỏi tôi:

- Hồ sơ của cô chuyển lên Bộ lâu chưa?

Tôi vội rút ngay tập hồ sơ của mình ra và nói:

- Chưa nộp hồ sơ. Chưa nộp ngay bây giờ có được không ạ?

Bà bạn bác Bình xua tay, có vẻ ngán ngẩm vì sự thiếu hiểu biết của tôi:

- Không, là tôi nói hồ sơ do Viện chuyển lên ấy chứ, cái quan trọng là phải có ý kiến của Viện.

- Ở Viện người ta bảo cháu là phải có Bộ giới thiệu xuống thì người ta mới nhận hồ sơ.

- Ai bảo cô mà linh tinh thế? Viện có chuyển hồ sơ lên thì Bộ mới căn cứ vào đó mà xem xét được chứ.

- Vậy bác có thể cấp cho cháu một cái giấy giới thiệu xuống Viện, để cháu được nộp hồ sơ ở Viện không ạ? - tôi năn nỉ.

- Không có nguyên tắc làm việc nào như thế cả, - bạn bác Bình trả lời. - Làm thế rồi người ta lại bảo là trên áp đặt dưới. Cô cứ về nộp hồ sơ ở Viện đi. Khi nào Viện chuyển lên Bộ thì tôi sẽ cố giúp cô ở trên này. Nhưng đầu tiên phải ở cấp Viện cái đã. - Rồi bà đổi giọng rất thân mật: - Bảo bác Bình viết cho cái thư đến Viện. Bác ấy vốn là người của Viện, dễ quá còn gì.

- Bác Bình đã viết thư cho cháu đến Viện rồi, nhưng người ta bảo phải có Bộ giới thiệu mới được, - nhớ đến ông Công, tôi cố lèo nhèo. Nhưng bà bạn bác Bình tỏ ra không muốn tiếp tục câu chuyện nữa. “Bao giờ hồ sơ của cô chuyển từ Viện lên đây thì báo cho tôi biết”, bà nói rồi đứng dậy đích thân đưa tôi ra khỏi phòng.

Hôm sau, tôi nhẫn nhục vác mặt đến viện B lần nữa để trình bày với ông Công ý kiến của “Bộ”. “Bộ nào bảo cô mà linh tinh thế, - ông Công nói. - Nguyên tắc làm việc xưa nay vẫn thế, Viện cứ thế mà làm. Bộ muốn thay đổi thì gửi công văn xuống đây. Trong khi chưa có gì thay đổi, thì cứ phải có giấy giới thiệu của Bộ chúng tôi mới nhận hồ sơ của cô được.” Về mặt và giọng điệu của ông Công đánh thép đến nỗi tôi đâm ra nghi ngờ, không hiểu cái Bộ của ông và Bộ của bà bạn bác Bình có phải là một không nữa.

Biết là có lên Bộ lần nữa cũng chẳng ích gì, tôi bèn ngậm ngùi gạch viện B ra khỏi danh sách của mình. Cũng không buồn lắm, vì tôi vẫn còn hai niềm hy vọng nữa. Ở khoa C và cơ quan E, tình hình có vẻ tươi sáng hơn hẳn.

Ông trưởng khoa C là một người vui tính và gần gũi quần chúng. Khi cô Châu dẫn tôi đến yết kiến ông, đang đi lên cầu thang thì tôi nghe

thấy một tiếng cười sảng khoái từ tầng trên vọng xuống. “Ông ấy đã ở trên khoa rồi đấy”, cô Châu vui vẻ bảo. Đi gần đến cánh cửa phòng có biển đề “Ban Chủ nhiệm khoa C” thì lại được nghe thêm một tràng cười nữa, rộn rã hơn, hào hứng hơn, không đơn lẻ như lần trước mà được nhiều chất giọng khác nhau cùng hòa nhịp. Trong phòng chủ nhiệm khoa như vậy là đang có nhiều người. Tôi ngần ngại bước chậm lại. Cô Châu bảo: “Vào đi, đừng sợ”. Rồi chẳng gõ cửa gì hết, cô đẩy cửa bước vào luôn. Tôi líu ríu đi theo cô. Trong phòng có bốn người (vậy mà lúc nghe tiếng cười tôi lại cứ tưởng phải có ít ra là chục giọng), một bà và ba ông. Tôi và cô Châu vào, mọi người quay ra nhìn, vẻ mặt ai cũng như đang cười dở chuyện gì hay lắm. “Xin lỗi, các vị họp ban chủ nhiệm khoa đấy à?”, cô Châu hỏi. “Xong từ nãy rồi, ngồi nói chuyện thôi”, ông to béo đeo kính vừa cười vừa trả lời. Cô Châu quay lại chỉ tôi (đang đứng rúm ró trong một góc), bảo: “Đây là L.C. mà hôm trước tôi đã nói qua với anh rồi đấy”. “À, L.C. đấy hả?”, ông to béo (chính là trưởng khoa) thân mật nói rồi vồn vã đứng lên bắt tay tôi và mời tôi ngồi xuống. Ba người kia ý tứ cáo lui. Cô Châu bảo: “L.C. ngồi nói chuyện với chú Thành nhé, cô có việc đi chỗ này một chút.” Tôi vừa đáp “vâng ạ” thì trưởng khoa đã cười ròn rã và bảo: “Gọi “anh” thôi. Sắp thành đồng nghiệp ở đây rồi, gọi là “chú” nó bất bình đẳng, khó làm việc ra.” Câu đầu của trưởng khoa làm tôi hơi hoảng (vì tôi chưa từng gọi ai quăng ngoài năm chục như ông là anh), nhưng câu sau của ông làm cho tôi sượng râm ran, vì vậy tôi quyết định liều mình gọi ông là “anh” cho đúng lệ làng. Trưởng khoa và tôi ngồi trò chuyện đến hơn một tiếng đồng hồ. Đúng hơn, người nói chủ yếu là trưởng khoa. Tôi chỉ nghe, trả lời, và đưa đẩy vài câu phụ họa. Hóa ra trước đây ông đã từng làm nghiên cứu sinh ở Matxcova, ở chính trường mà tôi học. Thành thử, bao nhiêu kỷ niệm tuổi trẻ được dịp tuôn ra. Bao nhiêu người quen chung, từ các giáo sư đến bà giữ thư viện, được dịp nhắc đến. Ôn chuyện cũ chán chê rồi thì trưởng khoa cũng sực nhớ đến mục đích cuộc yết kiến này, ông bèn hỏi tôi về đề tài luận án tốt nghiệp và hướng nghiên cứu của tôi, tóm lại là về các vấn đề chuyên môn. Rồi ông hỏi tôi có mang theo hồ sơ và luận án của tôi không? Tôi sượng rơn, đưa ngay cho trưởng khoa đủ mọi thứ mà ông yêu cầu. Trưởng khoa bảo sẽ nghiên cứu kỹ những thứ này và hẹn tôi mười ngày nữa thì quay lại để biết trả lời của khoa. Câu trả lời của trưởng khoa C sau đó mười hôm làm cho tôi mất ngủ ít nhất là một đêm vì sung sướng. Ngành chuyên môn và trình độ của tôi hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của khoa C, khoa sẽ ủng hộ tôi

nếu có biên chế, anh trưởng khoa tuyên bố rõ ràng như vậy (đến lần gặp thứ hai này, tôi đã gọi được trưởng khoa bằng “anh” một cách rất trơn tru). Thêm nữa, anh trưởng khoa còn cho biết rằng theo một nguồn tin khá chắc chắn thì Bộ sắp cho trường một vài chỉ tiêu biên chế năm nay, trong đó khoa C nhất định sẽ được một suất. Bây giờ, tôi chỉ còn việc mang hồ sơ lên nộp ở phòng tổ chức của trường, đợi xét duyệt, khi trường hỏi ý kiến thì khoa sẽ trả lời ủng hộ ngay lập tức. Vốn đã có kinh nghiệm về cán bộ tổ chức, tôi bèn xin ngay anh trưởng khoa một cái giấy giới thiệu để lên phòng tổ chức của trường. “Cần gì giấy giới thiệu, - trưởng khoa gạt đi. - Em cứ bảo là anh Thành đồng ý nhận rồi, anh Thành nói em lên nộp hồ sơ ở đây, thế là được.” “Thì anh cứ cho em một cái giấy giới thiệu để đề phòng gặp người khó tính, có mất gì đâu”, tôi nói bằng một giọng thân mật không kém gì trưởng khoa. “Cô này kỹ tính nhỉ, - trưởng khoa cười hề hề bảo. – Thôi được, ngồi đây đợi tí rồi anh viết giấy giới thiệu cho.” Nói rồi, trưởng khoa lục tung các ngăn kéo, lôi ra một quyển vở, xé một mảnh giấy và ngồi hý hoáy viết. Xong, anh đưa cho tôi và hỏi: “Thế này được chưa?”

Nhìn mảnh giấy xé nham nhở với vài dòng chữ viết tay loằng ngoằng, tôi hơi ngạc nhiên. “Khoa mình không có mẫu giấy giới thiệu in sẵn, không có dấu má gì cả anh?”, tôi hỏi. “Cô này tây du lâu nên quan liêu quá, - trưởng khoa cười rộ lên. - Lại còn đòi khoa phải có mẫu giấy in sẵn với lại dấu má nữa cơ chứ! Này, em về năm nay là khoa mình đã hiện đại hóa lên nhiều rồi đấy, chứ năm ngoái thì đến cái điện thoại cũng chẳng có đâu, khoa mới đặt điện thoại được hơn nửa năm nay thôi em ạ.”

Kể ra một cái khoa lớn của một trường đại học lớn nằm ở ngay thủ đô mà lại giản dị thế thì cũng lạ. Nhưng tôi chẳng lấy đó làm điều. Thậm chí tôi còn mong rằng phòng tổ chức của trường cũng xuề xòa, giản dị, dễ gần như thế để mọi việc của tôi trôi chảy.

Trái lại với mong đợi của tôi, ở phòng tổ chức của trường không có ai cười cả. Khi tôi bước vào, có ba người ngồi ở trong phòng. Ngồi trong cùng là một ông già mặt mũi nghiêm trang, tiếp đó là một bàn để trống, hai bàn gần cửa ra vào thì có một cô còn khá trẻ và một bà cỡ trung niên. Mặt cô trẻ có vẻ bất cần, mặt bà trung niên thì đầy mệt mỏi. Tôi háng giọng đánh tiếng, bà trung niên ngẩng đầu lên hỏi tôi đến có việc gì.

- Em đến nộp hồ sơ để xin làm việc ở đây ạ. Em xin về khoa C, anh Thành trưởng khoa đã nhận rồi, anh ấy bảo em mang hồ sơ lên đây để trường xét duyệt. Giấy giới thiệu của anh Thành đây ạ, - đã dày

kinh nghiệm nên tôi nói luôn một lèo rồi đưa tờ giấy của anh trưởng khoa ra (mép giấy đã được tôi cắt lại tối hôm trước nên không còn lem nhem nữa).

Bà trung niên uể oải cầm lấy tác phẩm của thủ trưởng tương lai của tôi, nhìn qua, rồi đứng dậy lấy một tờ giấy khác đưa cho tôi và bảo:

- Cô điền tờ giấy này đi

Đó là một mẫu giấy in sẵn, chỉ có vài mục đơn giản: tên tuổi, ngày tháng năm sinh, địa chỉ thường trú, ngành nghề, nguyện vọng... Tôi viết ngoáy một cái là xong rồi đưa lại cho bà trung niên. Bà lơ đãng nhét vào một ngăn kéo rồi không nói gì thêm nữa.

- Còn hồ sơ thì em phải nộp ở đâu hả chị? - tôi vội hỏi.

- Hồ sơ đầy đủ thì bây giờ chưa cần, vì hiện trường chưa có chỉ tiêu. Bao giờ Bộ cho chỉ tiêu, trường chuẩn bị họp xét duyệt, thì cô nộp hồ sơ là vừa.

- Vậy bao giờ thì Bộ cho chỉ tiêu ạ? - tôi lại hỏi.

- Nghe nói sắp có, nhưng chính xác thì tôi không biết. Khi nào có thì chúng tôi sẽ thông báo.

Tôi năn nỉ xin được để hồ sơ lại vì sợ lỡ, nhưng bà trung niên kiên quyết từ chối. “Ở đây không còn chỗ nào để chứa hồ sơ mới cả”, bà bảo. Thế là tập hồ sơ của tôi lại bị cán bộ tổ chức hất hủi thêm lần nữa. Nhưng tôi vẫn thấy mừng vì không bị bắt lên Bộ xin thêm giấy giới thiệu. Như vậy là có tiến bộ nhiều so với viện B.

Để nắm sát tin tức về chỉ tiêu của Bộ, cứ một tuần tôi lại lên phòng tổ chức trường một lần. Sau hai lần thì bà trung niên nhẵn mặt tôi, cứ nhìn thấy tôi là bà nói luôn: “Chưa có gì đâu”. Đến lần thứ năm thì bà bảo, vẻ khó chịu hiện rõ trên nét mặt: “Sao ngày nào cô cũng đến thế. Thôi từ nay cô đừng đến nữa, ảnh hưởng đến chúng tôi làm việc. Địa chỉ của cô có ở đây rồi, cần gì thì chúng tôi sẽ gửi giấy báo cho cô”. Tôi định thanh minh là không phải ngày nào tôi cũng đến, nhưng vẻ mặt nghiêm khắc của bà làm tôi sợ rụt cả lưỡi lại, chẳng dám nói gì.

Ngồi nhà đợi hai tuần không thấy giấy báo đâu, tôi sốt ruột liều mạng ôm tập hồ sơ rủ ro lên phòng Tổ Chức trường lần nữa. Vừa thò mặt vào cửa thì bà trung niên nhìn ra, quắc mắt lên. Tôi hoảng quá, lí nhí nói một câu xin lỗi, làm như vào nhầm phòng, rồi chuồn thẳng.

Cái quắc mắt ấy yểm tôi ngồi nhà được thêm một tháng nữa thì nỗi sợ nhường chỗ cho nỗi lo. Mãi chẳng thấy giấy báo gì cả, tôi quyết định lại lên phòng tổ chức hỏi tình hình.

May quá, khi tôi đến thì bà trung niên không ngồi ở đó. Tôi bèn tiến lại gần cô gái trẻ có vẻ mặt bất cần để hỏi. Phải giải thích rất dài

dòng cô ấy mới hiểu tôi nói chuyện gì. “Bộ cho chỉ tiêu lâu rồi, trường họp xét cả tháng nay rồi, còn nộp hồ sơ gì nữa”, cô gái thần nhiên bảo. “Ờ..., chị xem lại hộ xem có nhầm không. Mới hôm nọ bà gì ngồi đây còn bảo tôi là chưa có gì hết cả”, tôi ú ớ nói. Cô gái nhìn tôi thương hại rồi bới ra một đồng giấy tờ, đọc vanh vách công văn của Bộ, rồi quyết định của trường về việc tuyển người, đọc cả tên người được nhận về khoa C năm nay (không phải tôi). Theo như ngày tháng cô gái đọc, thì mọi việc mới được giải quyết khoảng ba tuần nay. Tôi bức quá hóa liều, nói một cách cẩu kính: “Sao tôi không nhận được giấy báo gì cả?” “Cái gì?”, cô gái kinh ngạc hỏi. “Bà gì ngồi đây hôm nọ bảo rằng khi nào Bộ cho chỉ tiêu thì sẽ gửi giấy báo để tôi đến nộp hồ sơ. Tôi đợi mãi không thấy giấy báo đâu”, tôi nói. “Ồi giờ ời! – cô gái cười rú lên. – Chị đi xin việc mà lại ngồi nhà đợi giấy báo à? Thế thì có đến mừng thất mới xin được việc. Chị tưởng chị là con ai? Con Tổng bí thư chắc? Hi hi hi...”, cô gái ôm bụng cười ngặt nghẽo mãi không dừng lại được. Ông già trang nghiêm ngồi ở góc phòng cũng ngẩng đầu lên cười khùng khục rung cả kính. Bất giác, tôi cũng cười theo một cách ngớ ngẩn. Vui thật, thế mà lúc trước tôi lại cứ tưởng các cán bộ phòng này không biết cười

Thế là cuối cùng, tôi chỉ còn có mối cơ quan E để mà hy vọng. Một niềm hy vọng rất đáng để bám chặt lấy, vì ngay từ đầu, cơ quan này đã hơn hẳn hai nơi kia ở chỗ họ sẵn sàng nhận hồ sơ của tôi. Nhận luôn, ngay tại chỗ, không đòi giấy giới thiệu nào, cũng không bắt đợi chỉ tiêu của Bộ. Người trực tiếp nhận hồ sơ của tôi là một ông già có vẻ mặt khá hiền lành, đôi mắt hơi dài dại sau cặp kính dày cộp. Không ai giới thiệu nên tôi không biết ông giữ chức vụ gì, nhưng chắc không phải là nhân viên quen, vì ngồi bên cạnh ông là một bà (cũng già nhưng ít nhăn nheo hơn ông một chút), thường xuyên bị ông sai vặt. Ông nhận hồ sơ từ tay tôi, xem qua một tí rồi đưa cho bà kia bảo cất đi. Có lúc cần tìm giấy tờ gì ông cũng sai bà kia đi lấy. Thực ra, trước khi tiếp cận được ông này tôi cũng đã phải đi một vòng qua ba bốn cửa. Đầu tiên, cầm thư giới thiệu của ông em rể bà bác ruột, tôi đến gặp cái ông có tên ghi trên phong bì. Ông này đọc thư xong bèn sốt sắng dẫn tôi đến trình diện một ông khác. Ông khác hỏi tôi khá kỹ về quá trình học tập, bằng cấp, chuyên môn rồi bảo là có thể nhận tôi về được nhưng phải tham khảo ý kiến cấp trên. Cấp trên không đọc hồ sơ của tôi, cũng không hỏi han gì, chỉ đọc ý kiến của cấp dưới ghi ngoài hồ sơ của tôi, rồi bảo tôi đến nộp hồ sơ ở phòng tổ chức đợi xét duyệt. Nghe nói đến phòng tổ chức tôi đã hãi hùng, không ngờ gặp được một ông già mặt mũi thật là phúc hậu,

đã thế lại còn nhận ngay hồ sơ của tôi, không đòi hỏi hạch sách thêm gì nữa. Ông bảo hồ sơ của tôi như vậy là đầy đủ rồi, ít nữa lãnh đạo cơ quan sẽ họp xét duyệt, có kết quả sẽ thông báo công khai. Tôi chỉ còn mỗi việc chờ đợi.

Lãnh đạo cơ quan E chắc cũng nhiều việc bận, nên tôi đợi đến mấy tháng mà cuộc họp vẫn chưa diễn ra. Được cái may là cán bộ tổ chức ở đây rất hiền, tuần nào tôi cũng vác mặt đến hỏi tình hình, nhưng luôn luôn được ông tiếp đón rất nhã nhặn. Phải cái trí nhớ ông không được tốt như cái bà trung niên ở trường đại học nọ, cho nên sau bốn năm lần mà ông vẫn nhìn tôi như mới gặp lần đầu, và tôi luôn luôn phải trình bày lại hết sức dài dòng điều mình muốn hỏi.

Sau trận cười vĩnh biệt khoa C tại phòng tổ chức trường ấy độ một tháng, một buổi sáng tôi đến cơ quan E thì được ông già ở đó cho biết rằng lãnh đạo cơ quan đã họp để xét chuyện tuyển người. Ông giải thích khá kỹ về việc cơ quan hiện chưa có biên chế, cho nên chỉ tuyển để làm hợp đồng, nhưng đến khi nào có biên chế thì những người đã được nhận làm hợp đồng sẽ được chuyển sang diện biên chế, tất nhiên là phải xét duyệt thêm lần nữa, nhưng... Tim tôi đập thình thịch, tôi sốt ruột cắt ngang lời ông, hỏi xem kết quả thông báo công khai ở đâu. “Tên cô là gì?”, ông già hỏi. “Dạ, cháu là Hoàng L.C. ạ”, tôi trả lời. Ông già liền ra lệnh cho bà ngồi cạnh tìm xem Hoàng L.C. có trong danh sách được tuyển không. Bà nọ lục tìm một lúc rồi rút ra một hồ sơ, nhìn tôi mỉm cười rất triu mến và bảo:

“Hoàng L.C. phải không? Cháu được nhận rồi đấy.” Tim tôi như nhảy vọt ra ngoài lồng ngực. Bà nọ vừa đưa hồ sơ cho cấp trên của mình, vừa thì thầm nói với ông điều gì đó. Ông già cầm lấy hồ sơ, giở ra đọc, rồi hỏi tôi một cách thận trọng:

- Cô là Hoàng L.C. phải không?
- Dạ, vâng ạ.
- Sinh ngày... tháng...năm... có đúng không?
- Đúng ạ.
- Cô học ở trường M. tại Liên Xô về có đúng không?
- Vâng ạ.

- Chuyên ngành của cô là tâm lý xã hội có phải không?

- Vâng ạ, - tôi vừa đáp vừa liếc mắt vào tập hồ sơ trên tay ông già, nhận ra ngay đó chính là hồ sơ của mình, có cái ảnh của tôi dán ở trang đầu đập vào mắt. Tôi bèn bảo:

- Đây đúng là hồ sơ của cháu đấy bác ạ, bác xem cái ảnh đây này. Ông già nhìn ảnh, rồi lại ngẩng lên nhìn tôi, rồi một nụ cười rất tươi nở trên gương mặt ông. Ông gấp hồ sơ lại, gật gù bảo:

- Hồ sơ của cháu tốt lắm. Điểm học tất cả các năm đều tốt. Ngành nghề chuyên môn, đề tài luận án thế là phù hợp với cơ quan này. Cháu về làm hợp đồng tạm một thời gian, rồi thế nào cũng được vào biên chế sớm.

Tôi không dám tin ngay vào tai mình, phải hỏi lại thêm lần nữa:

“Cháu được nhận vào làm hợp đồng rồi thật hả bác?” “Thật chứ còn gì nữa”, ông già vui vẻ đáp. Bà ngồi bên cạnh cũng âu yếm nói thêm một câu: “Con bé này lớn lên trông xinh quá nhỉ. Ăn bơ sữa tây nhiều có khác, trắng nõn trắng nà. Hồi bé thì đen nhẻm, không nói thì bây giờ đổ ai nhận ra được.” Tôi giật thót cả người. Quái lạ, sao bà này lại biết tôi hồi bé? Mà tôi có đen nhẻm bao giờ đâu? Tôi giống mẹ, từ khi sinh ra đã có nước da rất trắng.

Nghĩ vậy, nhưng tôi thấy tốt nhất là lờ chuyện này đi. Cái quan trọng là mình đã được nhận, hồ sơ đúng là của mình. Tôi liền hỏi ông già về những thủ tục giấy tờ phải làm. “Cháu sang gặp chị Nhung ở phòng bên cạnh, chị ấy sẽ hướng dẫn. Hôm nay thì chị ấy nghỉ con ốm, vài ngày nữa cháu quay lại là vừa”, ông già ân cần dặn dò.

Tôi vừa định chào và đi ra thì bà ngồi bên cạnh chợt hỏi: “Mẹ cháu dạo này vẫn khỏe chứ?” Tôi lạnh cả người, lúng búng hỏi: “Dạ, bác bảo gì ạ?” “Mẹ cháu vẫn khỏe chứ?”, bà nọ hờ hững nhắc lại. “Mẹ cháu mất rồi”, tôi nói ngắc ngư trong họng vì không đủ khả năng để nói dối. “Sao?”, cả ông già lẫn bà phụ tá đều kêu lên ngạc nhiên cùng một lúc. “Sao không nghe ai nói gì hết cả. Mà mới vài tháng trước tôi còn gặp bà ấy ở đám cưới con ông Bảo kia mà”, bà nọ nói một cách sững sốt. “Chắc bác nhầm cháu với ai. Mẹ cháu mất lâu rồi. Từ năm bảy hai cơ ạ”, tôi nhìn xuống đất, lí nhí thú nhận. Im lặng một lúc. Rồi ông già hỏi: “Thế cô không phải là con ông Hùng à?” “Bố cháu tên là Hưng, không phải Hùng ạ”, tôi dững cảm trả lời. Lại một lát im lặng nữa, lần này dài hơn lần trước. Ông già mở hồ sơ của tôi ra, xem lại một chỗ nào đó, lắc đầu, rồi lôi ra một tờ giấy, giơ lên trước mắt tôi và hỏi: “Cái thư này có phải của cô không?” “Không ạ”, tôi nói một cách đau đớn. Ông già thở dài, đặt cái thư sang một phía, rồi đưa tập hồ sơ cho tôi và bảo: “Cô cầm hồ sơ về đi. Có sự nhầm lẫn. Chúng tôi chỉ có ít chỗ nên không nhận cô được.” “Nhưng bác vừa bảo là hồ sơ của cháu tốt, ngành chuyên môn của cháu phù hợp cơ mà”, tôi hốt hoảng nói, cố kìm để khỏi khóc. “Cô không phải là con ông Hùng thì không được”, ông già trả lời, vẻ vừa bức bối vừa ái ngại.

Sáu tháng sau ngày về nước, tôi lại trở về điểm xuất phát ban đầu. Việc làm vẫn chưa tìm được, hy vọng hầu như không còn, tinh thần hoàn toàn suy sụp. Bố tôi và cô tôi xúm lại động viên, an ủi, đưa ra

rất nhiều lý lẽ. Nào là mới về nước sáu tháng thì có vội gì, nhiều người phải đi xin việc đến hai ba năm mới được. Nào là mới bị có ba cơ quan từ chối mà sao đã nản chí, còn bao nhiêu cơ quan khác mình đã thử đâu. Nào là đã có kinh nghiệm rồi, từ nay đi xin việc chắc chắn sẽ thuận lợi hơn...

Quả là tôi đã thu được nhiều kinh nghiệm. Tôi biết, tôi không xin được về viện B là vì đi nhầm cửa, cho nên mới bị đá đi đá lại như quả bóng giữa Viện và Bộ. Tôi không được nhận vào khoa C vì tôi tưởng nhầm rằng tôi là con Tổng bí thư. Tôi không có chỗ ở cơ quan E vì tôi không phải là con ông Hùng. Có điều, những kinh nghiệm này không làm cho tôi trưởng thành hơn, mà chỉ khiến tôi khiếp sợ. Không biết còn phải thu hoạch thêm những kinh nghiệm nào nữa thì mới xin được việc?

Tôi nằm bẹp ở nhà suốt một tháng, chẳng thiết đi đâu. Đã buồn về chuyện xin việc, lại điên cả đầu vì lâu không có tin tức gì của K. Lá thư cuối cùng của anh, tôi nhận được cách đây một tháng. Hai tháng đầu, tuần nào K. cũng viết thư cho tôi. Tôi thì viết cho anh hàng ngày, như viết nhật ký, mỗi tuần gom lại thành một tập dày, gửi một lần. Sau hai tháng, những lá thư của K. thưa thớt hẳn đi. Anh viết rằng dạo này anh phải đi suốt, ít ở Matxcova lắm, thành ra anh đã trả lại căn phòng ở Matxcova rồi, mỗi lần về anh đến ở nhờ nhà bạn bè, tiện đâu ở đó vì chỉ có vài ngày rồi lại phải đi. K. bảo tôi gửi thư về địa chỉ hòm thư lưu của anh, mỗi lần về Matxcova anh sẽ ra bưu điện nhận. Có lẽ lâu lắm rồi K. không về Matxcova, cho nên đã năm lá thư của tôi gửi đi không hề có hồi âm.

Thỉnh thoảng tôi mới đi ra phố một lần. Công việc duy nhất là bán đồ mang ở Nga về để lấy tiền ăn. Mỗi lần bán đồ, tôi lại nghĩ có khi phải bỏ ngành chuyên môn đi kiếm việc khác làm, cốt để ra tiền là được. Chứ nếu không xin được việc làm mà bán hết sạch đồ rồi thì làm sao? Thôi, tạm thời cứ sống được ngày nào hay ngày ấy.

Một buổi tối, tôi đang nhàn rỗi ngồi nhà, xem một vở kịch tivi nhạt nhẽo, thì cô tôi đến. Mặt cô rạng rỡ như vừa trúng số độc đắc. Cô cho biết là cô mới có một phát hiện kinh thiên động địa: một bà hàng xóm của cô hóa ra lại làm việc ở phòng tài vụ của trường đại học D, cơ quan mà tôi xếp ở vị trí thứ tư trong cái danh sách dự định đi xin việc của tôi.

Bà Thơm (tên bà tài vụ) là hàng xóm cùng phố với cô tôi, cách dặm số nhà chứ không phải là gần lắm, thành thử xưa nay cô tôi chỉ biết bà qua loa chứ không thân thiết gì. Hôm vừa rồi đi họp tổ dân phố, tình cờ ngồi cạnh bà, sau vài câu chuyện xã giao thì cô tôi mừng rú

vì phát hiện ra cái nơi làm việc quý hóa của bà Thơm. Cô vội vã nói chuyện với bà về cô cháu của mình (tức là tôi), ngỏ ý nhờ bà giúp cho tôi về làm việc ở trường D. Mới đầu bà Thơm cũng còn nói năng dè dặt, thận trọng, nhưng sau khi hỏi kỹ, biết tôi học ở Nga về, thì bà tỏ ra thông cảm hơn, bảo cô tôi dẫn tôi đến nhà bà nói chuyện, nếu thấy giúp được thì bà sẽ cố giúp.

Ngay tối hôm sau, tôi lon ton theo cô tôi đến nhà bà Thơm. Đã có cô tôi giới thiệu nên tôi không cần mang theo giấy giới thiệu gì cả. Chỉ mang theo một cái nôi hầm (vốn nằm trong thùng hàng biển của tôi) và một lọ nước hoa Pháp (vừa mua vội ngoài phố), gọi là có chút quà mọn đem ở Nga về. Những thứ này là do cô tôi chỉ đạo, chứ tự tôi thì không thể nghĩ ra. Vừa xách quà đi, tôi vừa tủm tỉm cười vì thấy mình sao giống T.” ửng” quá.

Bà Thơm nhận quà mà cứ trách cô cháu tôi sao lại khách sáo bày vẽ thế. Nhìn bà ở nhà mà cũng son phấn kỹ càng, mùi thơm sực nức, tôi mừng thầm rằng lọ nước hoa Pháp của mình thế là hữu dụng. Cái nôi hầm thì chưa biết có được hữu dụng như vậy hay không, nhưng khi thấy bà Thơm nhanh nhẹn đem nó cất đi ngay thì hai cô cháu tôi đưa mắt nhìn nhau sung sướng.

Chuyện trò dài dòng cả buổi tối, vì bà Thơm là người rất hay chuyện, lại đặc biệt quan tâm đến tình hình nước Nga, hỏi kỹ càng từng chuyện giá cả lên xuống ra sao, hàng họ thay đổi thế nào ở cái xứ xa xôi ấy. Tôi ngoan ngoãn ngồi hầu chuyện bà, tập trung tư tưởng không kém gì khi trả lời những câu hỏi về ngành nghề, chuyên môn. Đến quãng chín giờ tối thì chúng tôi đi đến được cái kết luận mà hai cô cháu tôi đang căng thẳng mong đợi: bà Thơm hứa sẽ giúp tôi xin về làm việc ở trường D, mới đầu làm hợp đồng, khi nào trường có biên chế thì bà sẽ giúp tiếp cho vào biên chế. Đã mừng hụt vài bận rồi, nên tôi cố ghìm cảm xúc. Nhưng đến khi bà Thơm bảo là tôi không phải lên phòng tổ chức hay gặp ai ở trường cả, chỉ việc đưa hồ sơ của tôi cho bà, bà sẽ lo cho từ A đến Z, thì tôi suýt nữa nhảy lên vì hạnh phúc.

Chưa đầy một tháng sau đó, bà Thơm trở thành anh hùng kiêm ân nhân trong mắt gia đình tôi, vì tôi đã có trong tay mọi giấy tờ để về làm hợp đồng ở trường D. Cô tôi vừa cười hỉ hỉ vừa tự trách mình quan liêu, nếu chịu khó đi điều tra sớm, phát hiện ra mối tốt thế này, thì cháu mình đâu đến nỗi mất toi sáu tháng trời lặn lội khổ nhọc ở mấy cái cơ quan giời đánh kia.

Vậy là nhờ bà Thơm phòng tài vụ, tôi đã trở thành giảng viên đại học của trường D. Mới là giảng viên hợp đồng thôi, nhưng là diện “hợp

đồng đợi biên chế”. Đã biết tài năng của bà Thơm, tôi gần như tin chắc rằng nếu có biên chế thì ắt sẽ đến lượt mình, vì mình có lợi thế là được quý nhân phù trợ.

Tôi đến nhận việc nhưng chưa có việc gì làm ngay. Ông tổ trưởng bộ môn bảo tôi đi dự một số giờ giảng của giáo viên trong khoa, để có khái niệm về phương pháp giảng dạy. Sau đó ông sẽ cho tôi dạy thử một số giờ. Tạm thời, mỗi tuần tôi chỉ phải đến trường dự giờ hai buổi, mỗi buổi ba tiếng, thời gian còn lại tự do muốn làm gì thì làm.

Đời giảng viên đại học hóa ra sung sướng thật.

Một tuần sau khi nhận việc, tôi có dịp làm quen với các đồng nghiệp của mình, nhờ một cuộc họp cán bộ toàn khoa. Nếu mọi người không chậm chước cho lính mới thì tôi đã bị coi là hậm nặn, vì ai đời giờ họp khoa thông báo trên bảng là 8h30 rõ ràng rành, mà tôi lại nhè đúng 8h30 đã sốt sắng trình diện. Đứng trơ ra một mình mất hơn nửa tiếng, quãng 9h15 mới thấy vài người lững thững xuất hiện, rồi các giáo sư lục tục kéo đến nhiều nhất trong khoảng từ 9h30 đến 9h45, và đúng mười giờ thì cuộc họp bắt đầu, sau khi trưởng khoa đã dăm lần bảy lượt hô hào kêu gọi anh em vào phòng họp với một giọng vừa năn nỉ vừa dọa dẫm.

Họp bộ môn thì thời điểm xuất hiện của các thành viên có khẩn trương hơn một chút, nhưng lại mất nhiều thời gian vào việc trà lá và những chuyện ngoài đề. Cuộc họp thường diễn ra ở nhà ông tổ trưởng bộ môn, đôi khi ở nhà bà tổ phó, vì ở khoa này cấp bộ môn chưa đủ tư cách để được sở hữu riêng một phòng làm việc. Bộ môn của tôi có một ông tổ trưởng, một bà tổ phó, cộng với hai bà và một ông tổ viên, giờ có thêm tôi thì cả thầy là sáu. Hiện tại, ông tổ viên đang đi thực tập ở nước ngoài (nghe nói sắp về) nên bộ môn chỉ còn lại có năm. Tổ trưởng của tôi một mình lọt giữa Tây Lương nữ quốc nhưng thoải mái như cá trong nước. Giọng sang sảng đúng cốt cách lãnh đạo, ông nói thao thao hàng tiếng không biết mệt, cả ba bà kia cộng lại cũng không đủ sức lấn át được ông.

Sau mấy buổi họp bộ môn, tôi đã thu được nhiều thông tin khá quan trọng, nhờ nghe lỏm các câu chuyện ngoài lề. Thực ra tôi cũng không định nghe lỏm, mà chuyện người ta nói cứ tự nhiên lọt vào tai tôi. Buổi đầu tiên, tôi được biết rằng cái bọn đi học nước ngoài về, có bằng này cấp nọ nhưng nhiều khi dốt đặc, chẳng biết gì về thực tế Việt Nam nên chỉ ngồi chơi xơi nước chứ không được việc gì hết. Buổi thứ hai tôi lại biết thêm rằng cái bọn do trên ép xuống bắt dưới phải nhận mới là bọn dốt nhất. Các thông tin này lần nào cũng do đúng hai bà phát ra, một bà nạ dòng sồn sồn, còn bà kia chắc chỉ

hơn tôi vài tuổi. Đến buổi thứ ba, tôi quyết định tự mình tìm hiểu thêm thông tin bằng cách bắt chuyện với một chị trông khá hiền mà tôi nhận thấy là thường hay ngồi nghe chứ không tham gia vào câu chuyện của hai bà kia. Nhờ chị Vi, tôi mới rõ rằng ở bộ môn này người có học vị cao nhất là ông tổ trưởng, phó tiến sĩ, bảo vệ luận án ở chính khoa này cách đây vài năm. Chị Vi thì đang làm nghiên cứu sinh trong nước, sắp tới có hy vọng được đi thực tập nước ngoài. Hai bà kia thì khoa cũng đang động viên thi nghiên cứu sinh trong nước, nhưng họ còn chưa sắp xếp được thời gian. Cũng phải, vì thời gian của giảng viên đại học thoát nhìn cứ tưởng là rộng rãi, nhưng thực chất vô cùng eo hẹp, do ai cũng phải kiếm việc làm thêm chứ làm sao sống nổi với đồng lương.

Lương tôi diện hợp đồng thì lại càng còm hơn, chỉ đủ tiền ăn sáng. Hàng tháng vẫn phải ăn vào tiền bán đồ mang ở Nga về. Ổn định được chỗ làm rồi, noi gương đồng nghiệp, tôi cũng lăm le kiếm việc làm thêm. Đang lúc chưa biết làm gì thì một lần nữa bà Thơm lại ra tay cứu độ. Nhưng khác với lần trước, lần này chuyện xảy ra hoàn toàn tình cờ.

Hôm ấy, tôi đang đi trong trường thì chạm trán bà Thơm. Sau khi cung kính chào ân nhân, tôi vừa quay gót đi tiếp thì bỗng bà giật giọng gọi tôi lại hỏi một câu hết sức bất ngờ: “Em có muốn kiếm việc làm thêm không?” Tôi ngẩn người ra, tự bảo bà này lại còn có cả tài đọc được ý nghĩ người khác thì khiếp quá. Bà Thơm giải thích: “Chị có một quầy bán hoa, lấy mối từ Đà Lạt, bán chạy lắm. Phải cái chị không đứng bán được, vì phải làm việc theo giờ hành chính ngày tám tiếng. Thành thử chị thuê hai con bé cùng phố bán hai ca khác nhau, nhưng hôm qua một con láo quá, dám tắt mắt lấy tiền của chị, chị vừa đuổi nó đi xong. Thấy em xinh xắn, tươi tỉnh, chị nghĩ em làm nghề bán hàng hợp đấy. Với lại trông em thật thà chị cũng yên tâm.” Tôi chưa làm nghề bán hàng bao giờ, nhưng nghe bà Thơm nói thế thì cũng yên tâm theo bà. Với lại, còn đòi hỏi gì nữa, có việc làm thêm để tăng thu nhập là may quá rồi.

Từ ngày bán hoa thuê cho bà Thơm, tôi có tiền chi tiêu rủng rỉnh hẳn. Thời gian mà tôi đứng ở quầy bán hoa ít ra cũng nhiều gấp đôi thời gian tôi xuất hiện ở trường. Bù lại, thu nhập do việc này mang lại cũng hơn đứt tiền lương của tôi. Tóm lại là đủ sống mà không phải gặm thêm vào số hàng mang ở Nga về còn sót lại.

Tôi viết thư cho K. kể hết mọi chuyện và lại giục anh trở về Hà Nội. Em tìm được chỗ làm đúng chuyên môn rồi, lại có việc làm thêm nhẹ nhàng đủ tiền để sống. Về đi anh, rồi anh cũng sẽ kiếm được việc

như em thôi. Dù không giàu có thì mình cũng sống được, còn hơn là lẫn lóc đánh quả ở nước ngoài. Sống xa nhau mãi như thế này em không chịu nổi...

Nhưng những lá thư của tôi gửi đi không hề có hồi âm. Một tháng, hai tháng, rồi ba tháng, không thư từ, không điện thoại, không hề có bất cứ một tin tức nào của K. Gần như phát điên lên vì lo sợ, tôi tìm đến bố mẹ K. để hỏi tin anh.

Mẹ K. tiếp tôi với một vẻ rầu rĩ. Bà cũng đang héo ruột héo gan vì cậu con trai quý của mình. Lâu lắm rồi K. không viết thư cho bố mẹ. Mới đây, mẹ K. nghe có người nói rằng anh đã sang hẳn Ba Lan. Bà trách tôi không ở lại Matxcova để thúc ép anh về nước. Tự dưng dưng dưng bỏ về một mình, rồi có chuyện gì xảy ra thì còn kêu ai được?

Có chuyện gì đã xảy ra? Tôi cảm thấy mẹ K. biết điều gì đó nhưng giấu tôi. Gặng hỏi mãi mà bà không chịu nói, tôi sục đến nhà tất cả những người quen mới ở Matxcova về nước để tìm hiểu tình hình. Nhật nhặn thông tin mỗi nơi một tí, cuối cùng tôi cũng đoán ra được một câu trả lời đại thể về sự im lặng của K.

Vậy là K. đã sang hẳn Ba Lan. Anh vay nợ nhiều đến mức bị chủ nợ đe dọa và khống chế, chỉ nai lưng ra làm để trả nợ mà cũng không xong. Rồi, trong lúc K. đang tuyệt vọng nhất thì có một người quen đã giúp đỡ anh. Chị cho anh vay tiền để trả nợ một phần. Anh chuyển sang Ba Lan để hợp tác cùng làm ăn với chị. Chị là một người cực kỳ tháo vát, làm ăn giỏi. Công việc của K. gần đây đã khá hẳn lên. Hình như anh đã trả gần xong nợ. Chị bạn anh bỏ chồng, sống một mình. Sau một thời gian ở Ba Lan, K. đến sống cùng với chị. Sống như vợ chồng.

Tôi đã mất K. Mẹ anh nói đúng, lỗi tại tôi, còn trách ai được nữa. Tôi đã bỏ đi trong lúc anh cần tôi. Còn người phụ nữ ấy, chị đã chìa tay cho K. khi anh bị lún xuống hố sâu. Chị đã làm cho anh cái điều mà tôi không làm nổi. Không làm nổi hồi ấy, và đã quá muộn để làm bây giờ.

Bây giờ, bà Thơm không còn được hài lòng như lúc đầu về công việc bán hoa của tôi. Vài lần tạt qua kiểm tra bất ngờ, bà kêu tôi bán hàng mà đầu óc cứ ở trên mây trên gió, đã thế mặt mũi lại còn khó đảm, chẳng thấy cười được cái nào.

Chắc là vì đã sẵn bụng mình nên hôm ấy chỉ mất một ít tiền mà cơn tức giận của bà Thơm bùng lên thật dữ dội. Tại sao lại mất tiền thì mãi đến bây giờ tôi cũng không hiểu được. Có lẽ tại vì hôm ấy tự dưng có quá nhiều người vào mua hoa hồng nhưng. Những bông

hoa quái ác ấy, nó cứ bắt tôi nhớ đến những kỷ niệm mà tôi muốn quên đi. Có nhiều lúc trao hoa cho khách, tôi phải nhìn đi chỗ khác để giấu đôi mắt mờ lệ của mình. Cả buổi, tôi không sao tập trung tư tưởng nổi vào chuyện bán hàng, đầu óc lộn xộn toàn những hình ảnh xa xưa. Đến lúc ra về, tôi lại còn đắn trí không kiểm tra lại tiền trước lúc giao cho bà chủ. Cán bộ phòng tài vụ không cần đến năm phút đã phát hiện ngay ra là tài sản của mình bị hao hụt. Cả dãy phố thì không cần đến hai phút sau đã biết tôi là đứa tặc mất. Tôi hốt hoảng xin đền tiền ngay lập tức nhưng bà chủ không chịu hạ giọng đi cho. Máy bà đã mở ra rồi, bà phải tiếp tục xả cho hết cỡ. Nào là mặt mũi thì trí thức mà hóa ra cũng giở trò ăn cắp vặt thế à. Nào là nếu thiếu thì xin, tôi cũng thí cho, chỗ tiền ấy với tôi chẳng đáng gì, nhưng tôi ghét là ghét cái thói gian lận... Cuối cùng, bà chủ tuyên bố là nể cô tôi lắm nên bà cho tôi làm tiếp, nhưng bà mà còn bắt quả tang được lần nữa thì cứ tự động mà xéo đi. Biết mình chẳng đủ sức xen vào khi đại bác còn đang gầm rú, tôi đợi cho bà chủ nói xong rồi xĩa tiền túi ra trả bà và bảo là tôi thôi việc. “Lại sĩ à? – bà chủ cười khẩy. – Sĩ thì thiệt thân, chứ tôi thì cần đếch gì cô. Tôi chỉ cần hô lên một tiếng là khối đứa nhảy bổ vào chỗ này ngay.”

Về khoản này thì bà Thơm nói đúng. Chưa đầy một tuần sau khi tôi thôi việc đã có một cô gái khác đến bán hàng cho bà thay tôi. Tôi biết cô gái ấy. Cô ấy cũng là giảng viên trường tôi, dạy ở khoa bên cạnh. Thôi bán hoa cho bà Thơm, tôi lại phải ăn vào tiền bán đồ mang ở Nga về. Vẫn biết là phải đi tìm việc làm thêm khác mới sống được, nhưng bây giờ tôi không còn nhiệt tình như trước nên cứ lẩn chần. Vả lại, tình hình của tôi ở trường ngày càng tồi tệ nên tôi không còn lòng dạ nào nghĩ đến chuyện làm thêm nữa.

Ông tổ trưởng bộ môn vẫn chưa cho tôi dạy thử giờ nào. Ông không nói rõ vì lý do gì, chỉ bảo cứ từ từ, rồi lúc nào tiện thì ông sẽ sắp xếp. Đề tài khoa học của bộ môn, tôi cũng không được tham gia vì là người mới, chưa có kinh nghiệm thực tế Việt Nam. Bù lại, tôi được phong chức tổ phó công đoàn, mỗi lần công đoàn cấp trên triệu tập họp thì tôi được đại diện cho công đoàn bộ môn đi họp. Thỉnh thoảng, ông tổ trưởng cũng an ủi tư cách giảng viên đại học của tôi, cho tôi tiếp xúc với sinh viên bằng cách đi coi thi hộ người này người nọ.

Nếu không có chị Vi thương hại nói cho biết thì tôi cũng không hình dung được tình hình của mình trầm trọng đến mức nào. Hóa ra, khoa này hiện không hề có nhu cầu về chuyên môn của tôi. Bộ môn của tôi lúc trước đã thừa người, trên trường cứ ấn tôi xuống, khoa đành phải

nhận. Số giờ dạy của bộ môn so với số giáo viên vốn đã ít nên tổ trưởng bộ môn chẳng muốn san thêm ra cho một người mới về chưa có kinh nghiệm làm gì. Với lại, bộ môn không muốn mất công giao việc cho tôi vì ai cũng nghĩ rằng tôi chỉ làm hợp đồng một thời gian rồi chán sẽ bỏ đi, chứ chẳng có hy vọng gì được vào biên chế. Ở khoa còn có vài người đang ngồi đợi biên chế từ mấy năm nay, toàn là những ngành khoa cần cả, nên trường bắt nhận tôi làm hợp đồng thì khoa chịu, chứ vào biên chế thì còn lâu. Chưa kể đến chuyện tôi còn can tội mang bằng cấp cao ở nước ngoài về, điều này khiến cho một số người trong khoa đâm ra cảnh giác về những tham vọng xấu của tôi.

Chị Vi còn chưa biết là chỗ dựa duy nhất của tôi ở cấp trường cũng đã mất. Từ sau khi xảy ra sự cố bán hoa để mất tiền với bà Thơm, tôi không còn hy vọng gì được bà phù trợ cho việc vào biên chế. Tóm lại, tôi không còn hy vọng nào ở trường này cả.

Mẹ K. bất ngờ đến tìm tôi vào lúc tôi đang ở trong tình trạng nửa thất nghiệp. Không phải đi họp công đoàn, không có kỳ thi nào để đi coi, cũng chán chẳng buồn đi dự giờ của ai nữa cả. Hoạt động của tôi ở trường hạn chế ở các buổi họp khoa và bộ môn, cộng với việc đi lĩnh vài đồng lương còm mỗi tháng một lần.

Tôi không kể với mẹ K. về những chuyện ấy, vì tuy bà hỏi thăm công việc của tôi, nhưng tôi có cảm giác rất rõ rằng bà đến vì một chuyện gì khác. Loanh quanh một hồi, bà hỏi tôi có biết thêm gì về tình hình của K. ở Ba Lan không? Tôi thấy cũng chẳng cần giấu nên bèn nói thẳng ra rằng tôi biết anh dạo này làm ăn đã khá hơn nhiều, và anh đã gặp một người phụ nữ khác.

Tôi tránh không nói đến chuyện K. sống cùng người đó, nhưng mẹ anh đã biết hết. Bà bảo rằng không bao giờ bà chấp nhận cho con trai bà sống với cái loại gái bỏ chồng như vậy. Rằng thằng K. nó chẳng yêu gì con đó, nó có thèm đả động đến chuyện cưới xin gì đâu. Cuối cùng, bà khóc và nói tôi là niềm hy vọng duy nhất của bà, chỉ có tôi mới kéo con trai bà ra khỏi nanh vuốt của “cái con kia” được. Rồi bà đưa cho tôi địa chỉ của K. ở Ba Lan và gần như van xin tôi viết thư gọi anh về. “Cháu viết thư thì có ích gì đâu, - tôi bảo. - Địa chỉ của cháu không hề thay đổi, nếu anh ấy muốn thì anh ấy đã viết cho cháu rồi. Anh ấy đã có sự lựa chọn khác, cháu không muốn xen vào nữa.” Mẹ K. kêu lên: “Nó không dám viết cho con vì nó đã trót sa chân nên sợ con không tha thứ. Nếu nó biết là con vẫn chờ đợi thì chắc chắn nó sẽ bỏ tất cả để về”.

Khi rời Matxcova, tôi cũng đã tưởng rằng anh sẽ phải vứt bỏ tất cả

để về theo tôi. Bây giờ, tôi không còn niềm tin ấy nữa. Tờ giấy ghi địa chỉ của K. mà mẹ anh đưa cho tôi, tôi nhét vào ngăn kéo, nó nằm yên trong đó ba tuần.

Ba tuần sau, tôi mở ngăn kéo ra nhìn, tự hỏi mình có nên viết thư cho K. không. Không phải để gọi anh về, mà chỉ để chúc mừng sinh nhật anh thôi, vì hơn nửa tháng nữa anh sẽ tròn hai mươi chín tuổi. Đấu tranh tư tưởng một hồi, tôi lại cất mảnh giấy vào ngăn kéo.

Ngày sinh nhật K., buổi sáng, tôi tỉnh dậy trong giường với ý nghĩ rằng giờ này, người phụ nữ ấy chắc đang chúc mừng anh với một cái hôn dài như tôi vẫn thường làm trong những dịp sinh nhật trước của anh. Chị ấy có biết rõ thị hiếu của K. để chọn cho anh đúng món quà mà anh thích? Tối nay, anh có mời bạn bè, hay chỉ muốn ở nhà một mình với chị như năm xưa anh vẫn thích làm như vậy với tôi? Anh đã quên hẳn tôi rồi, hay ít nhất cũng nghĩ rằng tôi đã quên anh. Không chịu đựng nổi ý nghĩ ấy, tôi làm một việc điên rồ là mở ngăn kéo, lấy tờ giấy ghi địa chỉ của K. và chạy bỏ ra bưu điện. Tôi gửi đi một bức điện dài, bắt đầu bằng dòng chữ “Chúc mừng sinh nhật lần thứ hai mươi chín...” Tôi không ký tên vào bức điện, sợ rằng nếu nó rơi vào tay người khác thì cái tên tôi có thể làm hỏng mất ngày vui của anh. Vả lại, cần gì phải ký tên, nếu K. còn nhớ tới tôi, anh sẽ hiểu bức điện từ Hà Nội này là do ai gửi.

Rõ ràng, K. đã dứt khoát quên tôi. Bức điện này cũng chung số phận với những bức thư mà tôi gửi cho anh hồi trước, không hề có một hồi âm.

Cần phải sống, tôi tự nhủ mình như vậy. Nói cụ thể hơn là cần phải kiếm tiền. Tôi vừa có một hướng mới do chị Vi mách cho. Chị chuẩn bị đi thực tập nước ngoài nên bỏ việc làm thêm ở một sạp bán sách báo. Chị xui tôi đến xin làm thay chị, chủ sạp đang tìm người.

Tưởng chủ sạp là ai xa lạ, hóa ra lại là một cặp vợ chồng làm việc ở trường tôi. Bà làm phòng hành chính, ông làm phòng đào tạo, tôi không quen nhưng thỉnh thoảng có gặp ở trường.

Tôi đến ngay sau khi chị Vi thôi việc, thế mà chỗ làm đã có người khác. Ít ra, đó cũng là điều mà bà chủ sạp trả lời tôi. Giọng bà lạnh lùng và khó chịu đến nỗi tôi đâm ngờ rằng chưa chắc đã có người nào, mà lý do chính khiến bà chủ không muốn nhận tôi là vì tôi đã mang tiếng xấu. Ai chứ bà Thơm thì chẳng thể giữ mồm giữ miệng được. Tôi hiểu rằng từ nay đi kiếm việc thì nên tránh dân cùng trường ra cho đỡ mất thời giờ.

Giữa lúc tôi đang buồn thì T.H. từ Pháp về Hà Nội chơi. Cô vừa mới lấy chồng xong nên đem chú rể về trình diện. Chẳng báo trước gì

hết, T.H. đến nhà tôi một cách rất bất ngờ. Đến một mình, không mang theo chồng, để hàn huyên cho thoải mái. Tôi mừng đến phát khóc lên.

Câu đầu tiên của T.H. là hỏi thăm K. và thắc mắc sao chúng tôi đợi gì mà mãi không chịu cưới. Cô sững sờ khi biết rằng K. chưa về nước, tôi và anh đã cắt đứt rồi. T.H. muốn hỏi thêm nhưng tôi kiên quyết nói sang chuyện khác nên cô đành chịu. Cô bèn hỏi đến chuyện việc làm. Tôi bảo, bây giờ tôi làm hợp đồng ở trường D, đang đợi biên chế. “Có đủ sống không?”, T.H. hỏi. “Thì cũng như người khác thôi”, tôi trả lời và lại muốn đổi đề tài, nói đến chuyện đám bạn cũ. Nhưng lần này, T.H. nhất định không bỏ cuộc.

- Có chuyện gì thế? – T.H. hỏi.

- Chẳng có chuyện gì đâu, - tôi chối.

- Mà đừng có giấu tao. Nhìn mặt mày là tao biết. Hồi trước, có chuyện gì mày cũng kể cho tao hết cả. Mày không coi tao là bạn nữa à, - T.H. nói dối.

- Thực ra cũng không có gì quan trọng cả, nói nó mất vui đi, - tôi lúng túng.

- Kể cho tao nghe đi, xem tao có giúp gì được mày không, - T.H. nài nỉ.

Nhìn vẻ mặt lo lắng của T.H., đột nhiên tôi không kìm được, khóc nức lên:

- Ở đây, tao không có gì hết cả. Tình không, tiền không, sự nghiệp không. Tao không còn biết sống để làm gì nữa H. ạ.

Rồi tôi kể hết mọi chuyện cho T.H. nghe, từ chuyện tôi đi xin việc đến chuyện tôi bán hoa để mất tiền, rồi tình hình bi đát của tôi ở trường hiện nay... Nước mắt T.H. ứa ra, cô bảo:

- Tao không thể để mặc mày như thế này được. Tao sẽ kéo mày ra khỏi đây. Mày có muốn quay lại Matxcova với K. không?

- Không, - tôi kêu lên. – Tao biết làm gì ở Matxcova bây giờ. Mà K. cũng không còn ở Matxcova nữa.

- Thế thì sang Pháp với tao đi, - T.H. bảo. - Tao sẽ nói Pascal tìm cho mày một học bổng sang Pháp học.

- Nhưng tao bảo vệ luận án ở Nga rồi, còn học gì nữa.

- Có bằng Nga rồi thì học lấy thêm bằng Pháp, có sao đâu. Học, học nữa, học mãi. Mày chưa đến hai tám tuổi, đi học là phải quá. Sang Paris mà xem, tao quen mấy bác người Việt mình, gần sáu chục tuổi rồi mà vẫn còn được cơ quan cử đi Pháp học, học xong về nước thì vừa đến tuổi về hưu. Đi học bây giờ là cái nghề hữu ích nhất của trí thức nước mình C. ạ. Mày cứ sang Pháp một thời gian, thay đổi

không khí. Không phải lo nghĩ kiếm sống mà lại được học thêm, tiếp xúc với giới khoa học bên đó cũng hay lắm chứ. Rồi tương lai thế nào thì tính sau.

Tôi đưa cho T.H. toàn bộ hồ sơ khoa học của tôi để vợ chồng cô đi liên hệ xin học bổng. T.H. trở lại Paris, tôi bắt đầu đi học tiếng Pháp cấp tốc (cũng may, không phải bập bẹ từ đầu, vì tôi đã từng học tiếng Pháp trong những năm đại học ở Nga). Bốn tháng sau, tôi nhận được thư của cô bạn cùng với những giấy tờ để tôi sang Pháp làm luận án tiến sĩ. “Tao rất muốn mày sang đây sớm, nhưng vì mày khác ngành bọn tao nên hơi khó liên hệ. Mãi vừa đây mới có trường trả lời đồng ý nhận, nhưng lại ở thành phố khác chứ không phải ở Paris. Kể cũng buồn vì bọn mình sẽ không được ở gần nhau, nhưng tạm thời mày cứ sang Pháp đi, rồi sau đó nếu muốn chuyển lên Paris thì chắc cũng có cách”, T.H. viết

Một năm rưỡi sau ngày về nước, tôi lại rời Hà Nội ra đi. Chẳng có gì luyến tiếc khi bỏ hợp đồng ở trường D, chỉ thương bố đã bắt đầu già yếu, giờ lại sống lủi thủi một mình ở Hà Nội. Nhưng bố tôi thì có vẻ thanh thản hơn, cụ nói giống hệt T.H.: “Con cứ đi một thời gian cho thay đổi không khí. Lúc này ở nhà làm việc chưa thuận lợi thì tranh thủ đi học thêm cũng tốt. Ít nữa về có thể tình hình sẽ sáng sủa hơn”. Rồi cụ nói thêm: “Đừng lo cho bố. Thắng D. cũng sắp về rồi.” D., em trai tôi, đang ở Đức, quãng nửa năm nữa học xong nó sẽ trở về. Đó là điều an ủi duy nhất của tôi.

Trước hôm đi, tôi đến chào bố mẹ K. “Con bỏ thằng K. thật đấy à?”, mẹ anh hỏi, hết như ngày nào anh hỏi tôi ở Matxcova. Nước mắt tôi trào ra, tôi nghẹn ngào nói: “Nếu anh về Hà Nội, bác nói anh tha lỗi cho cháu”.

Thế là lại Nội Bài. Một năm rưỡi trước, khi tôi từ Nga trở về xuống đến đây, tôi cứ nghĩ rằng tôi sẽ quay lại sân bay này để đón K. Bây giờ, tôi đến để lại ra đi. Tương lai sẽ ra sao, tôi cũng chưa biết nữa. Trong vali tôi có đủ giấy tờ ghi rõ rằng tôi đến trường... để làm luận án tiến sĩ ba năm. Trong tay tôi có tấm vé máy bay ghi rõ nơi đến: sân bay Charles De Gaulle- Paris. Vậy mà tôi bước lên máy bay như một người ngơ ngẩn. Không biết mình đang làm gì. Không biết mình đang đi đâu.

Tìm trong nỗi nhớ

Chương 8

"Đi đâu" luôn luôn là vấn đề phải lo nghĩ trước hàng tháng của vợ chồng Lan Chi mỗi khi kỳ nghỉ hè đến gần. Từ cuối tháng tư, khi đợt nghỉ mùa xuân của lũ trẻ vừa kết thúc, hai vợ chồng đã bắt đầu hỏi nhau: "Hè này nhà mình đi đâu nhỉ?" Ra biển, lên núi, đi trong nước Pháp hay ra nước ngoài? Đi đâu thì đi, phải quyết định cho nhanh để trong tháng năm còn tìm thuê nhà hay thuê khách sạn, đặt chỗ trước, chứ cứ lần lữa đợi đến tháng sáu thì chẳng còn nhiều nơi tốt mà kén chọn. "Tốt" ở đây còn kèm theo tiêu chuẩn là "không đắt", cho nên thực ra cũng chẳng được kén chọn gì nhiều. Ngân sách eo hẹp, đi xa thì tốn kém, đi gần thì loanh quanh cũng chỉ có vài nơi.

Có những năm Lan Chi chẳng thấy hào hứng gì, lại nghĩ đến cảnh chen chúc tàu xe, đảo lộn cuộc sống mà phát ngán, cô bảo: "Thôi, hè này mình ở nhà một lần thì đã sao, đi mãi cũng chán!". Nhưng Trung phản đối: "Cả năm đã ở nhà rồi, chịu khó đi ít ngày cho lũ trẻ được thay đổi không khí". Lại có năm tìm mãi không được nơi ưng ý, đến lượt Trung chán ngán đề xuất ý kiến tầy chay chuyện đi nghỉ một năm, nhưng Lan Chi không chịu: " Nghỉ hè, nhà nào người ta cũng cho con đi chơi cả, mình lại giam con ở nhà sợ chúng nó tủi thân".

Đúng vậy, tháng bảy và nhất là vào đầu tháng tám, cả nước Pháp ồ ạt xuống đường đi nghỉ, ai không đi được tự dưng cảm thấy mình lạc lõng, thua kém thiên hạ. Các nhà ga đông nghịt người. Trên các con đường cao tốc, vào những ngày và những giờ cao điểm, tốc độ xe chạy còn chậm hơn trong đường làng, hàng đoàn ô tô lũ lượt mệt mỏi nhích từng tí một, người và xe vã mồ hôi dưới ánh mặt trời gay gắt. Vậy mà ai cũng hớn hờ ra đi. Dãy phố của Lan Chi thường ngày đã vắng, vào những dịp này lại càng vắng tanh, hầu như nhà nào cũng có vài tuần đóng cửa im ỉm. Kể ra ở lại nhà vào lúc này thì điều kiện nghỉ ngơi còn yên tĩnh hơn là lên núi hay ra biển. Nhưng mà buồn, trẻ con chẳng có bạn để chơi. Đến đầu năm học mới, cô giáo ra bài văn "Kể lại kỳ nghỉ hè của em" thì đứa nào không đi đâu sẽ chẳng biết kể gì hết. Đây là trẻ con, chứ còn người lớn bị người quen hỏi thăm "hè này đi đâu" mà lại trả lời là "không đi đâu cả", thì thấy như mình tự nhiên bị tụt xuống mất vài nấc trong bậc thang xã hội. Nghe nói có nhà sa sút không còn tiền đi nghỉ đã phải đóng cửa tắt đèn, chui xuống kho ở tầng hầm sống một tuần để giữ sĩ diện với hàng xóm. Chắc là chuyện đùa thôi, nhưng chuyện thật một trăm phần trăm là gia đình em gái Trung đã từng phải vác lều bạt lên núi cắm trại một tuần để khỏi phải chui vào kho ở. Không phải là do thiếu tiền, mà vì vợ chồng Hạnh đột nhiên có sự cố nên không đi nghỉ

được đúng vào thời gian dự kiến, đến phút cuối cùng mới thay đổi kế hoạch nên chỉ còn kiếm được một chỗ "camping" ở một vùng dưới chân núi. Lên núi cắm trại thì cũng là một thú vui của dân tây, phải cái dân mình không có tình thần thể thao leo núi như tây, lại kém chịu lạnh, nên tuy cả nhà đã chẳng dám leo đầu cao, chủ yếu chỉ chui ra chui vào cái lều, vậy mà sau kỳ nghỉ về đến Paris mẹ Trung còn bị ho dai dẳng đến hơn một tháng. Thế nhưng hè nào bà cũng chịu khó đi nghỉ cùng gia đình con gái, tuy rằng chuyện đó đối với bà có vẻ là nghĩa vụ hơn là niềm vui. Hè năm ngoái, gia đình Hạnh đi nghỉ tại một bờ biển nổi tiếng ở Tây Ban Nha, đúng được hai tuần trời nắng rực rỡ. Bãi biển đẹp, nước biển đã ấm lại trong, nhưng Hạnh phản nản là cô dốt thể nào mẹ cũng chỉ chịu ra bãi biển có đúng một lần (không nhúng chân xuống nước), rồi lại về nhà ngồi vì sợ nắng. Lan Chi nhớ lại tuổi thơ của mình, nghèo đói mà sao thật dễ vui. Nghỉ hè hầu như chẳng ai đi đâu hết, lũ trẻ cùng phố được thả ra là tụ tập ngay lại với nhau, tự nghĩ ra đủ thứ trò chơi, vui nổi trời, đến chiều tối bố mẹ phải quát cổ bồng hòng gọi năm lần bảy lượt thì mới chịu về nhà tắm rửa, ăn uống. Ở đây, những nhà tử tế không có cái lối thả rông con ra đường như vậy. Trẻ con được nghỉ hè hai tháng, không lẽ đóng cửa nhốt chúng ở nhà cả sáu chục ngày. Vì thế, hè mới lấp ló đến gần mà vợ chồng Lan Chi đã lo sốt vó đến trách nhiệm mua vui giải trí cho con.

Năm nay, Lan Chi có vẻ ung dung hơn mọi năm về chuyện đi nghỉ hè. Đã đầu tháng năm rồi, sức nhớ là chưa thấy vợ bàn gì đến chuyện này cả, Trung hỏi:

- Em đã chọn được nơi nào đưa con đi nghỉ hè năm nay chưa?
- Anh có sắp xếp đi nghỉ với em và bọn trẻ được không, hay lại để bốn mẹ con đi với nhau thôi? - Lan Chi không trả lời mà hỏi lại.
- Em đưa con đi rồi anh tranh thủ đến vài ngày thôi. Hè năm nay chắc anh phải ở lại trực bệnh viện.

Xin nghỉ phép vài tuần vào dịp hè đối với Lan Chi là một vấn đề đơn giản, chỉ cần báo trước một tháng cho ông chủ là xong. Mùa hè, sinh viên nghỉ học đi kiếm việc làm thêm đông như kiến, cửa hàng chẳng khó khăn gì để tìm người bán hàng tạm vài tuần. Nhưng cái nghề bác sĩ của Trung thì lại hay bắt anh làm việc vào lúc thiên hạ đi chơi: kỳ nghỉ hè không những người ta chẳng chịu ốm bết đi cho, mà lại còn có thêm bao nhiêu bệnh tật tai nạn cứ trái khoáy xảy ra vào đúng lúc tinh thần nghỉ ngơi của dân chúng lên đến cao điểm. Không phải năm nào Trung cũng lấy phép được vào dịp hè để đi nghỉ với vợ con. Những lần như vậy, vợ chồng Trung thường chọn một nơi nghỉ gần

nhà, để anh có thể đến vào dịp cuối tuần hay vào ngày nghỉ bù nào khác rồi lại quay về làm việc mà không mất nhiều thời gian đi lại.

- Nếu anh không đi nghỉ được thì hè này em mang bọn trẻ con sang Đức chơi với con nhà Duy. Hẹn với vợ chồng nó đã mấy năm nay rồi, thôi thì dịp này đi luôn là tiện nhất, - Lan Chi bảo.

- Cũng hay đó, - Trung nói. - Nhưng đi Berlin thì có lẽ một tuần là đủ. Rồi đem bọn nó về đây, đi biển hay lên núi thêm một tuần cho thoáng. Mùa hè nóng ở Berlin lâu anh sợ lũ trẻ nó chán. Thì cũng thành phố, nhà cửa như đây chớ có gì đâu.

- Em muốn sang chỗ Duy hai tuần. Mấy năm rồi chị em không gặp nhau. Với lại có hai đứa con nhà Duy chơi cùng thì bọn trẻ nhà mình nó cũng vui. Để chúng nó luyện nói tiếng Việt với nhau. Biển với núi thì chúng nó đi mãi rồi, còn lạ gì nữa.

- Tùy em thôi. Vậy em định bao giờ đi?

- Em định đi hai tuần cuối tháng bảy. Đã hỏi Duy rồi, nó bảo lúc đó đối với nhà nó là tiện nhất.

Thế là quyết định. Giữa tháng bảy này, bốn mẹ con sẽ đi Berlin. Lan Chi thở phào nhẹ nhõm. Mọi chuyện giải quyết dễ dàng nhanh gọn như vậy mà cô cứ băn khoăn suy tính cả tháng nay.

Nhưng cuộc đời thường hay có những sự cố bất ngờ. Quảng cuối tháng năm, khi Lan Chi đã hoàn toàn ưng dung với kế hoạch đi Đức chơi, thì bỗng dưng Trung lại đề nghị cô chuyển chuyến đi Berlin lên đầu tháng bảy hoặc sang tháng tám. Lý do là vì cuối tháng bảy, một anh bạn của Trung sẽ từ Mỹ qua Pháp chơi và dự định ghé thăm anh vài hôm. Trung muốn vợ con có mặt ở nhà vào dịp đó.

Chuyện tưởng hết sức đơn giản, không ngờ Lan Chi lại giãy nảy lên:

- Em có kế hoạch hết rồi, không thay đổi được nữa đâu. Đã hẹn chính xác với Duy là hai tuần cuối tháng bảy, bây giờ lại đổi sang dịp khác thì không tiện cho nhà nó. Nó cũng có kế hoạch của nó chứ, đâu phải cứ ngồi nhà đợi mình mãi được. Sao anh không nói từ trước?

- Anh mới nhận được thư của Tuấn hôm nay. Mà trước sau vài tuần có gì là quan trọng? Nếu em thấy đi dịp khác không tiện cho Duy thì cứ đi như đã hẹn vậy, nhưng về sớm một tuần có được không? Anh sẽ hẹn Tuấn đến chơi mấy ngày cuối tháng bảy, - ngạc nhiên trước phản ứng của vợ, Trung nhượng bộ.

- Anh bảo anh ấy đến vào đầu tháng tám ấy, - Lan Chi không chịu.

- Không được đâu. Nó bảo là ba mươi tháng bảy đã phải quay về Mỹ rồi.

- Thôi, thế thì anh chịu khó tiếp bạn anh một mình. Hai ông với nhau,

muốn làm gì thì làm, đi đâu thì đi, càng vui chứ sao. Chẳng mấy khi được sống lại đời độc thân vui tính. Em mà là anh thì em thích như vậy hơn. Có em với bọn trẻ con ở nhà chỉ thêm vướng bận chứ được ích gì.

Khổ nỗi, ông bạn của Trung không sang Pháp dưới dạng độc thân vui tính, mà đi cùng với vợ con. Vì vậy, Trung muốn vợ con mình cũng có mặt ở nhà cho vui vẻ. Hơn nữa, thiếu Lan Chi, anh sợ không đón tiếp gia đình bạn chu đáo được. Nhất là anh lại làm việc ở bệnh viện, giờ giấc linh tinh.

Vấn đề đâm ra rắc rối. Lan Chi khẳng khái không chịu thay đổi chuyến đi Berlin. Cô bảo rằng cô không muốn sai lời hứa với Duy. Rằng đã hẹn là sang Đức hai tuần thì cô sẽ ở đó đúng hai tuần. Rằng mấy năm rồi chị em không gặp nhau, thế mà anh lại muốn em về sớm chỉ để tiếp đón bạn bè anh, nào em có quen biết gì họ đâu... “Nếu em không muốn thì thôi”, Trung lạnh lùng nói rồi quay ngoắt người bỏ đi, không buồn nghe hết những lý lẽ dài dòng của vợ. Lan Chi ngẩn người ra nhìn theo chồng. Rất ít khi cô thấy anh có vẻ bực bội như vậy. “Hay là mình chỉ đi một tuần thôi nhỉ?”, Lan Chi nghĩ nhưng vẫn đứng yên, không nói lại câu nào.

Đúng là Trung rất bực. Không hẳn do yêu cầu của anh bị Lan Chi từ chối, mà cái chính là vì anh thấy vợ mình đột nhiên trở nên xa cách và khó hiểu. Tất cả những lý lẽ mà cô đưa ra anh đều thấy chẳng xuôi tai. Anh có cảm giác như cô che giấu anh điều gì. Ừ thì cô cứ đi Berlin, nhưng sao nhất thiết lại phải đi hai tuần bằng được? Sao không thể chiều chồng mà về sớm một tuần? Nào anh có yêu cầu điều gì quá đáng đâu.

Kể ra, yêu cầu của Trung không có gì là quá đáng thật, nhưng nói cho khách quan thì vợ anh cũng không phải là không có lý khi thích ở thăm em trai hơn là về nhà sớm để đón tiếp bạn của chồng. Có điều, cô lại giải thích cái lý của mình một cách thiếu tự tin đến nỗi không làm sáng tỏ được “chính nghĩa”. Hẳn là trong thâm tâm Lan Chi không được thanh thản cho lắm: cô biết rằng mình chưa hoàn toàn thành thật với chồng. Nhưng làm sao cô có thể thú nhận được với anh, khi ngay cả với chính bản thân mình cô cũng không muốn thừa nhận rằng ngoài việc muốn gặp em trai, ngoài những lý do khiến cô không hào hứng với đề nghị của Trung, còn có một nguyên nhân thầm kín khác thúc đẩy cô phải có mặt ở Berlin cả hai tuần cuối tháng bảy. Cô không muốn thừa nhận rằng cái ý định đi Đức chơi quả là đã có từ lâu, nhưng chỉ thực sự ám ảnh cô kể từ khi nghe cái tin do Tài “ủng” đem đến. Điều này, tất nhiên, Trung không thể biết.

Vậy là đến ngày bốn mẹ con lên đường, cả Trung lẫn Lan Chi đều có tâm trạng không thoải mái. Anh tự nhủ là không đáng để bực mình vì một chuyện nhỏ nhặt như vậy, cái chính là vợ con có kỳ nghỉ vui, thế là được rồi. Cô tự nhủ là mình không có lỗi gì với chồng, mình không định làm điều gì không phải, việc mình có mặt hay không có mặt ở nhà khi bạn Trung đến chơi đâu có gì là quan trọng...

Trung lái xe đưa vợ con ra ga. Đến lúc chia tay, tự nhiên Lan Chi mỉm lòng, cô đột ngột vòng tay ôm cổ chồng, gắn vào môi anh một cái hôn thật thắm thiết và hứa: “Nếu bạn trẻ con ở đó một tuần thấy chán thì em sẽ mang con về sớm, có gì em sẽ gọi điện cho anh”. “Anh sẽ gọi điện cho em đến nhà Duy, như vậy tiện hơn”, Trung nói, cảm động vì cái hôn thắm thiết bất ngờ của vợ.

Tàu bắt đầu chuyển bánh. Lan Chi nhìn bóng chồng lùi xa dần trên sân ga, chẳng hiểu sao bỗng thấy lòng se lại như sắp phải xa anh lâu lắm. Cô cũng chẳng rõ mình chờ đợi gì ở chuyến đi này. Có lẽ chẳng đợi chờ gì hết cả. Vậy mà cứ thấy trong lòng pha trộn những cảm giác lạ lùng, một chút hy vọng, một chút bồn chồn, và dường như có cả một chút lo sợ nữa.

Đây là lần đầu tiên được đi Berlin nên cả ba đứa trẻ đều hớn hờ. Nhất là cu Nam, tàu chạy mới được chừng một tiếng mà cu cậu đã sốt ruột hỏi: “Sắp đến Berlin chưa hả mẹ?” “Đầu tiên phải đến Paris cái đã. Sau đó chúng mình sẽ chuyển tàu đi Berlin”, Lan Chi giải thích. Thấy con trai nhấp nhồm không yên, cô bèn lấy một quyển sách mang ở nhà đi, đưa cho thằng bé và bảo: “Nếu con chán ngắm cảnh rồi thì đọc sách vậy. Đọc hết quyển này chắc sẽ đến Paris.” Rồi cô cũng lấy ra cho mình một quyển sách. Đọc cho khỏi nghĩ ngợi linh tinh. Trước mắt là cả một chặng đường dài. Còn hơn ba tiếng nữa tàu mới đến Paris

Tìm trong nỗi nhớ

Chương 9

Paris trong lần gặp gỡ đầu tiên không kịp để lại cho tôi ấn tượng gì đặc biệt ngoài một vài cửa hàng vào để ra khó mà bây giờ tôi không còn nhớ nổi tên. Chỉ nhớ rằng một khi đã trót sa chân vào đó thì phải là mặt dày lắm mới dám bỏ đi mà không mua một thứ gì, sau khi đã được những cô bán hàng cười tươi như hoa, tận tâm với khách một

cách đáng sợ, ra sức vồ vập, sẵn đón, chiều chuộng. Hàng hóa thì cái gì cũng đẹp, cái gì cũng đắt, cái gì cũng muốn mua, nhưng nếu không có cô bạn quyết định hộ cho chắc là tôi đã nhắm mắt mua đại một thứ để thoát thân chứ không dứt khoát chọn nổi một cái gì. Tôi chỉ ở lại Paris có hai ngày. Không đủ thời gian để đi thăm danh lam thắng cảnh Paris, theo ý kiến của T.H. Cô bạn khuyên tôi dành các hoạt động văn hóa ấy cho một kỳ nghỉ dài ngày, còn trước mắt thì nên thưởng thức một thú vui không văn hóa bằng là đi dạo cửa hàng, mua sắm vài thứ cần thiết (đúng hơn là không thật cần thiết, nhưng không sao cảm lòng được). Paris khi ấy đã vào cuối tháng mười một, không có tuyết như ở Matxcova nhưng lạnh buốt, trời phập phều lúc nắng, lúc mưa. Đi một vòng dăm cửa hàng, mua được vài thứ lặt vặt xong thì tôi cũng bắt đầu hắt hơi sổ mũi. Mang theo cái kỷ niệm đầu tiên không mấy ngọt ngào này của thời tiết Paris, tôi lên tàu đi xuống phía nam, người ngầy ngấy sốt, lòng dạ bồn chồn, không biết điều gì sẽ chờ đợi mình ở cái thành phố xa lạ kia. Lúc ấy, làm sao tôi có thể ngờ được rằng đó sẽ là nơi neo bến của đời mình.

Khái niệm của tôi về thành phố này tuần đầu tiên thu hẹp trong một khung cửa sổ, một mảnh trời xám xịt, những mái nhà cao thấp nhấp nhô, một cành cây trơ trụi, khăng khiu, chốc chốc lại rũ rượi trong cơn gió giạt, và tôi, nằm bẹp một mình trong phòng, mặt mũi đỏ bừng vì sốt, người chốc chốc lại rũ rượi trong cơn ho, đầu óc ong ong toàn những ý nghĩ u ám. Tôi không ngớt tự hỏi chẳng biết mình làm gì ở cái nơi lạ lẫm này? Đi học? Gần ba chục tuổi rồi mà cái việc duy nhất có thể làm vẫn chỉ là đi học!

Bắt đầu từ tuần thứ hai, tôi khỏi ốm, chân trời được mở rộng ra ngoài khung cửa sổ, đầu óc cũng bớt u ám hơn. Đến trường đại học, lập tức cảm giác xa lạ ban đầu biến mất: lại giảng đường, thư viện, xêmina..., tôi bận ngập cổ nhưng thấy mình như trẻ ra vài tuổi. Hồi ở Matxcova, nhiều lúc quá mệt mỏi vì thi cử, luận án, tôi chỉ mong chóng học xong để được đi làm. Phải có kinh nghiệm của một thời gian “làm việc” vất vả giữa những cuộc họp vô bổ, đầu óc thì chỉ bận tâm lo nghĩ kiếm tiền hoặc đầu trí những chuyện không mấy may liên quan gì đến khoa học, đến giờ tôi mới giác ngộ ra rằng được vô tư đi học quả là một hạnh phúc lớn. Rita, cô bạn người Nga của tôi, người bạn đầu tiên của tôi ở thành phố này, thì bảo đi học là một cứu cánh, không chỉ cho cô mà còn cho khối người nước ngoài ở đây. Cô này xấp xỉ tuổi tôi, tức là cũng gần ba chục, một lứa tuổi rất thích hợp với việc đi học.

Tôi quen Rita một cách hoàn toàn tình cờ, không phải ở trường đại

học, mà trong lúc xếp hàng đứng đợi để làm thủ tục nhận giấy tạm trú ở Pháp. Hàng người cũng dài lê thê, màu da và ngôn ngữ cũng phong phú, mặt người cũng nhẵn nhụi không khác gì khi xếp hàng mua nồi hầm ở Matxcova. Sau hai buổi đều tình cờ đứng cạnh nhau, tôi và Rita trở thành người quen. Phải mất hai buổi, là vì buổi đầu tiên tôi không có kinh nghiệm, mười giờ sáng mới lò dò đến nơi. Cứ tưởng chủ nghĩa tư bản thì không phải xếp hàng, hóa ra phàm thứ nào nhu cầu nhiều mà cung cấp nhỏ giọt thì đều phải hết sức kiên nhẫn mới may ra đến lượt. Xếp hàng được hai tiếng đồng hồ, phía trước còn quăng gần một chục người nữa thì hết giờ làm việc, thế là hôm sau đành phải phấn đấu lại từ đầu. Rút kinh nghiệm, sáng hôm sau tôi quyết dậy sớm, đến nơi từ chín giờ kém năm, tức là năm phút trước giờ mở cửa. Thất vọng tràn trề vì hóa ra không chỉ có mình khôn lỏi: bên ngoài tấm rèm sắt đóng kín mít đã có một đám người chầu chực sẵn, về mặt mới sáng ra xem chừng đã phờ phạc như phải đứng cả đêm giữ chỗ ở đây. Đúng chín giờ, tấm rèm sắt được từ từ kéo lên. Đám đông bắt đầu nhốn nháo xô đẩy. Những người đứng trước thì vội vàng cúi khom xuống chui qua khe hở cho nhanh (tấm rèm trên người kéo lên rất chậm, mới hở ra một khoảng cách mặt đất chưa đến một mét: đợi thêm vài phút nữa cho nó kéo lên hẳn thì sốt ruột làm sao chịu nổi!), rồi ào ào chạy tọt vào trong. Những người đứng sau thấy thế cuống cuống mạnh ai nấy chen để lao lên phía trước. Rita đứng cạnh tôi hốt hoảng lấy người che cho đứa con gái chừng hai tuổi đang ngồi trong xe đẩy vừa mới bị một gã to béo vô ý đập vào: con bé khóc thét lên vì sợ hãi. Tôi giúp cô kéo cái xe đẩy ra khỏi dòng người, đợi cho mọi người vào hết, bức rèm cũng kéo hết lên, rồi tôi, Rita và một cô bụng to nữa (sau này hỏi ra thì biết là người Rumanian) là ba người đi vào sau cùng. Vào trong nhà thì bắt đầu được xếp hàng, lấy số. Những người vào theo tư thế lom khom tất nhiên được nhận số đầu tiên, chỉ phải đợi năm mươi phút là được giải quyết (bỏ công chui). Những người dám chen thì phải đợi từ nửa tiếng đến một tiếng. Không dám chen như tôi, Rita và cô gái bụng to thì phải đợi quăng tiếng rưỡi nhưng rồi cũng xong việc. Phía sau tôi dần dần mọc ra một cái đuôi dài, những kẻ sẽ xếp hàng chừng hai tiếng để đổi được một kinh nghiệm quý báu, hôm sau sẽ biết điều dậy sớm hơn.

Du học sinh được xếp một hàng riêng, giải quyết chóng vánh hơn các đối tượng khác. Tôi đứng cạnh Rita, nói chuyện một lát thì biết là cô học cùng trường với tôi. Cô sang Pháp mục đích chính không phải là đi học, mà là đi theo chồng. Vợ chồng cô đã quyết định rời bỏ hẳn

nước Nga sau khi chồng cô xin được học bổng học cao học ở Pháp. Tuy nhiên, chồng Rita đi học nên không được phép mang theo vợ con, vì thế Rita bèn tìm cách đi theo danh nghĩa du học tự túc. Ở Nga, cô là giáo viên cấp ba, dạy tiếng Pháp. Sang đây, lúc đầu cô học ngành văn học Pháp, nhưng đến khi sinh con thì không còn có thời gian để học, lại túng tiền, cho nên cô bèn đổi sang ngành ngôn ngữ và văn học Nga. Lợi thế của ngành này là Rita không cần học cũng đã nói tiếng Nga hay hơn đứt các giáo sư. Phần lớn thời gian cô phải ở nhà trông con và hì hụi với những bản dịch từ tiếng Pháp ra tiếng Nga để kiếm thêm tiền. Mỗi tuần, cô chỉ tranh thủ đi qua trường một hai buổi, đến kỳ thi thì vác mặt đi thi để có đủ điều kiện tiếp tục gia hạn giấy tạm trú. Cái tờ giấy quý hóa này cũng là mục đích học tập của quãng một phần ba sinh viên lớp Rita, tức là những sinh viên người Nga như cô, mỗi lần gặp nhau (chủ yếu trong kỳ thi) là lại có dịp thực hành hội thoại tiếng Nga rào rào.

Tôi và Rita trao đổi số điện thoại cho nhau, nhưng cả hai đều chẳng có dịp nào dùng đến vì không có việc gì cần, lại chưa thân đến mức thích tán gẫu qua điện thoại. Tuy vậy, thỉnh thoảng tình cờ gặp nhau ở trường, chúng tôi vẫn dừng lại nói chuyện. Trong một lần gặp gỡ tình cờ như vậy, Rita đã “làm quà” cho tôi một thông tin: cô hỏi tôi đã biết về một buổi dạ hội có liên quan đến Việt Nam sắp diễn ra ở thành phố này chưa? Đó là một buổi dạ hội nhằm mục đích quyên tiền mua thuốc men và thiết bị y tế giúp các bệnh viện ở Việt Nam, do một nhóm bác sĩ Pháp phối hợp với hội “Những người bạn của Việt nam” tổ chức. Hôm trước, khi nhìn thấy tờ quảng cáo về chuyện ấy ở một phòng khám bệnh lúc đưa con gái đi tiêm chủng, Rita chợt nghĩ rằng có thể tôi sẽ quan tâm đến thông tin này.

Quãng nửa năm sau, chồng Rita học xong và xin được việc làm ở thành phố khác. Cô bỏ học để đi theo chồng. Chúng tôi không còn gặp nhau nữa, cũng không giữ liên lạc với nhau. Vì vậy, Rita không hề biết rằng do câu chuyện “làm quà” ấy của cô mà đời tôi đảo lộn. Tôi đã đến buổi dạ hội này, và ở đó tôi đã gặp Tr.

Thực ra, nếu Cécile, cô bạn cùng khoa đồng thời là hàng xóm ở ký túc xá của tôi không rầu rĩ cả tuần vì bị bỏ bớ thì có khi buổi tối hôm ấy tôi vẫn vui đầu vào đóng sách ở nhà. Trước đó, đã hai tối liền tôi phải ngồi nghe nổi lòng của Cécile. Cô chọn tôi để dốc bầu tâm sự chẳng phải vì thân thiết gì đặc biệt với tôi, càng không phải vì muốn hỏi ý kiến nhà tâm lý học (bản thân Cécile cũng học tâm lý nên các “võ” của dân tâm lý cô chẳng lạ gì). Chẳng qua vì cứ tối đến là mấy cô bạn gái khác trong ký túc xá biến đâu hết sạch, còn trơ lại có mỗi

tôi. Thấy tôi tối nào cũng chăm chỉ ngồi nhà, có lẽ Cécile chắc mẩm rằng tôi cũng mang mối hận với bọn đàn ông như cô, nên cô bèn tạt vào phòng tôi để cùng nói xấu bọn ấy cho bố ghét. Trình độ tiếng Pháp của tôi thời đó chỉ đủ để gật gù tán thưởng và thỉnh thoảng chêm vào một vài câu đưa đẩy (loại câu có thể sử dụng trong bất cứ trường hợp đau lòng nào), chứ chưa đạt đến độ góp được ý kiến riêng gì đối với một đề tài tinh tế như vậy. Nhưng Cécile cũng chẳng cần tôi nói, vì mới chỉ có mình cô nói thôi mà mất hai tối vẫn chưa xong bản cáo trạng dành cho giới đàn ông. Bản cáo trạng khá dài, vì hóa ra gã bạc tình kia không phải là kẻ có tội duy nhất, mà đã là người thứ tư ở danh sách bỏ của Cécile trong vòng ba năm qua. Hai chàng đầu tội nhẹ thôi vì họ không định bỏ Cécile mà bị cô bỏ (tất nhiên, bỏ là có lý do chính đáng). Chàng thứ ba, mối tình day dứt nhất của Cécile (chia tay nhau vì một sự hiểu lầm), thì được hưởng quy chế “giận thì giận, mà thương thì thương”. Những cơn bão táp dữ dội nhất được trút cả lên đầu gã thứ tư, kẻ vừa mới chia tay với Cécile tuần trước. Mà chia tay là để đi lấy vợ mới khôn nạn chứ! Điều làm Cécile uất nhất là cô đã để lỡ cơ hội đá gã, cho nên phải chịu cái nhục là bị gã đá mình. Một mối nhục bất ngờ, vì từ trước đến nay cô vẫn nghĩ mình yêu tên này là hạ cố. Gã đã theo đuổi Cécile từ mấy năm nay, khi cô còn đang ở đời bỏ thứ hai, sau đó vì quá đau buồn do tan vỡ mối tình thứ ba mà cách đây bốn tháng cô chấp nhận đến với gã. Đùng một cái, sau bốn tháng chiếm đoạt được trái tim (và những thứ đi kèm) của người đẹp mà mình đã khổ công đeo đuổi mấy năm trời, đột nhiên gã giới đánh tuyên bố rằng họ không hợp nhau, rằng với Cécile gã chỉ có sự say mê mù quáng nhất thời, chứ không thể có được hạnh phúc bền vững, thứ hạnh phúc mà gã tin rằng gã đã tìm được ở một cô gái khác. Sôi lên vì giận, Cécile đi tìm hiểu thì được biết thêm rằng đám cưới của người yêu mình đã được dự định tổ chức vào tháng sau. Thế còn chưa đủ, gã bạc tình còn giáng thêm một cú vào lòng tự trọng của Cécile khi (chẳng biết cố tình hay vô ý) để cho cô nhìn thấy “hạnh phúc bền vững” của gã: một mục vừa già vừa xấu, béo như cái thùng tôn, chân như chân voi mà còn mặc váy ngắn, tóc xơ xác, mặt đầy tàn nhang, mỗi khi bước đi thì cảm tiến lên trước mông ít nhất nửa mét... Nói đến đây, nước mắt Cécile chảy tong tong, rằng cô nghiêng lại, uất hận vì bị mất người yêu về tay một kẻ không xứng là tình địch của mình. Lòng tự ái của cô bị tổn thương, sự tự tin bỗng dưng như ngọn nến lung lay trước gió. Kỳ quái làm sao, những giọt nước mắt của Cécile làm cho tôi cũng muốn khóc theo, thương bạn thì ít mà động lòng thương thân thì

nhiều. Đẹp tự ái đi mà nói thì tôi cũng bị bỏ đá như Cécile chứ có khác gì đâu. Cécile chỉ mất cho gã kia có bốn tháng thôi, chứ tôi đã dành cho K. cả năm năm tuổi trẻ. Thương yêu, đợi chờ, để rồi anh đột ngột bỏ đi với người khác mà không thềm nói lại một câu. Tôi không thể nào bắt mình cảm giận được K. như Cécile, nhưng tôi quyết định không chôn vùi cuộc đời mình vào việc nhớ thương anh nữa.

Tôi an ủi Cécile là cô rất đẹp (sự thực là như vậy: người cô dong dong cao và thon thả như “top model”, mọi đường nét đều thanh tú), thiếu gì người mê, việc gì phải đi thương tiếc một kẻ chẳng ra gì, thằng kia nó ngu thì nó thiệt... Rồi để giải khuây cho cô, cho mình, và để tránh một buổi tối thứ ba ngồi nghe tâm sự, tôi nghĩ cách rủ cô đi chơi. Cécile lắc đầu quầy quậy, bảo rằng cô đã chán những cuộc vui chơi giải trí, ngán đến tận cổ khi phải nhìn mặt bọn đàn ông, trông thằng nào thằng nấy đều rất một phường lừa đảo...

Cuối cùng, tôi cũng rủ được Cécile đến buổi dạ hội mà Rita đã báo cho biết. Cécile đồng ý đi chỉ vì chiều tôi, không nỡ để tôi phải đi một mình. Thêm nữa, đây lại là một buổi dạ hội từ thiện...

Buổi dạ hội thu hút được khá nhiều người, cả Pháp lẫn Việt. Người Việt thì đủ thành phần, còn người Pháp thì chủ yếu là giới bác sĩ, nhân viên y tế, sinh viên y khoa (điều này về sau tôi biết là do nghe Tr. nói (anh ở trong ban tổ chức), chứ lúc ấy tất nhiên tôi không nhận diện ra được bác sĩ nào, vì ở đây không có ai mặc blouse trắng cả). Sau khi ăn hai cái nem rán, vài miếng tôm chiên bọc bột, mặt Cécile đã bợt đi vẻ u sầu. Người cô bắt đầu hơi nhún nhảy đúng đưa theo điệu nhạc, tuy vậy cô vẫn chỉ đứng ngoài nhìn thôi chứ chưa bước chân vào sàn nhảy.

Tôi chạy đi mua hai cốc nước quả cho tôi và Cécile, lúc quay lại thì thấy cô đang nói chuyện sôi nổi với một anh chàng tóc nâu, đeo kính cận. Nhìn qua thì thấy nhan sắc chàng này chẳng có gì đặc biệt, nhưng thật may là mặt anh ta hình như trông không giống phường lừa đảo, không làm cho Cécile ngán đến tận cổ. Bằng chứng là đôi mắt của Cécile không những không lúc nào rời người đối thoại ra, mà còn chuyển từ u sầu sang đông đưa, lúng liếng.

Đưa cốc nước cho Cécile xong, tôi té nhị đứng tránh xa ra một quãng. Lặng đi một tí, uống chưa xong cốc nước thì tôi đã nhìn thấy Cécile yếu điệu áp sát người vào chàng trai trong một điệu slow tình tứ từ lúc nào không biết.

Chẳng còn cô bạn đứng cùng để tán chuyện, tôi bèn bỏ ra ngoài hít thở khí trời cho thoáng.

Đêm đầu xuân có vị ngọt ngào của một que kem làm bằng nhiều loại trái cây hỗn hợp. Không khí se lạnh và phảng phất mùi hoa. Tôi bỗng nhận thấy cách mình mấy bước chân có một bụi tử đinh hương nở hoa tím ngắt. “Xiren! Sao mới đầu tháng tư mà đã có xiren rồi nhỉ?”, tôi thầm nghĩ, bước lại gần và chợt nhận ra rằng cho đến giờ mình vẫn chưa biết tên tiếng Pháp của loại hoa này. Đối với tôi, nó vẫn chỉ là xiren, loài hoa mà cứ mỗi độ xuân về lại rạo rực phủ khắp quả đồi của thời sinh viên của tôi. Có lẽ vì ở đây ấm hơn nên xiren nở sớm. Ở Matxcova, tháng năm mới là tháng của xiren.

Đang định thưởng thức hương hoa thì bất chợt có mùi thuốc lá xộc vào mũi. Tôi nhăn mặt, khịt mũi, phẩy tay xua đi cái mùi khó chịu đó rồi đưa mắt nhìn quanh để tìm thủ phạm, nhưng trong ánh sáng mờ mờ tôi chẳng nhìn thấy gì ngoài rặng hoa xiren tím một màu bí ẩn. Không muốn tiếp tục bị khói thuốc lá đầu độc, tôi bèn quay gót bước vào nhà.

- Tôi dập điếu thuốc rồi đó, chị khỏi cần đi tránh khói thuốc nữa nhen,
- anh đột ngột bước ra từ phía sau rặng cây, nói bằng một giọng bình thản thoáng một nụ cười, như là đã quen nhau từ lâu lắm.

Tr. bước vào đời tôi bất ngờ như vậy. Với anh, tôi đi từ bất ngờ này sang bất ngờ khác.

Buổi tối hôm ấy, lúc tôi đang đứng nói chuyện với Tr. thì Cecile khoác tay cậu bạn mới chạy ập đến, bảo: “Đừng đợi mình nhé, mình có việc phải đi chỗ khác”. Trước khi lao vút đi, cô còn liếc mắt nhìn Tr. một cái rồi mỉm cười ranh mãnh với tôi (ra ý bảo: “Hai chúng mình tối nay đều trúng quả!”). Cecile đi một lát thì tôi cũng muốn về, tuy buổi dạ hội chưa kết thúc. Tr. bảo để anh lái xe đưa tôi về. Tôi từ chối. Tr. cũng không nài, anh chỉ ghi cho tôi số điện thoại của anh và nói “hy vọng có dịp gặp lại”. Phân vân một lát rồi tôi cũng ghi cho anh số điện thoại của tôi.

Tôi ra gần đến bến xe buýt thì thấy một chuyến xe đang rời bến. Đuổi theo không kịp nữa, tôi nhìn bảng giờ xe chạy mà chán nản cả người: vào cái giờ khuya này số chuyến xe bị giảm đi, phải nửa tiếng nữa mới có thêm chuyến khác. Bến xe vắng tanh không một bóng người. Tôi đứng co ro chưa được năm phút thì bất ngờ có một chiếc ô tô đỗ xịch ngay trước mặt. Tr. thò đầu ra, cười bảo: “Giờ này đợi xe buýt thì lâu lắm. Lên đây tôi chở về luôn đi. Tiện đường thôi, đừng ngại.” Thấy tôi còn ngần ngại, anh dọa: “Chỗ này ban đêm không an toàn đâu.” Lý lẽ sau cùng này của Tr. quả là có sức thuyết phục: chẳng đợi anh mời thêm, tôi cun cút chui ngay vào xe của anh.

Mấy ngày sau, một buổi tối Tr. gọi điện thoại cho tôi. Sau khi trao đổi

vài câu xã giao, tôi hơi bất ngờ khi nghe anh hỏi tôi đã ăn tối chưa, nếu chưa, anh muốn rủ tôi đi ăn để giới thiệu cho tôi một tiệm ăn Việt Nam hay lắm (“Có đủ các món Bắc do đầu bếp người Bắc nấu”, Tr. nhấn mạnh). Bất ngờ với cả chính mình, tôi đồng ý ngay và hỏi anh là phải gặp nhau ở đâu, vào lúc mấy giờ. “Ở trước cổng nhà L.C., ngay bây giờ”, Tr. đáp. Tôi vội chạy ra cửa sổ nhìn xuống đường: Tr. bước ra từ chiếc ô tô đỗ ở lề đường, một tay cầm điện thoại, tay kia giơ lên vẫy tôi, mỉm cười.

Quãng hai tháng sau đó, một buổi chiều chủ nhật, khi chúng tôi đi dạo bên bờ sông Garonne, đang nói chuyện linh tinh thì bất ngờ, không rào trước đón sau gì hết, Tr. bảo rằng anh yêu tôi và muốn cưới tôi.

- Nhưng anh đã biết gì về em đâu mà muốn cưới em, - tôi nói, cảm thấy tim mình như nhảy dựng lên.

- Anh biết về em nhiều hơn em tưởng, - Tr. trả lời.

- Anh mới quen em hai tháng nay, làm sao mà biết nhiều được, - tôi phản đối.

- Cũng đã đủ để tin rằng chúng mình rất hợp nhau, - Tr. nói hết sức tự tin.

- Nhưng em thì chưa biết về anh đủ để có thể tin được như thế, - tôi bảo.

- Vậy em muốn biết gì thì cứ hỏi, anh sẵn sàng trả lời, - Tr. cười đáp.

- Hỏi cung nhiều lắm thì cũng một buổi là khai xong hết chứ mấy.

Sau đây là những đoạn trích từ cuộc “hỏi cung”.

- Sao đến giờ anh vẫn sống một mình? Trước đây, đã có lúc nào anh định lấy vợ chưa?

- Anh muốn lấy vợ sớm lắm (cười), từ lúc chưa đến hai mươi tuổi, dạo còn ở Sài Gòn, nhưng không thành. Sau đó, cách đây ba năm thì có cô định lấy anh, nhưng rồi cũng không thành nốt (lại cười). Bây giờ là lần thứ ba, quá tam ba bận chắc phải xong (cả hai chúng tôi cùng cười, rồi tôi bảo: “Anh đừng có nói trước mà bước không qua đấy”).

- Anh kể cho em nghe về lần đầu của anh đi. Vì sao lại không thành?

- Vì gia đình anh quyết định rời Việt Nam. Anh nhất quyết đi vì ở Sài Gòn lúc đó anh không thấy có tương lai. Cô ấy là bạn học của anh. Anh muốn cô ấy đi cùng nhưng cô ấy không thể đi được. Ba cô ấy còn trong trại cải tạo, má thì bệnh nặng, cô ấy có bốn đứa em nhỏ. Anh phải đi một mình, hẹn nếu ổn định được thì sẽ tìm cách quay lại đón. Nhưng sự đời đâu có đơn giản như mình mong muốn. Cô ấy đợi anh năm năm rồi đi lấy chồng. Anh nghe nói... - Tr. đột ngột

dừng giữa câu, rút một điếu thuốc ra châm lửa hút. Rồi có lẽ sợ nhớ rằng tôi sợ mùi khói thuốc, anh lại vội dập điếu thuốc, vứt đi.

- Chắc là chị ấy buồn lắm, - tôi nói, tự nhiên thấy thương người con gái xa lạ ấy đến thất cả lòng. Hẳn là chị cũng đã ngóng chờ anh như tôi từng ngóng chờ K.

Tr. khẽ thở dài, không nói gì, nhưng tôi đọc được trên gương mặt anh câu trả lời: “Anh cũng buồn lắm.”

- Còn lần thứ hai? – tôi hỏi tiếp.

- Lần thứ hai thì không có gì thật đáng nói, - Tr. trả lời. - Đó là hồi anh ở Paris. Anh đi làm rồi, còn cô ấy vẫn là sinh viên. Đã có lúc nghĩ đến chuyện cưới, đã sống với nhau một thời gian, nhưng càng ngày càng thấy là tính tình không hợp, cứ cãi nhau hoài thôi. Sau hết chịu nổi nên quyết định chia tay. Cô ấy có ngay bồ khác, còn anh thì rời Paris xuống đây.

- Vậy mà anh bảo là “không có gì thật đáng nói”. Anh phải chạy trốn khỏi Paris tức là cũng sâu sắc lắm rồi.

- Không có chuyện “chạy trốn” đâu. Anh chuyển đến đây hoàn toàn là vì công việc. Ở Paris anh chưa có công việc ổn định, lại phải làm việc như bác sĩ đa khoa, trong khi anh tốt nghiệp chuyên khoa nhi. Chỗ làm việc của anh ở đây tốt hơn hẳn, được nhận là anh đi liền.

- Anh yêu nghề lắm phải không? Bác sĩ nhi khoa là một nghề hay thật đấy. Hồi trước, cũng có dạo em mơ làm bác sĩ chữa bệnh cho trẻ con.

- Bây giờ thì anh thích nghề này, nhưng thực ra hồi đầu anh học ngành y cái chính là vì chiều má anh thôi. Người Việt mình cỡ tuổi má anh ở đây, không biết sao ai cũng chỉ muốn con mình làm bác sĩ. Đối với mấy ông bà già thì không có nghề gì oai hơn là bác sĩ hết. Má anh cứ nói hoài, anh thấy cũng được nên nghe theo. Chớ còn trước đó, anh lại thích theo nghề khác.

- Nghề gì vậy? – tôi tò mò hỏi.

- Nghề kiến trúc. Hồi xưa anh thích làm kiến trúc sư lắm. Đến giờ, thỉnh thoảng vẫn thấy hơi tiếc, - Tr. thú nhận.

Có một cái gì đó nhói lên trong tim tôi. Trong chốc lát, tôi tưởng như lại nhìn thấy K. đứng bên tôi, say sưa nói về ngành kiến trúc của mình. Nhưng bề ngoài Tr. không giống K., hoàn toàn không giống. Vóc người anh tầm thước, hơi gầy chứ không cao to như K., da ngăm ngăm đen, nụ cười lúc nào cũng thoáng vẻ tinh nghịch. Có lẽ, cái gây ấn tượng nhất đối với tôi là giọng nói của anh. Tôi không ngờ con trai Sài Gòn lại có giọng nói hay đến vậy: trầm, nam tính nhưng lại khá nhẹ nhàng, ấm áp, tình cảm nhưng không hề suồng sã, tóm

lại là một giọng nói trời cho để gây lòng tin ngay phút ban đầu ở người đối thoại (chính xác hơn là ở người đối thoại thuộc nữ giới).

- Nghề kiến trúc à? Vậy chắc là anh thích vẽ lắm nhỉ? – tôi lại hỏi.
- Hồi xưa anh cũng ham vẽ, nhưng từ khi học y thì bỏ. Bây giờ chắc không cầm nổi cây cọ nữa rồi, - Tr. cười

Sau này, Tr. phàn nàn rằng anh đã bị tôi “tra tấn” về mặt tâm lý một cách hết sức “dã man”, vì sau khi anh đã thành khẩn khai báo hết mọi tội lỗi rồi mà tôi vẫn còn bắt anh phải sống trong trạng thái căng thẳng chờ đợi bản án mất gần hai tháng.

Điều này Tr. tố lên như vậy sau ngày cưới của chúng tôi (để kể khổ và đòi bồi thường thiệt hại!), chứ còn trong chính thời gian chờ đợi đó, tôi không hề nhận thấy anh “căng thẳng” bao giờ. Lần nào gặp nhau anh cũng có thái độ bình thản với nụ cười tinh nghịch cố hữu. Chỉ có cái buổi tối quyết định ấy, khi anh đến rủ tôi đi xem phim và tôi bảo: “Đề hôm khác đi xem phim được không anh? Tối nay, em có chuyện muốn nói với anh”, thì Tr. có vẻ hơi bối rối, nhưng anh trấn tĩnh lại ngay và cười đáp: “Em đã quyết định rồi phải không? Vậy thì em cứ tuyên án đi, anh nghe đây.” “Em muốn kể cho anh nghe một chuyện...một chuyện ngày xưa của em. Em nghĩ là anh nên biết, nếu anh vẫn muốn cưới em.” “Gì mà trang trọng vậy? Mà anh có yêu cầu em phải cung khai lý lịch hồi nào đâu?”, Tr. đùa, nhưng mắt thoáng vẻ lo ngại. “Chính vì anh không yêu cầu nên em mới càng thấy là phải kể cho anh biết, nếu không, em cảm thấy trong lòng không thanh thản”, tôi bảo.

Tr. ngồi xuống đi văng, cạnh tôi, và tôi bắt đầu kể cho anh nghe câu chuyện của tôi và K., từ cái thời hạnh phúc ở Matxcova đến những ngày chờ đợi tuyệt vọng ở Hà Nội. Tôi kể rằng suốt năm năm trời tôi không thể hình dung được cuộc đời của mình thiếu K., rằng tôi đã sống với K. một thời gian và cứ đinh ninh rằng sẽ sống với K. cả đời, rằng tôi chỉ thực sự đoạn tuyệt với giấc mơ này khi rời Hà Nội ra đi...Khi dừng lời, tôi nhận ra đầu mình đã tựa vào vai Tr. từ lúc nào không biết. Anh vòng tay ôm tôi thật dịu dàng và nói khẽ: “Anh hy vọng là sống với anh em sẽ được hạnh phúc.” “Em tin chắc là như vậy. Em tin điều đó ngay từ hôm anh nói là anh muốn cưới em”, tôi bảo. “Vậy sao em không nói với anh ngay từ hôm đó? Sao cứ bắt anh đợi hoài vậy? Em muốn thử thách anh à?” “Không phải thế đâu. Cái chính là vì sống với anh có nghĩa là phải ở lại Pháp cả đời, mà em thì không hiểu mình có chịu đựng nổi cuộc sống lưu vong không. Em khác anh. Em còn bố, còn em trai ở Hà Nội. Em thương bố em lắm. Mẹ em mất vì trúng bom từ hồi hai chị em em còn bé xíu, bố em

ở vậy nuôi bọn em bao nhiêu năm trời...”, tôi nói và bật khóc. Tr. khế xiết lại vòng tay, ôm tôi chặt hơn, rồi anh lấy mùi soa lau nước mắt cho tôi và bảo: “Bố em sẽ hiểu. Nhất định bố em sẽ hiểu. Mà em vẫn có thể đi về Hà Nội thăm bố được chứ.”

Tôi viết thư cho em trai trước khi viết thư cho bố. D. lúc đó đã học xong ở Đức và mới trở về Hà Nội được ít lâu. Tôi hỏi ý kiến D. và nhờ nó làm “công tác tư tưởng” cho bố trước. Nhớ đến mảnh giấy ghi những lời dặn dò của bố cách đây hơn mười năm, khi tôi rời Hà Nội lần đầu để đi học ở Nga, nước mắt tôi trào ra, tôi lần nữa mãi vì không có đủ can đảm để viết thư cho bố.

“Tất nhiên là bố sẽ buồn, nhưng nếu chị thực sự yêu anh Tr. thì em tin là bố sẽ không phản đối đâu. Chị đã hai chín tuổi rồi, chắc chắn là bố không muốn làm lỡ hạnh phúc của chị. Nếu vì thương bố mà chị bỏ anh Tr. về đây để rồi lại khổ sở thì chắc bố còn buồn hơn. Đến bây giờ mà nhắc lại cái hồi chị ở Nga về đi xin việc làm mãi chẳng ra sao, bố vẫn còn thương lắm...”, D. viết.

“Con đã suy nghĩ kỹ chưa?” Bố tôi hỏi đi hỏi lại mấy lần câu đó, cả trong lá thư trả lời tôi lẫn trong lần tôi gọi điện thoại về Hà Nội để nói chuyện với bố. Bố bảo rằng nếu tôi đã quyết thì bố cũng không ngăn cản, điều mong muốn duy nhất của bố là tôi hạnh phúc. Nhưng bố tôi chỉ sợ là tôi quyết định vội vàng, sợ tôi không hợp với Tr., vì anh và tôi sinh ra, lớn lên trong những môi trường quá khác nhau.

Chẳng riêng gì bố tôi, mà ngay cả T.H., cô bạn thân nhất của tôi cũng nghĩ thế. Khi tôi nói chuyện này với T.H. qua điện thoại, giọng cô bạn không giấu được vẻ băn khoăn.

- Mà đã suy nghĩ kỹ chưa? Mà mới sang đây chưa lâu nên không biết, chứ tao ở đây lâu rồi tao biết. Dân Việt kiều di tản cũng phức tạp lắm C. ạ, họ nghĩ không giống mình, có những người không ưa du học sinh đâu, thậm chí có khi chỉ nghe mình nói giọng Hà Nội là họ đã ghét, - T.H. nói.

- Tao không định lấy “dân Việt kiều di tản” chung chung, tao lấy một người cụ thể. Anh Tr. có thể có chuyện nghĩ không giống tao, nhưng chẳng bao giờ bắt tao phải nghĩ giống anh ấy cả. Mà cái chuyện “ghét giọng Hà Nội” chắc cũng tùy người thôi, chứ anh Tr. anh ấy lại bảo rằng giọng con gái Hà Nội trong trẻo, thanh thoát, dễ thương đấy chứ, - tôi đáp.

- Khi mới yêu nhau nhiều khi không nhận thấy đâu. Với lại, ông ấy là một chuyện, còn gia đình ông ấy nữa chứ...

- Này, sao tự nhiên mà lại thành bà già kỹ tính thế? - tôi sốt ruột kêu lên. - Mà với Pascal thì sao nào? Tây với ta còn hiểu nhau được,

chả lẽ người trong một nước lại không hiểu nổi nhau.

- Ấy, tây với ta cũng có lúc không hiểu nhau đấy, nhưng cái quan trọng là còn muốn hiểu, chứ người cùng một nước nhiều khi lại khăng khăng không muốn hiểu nhau đâu C. ạ. Nói thế thôi chứ cũng tùy người, tao có quen vài người giới ấy mà thấy cũng dễ chịu lắm. Mà dẫn hấn đến cho tao xem mặt đi, có khi gặp rồi tao lại đâm ra mê mẩn tâm thần như mày ấy chứ, - T.H. cười hì hì, đầu dụ.

Tr. không cần mất nhiều thời gian để làm “mê mẩn tâm thần” cô bạn của tôi. T.H. lập tức có thiện cảm với anh ngay từ lần đầu tiên gặp mặt. Sau cuộc gặp gỡ đó, T.H. bảo tôi: “Bây giờ thì tao hiểu sao mày lại mê hấn. Mà sao ông này có giọng nói hay thế nhỉ?” Tôi cười tủm tỉm: “Tao biết mà. Nghe giọng nói đó là mày phải đầu hàng ngay, đồ dám nghĩ xấu gì nữa nhé.”

Tr. cũng hy vọng là sau khi gặp mặt tôi, mẹ anh sẽ phải “đầu hàng”. Mẹ anh sống ở Paris cùng em gái anh, anh chỉ mới nói chuyện với bà qua điện thoại. Nghe con trai bảo định lấy vợ, bà mừng bao nhiêu, thì khi biết lý lịch cô con dâu tương lai bà bực bội bấy nhiêu. Nhưng Tr. không nhụt chí, anh bảo rằng mẹ anh phản đối chỉ vì những định kiến vốn có từ lâu đối với dân Bắc, rằng những định kiến ấy chắc chắn sẽ tiêu tan khi mẹ anh gặp tôi. Trong con mắt si tình của Tr., tôi xinh đẹp, dịu dàng. Anh lạc quan, cứ tưởng rằng mẹ anh cũng sẽ nhìn tôi với con mắt như anh. Tôi thì thiếu kinh nghiệm, thừa tự tin, nên cũng không lo lắng lắm. Tôi vẫn nhớ hồi còn ở Hà Nội, không ít bậc cha mẹ có con trai đến tuổi lấy vợ coi tôi là con dâu lý tưởng (xinh vừa phải, vẻ mặt đáng điệu rất “con nhà”!). Bạn của bố tôi có khối người đòi “giảm” tôi làm con dâu. Khi tôi ở Nga về đến trình diện bố mẹ K., tôi đã được bố mẹ anh yêu quý ngay như con đẻ, mẹ anh cứ mong ngóng anh về để cưới tôi cho nhanh.

Nhưng tiêu chuẩn “con dâu lý tưởng” của mẹ Tr. có lẽ không giống các bậc phụ huynh ở Hà Nội. Buổi ra mắt của tôi ở nhà anh là một thất bại ê chề. Mẹ Tr. thậm chí gần như không thèm nhìn mặt tôi nữa, bà sầm sầm bỏ ngay sang phòng khác khi Tr. vừa dắt tôi bước vào nhà, để mặc cho H., em gái Tr., tiếp bọn tôi. Không khí hết sức gượng gạo. H. luống cuống không biết cư xử thế nào cho phải: thương anh, muốn tỏ ra lịch sự với khách, nhưng lại sợ mẹ. Tr. vẫn cố tỏ ra bình thản, nhưng nhìn mắt anh tôi biết anh bực lắm. Ngồi được năm phút, tôi dứt khoát đứng dậy ra về. Tr. cũng đứng dậy theo tôi. H. không giữ, nhưng mẹ Tr. đột nhiên từ phòng bên cạnh bước ra nói bằng một giọng lạnh lùng: “Thằng Tr. ở lại đây má bảo!” Tr. trả lời bằng một giọng cũng lạnh lùng không kém: “Để bữa khác.

Hôm nay con mắc bận.” Rồi không để mẹ anh kịp nói gì thêm, anh kéo tay tôi đi luôn. Chúng tôi đi thẳng ra ga, lên tàu về thành phố của mình.

Ngồi trên tàu, Tr. bảo rằng dù mẹ anh muốn hay không thì anh vẫn cứ cưới tôi, anh đã ba mươi một tuổi rồi, mẹ anh không thể quyết định cuộc đời anh thay anh được. Anh vẫn tin rằng mẹ anh thực chất rất thương con, nên thấy chúng tôi hạnh phúc thì bà sẽ hiểu. Rồi anh thú nhận là còn chưa kể với tôi một lý do đã góp phần làm cho mẹ anh có thái độ dữ dội đến thế: hóa ra, bà cũng đã “giám” sẵn cho mình một cô con dâu lý tưởng. Đó là một cô gái người Sài Gòn di tản như Tr. Hai gia đình quen nhau, muốn thông gia lắm, nhưng khổ nỗi là cả hai bên đương sự lại đều không có cùng ý muốn ấy với các bậc tiền bối. Mẹ Tr. chủ trương “lửa gần rơm lâu ngày cũng bén” nên ra sức tổ chức những cuộc gặp gỡ “tình cờ” giữa cậu con trai và cô con dâu mơ ước của mình. Trong lúc bà đang hy vọng tràn trề (hay là hão huyền, theo lời Tr.) thì anh gặp tôi. Tôi trở thành người phải hứng chịu trách nhiệm về chuyện ước mong của mẹ anh bị đổ bể.

Mấy ngày sau, mẹ Tr. báo tin rằng bà sẽ từ con trai nếu anh cứ nhất định lấy tôi. Đây là tin báo trực tiếp qua đường điện thoại, do mẹ Tr. ra lệnh cho H. truyền đạt lại với anh trai. Còn theo một nguồn tin vòng vèo (truyền qua dăm ba miệng người) mà tôi nhận được vài tuần sau đó thì tôi bị mẹ chồng tương lai kết tội là “thâm hiểm”. Bà đã kể lể với rất nhiều người quen ở Paris rằng bà vẫn biết con gái Hà Nội nó gian ngoan chớ không chân thật như con gái Sài Gòn mình, nhưng không ngờ nó thâm hiểm quá, nó giấu biệt đi cái vẻ nanh nọc, đáo dể của gái Bắc kỳ, nó làm ra cái bộ hiền lành thực nữ để bả mê thuốc lú cho con trai bà (hóa ra là tôi có được mẹ chồng quan sát, vậy mà tôi lại ngờ oan là bà không thèm nhìn mặt tôi). Nhưng đóng kịch giỏi mấy thì cũng chỉ lừa được thằng con trai dại gái của bà thôi, chớ qua mắt bà sao nổi!

(Bản luận tội này của mẹ chồng đến tai tôi qua miệng T.H. Cô bạn nhanh nhẹn của tôi đã kiếm ngay ra được một người quen có quan hệ quen biết xa gần gì đó với gia đình Tr. ở Paris để điều tra tình hình. T.H. nói cho tôi biết điều này để “đề phòng”, nhưng lại cổ vũ tôi: “Đã quyết lấy thì cứ lấy, sợ gì!”)

Tr. xin nghỉ phép một tuần để đưa tôi đi Italia chơi sau khi đăng ký kết hôn ở tòa thị chính. Thái độ của mẹ anh khiến cho cả hai chúng tôi đều không còn hứng thú tổ chức lễ cưới ồn ào. Tôi mơ ước đưa Tr. về Hà Nội thăm bố, nhưng cũng hiểu rằng giữa lúc mẹ anh đang giận dữ thế này thì việc anh theo tôi về Hà Nội có khác gì đổ thêm

dầu vào lửa.

Chuyến du lịch tuần trăng mật của chúng tôi gợn vệt buồn của một hạnh phúc không được những người thân chia sẻ. Nhưng cũng chính lý do đó lại làm cho nó đượm sắc màu lãng mạn và hương vị quyến rũ đặc biệt của trái cấm. Chỉ có một tuần mà Tr. kéo tôi đi khắp nơi: Venezia, Firenze, Roma và thậm chí cả Verona, quê hương của Romeo và Juliette, một thành phố nhỏ miền bắc Italia, kiến trúc chẳng có gì thật đặc biệt nhưng mỗi đường phố đều nhuốm vẻ huyền bí dịu dàng nhờ cái huyền thoại về cặp tình nhân nổi tiếng thời Trung Cổ.

Ngày cuối cùng trước khi trở về Pháp, chúng tôi đứng trên tháp chuông cao chót vót của tòa thánh Vatican, nhìn xuống đường phố Roma với những dòng xe chạy ngược xuôi đã bị độ cao biến thành bé xíu, trông ngộ nghĩnh như ở xứ sở tí hon mà Guliver lạc đến. Bất chợt, choáng váng, chóng mặt trước khoảng không hun hút, tôi vội nép sát người vào Tr. và tự nhiên thấy hạnh phúc vô cùng khi cảm nhận phía sau đầu mình bờ vai vững chắc của anh, quanh người mình vòng tay ấm áp của anh. Tôi ngược mắt nhìn Tr., nhoèn cười và phác một nụ hôn trên môi. Anh lập tức cúi xuống hôn tôi rồi nhìn tôi bằng ánh mắt “Romeo” đến nỗi tôi đột ngột rùng mình. Hình như...hình như tôi đã từng gặp một cái nhìn hết như thế này ở một nơi nào đó, lâu lắm rồi... Matxcova, một chiều buốt lạnh... Tôi vội úp mặt vào vai Tr. để giấu giọt nước mắt bỗng trào ra ngoài ý muốn. Trong lồng ngực tôi, quả tim như thất lại, vật vờ: nó biết rằng tôi yêu Tr., yêu thực sự, vậy mà tại sao một góc sâu thẳm trong lòng tôi vẫn chẳng thể quên K.?

Đi Italia về được hơn một tháng thì tôi ốm lặn ốm lóc. Mới hưởng cái thú được vợ chiều chuộng cơm bưng nước rót có ít ngày, nay đã phải đối phận xuống làm đầu bếp, đi chợ, nấu cơm, hầu vợ ốm..., vậy mà mặt mũi Tr. rạng rỡ vì hạnh phúc. Con mắt bác sĩ của anh nhanh chóng nhận ra ngay, trước cả tôi, là tôi ốm bệnh gì.

Khi thằng con trai đầu lòng của chúng tôi ra đời, bà nội nó từ Paris gửi xuống cho cháu một con gấu bông to tướng và mấy bộ áo liền quần xinh xắn. Thằng cu chưa đủ trình độ để phấn khởi vì được quà, nhưng ba nó thì mừng đến rơm rớm nước mắt: một năm qua, anh vẫn ngấm ngấm đau khổ vì xung đột với mẹ, giờ đây, anh hiểu rằng bà đã nhượng bộ, bà không thể “từ” con cháu nổi. Tr. lập tức thu xếp đi Paris, mang theo một lô ảnh của con trai. Khi trở về, anh kể với tôi rằng hai mẹ con anh đã có một cuộc nói chuyện rất dài. Mẹ anh khóc lóc, mắng mỏ, trách móc, nói dối..., nhưng khi nhìn ảnh thằng cháu

đích tôn thì bà mê lắm (làm sao mà không mê được: nó giống ba nó như đúc). Tuy bà vẫn chưa muốn nghe nói đến con dâu, nhưng Tr. rất ung dung, anh bảo là bà muốn cháu thì trước sau cũng phải làm lành với mẹ nó.

Tôi gửi ảnh con trai về khoe với ông ngoại và cậu nó ở Hà Nội. Bố tôi cũng thích mê thằng cu mũm mĩm (tuy nó chẳng giống mẹ tí nào!). Nói chuyện với bố qua điện thoại, tôi hứa: “Đợi cháu cứng cáp thêm một chút, con sẽ đem nó về Hà Nội thăm ông”.

Nhưng tôi đã không bao giờ thực hiện được lời hứa ấy. Bố tôi mất đột ngột khi thằng cháu ngoại đầu tiên của cụ mới được bốn tháng tuổi.

D. gọi điện báo cho tôi tin bố mất vào lúc nửa đêm. Đêm hôm đó, Tr. phải đi trực ở bệnh viện, tôi ở nhà một mình với con trai. Vừa dỗ được thằng bé ngủ lại sau bữa bú, tôi ngả lưng xuống giường, mắt riu lại vì thiếu ngủ, thì đột nhiên một hồi chuông điện thoại vang lên. Ở đầu máy bên kia, D. nghẹn ngào bảo: “Bố ốm nặng lắm, khó lòng qua khỏi, chị về ngay đi...” Tôi cuống quýt hỏi: “Bố ốm bệnh gì? Từ lúc nào? Có cần thuốc gì để chị đi kiếm mang về ngay?” D. khóc nức lên: “Bố mất rồi... Hai tiếng trước... Chị về ngay để còn kịp làm tang lễ. Ở nhà chỉ còn đợi chị về thôi.”

Tr. định đưa tôi và con trai về Hà Nội, nhưng thời gian gấp quá, chỉ kiếm được một vé máy bay để hai hôm sau thì bay ngay, chúng tôi đành quyết định là tôi về một mình. Tôi không kìm được nỗi lo cho con, thằng bé mới có bốn tháng đã phải xa mẹ, nhưng Tr. bảo tôi là không có gì phải lo hết cả, vì thằng cu lúc nào cũng có bác sĩ nhi khoa kè kè ở bên, ba nó chữa bệnh cho con người ta mãi rồi, chả lẽ không chăm nổi con mình. Rồi anh gọi điện thoại lên Paris nhờ mẹ anh xuống trông con giúp những lúc anh phải làm việc ở bệnh viện, bà đồng ý ngay.

D. đợi tôi ở sân bay Nội Bài. Nó kể rằng bố tôi vào viện được một tuần thì mất.

- Sao không báo ngay cho chị biết khi bố mới vào viện? - tôi trách.
- Tại bố không cho. Bố bảo bố ốm thường thôi, chị thì lại có con nhỏ, nói chị chỉ thêm lo chứ chẳng được việc gì. Em cũng không ngờ bố ốm nặng thế.
- Bố bị bệnh gì vậy?
- Bệnh tim.
- Sao lại thế được nhỉ? Từ trước đến giờ bố có bị bệnh tim bao giờ đâu?
- Hơn một năm nay bố không được khỏe như trước nữa đâu. Bố hay

kêu mệt. Em nghĩ có lẽ bố đã có vấn đề về tim rồi, nhưng bố cứ chủ quan. Cũng tại em nữa, em cũng chủ quan nốt...

Hơn một năm nay... Có nghĩa là từ khi tôi lấy chồng...

Kể từ ngày hôm đó, tôi biết rằng gánh nặng này sẽ đi theo tôi suốt cả cuộc đời. Nó ám ảnh tôi trong những đêm không ngủ, nó bất chợt hiện ra mọi lúc mọi nơi: khi hạnh phúc bên chồng con, lúc lẩn tránh tất cả để co lại với nỗi đau của riêng mình... Không bao giờ tôi có thể xóa bỏ nỗi mặc cảm rằng bố tôi mắc bệnh tim là do tôi, là do quá đau buồn về việc tôi lấy Tr. và ở lại Pháp.

Trong lễ tang bố tôi, tôi nhìn thấy bố mẹ K. Hai ông bà đến nói với tôi vài câu chia buồn. K. không có mặt ở đó. Tôi nghĩ chắc là anh vẫn còn ở Ba Lan. Nhưng tôi không muốn hỏi bố mẹ anh về chuyện này, bây giờ không phải lúc. Vả lại, chuyện ấy có gì quan trọng với tôi nữa đâu?

Sau tang lễ một tuần, tôi rời Hà Nội. Dọc đường ra sân bay, tôi nhìn những phố xá thân quen với cặp mắt vô hồn, tự hỏi chẳng biết có khi nào trở lại đây nữa không? Tôi có còn gì ở Hà Nội nữa đâu ngoài những kỷ niệm đau buồn. Ở đây, tôi đã mất tất cả: mẹ, bố, một tình yêu đầu đời, những hy vọng về một hạnh phúc tương lai bình dị... Tự nhiên, trong lòng tôi trào lên cảm giác oán giận thành phố chôn rau cắt rốn của mình. Một sự oán giận bất công, vô lý, tôi biết vậy.

Nhưng con tim đau đớn có bao giờ chịu lắng nghe tiếng nói của lý trí. Ba tháng sau ngày bố tôi mất, D. sang Đức dự một hội nghị khoa học rồi ở lại đó luôn. D. kiếm được việc làm ra tiền rất khá ở Đức, lại có người yêu đang học đại học ở đây, nên chẳng muốn về Hà Nội nữa. D. bảo tôi là đáng lẽ nó đã ở lại Đức ngay từ khi học xong, chỉ vì thương bố mà về.

Tôi gọi điện thoại sang Đức cho D., hỏi thăm việc giải quyết tình hình nhà cửa. Nói chuyện một lát, tự nhiên D. sực nhớ ra:

- Chết thật! Nhiều việc quá nên em quên mất. Anh K. dặn đi dặn lại em là chuyển lời chia buồn đến chị đấy.

- Em gặp anh K. ở đâu? - tôi bàng hoàng hỏi.

- Ở nhà mình. Chị quay lại Pháp được một hôm thì anh ấy đến. Anh ấy bảo là đi công tác trong Nam ra, biết tin là anh ấy đến ngay.

Không được gặp chị, anh ấy buồn lắm.

- Anh K. về Hà Nội từ lúc nào vậy?

- Lâu rồi. Sau khi em về nước quãng nửa năm.

- Anh ấy sống thế nào, em có biết không? - tôi ngập ngừng hỏi.

- Hình như cũng vất vả. Chạy hết chỗ này đến chỗ khác. Khi em sang đây thì nghe nói anh ấy đang định lập công ty cùng với mấy ông bạn

hay sao ấy, chẳng biết có khá hơn được không.

Do dự một lát rồi D. nói thêm:

- Chị biết không, anh K. vẫn chưa lấy vợ.

Nhiều năm sau đó, thỉnh thoảng tôi vẫn được biết tin tức của K. qua em trai tôi. Ở Berlin, tình cờ D. lại làm việc cùng chỗ với S., bạn khá thân của K. từ hồi học phổ thông (tôi đã từng gặp S. dạo ở Matxcơva, lúc đó anh đang học ở Đức, sang Nga chơi với K. trong kỳ nghỉ). Chính là qua S. mà vài năm sau tôi biết được tin K. lấy vợ. Một cô gái trẻ mà anh quen ở trong nước, không phải là người đã sống với anh ở Ba Lan.

Chuyện gì đã xảy ra khiến K. từ Ba Lan về nước một mình? Tại sao suốt thời gian ở Ba Lan anh nhất quyết không viết thư cho tôi? Anh có nghĩ đến tôi không khi quyết định về nước? Anh biết tin tôi lấy chồng từ khi ở Ba Lan hay đến lúc về Hà Nội mới hay?

Quá nhiều câu hỏi không có câu trả lời chất chứa trong đầu tôi. Tôi tự nhủ rằng mình và K. đều đã có hạnh phúc riêng, chẳng còn gì để phải vương vấn về nhau nữa. Vậy mà đôi khi những câu hỏi ấy vẫn cứ ập về. Tôi không sao gạt khỏi hẳn đầu mình những ý nghĩ về K. được.

Tìm trong nỗi nhớ

Chương 10

Lan Chi không sao gạt được khỏi đầu mình những ý nghĩ về Kiên kể từ hôm đặt chân đến Berlin. Mặc dù cô ra sức tự khẳng định với mình rằng mục đích chính của chuyến đi này chỉ là thăm gia đình cậu em trai, có “chuyện gì khác” thì cũng chỉ là nhân thể, thế nhưng ngay từ đêm đầu tiên ở đây, trần trọc khó ngủ vì cảm giác lạ nhà, trong đầu cô chốc chốc lại lờn vờn một câu hỏi: “Không biết giờ này Kiên đã ở Berlin chưa nhỉ?”

Cũng khó mà không nghĩ về cái “chuyện gì khác” ấy, khi biết rằng rất có thể hiện giờ Kiên đã ở đây, trong chính thành phố này, cùng hít thở bầu không khí này, cùng ngắm vòm trời đầy sao này bên ngoài cửa sổ... Và rất có thể sáng mai, một hồi chuông cửa sẽ vang lên, cô sẽ ra mở cửa và sẽ thấy trước mắt mình là một bông hồng nhung đỏ thắm.

Bất quả tang mình đang mơ mộng vẫn vợ như vậy, tự nhiên Lan Chi

thấy hơi xấu hổ, cô tự mắng mình là “cải lương” rồi tự dỗi cho mình một gáo nước lạnh: “Vớ vẩn thật! Chắc gì cái tin mà Tài “ủng” tung ra đã đúng. Tin ai chả tin, lại đi tin cái mồm dẻo như kẹo kéo ấy. Vả lại, nếu Kiên có mặt ở Berlin thời điểm này thật thì cũng chắc gì anh ấy đã biết là mình đang ở đây. Mà nếu anh ấy biết mình đang ở đây thì cũng chắc gì anh ấy đã muốn tìm gặp mình. Mỗi người một phận rồi, còn hoa cúc hoa hồng gì nữa!”

Tự trấn áp mình như vậy cho lương tâm yên ổn thôi, chứ thực ra Lan Chi cũng biết rằng những mơ mộng của cô không hẳn là không có cơ sở. Ngay từ khi mới dự kiến chuyển đi này, cô đã nhắm tính rất nhanh rằng nếu Kiên đến Berlin thì thể nào anh cũng phải đến chỗ Sơn, ông bạn thân của anh ở thành phố này. Sơn thì hàng ngày đều gặp Duy ở chỗ làm việc, nhất định phải biết chuyện Lan Chi từ Pháp sang thăm em trai. Chẳng có lý do gì mà Sơn lại không nhanh nhẩu truyền ngay cái tin ấy cho Kiên để làm quà. Diễn biến tiếp theo thế nào thì... hạ hồi phân giải.

“Hạ hồi” không diễn ra nhanh chóng lắm: ngày hôm sau, lại ngày hôm sau, rồi thêm ngày hôm sau nữa, vẫn chẳng thấy động tĩnh gì. Nhưng Lan Chi cũng không có thời gian để bận tâm nhiều đến chuyện đó: vừa mới sang Đức được vài hôm, cô còn đang rối rít tít mù với con, với cháu, với em trai em dâu. Ban ngày thì cùng em dâu dắt một bầy năm đứa vừa con vừa cháu đi chơi. Tối đến thì hàn huyên với em trai, đủ thứ chuyện trên trời dưới biển của mấy năm xa cách. Hai chị em vẫn thường xuyên liên lạc với nhau qua điện thoại và e-mail, nhưng với lối trao đổi ngắn gọn này thì có nhiều chuyện dài dòng chẳng tiện nói ra, bây giờ gặp nhau mới là lúc dốc bầu tâm sự.

“Bầu tâm sự” của Duy chủ yếu là những chuyện liên quan đến Thu Uyên (vợ Duy). Lúc vừa mới bước vào nhà, Lan Chi đã hơi sững sốt khi nhìn thấy vẻ mặt mệt mỏi, buồn bã của em dâu. Chẳng còn gì giống cô gái tươi roi rói, mắt long lanh hạnh phúc mà Lan Chi gặp lần đầu trong lễ cưới của em trai cách đây dăm năm nữa. Ở thêm vài hôm thì lại chứng kiến thêm nhiều chuyện lạ: thỉnh thoảng, lại thấy cô em dâu thấp hươg xì xụp khăn vái thần thánh gì đó với một vẻ hết sức thiết tha trước cái bàn thờ nhỏ kê ở góc phòng. Rồi đến bữa ăn, sau khi đã trổ tài xào nấu đủ món thơm điếc mũi để thết chị chồng xong, ngồi vào bàn, Thu Uyên lại dọn riêng ra cho mình một đĩa rau luộc và bảo: “Cả nhà cứ ăn ngon miệng nhé. Hôm nay em ăn chay.” Lan Chi ngạc nhiên đưa mắt nhìn Duy, nhưng cậu em trai ra hiệu cho cô cứ ăn đi, đừng bận tâm đến chuyện đó, cho nên cô đành giả bộ

toàn tâm toàn ý tập trung vào bữa ăn, nhưng trong lòng thì cứ thắc mắc mãi không yên. Đợi lúc chỉ còn hai chị em ngồi lại với nhau, Lan Chi hỏi ngay: “Này, sao tự nhiên Thu Uyên lại cúng vái ăn chay thế nhỉ? Cái này là từ trước hay mới đây thôi? Vợ chồng em có chuyện gì trục trặc không đấy?” Duy thở dài: “Mới gần đây thôi. Bọn em thì chẳng có chuyện gì. Có chuyện là chuyện gia đình Uyên ở Hà Nội ấy chứ.”

Gia đình Thu Uyên ở Hà Nội mấy năm nay không hiểu sao cứ bị vận hạn trút xuống đầu tới tấp. Đầu tiên là việc cậu em rể của cô chả rõ làm ăn thế nào mà tự dưng vỡ nợ. Chuyện hết sức mù mờ, Duy không hiểu nổi vì ngay cả Thu Uyên cũng chẳng hiểu gì mấy. Chỉ biết rằng cậu em rể này mấy năm trước thì làm ăn vô cùng phát đạt, tiền của thu về như nước (cũng chẳng rõ bằng cách nào), nhà xây cao ngất ngưỡng, cô vợ (em gái của Thu Uyên) vốn là giáo viên cấp hai thì để con xong bèn bỏ việc luôn, chỉ ở nhà ôm con, quản lý ôsin và đi “shopping” để tiêu tiền cho bớt nặng túi. Nhưng tiền đến nhanh nhện như thế nào thì tiền đi cũng chóng vánh như vậy.

Trong lúc Thu Uyên còn đang hết sức ngỡ ngàng mộ tài làm kinh tế của cậu em rể, thỉnh thoảng vẫn đem ra để treo gương sáng cho chồng mình noi theo, thì tự nhiên cô nhận được lá thư kêu cứu của mẹ gửi từ Hà Nội. Trong thư, mẹ Thu Uyên cho biết rằng công việc làm ăn của Tùng, em rể cô, đã bị đổ bể, do cậu ta vừa bị lừa trong một phi vụ làm ăn lớn (hay là chính cậu ta đi lừa người khác rồi bị phát giác - điều này chỉ là nghi vấn thôi chứ vợ chồng Duy không xác định được, vì mẹ Thu Uyên nói hết sức lấp lửng). Chỉ có điều chắc chắn là cái nhà cao ngất ngưỡng đã bị tịch thu, Tùng nợ ngập cổ đang đợi ngày ra tòa, và Trâm (em gái Thu Uyên) thì dọa rằng nếu chồng phải đi tù thì cô sẽ tự tử. Mẹ của Thu Uyên viết bằng một giọng vừa ra lệnh vừa van xin, giục vợ chồng cô gửi tiền về để cứu em, chứ chẳng lẽ anh chị sống sung sướng mà nỡ để gia đình em nó tan nát, con Trâm nó có làm sao thì mẹ cũng chẳng thiết sống làm gì. Đọc thư, Thu Uyên hoảng loạn tâm thần, cuống cuống bắt chồng vét hết sạch số tiền dành dụm trong nhà băng (tích cóp nhằm mục đích mua nhà) để gửi về trả nợ cho em rể. Ai ngờ, anh chị kiếm tiền ở tây không giỏi bằng cậu em rể tiêu tiền ở nhà. Hy vọng mua nhà của vợ chồng Duy vỡ tan như bong bóng xà phòng mà vẫn không cứu được Tùng khỏi cái cảnh vào nhà đá ngồi bóc lịch.

Em gái của Thu Uyên không tự tử nhưng khóc lóc ôm con về ở với bố mẹ, việc làm chưa có, tiền cũng không. Gia đình tự nhiên lâm vào cảnh cùng quẫn: bố mẹ Thu Uyên xưa nay vốn không có nguồn thu

nhập nào khác ngoài lương hưu và trợ cấp của con, cả con phát đạt trong nước lẫn con kéo cày ở nước ngoài. Nay không những đã mất đi một nguồn quan trọng, mà lại phải gánh thêm con gái và cháu ngoại tay trắng về ăn bám. Tất nhiên, sức các cụ thì tự thân vận động hãy còn mệt, làm sao gánh nổi ai. Lại phải trông chờ vào con gái con rể ở Đức thôi.

Vợ chồng Duy nhận thêm trách nhiệm chu cấp cho một gia đình bốn miệng ăn ở Hà Nội đúng vào thời điểm Thu Uyên vừa mới sinh đứa con thứ hai. Lúc trước, cô vốn đã chỉ có chỗ làm việc nhí nhảnh, thu nhập không đáng kể, nên khi có thêm bé thứ hai, vợ chồng Duy tính toán thấy Thu Uyên đi làm chẳng bõ tiền thuê người trông con, nên bèn quyết định để cô thôi việc, ít nhất là vài năm khi con còn nhỏ. Nhân khẩu tăng, tiền không những không nở ra mà còn teo lại, vốn liếng trong nhà bằng thì đã vét sạch cả rồi, đương nhiên vợ chồng Duy không có đủ khả năng để trợ cấp cho gia đình Thu Uyên ở Hà Nội với mức độ như mong muốn. Những lá thư nhà bắt đầu bay sang tới tấp, mỗi lá thư có ít nhất một câu chuyện đau lòng về cuộc sống của gia đình Thu Uyên ở Hà Nội, kèm theo dăm câu ám chỉ bóng gió đến những kẻ bội bạc, ích kỷ, chỉ biết sướng cái thân mình ở nước ngoài mà chẳng thiết gì đến những người ruột thịt ở quê hương. Mỗi lần đi làm về, chỉ cần nhìn thấy mặt vợ đỏ mọng lên là Duy biết ngay rằng vừa mới có thư từ Hà Nội gửi đến.

Tai họa chưa dừng lại ở đó. Cách đây hơn nửa năm, bố Thu Uyên đột nhiên bị tai biến mạch máu não, cả nhà đã có lúc tưởng cụ không qua khỏi, may được Giới Phật phù hộ nên cụ thoát khỏi tay tử thần, nhưng vẫn phải nằm liệt giường liệt chiếu. Nhà đã quần lại càng quần: bao nhiêu khoản chi tiêu nảy ra, nào tiền thuốc thang, nào tiền thuê người chăm sóc bố..., mà nguồn trợ cấp thì không có cách gì sinh sôi nảy nở thêm ra được. Thấy Thu Uyên khóc nhiều quá, Duy xót ruột nên chạy đi vay tiền cho vợ về Hà Nội thăm bố ốm, tất nhiên ngoài tình cảm ra còn phải mang theo về được một khoản kha khá để đỡ dần các cụ ở nhà. Trở lại Berlin, vợ Duy đã có vẻ thanh thản hơn. Nhưng chỉ vài tháng sau, khoản tiền ở Hà Nội tiêu xong thì sự thanh thản của Thu Uyên cũng hết. Mắt cô lại đỏ mọng lên mỗi lần nhận được thư nhà. Những câu chuyện kể trong thư giờ đây không chỉ dừng lại ở chỗ đau lòng mà đã lên đến mức thâm thối. Những câu ám chỉ bóng gió đã chuyển thành những lời mắng mỏ, đay nghiến. Chỉ còn một chỗ bầu vú duy nhất trong lúc tuyệt vọng, mẹ Thu Uyên không thể nào hiểu nổi rằng nước Đức không phải là cái kho của “Alibaba” và túi tiền của con gái con rể bà không giống như nồi cơm

Thạch Sanh. Tiền càng chậm gửi thì độ sâu sắc trong thư của bà càng tăng lên, không còn là thể văn kể chuyện thông thường mà đã nâng lên đến tầm triết lý với những lời cảnh báo về cái tòa án lương tâm khủng khiếp sẽ chờ đợi những kẻ bất hiếu, nhấn tâm bỏ rơi bố mẹ khốn khổ ở trong nước để hưởng giàu sang phú quý một mình ở nước ngoài.

Thế nhưng, trái với dự kiến của mẹ Thu Uyên, tra tấn lương tâm hóa ra chẳng phải là một biện pháp kinh tế tốt để làm nảy ra tiền. Dù có sợ vạc dầu sôi sùng sục nơi địa ngục đến mấy thì vợ chồng Duy cũng chịu chết, không biết làm sao kiếm ra đủ tiền để đáp ứng nỗi nhu cầu của gia đình Thu Uyên ở Hà Nội. Vợ Duy không chỉ khóc mỗi lần nhận được thư nhà nữa, cô bắt đầu rơi vào trạng thái thần thờ thường xuyên. Khổ sở vì cảnh nhà, đau đớn vì những lời mắng mỏ của mẹ, mặc cảm vì để chồng phải bao bố mẹ mình quá nhiều, chán chường vì cuộc sống của mình với chồng con ở Đức tự nhiên trở thành chạt vật..., Thu Uyên suy sụp thần kinh hoàn toàn. Duy cố gắng động viên an ủi vợ, nhưng chính bản thân anh nhiều lúc cũng bức bối chán nản, chẳng đủ sức làm chỗ dựa tinh thần cho Thu Uyên. Vậy là từ hai tháng nay, Thu Uyên bắt đầu lập bàn thờ ở nhà và chăm chỉ đi lễ. Thấy vợ ăn chay, tụng niệm, thoát đầu Duy cứ tưởng Thu Uyên quy đạo Phật, sau mới rõ là cô theo một thứ đạo đa thần, cúng vái từ Giời Phật đến thần linh ma quỷ, đối với vị nào cũng thành tâm như nhau. Kinh kệ chả thuộc câu nào, cũng chẳng biết chính xác đối tượng thờ cúng của mình là ai nữa, Thu Uyên chỉ nghĩ ra được độc có mỗi một kiểu khấn duy nhất là “xin các vị linh thiêng phù trợ, giải hạn cho gia đình con”. Nghe bảo ăn chay giúp cho thể xác phàm tục trở nên thanh thoát, mà càng thanh thoát thì càng dễ làm động lòng các “các vị” hơn, vậy là Thu Uyên cũng ăn chay.

Nhưng cô không cầu nệ ngày rằm hay mừng một gì cả, mà cứ vài hôm lại ăn chay một lần, tùy theo tâm trạng, với chủ thuyết rằng càng ăn chay nhiều càng tốt. Người truyền cho Thu Uyên chủ thuyết này là chị Ngoan, một chị hàng xóm cùng phố, chị này ăn chay theo lịch ba trăm sáu mươi năm ngày một năm.

Ảnh hưởng của chị Ngoan đối với Thu Uyên trong thời gian gần đây làm cho Duy vừa ngạc nhiên, vừa lo sợ. Chị này vốn thuộc diện “xuất khẩu lao động”, tốt bụng nhưng đơn giản, lại hơi quê mùa, cho nên trước đây vợ Duy chỉ có quan hệ xã giao với chị như với một người đồng hương cùng phố, chứ chưa bao giờ thân thiết. Thế rồi cách đây quãng hai năm, một lần gặp chị Ngoan ngoài phố trong tình trạng đột nhiên không còn sợi tóc nào trên đầu, Thu Uyên sửng sốt dừng lại

hỏi thăm. Tỉ tê trò chuyện một lúc, cô bàng hoàng được biết rằng chị mới cạo đầu sau khi nhận được tin thằng con trai duy nhất của mình gửi ông bà ngoại ở quê nuôi vừa bị chết đuối. Đi “xuất khẩu” ở Đức bị chồng ở nhà bỏ, mấy năm nay chị Ngoan vừa ky cóp tiền để gửi về nuôi con và nuôi bố mẹ ở trong nước, vừa tìm cách đón con sang. Nhờ người dặt mối, chị đã tìm được một ông tây đồng ý làm đám cưới giả với chị, giá cả phải chăng. Tiền đã trao, đến lúc sắp sửa tiến hành làm thủ tục giấy tờ thì đột nhiên ông tây lại ngăng ra, trả lại tiền, không chịu làm chồng hờ nữa. Hỏi đi hỏi lại mãi, tốn bao nhiêu thời gian, ông tây mới tiết lộ ra rằng tại chị vừa già vừa xấu, cho nên ông thấy khoản tiền ấy chẳng bõ công ông phải xấu hổ vác mặt đi làm các thủ tục kia (“Mà lão còn già và xấu gấp mấy mình ấy chứ”, chị Ngoan cảm giận kể lại như vậy, không biết trong nhận xét này có bao nhiêu phần chủ quan.) Chẳng còn cách nào khác, chị Ngoan lại phải mặc cả trả thêm tiền, rồi cuối cùng cũng nhận được cái giấy xác nhận là vợ (hờ) của ông tây. Đang mừng rỡ chuyển sang giai đoạn làm giấy tờ để đón con trai sang Đức thì nhận được tin thằng bé chết đuối. Quá đau đớn, chị cạo trọc đầu, ăn chay, và ngoài giờ làm việc ra thì dồn toàn bộ tâm huyết vào việc lễ bái.

Câu chuyện thương tâm của chị Ngoan làm Thu Uyên xúc động đến nỗi từ đó thỉnh thoảng cô lại chủ động ghé vào thăm chị, hỏi xem chị có cần giúp đỡ gì không. Chị Ngoan bắt đầu “truyền đạo” cho Thu Uyên. Mới đầu, vợ Duy chỉ nghe chị Ngoan vì lịch sự, nhưng rồi gần đây, sau những biến cố xảy ra với gia đình mình, cô bèn theo chị đi lễ. Nếu không vì Duy vừa dễ dàng, vừa dọ dẫm thì Thu Uyên còn định noi gương chị Ngoan mà cự tuyệt thịt cá hoàn toàn. Bây giờ, một trong những nỗi ám ảnh lớn của Duy là một hôm nào đó đi làm về nhà sẽ thấy vợ đón mình với cái đầu trọc lóc.

“Chị nói chuyện với Uyên hộ em đi, - Duy năn nỉ Lan Chi. - Em thì chịu rồi, chẳng biết nói làm sao cho Uyên tỉnh lại. Chị khách quan hơn, lại học ngành tâm lý, nhiều kinh nghiệm, có khi Uyên nghe chị đấy.” “Ừ, chị sẽ cố thử xem sao, - Lan Chi hứa. - Nhưng chị nghĩ, nếu lễ bái một chút mà làm cho Uyên nó thanh thản hơn thì có lẽ cũng chẳng hại gì. Cái chính là đừng có quá đà, đừng có trở thành mê muội thôi. Chứ ai mà chẳng cần một chỗ dựa tinh thần hả Duy. Em biết không, cái hồi bố mới mất nhiều lúc chị tưởng như không chịu nổi, giá có một cái gì để bầu vùi vào thì có khi cũng đỡ khổ hơn.”

Đây là lần đầu tiên sau bao nhiêu năm dùi mài kinh sử, Lan Chi được giao nhiệm vụ áp dụng kiến thức chuyên môn tâm lý học của mình

vào một đối tượng cụ thể “có vấn đề”. Mục đích đặt ra là phải làm giảm bớt ảnh hưởng của chị hàng xóm trong địa hạt tư tưởng của cô em dâu. Chuẩn bị tinh thần hết sức kỹ càng, nhưng cuối cùng hóa ra gọi chuyện vợ Duy hoàn toàn không phải khó. Lan Chi chỉ vừa mới thử lựa lời hỏi han vài câu mà mắt cô em dâu đã lập tức rưng rưng: “Em biết anh Duy không thích em như thế này đâu, nhưng nhiều lúc em không có cách nào chịu nổi...” Thế rồi, chị chồng em dâu ngồi trò chuyện hết cả một buổi chiều, quanh đi quẩn lại cũng chỉ đến “đời là bể khổ” thôi chứ chả có chân lý gì mới mẻ.

Vậy mà Thu Uyên hình như cũng nhẹ nhõm hẳn đi khi trút ra được những nỗi niềm bao lâu dồn nén trong lòng: cảm giác bất lực trước nỗi khổ của người thân, mặc cảm do hàng trăm ngàn cây số cách xa mà mình đã biến thành kẻ ngoài cuộc, nỗi đau đớn khi ngay cả những người ruột thịt nhất cũng không hiểu và oán giận mình, tâm trạng thất thểu lo âu khi lâu không nhận được thư nhà, nhưng đến khi cầm lá thư trên tay thì lại không đủ can đảm để bóc ra đọc... “Rồi còn bao nhiêu nỗi lo sợ vợ vẫn nữa, chị biết không, mỗi khi nghe chuông điện thoại vào một giờ bất thường là em lại sợ đến thất cả tim, không muốn nhắc máy lên, chỉ lo phải nghe tin xấu...” “Chị hiểu chứ, chị đã trải qua nỗi sợ ấy rồi, chị đã từng nhận một hồi chuông điện thoại réo lên vào lúc nửa đêm, và sau đó không bao giờ còn tìm lại được sự bình yên như trước nữa... Nhưng tất cả những điều mà em vừa nói đó: cái cảm giác bất lực ấy, cái mặc cảm ngoài cuộc ấy, cái nỗi đau không được hiểu ấy... hình như chẳng phải của riêng ai nữa đâu, nó đã là một phần của cuộc sống tha hương rồi, Uyên ạ.” Ngoảnh đi ngoảnh lại, một tuần lễ ở Berlin trôi vèo qua lúc nào không biết. Trung đã ba lần gọi điện thoại đến nhà Duy, hai lần đầu chỉ để biết tình hình vợ con, nhưng đến lần thứ ba thì anh hỏi: “Mấy mẹ con có định về sớm hơn không, hay vẫn ở lại hết cả hai tuần?” “Em cũng chưa quyết định, - Lan Chi do dự nói. - Mấy đứa trẻ chơi với nhau vẫn vui lắm, chưa muốn về đâu. Thôi, để em xem thế nào rồi vài hôm nữa em gọi lại cho anh nhé.”

Hết một tuần rồi mà vẫn chẳng có tin tức gì của Kiên, Lan Chi bắt đầu phân vân, cô phỏng đoán: “Hay là vì hiện nay Sơn không có mặt ở Berlin, cho nên chẳng có ai báo cho Kiên biết chuyện mình đến thăm Duy cả?” Để kiểm tra lại điều này, trong bữa ăn tối, Lan Chi làm ra vẻ tình cờ hỏi Duy:

- À, anh Sơn có làm việc ở chỗ em nữa không hả Duy? Nếu gặp thì bảo là chị gửi lời thăm anh ấy nhé.

- Anh ấy vẫn làm cùng chỗ với em. Hôm nọ, em có kể chuyện chị với

lũ nhóc đến đây chơi, anh ấy cũng hỏi thăm chị mà em quên không nói lại, - Duy đáp.

“Vậy chắc là Kiên không đến Berlin rồi. Nếu không, ít nhất Sơn cũng phải báo cho Duy tin đó”, Lan Chi nghĩ. Tự nhiên, cô thấy bức bối với chính mình. “Sao mình lại dễ tin đến thế nhỉ, nghe lão Tài “ủng” nói vu vơ một câu như vậy mà cũng tin ngay được.”

Còn sáu ngày nữa là hết tháng bảy. Tuy lũ trẻ con vẫn quần quýt nhau nô đùa cả ngày không biết chán (kể cũng lạ: ngôn ngữ giao tiếp của chúng là một sự pha trộn hết sức liêu mạng ba thứ tiếng Việt-Pháp-Đức, vậy mà chúng hiểu và thân nhau rất nhanh), nhưng Lan Chi đã nghĩ đến chuyện về sớm vài hôm để làm vui lòng chồng. “Ngày mai, mình sẽ ra ga xem mua vé tàu thế nào, rồi sau đó sẽ gọi điện báo ngay cho anh ấy”, cô dự tính.

Nhưng Lan Chi chưa kịp gọi điện nói chuyện với chồng thì chuông điện thoại đã gióng giả vang lên trong bữa ăn tối hôm đó ở nhà Duy. Duy đi sang phòng bên cạnh nhắc máy nghe rồi gọi vọng ra:

- Chị Chi ơi! Có điện thoại cho chị đấy!

- Anh Trung lại gọi phải không? Chắc anh ấy sốt ruột rồi. Thôi có khi ngày mai chị đi mua vé tàu về, Duy ạ, - Lan Chi vừa bước về phía em trai vừa nói.

- Không, không phải anh Trung đâu, - Duy đáp. - Anh Kiên muốn nói chuyện với chị, anh ấy đang ở nhà anh Sơn.

Mười mấy năm trời ngăn cách hiện tại với quá khứ dường như vụt biến đi khi Lan Chi bước đến bên máy điện thoại. Cô hít một hơi dài để tự trấn tĩnh rồi nhận ống nghe từ tay Duy.

- Alô... - cô nói bằng một giọng ngập ngừng và hơi yếu ớt.

- Lan Chi phải không?

Giọng nói vang lên ở đầu dây bên kia thân thuộc đến nỗi tự dưng Lan Chi có cảm giác như nghẹt thở. Trong khoảnh khắc, cô thấy mình như đột ngột rơi vào một khoảng trống bồng bềnh: không còn thời gian, không còn không gian, chỉ còn cô và anh giữa những kỷ niệm quay cuồng.

Tìm trong nỗi nhớ

Chương 11

Không có thời gian, không có không gian, chỉ có tôi, anh và kỷ niệm.

Đã bao nhiêu năm tôi nghĩ về cuộc hội ngộ này, và lần nào nó cũng hiện ra như vậy trong trí tưởng tượng của tôi. Tôi không hình dung ra được mình sẽ gặp lại anh ở đâu, vào lúc nào, trong hoàn cảnh nào, nhưng tôi gần như tin chắc rằng sớm hay muộn thì chuyện này cũng sẽ xảy ra. Tôi và anh còn có quá nhiều điều để nói với nhau, dù cuộc đời hai đứa đã từ lâu rồi thành hai ngả.

K. không khác mấy so với thời ở Matxcova. Trên gương mặt anh hẳn là đã có thêm những nếp nhăn mờ của thời gian, nhưng nụ cười và cái nhìn vẫn nguyên xi như vậy. Anh bước vội gần như chạy về phía tôi, gió thổi tung lòa xòa mái tóc bờm xờm “nghệ sĩ”.

Tôi hy vọng mình không thay đổi nhiều dưới con mắt của anh. Bao nhiêu năm rồi tôi vẫn nhất quyết để đúng một kiểu tóc dài ngang vai như vậy, kiểu tóc mà anh thích (và chồng tôi cũng thích). Những sợi tóc dài bay rối lên trong gió khi tôi bước lại gần anh. K. đưa tay vuốt lại tóc cho tôi, và đột nhiên tôi có cảm giác như anh muốn ôm ghì lấy tôi nhưng kìm lại được.

- Em đã biết trước rằng thế nào chúng mình cũng gặp lại nhau, - tôi nói.

- Anh cũng tin như vậy, nhưng anh không ngờ là phải đợi lâu đến thế này, - K. đáp.

Thời gian đột ngột ập về sau câu nói đó của K. Bao nhiêu lời định nói bỗng nhiên trở thành lạc lõng và vô nghĩa trước sự hiện diện lạnh lẽo nhưng nặng nề của nó. Qua màn sương mờ ảo của thời gian, tôi nhìn thấy hai bóng hình xa lắc xa lơ - tôi và anh trên sân bay Seremetievo ngày ấy.

- Khi chúng mình chia tay nhau ở sân bay Seremetievo, em cứ hy vọng là chỉ ít ngày sau anh cũng sẽ về Hà Nội, - tôi nói.

- Anh rất muốn về, anh đã cố hết sức, nhưng anh không thể về được. Hoàn cảnh lúc đó như vậy, chắc là em cũng hiểu, phải không?

- Có những điều em không bao giờ hiểu nổi. Tại sao khi chúng mình ở Matxcova, anh cứ khẳng khẳng không chịu giải thích cho em tình hình làm ăn của anh lúc đó?

- Nhưng giải thích cho em những chuyện ấy thì có ích gì đâu, L.C.? Em cũng sẽ không thể giải quyết được gì, mà chỉ khổ thêm thôi.

- Nếu em biết rõ tình hình, ít nhất, em cũng có thể ở lại Matxcova để đợi anh, em sẽ không đời nào bỏ về Hà Nội trước mặt mình khi biết rằng anh đang ở trong tình trạng khốn khổ như vậy.

- Lúc đó, chính em cũng đã khổ lắm rồi. Em nói rằng “em không chịu đựng nổi cuộc sống như thế này nữa”. Anh không có quyền yêu cầu em tiếp tục cuộc sống như vậy nữa.

- Khi ấy, em nói thế vì em không hiểu gì hết cả! Em chỉ nhìn thấy nỗi khổ của em thôi. Nếu em biết rõ...
- Nếu em biết rõ, có thể em sẽ ở lại đợi anh thêm một thời gian nữa, nhưng cuối cùng chắc em cũng sẽ không chịu đựng nổi và bỏ đi thôi. Anh đã nghĩ mãi rồi. Hồi ấy, anh rơi vào một tình trạng bế tắc, một vũng lầy như em đã nói, em có nhớ không? Em bảo rằng em muốn kéo anh ra khỏi vũng lầy này. Nhưng em không hiểu rằng điều đó là quá sức em. Còn anh, việc duy nhất mà anh có thể làm lúc ấy là không kéo em rơi vào vũng lầy cùng với anh.
- Nhiều lúc, em cứ nghĩ lẽ ra em phải ngăn cản anh ngay từ đầu. Lẽ ra, anh không bao giờ nên dấn thân vào con đường ấy. Lẽ ra chúng mình phải về nước cưới luôn ngay sau khi anh bảo vệ xong...
- Nhưng làm sao mà biết trước được sự đời hả L.C.? Làm sao anh biết trước được mọi sự sẽ đến nông nổi này? Lúc ấy, anh chỉ hình dung rất rõ cuộc sống của chúng mình sẽ vất vả ra sao nếu về nước trắng tay. Anh đã muốn tránh cho chúng mình cuộc sống đó. Anh hy vọng...
- Anh đã mất hy vọng từ khi nào? Có phải từ khi tiễn em ở sân bay Seremetievo không? Lúc ấy, anh bảo: “Anh không muốn mất em”. Em không hiểu ngay tại sao anh nói thế. Nhưng về sau, em nghĩ rằng chắc là ngay từ lúc đó, anh đã biết là chúng mình sẽ mất nhau rồi.
- Không hẳn thế đâu. Lúc đó, anh đã linh cảm thấy điều này, nhưng anh vẫn còn hy vọng. Anh chỉ thực sự mất hy vọng khi ngừng viết thư cho em.
- Nhưng tại sao anh không viết thư cho em? Dù thế nào đi nữa thì em cũng có quyền được biết rõ sự thực. Dù anh thấy chúng mình không còn hy vọng thì anh cũng phải nói với em một lời từ biệt cuối cùng. Anh chưa bao giờ nói với em lời từ biệt ấy cả. Bao nhiêu năm rồi em vẫn day dứt không yên vì chuyện đó.
- Tha lỗi cho anh, L.C., anh biết, lẽ ra anh phải viết hết sự thực cho em. Nhưng anh quá khổ sở và không đủ can đảm để viết một lá thư đoạn tuyệt. Vả lại, nếu anh viết cho em rằng anh không thể trở về với em được vì đã hết sạch tiền, vì anh đã nợ ngập cổ, thì liệu em có vì những lý do ấy mà bỏ anh được không? Anh nghĩ là không. Anh sợ chỉ làm tăng thêm nỗi đau khổ của em và kéo dài sự chờ đợi vô vọng của em thôi.
- Đối với em lúc đó, chờ đợi vô vọng còn đỡ đau khổ hơn là không có gì để chờ đợi cả. Em có thể đợi anh bao lâu cũng được, chỉ cần biết là anh vẫn yêu em. Em chỉ bỏ đi khi không còn hy vọng gì thôi.
- Khi ở Matxcova, em nói với anh: “Đừng bắt em phải đợi cả đời”.

Anh đã suy nghĩ nhiều về câu nói đó. Anh hiểu là em nói đúng. Anh không có quyền bắt em chờ đợi cả đời. Anh không có quyền để cho em chờ đợi khi chính anh không còn hy vọng gì nữa.

- Sau này, em đã đau khổ mãi vì câu nói đó, anh biết không? Em cứ tự dẫn vạt mình mãi vì đã nói một câu ngu ngốc và ích kỷ như vậy. Lúc ấy, em không hiểu rằng sự chờ đợi là điều duy nhất mà em có thể làm được cho anh trong hoàn cảnh này. Nếu anh biết rằng em sẵn sàng chờ đợi anh đến cùng, có lẽ anh sẽ có thêm sức lực để thoát ra khỏi vũng lầy ấy, phải không? Có lẽ, anh sẽ không dập tắt mọi hy vọng của anh và của em. Có lẽ, em sẽ đợi được cho đến lúc anh về. Vì cuối cùng thì anh cũng đã trở về cơ mà!

- Đừng tự dẫn vạt mình như thế, L.C.! Hoàn cảnh lúc đó phức tạp hơn em tưởng. Có nhiều chuyện xảy ra sau đó khiến anh nghĩ rằng mình không còn xứng đáng với sự chờ đợi của em.

- Anh muốn nói đến chuyện anh đã gặp và yêu một người khác phải không? Tại sao anh không viết thư nói thẳng với em về việc đó? Anh không nghĩ rằng ít nhất là trong chuyện đó anh cũng cần phải trung thực với em à?

- Nhưng đó có phải là tình yêu đâu, L.C.! Anh không phủ nhận rằng anh có nhiều tình cảm đối với người ấy, nhưng yêu thì anh chỉ yêu có một mình em. Anh không biết phải viết cho em thế nào cả. Anh có cảm giác như mình thoát khỏi vũng lầy này rồi lại sa vào một vũng lầy khác. Mọi việc trong đầu anh lúc đó hết sức mù mờ. Điều duy nhất mà anh hiểu rõ là em sẽ không thể nào tha thứ cho anh được.

- Anh vẫn nghĩ như thế ngay cả sau khi đã nhận được bức điện của em?

- Bức điện nào nhỉ?

- Bức điện em gửi sang Ba Lan để chúc mừng sinh nhật anh, ngày anh tròn hai mươi chín tuổi.

- Anh không nhận được bức điện đó. Em có chắc là em viết đúng địa chỉ không? Mà làm sao em lại có địa chỉ của anh ở Ba Lan? Anh có dám viết thư cho em từ Ba Lan bao giờ đâu?

- Mẹ anh đưa cho em địa chỉ đó, có lẽ không sai đâu. Lúc ấy, không có hồi âm của anh, em tin chắc rằng anh đã kiên quyết gạt em ra khỏi đời anh rồi. Nhưng về sau, khi biết tin anh từ Ba Lan về nước một mình, em cứ nghĩ đi nghĩ lại mãi. Em đâm ra ngờ rằng có thể anh không nhận được bức điện đó của em.

- Anh không nhận được thật, L.C. ạ. Em viết gì trong bức điện ấy?

- Không có gì thật đặc biệt cả. Em chỉ chúc mừng sinh nhật anh thôi. Lúc ấy, em muốn anh biết rằng em không thể quên anh, em hiểu

hoàn cảnh của anh và không oán giận anh. Nếu anh nhận được bức điện đó, có thể anh đã trở về với em rồi, phải không?

- Thực ra, em biết đấy, cuối cùng thì anh cũng đã trở về, dù không nhận được bức điện ấy. Ở Ba Lan, anh sống với người khác mà vẫn chỉ nghĩ đến em. Một cuộc sống như vậy không thể đem lại hạnh phúc cho ai cả. Anh thấy không thể tiếp tục mãi như vậy được nên quyết định trở về Hà Nội. Có điều, khi anh về đến nơi thì em đã bỏ đi rồi.

- Anh bất ngờ lắm về chuyện em bỏ đi, phải không?

- Anh không bất ngờ về việc em bỏ anh, anh đã bắt mình phải quen với ý nghĩ đó từ lâu rồi. Nhưng anh bất ngờ về việc em bỏ Hà Nội. Anh cứ nghĩ em yêu Hà Nội lắm. Khi ở Matxcova, em cứ mong chóng đến lúc trở về Hà Nội sống. Em cứ giục giã anh suốt về chuyện đó.

- Em không bao giờ muốn bỏ anh hay bỏ Hà Nội cả. Em bỏ đi chỉ vì quá tuyệt vọng mà thôi. Lúc ấy, em cũng không định đi mãi mãi. Cuộc đời đã xô đẩy em đến chỗ này, rồi em quen dần, rồi em chấp nhận, vậy thôi.

- Anh cũng thế, anh quen dần, rồi anh chấp nhận, vậy thôi, - K. nói khẽ, sau một khoảng im lặng rất dài, rất nặng nề giữa hai chúng tôi.

- Anh có hạnh phúc không? – tôi ngập ngừng hỏi.

- Anh không thể quên em được, - K. không trả lời thẳng vào câu hỏi của tôi. - Thỉnh thoảng, anh vẫn nằm mơ thấy em. Anh thấy chúng mình ở Matxcova. Anh thấy em trong vòng tay anh. Anh cảm thấy rất rõ nụ hôn của em. Anh không còn muốn tỉnh dậy nữa vì sợ em biến mất. Em có bao giờ gặp những giấc mơ như vậy không?

“Em đang mơ một giấc mơ như vậy”, tôi đáp.

Nhưng K. không còn nghe tôi nói nữa. Anh đã từ từ biến mất khỏi giấc mơ của tôi.

Tìm trong nỗi nhớ

Chương 12

Giấc mơ ấy của Lan Chi đột nhiên hiện về ám ảnh trong đầu cô suốt dọc đường cô đi đến chỗ hẹn gặp Kiên.

Khi gọi điện thoại đến nhà Duy, Kiên bảo rằng anh vừa mới từ Leipzig đến Berlin được vài tiếng đồng hồ và sáng ngày kia đã phải

bay về Hà Nội. Anh nói rất muốn được gặp Lan Chi trước khi về nước. Trao đổi một hồi, họ thỏa thuận hôm sau sẽ đi ăn tối cùng nhau, tại một tiệm ăn không xa nhà Duy mà Sơn đã giới thiệu cho Kiên.

Thoạt đầu, Kiên muốn ghé qua nhà Duy để đón Lan Chi, nhưng cô không hào hứng lắm với đề nghị đó. Cô cảm thấy không thoải mái khi nghĩ rằng phút đầu tiên gặp lại của họ sẽ diễn ra trước sự chứng kiến của vợ chồng Duy và lũ trẻ con. Bất chợt, một ý nghĩ vụt đến trong đầu, cô bèn hẹn gặp anh trước cửa ga tàu điện ngầm gần nhà Duy rồi hai người sẽ cùng đi tàu đến tiệm ăn (cách đó ba bến). Ý kiến này của cô lập tức được Kiên hưởng ứng một cách vui mừng đến nỗi cô gần như tin chắc rằng anh cũng đã liên tưởng đến cái kỷ niệm mà cô vừa chợt nhớ ra.

Vậy là gần bảy giờ tối, sau khi đã gửi gắm ba đứa con cho vợ chồng Duy với một lời dặn dò, rồi lại bắt cả ba đứa trẻ phải hứa là sẽ ăn ngoan và không quấy cô Uyên cậu Duy, Lan Chi nhìn lại mình trong gương lần cuối rồi đi ra cửa. Đến ngưỡng cửa, tự nhiên thấy nao nao trong lòng, cô quay lại thơm lần lượt cả ba đứa con và hứa: “Mẹ sẽ cố gắng về sớm!” Ba anh em cu Nam còn đang có nhiều trò vui với hai đứa em họ nên không bận tâm lắm đến sự vắng mặt của mẹ chúng trong bữa ăn tối, cũng chẳng hề tỏ ra mừng rỡ đặc biệt gì trước lời hứa “về sớm” của mẹ.

Bảy giờ tối, nắng chiều chưa tắt hết mà đã có một mảnh trăng non nhợt nhạt dính chơ vơ, lác lõng ở một góc trời. Không khí ngưng đọng, ngọt ngào, oi ả, chẳng có lấy một gợn gió thoảng qua. Đi đến gần lối vào ga tàu điện ngầm, Lan Chi bước chậm lại, đưa mắt nhìn những dòng người ngược xuôi hối hả. Cảm thấy mồ hôi lấm tấm rịn ra trên trán, cô dừng lại, rút một chiếc mùi soa giấy trong túi ra lau, và đúng lúc ấy, cô nhìn thấy Kiên tách khỏi dòng người, thong thả bước lại gần cô.

Kiên đến trước giờ hẹn quãng hơn mười phút. Anh đi sớm vì không muốn để lộ thái độ bồn chồn của mình trước mặt vợ chồng Sơn, cũng để khỏi phải nghe những lời khuyên bảo và châm chọc của ông bạn.

Ngay từ hôm qua, khi Kiên vừa mới đặt chân đến Berlin, anh đã lập tức bị Sơn biến thành đối tượng để trêu ghẹo. Ra đón Kiên ở ga, sau vài câu thăm hỏi thông thường, Sơn vỗ vai bạn nói với vẻ đầy bí ẩn:

- Nay, tao có một tin quan trọng cho mày đấy, nhưng chẳng biết tim mày có đủ khỏe để nghe không?

- Tin gì mà kinh dị thế? - Kiên cười hỏi.

- Nàng đang ở đây, - Sơn hạ giọng nói, vẻ mặt hết sức quan trọng.

- Nàng nào? - Kiên không hiểu.

- Đoán thử xem, - Sơn cười tinh nghịch.

- Chịu, - Kiên thờ ơ đáp.

- Chán mày thật, - Sơn lắc đầu về chê trách. - Tình yêu thiêng liêng của đời mày đấy, biết chưa? Nàng mới từ Pháp đến Berlin thăm thằng em quăng một tuần nay.

- Lan Chi đang ở Berlin à? - Kiên sững sờ hỏi.

- Ừ. Thôi, đi đi, đừng đứng nghệt ra thế nữa. Nghĩ cho kỹ xem, nếu không sợ bu nó ở nhà, muốn liều mạng gặp nàng thì để tao bố trí cho, - Sơn cười hì hì nói.

Dọc đường từ ga về nhà, Sơn bảo: “Tao có số điện thoại của thằng Duy đấy. Cứ để thông thả, ăn tối xong rồi nếu mày muốn thì gọi điện đến đó mà hỏi thăm tình hình.” Thấy Kiên ậm ừ, Sơn hỏi lại: “Sao? Nóng ruột quá, muốn gọi điện cho nàng ngay à?” “Có gì vội đâu, - Kiên chối. - Cứ từ từ, ăn tối xong rồi tao sẽ tính sau.”

Bữa tối ở nhà Sơn, Kiên ngồi ăn như một cái máy, miệng nhai trệu trạo mà chẳng để ý mình đang ăn món gì. Về mặt anh bản thân đến nỗi vợ Sơn phải ái ngại hỏi: “Anh Kiên hình như đi đường bị mệt? Anh có cần thuốc cảm cúm gì không thì để em lấy cho?” “Không, có mệt gì đâu”, Kiên bưng tỉnh. Sơn tùm tùm cười bảo vợ: “Không có thuốc nào chữa cho anh ấy được đâu em ạ. Chỉ còn cách để anh ấy đi gọi điện thoại một chút, may ra thì đỡ.”

Mấy tiếng đồng hồ trước giờ hẹn của Kiên với Lan Chi, bắt gặp Kiên chốc chốc lại nhìn đồng hồ, Sơn bảo:

- Còn lâu mới đến giờ, đừng có cuống thế. Theo tao, mày nên đến muộn chừng năm mười phút cho cao giá.

- Cao giá hay thấp giá cái gì, - Kiên phì cười. - Tình xưa nghĩa cũ, đến thăm nhau thôi chứ có phải đi tán tỉnh gì đâu. Người ta có chồng có con rồi...

- Ba con, - Sơn thần nhiên nói.

- Ba con thật à? - Kiên hỏi.

- Thì thấy thằng Duy nó bảo thế. Ít nhất là ba con ở thời điểm này. Tương lai có nhiều hơn không thì tao chưa nắm được thông tin. Nhìn vẻ mặt ngơ ngẩn của Kiên, Sơn bồi thêm:

- Tao thành thật khuyên mày nên lấy cặp kính cận của tao đeo vào để đi gặp cô nhân cho thi vị. Phải nhìn mờ mờ ảo ảo thì mới tưởng nhớ được quá khứ, chứ nhìn rõ sự thật e rằng sẽ thất vọng đấy. Mày cứ thử tính mà xem: đàn bà để con xong nói chung ai cũng tăng sơ sơ dăm bảy cân, nàng có ba đứa, vậy chắc tám thân thon thả bây

giờ không dưới sáu chục ký đâu.

Kiên mỉm cười nhớ lại những lời nói của Sơn khi anh nhìn thấy Lan Chi hiện ra từ một góc phố. Vẫn cái vóc dáng mảnh mai ấy, vẫn mái tóc buông xõa ngang vai ấy..., anh nhận ra cô ngay lập tức và cảm thấy trào lên trong lòng một nỗi xúc động pha lẫn nhẹ nhõm. Anh định chạy ra đón Lan Chi nhưng bỗng nhiên đổi ý và lùi vào một góc khuất để kín đáo quan sát cô. Lan Chi tiến lại gần, cô không nhìn thấy anh. Khi cô đứng lại, đưa mắt nhìn quanh tìm kiếm, Kiên cảm giác như có một luồng điện chạy giần giật khắp người mình: cặp mắt của cô vẫn hơi ngơ ngác và mơ mộng không khác gì ngày xưa, làn môi của cô vẫn có một thoáng cong nũng nịu giống hệt thuở nào... Một nỗi buồn da diết tràn ngập lòng Kiên khi anh nghĩ rằng tất cả những đường nét thân thương này bây giờ đã thuộc về một người đàn ông khác. Anh cố giữ dáng điệu thật bình thản và bước lại gần Lan Chi.

- Trời nóng quá, Lan Chi nhỉ, - Kiên nói với một nụ cười thay câu chào.

- Vâng, nóng thật đấy, - Lan Chi mỉm cười đáp lại. – Hình như hôm nay lên đến ba mươi hai độ.

Sau đoạn bình luận thời tiết là một khoảng im lặng bối rối, rồi Kiên là người lên tiếng đầu tiên:

- Anh không ngờ lại được gặp em ở Berlin.

- Ngày mai anh đã bay về Hà Nội rồi phải không? Sao anh đi công tác gấp thế? – Lan Chi hỏi.

- Anh sang Đức làm việc hai tuần, nhưng là ở Leipzig chứ không phải ở Berlin. Xong việc ở Leipzig rồi anh mới đến đây thăm Sơn. Nếu biết trước là em đang ở Berlin thì anh đã thu xếp lên đây sớm hơn. Họ cùng đi vào ga. Lan Chi hỏi thăm về chuyến công tác của Kiên ở Leipzig. Anh trả lời một cách hết sức sôi nổi, cô lắng nghe với vẻ hết sức chăm chú, dù trong thâm tâm cả hai người đều hiểu rằng chuyện này chẳng có gì là quan trọng đối với họ.

Tàu đến, Kiên ngừng ngay câu chuyện giữa chừng để cùng Lan Chi lên tàu. Trong toa đã đầy ắp người, không còn chỗ nào để ngồi, họ phải đứng sát vào nhau. Anh xúc động đến nghẹt thở khi cảm nhận sát người mình thân hình nhỏ nhắn của cô, thân thiết và gần gũi hệt như trong những giấc mơ vẫn thường trở đi trở lại ám ảnh anh suốt bao năm ròng. Tàu lắc mạnh và Kiên như tỉnh mộng: anh nhận thấy Lan Chi cố bám chắc vào tay vịn để khỏi ngã vào người anh. Chưa bao giờ anh hình dung rõ rệt và thấm thía đến vậy về cái vực sâu hun hút mà cuộc đời dùng để ngăn cách họ như lúc này đây, khi cô

đứng ngay bên anh, gần như lọt thỏm trong vòng tay anh.
Nơi họ đến ăn tối là một tiệm ăn Italia. Theo lời giới thiệu của Sơn, ngoài cái tiện là không xa nhà Duy, tiệm ăn này còn có ưu điểm là bài trí trang nhã, lịch sự, phục vụ tận tình, đồ ăn không phải là xuất sắc lắm nhưng cũng khá, khung cảnh tương đối yên tĩnh, nói tóm lại là một nơi rất hợp để diễn ra những màn tình cảm.
Kiên hơi lúng túng trước quyền thực đơn với những món ăn ghi bằng tiếng Đức và tiếng Italia.

- Anh chẳng có khái niệm gì mấy về món ăn Ý ngoài pizza và spaghetti, - anh thú nhận. – Em có kinh nghiệm gì không?

- Kinh nghiệm của em thì cũng nghèo nàn thôi, nhưng nếu anh tin nhiệm em thì để em chọn cho anh nhé, - Lan Chi cười đáp. - Đừng ăn pizza, khô lắm, trời nóng thế này nuốt không nổi đâu.

Sau một hồi nghiên cứu thực đơn, Lan Chi gợi ý Kiên lấy món Insalata di Mare làm khai vị và Scaloppina alla Milanese làm món chính.

- Món khai vị này là một thứ salat có trộn tôm, sò huyết, nếu anh vẫn thích ăn đồ hải sản như xưa thì ăn cái này hợp đấy. Còn món chính là một loại thịt bê, làm theo kiểu Milano, theo em thì cũng được, - cô nói.

- Em sống ở Pháp mà sao cũng thạo món ăn Ý thế? – Kiên hỏi, vẻ hơi ngạc nhiên.

- Thao gì đâu. Chẳng qua là vì em đã có dịp sang Ý chơi một tuần. Một tuần toàn đi ăn hiệu, toàn ăn đồ Ý, nên cuối cùng cũng phải nhớ lõm bõm được vài thứ chứ.

- Em đã đi Ý rồi à? Nước Ý đẹp lắm phải không?

- Vâng... - giọng Lan Chi đột nhiên trở nên gượng gạo. Kỷ niệm về chuyến du lịch tuần trăng mật bỗng hiện ra rõ mồn một trong đầu cô. Bất chợt, cô nghĩ đến chồng và bèn chồn tự hỏi chẳng hiểu tối nay anh có gọi điện thoại đến nhà Duy không. Để gạt khỏi đầu ý nghĩ đó, cô bèn đột ngột đổi đề tài.

- Lâu nay anh có gặp Quân không? - cô hỏi.

- À, Quân hả? Có đấy, anh mới gặp nó hồi Tết vừa rồi xong, - Kiên cười, mắt chợt lấp lánh những tia tinh nghịch. - Cậu ta bây giờ đạo mạo lắm, không còn tỏ như hồi trước nữa đâu. Giáo sư đại học ở Mỹ, vợ khôn con đẹp, nói chung là yên ấm mọi bề...

Việc Quân kiếm được “vợ khôn”, theo Kiên, hoàn toàn chẳng phải do anh chàng đã tiến bộ hơn trước, ứng dụng được nhuần nhuyễn lý thuyết “tán gái” vào thực hành, mà chỉ nhờ một phương pháp hết sức cổ điển là phương pháp mối lái. Chuyện này thoạt nghe có vẻ hơi lạ,

vì Quân thời trai trẻ vốn là người có tâm hồn lãng mạn, luôn luôn theo chủ trương “tình yêu là sự gặp gỡ tình cờ của hai trái tim có chung nhịp đập”. Thế nhưng, sau khi nhận bằng tiến sĩ rồi lại chu du châu Âu mất một vòng ba nước và bốn năm (hai năm post- doc ở Đức ngay sau khi bảo vệ xong luận án tiến sĩ, một năm visiting tại một viện khoa học ở Italia, một năm “giáo sư mời” tại một trường đại học của Bỉ), con tim cô đơn của Quân mãi chẳng tình cờ gặp được con tim đồng điệu nào thì anh bắt đầu hơi nao núng. Bố mẹ của Quân còn nao núng hơn khi thấy cậu con trai đã đến tuổi “băm” rồi mà mãi vẫn cứ lông bông, cho nên bèn để ý tìm sẵn cho anh vài đám ở Hà Nội.

Hết thời hạn làm việc ở Bỉ, Quân có ngay một suất sang làm việc ở Mỹ. Anh về Hà Nội nghỉ trong thời kỳ chuyển giai đoạn này thì được bố mẹ thông báo rằng việc tìm kiếm của các cụ đã đạt kết quả hết sức mỹ mãn, hiện đã có một danh sách vài đám để Quân lựa chọn. Quân chỉ có việc khảo sát đại thể “sơ yếu lý lịch” của các ứng cử viên (ngành nghề, tuổi tác, cân nặng, chiều cao...) rồi thấy đám nào phù hợp thì gia đình sẽ xúc tiến tổ chức ngay một cuộc gặp gỡ “tình cờ” để hai trẻ làm quen với nhau. Mới nghe nói vậy, tất nhiên phản ứng đầu tiên của Quân là giãy nảy lên như đĩa phải vôi. Anh hùng hồn giải thích cho hai bậc thân sinh rằng ở cái thời đại Internet này mà lại còn tính chuyện hôn nhân bằng cách mới lái thì thật là hết sức sai, hết sức đáng cười. Nhưng sau khi mẹ anh thề thốt phân tích một hồi, chỉ ra cái lợi của việc được bố mẹ chọn sẵn đối tượng cho, ca tụng ưu điểm của các ứng cử viên đã lọt vào trong danh sách tuyển lựa, rồi lại nói nửa đùa nửa thách đố kiểu “có giỏi thì tự tìm lấy xem, có tìm được không?”, cuối cùng Quân đành lầu bầu một cách đáng yêu rằng “thôi thì bố mẹ đặt đâu con ngồi đấy vậy, nhưng nhớ đặt con vào chỗ nào xinh xinh, hiền hiền một tí”.

Cứ như lời Quân tâm sự với Kiên thì lúc đầu anh gật bừa như thế chỉ cốt để yên thân, khỏi nghe mẹ nói ra nói vào thôi, chứ cũng chẳng hy vọng gì cả. Ai ngờ đến khi gặp đối tượng thì thấy hóa ra cũng được quá. Lễ cưới được tổ chức ngay tắp lự (sau buổi gặp gỡ đầu tiên ngót nghét có một tháng), để kịp cho cô dâu còn theo chú rể đi Mỹ. Giữa mùa hè, trời nóng như đổ lửa, dân Hà Nội chẳng có ai đại gì mà cưới, cho nên đám cưới của Quân cũng được coi là một hiện tượng đáng nhớ trong năm của thủ đô lúc bấy giờ. Nhiều kẻ đa nghi không rõ chuyện cứ đặt nghi vấn “có việc gì mà phải cưới chạy?”, nhưng nhìn cô dâu chú rể mặt mũi tươi hơn hẳn cả hai, dù mồ hôi chảy tong tong làm phấn son trên mặt cô dâu có phần nhòe nhoẹt, thì

mọi người đều phải thừa nhận rằng đây là một cuộc hôn nhân hạnh phúc.

Sau lễ cưới mười ngày thì xảy ra một sự cố mà lúc kể lại cho Kiên nghe Quân vẫn còn kinh hoàng, cứ xuýt xoa mãi rằng may mà vợ mình độ lượng chứ nếu không chắc đã nhà tan cửa nát. Ấy là việc có kẻ rồi hơi xấu miệng nào không biết tự nhiên lại đưa đến tai vợ Quân câu chuyện về mối tình si ngày xưa của anh ở Matxcova. Vợ Quân lập tức về nhà nghiêm khắc lời chồng ra tra khảo. Quân sợ quá, thề sống thề chết rằng “trái tim anh chỉ đập rộn ràng từ khi gặp em, còn cái cô kia thì... (nói đến đây anh bèn cười khẩy một cái), nói thật với em, quan hệ của anh với cô ta hoàn toàn chỉ dựa trên cơ sở tình bạn, lịch sự với nhau mà thôi. Phải, chính là vì lịch sự mà anh rủ cô ta đi xem phim, cũng là vì lịch sự mà đôi khi anh đi chơi với cô ta trong những lúc rảnh rỗi. Những kẻ phao tin lăng nhăng là chỉ nhìn hiện tượng bề mặt mà không có hiểu biết thực chất gì hết cả...”

Lý lẽ của Quân kể ra cũng không có sức thuyết phục cho lắm, nhưng được cái là thái độ của anh lại hết sức thành khẩn, chẳng những anh đã năm lần bảy lượt đập đầu tuyên thệ nói đúng sự thật, mà còn có một lần (trong lúc tuyệt vọng) anh đi đến chỗ toan đem nước mắt ra để chứng tỏ với vợ tấm lòng thành của mình. Vì vậy cuối cùng vợ độ lượng của Quân cũng thương tình mà thể tất tha cho, không chì chiết thêm nhiều nữa. Chỉ có sau này, mỗi lần anh chàng sơ ý nói hay làm điều gì không hợp ý vợ thì cô mới tức giận lôi chuyện tình xưa nghĩa cũ của anh ra đay nghiến.

Theo Kiên, vợ Quân tuy về mặt nhan sắc thì không được bằng Thanh Hoa, nhưng lại có ưu điểm lớn là rất khéo dạy chồng. Thành thử, ngoài chuyện làm toán là cô nàng không biết gì nên không tham gia ý kiến thôi, chứ còn trong mọi lĩnh vực khác thì anh chàng nhất cử nhất động đều tự nguyện thỉnh ý vợ. Đặc biệt là sau khi cậu quý tử giống bố như đúc ra đời thì Quân lại càng “nhất vợ nhì trời”, anh phần khởi gửi ngay e-mail báo tin mừng đến bạn bè khắp nơi, ghi rõ rằng ngày này tháng nọ giờ ấy vợ hiền của tôi đã sinh hạ một bé trai chiều dài... cân nặng... (việc Quân sử dụng một cách có chủ ý tính từ “hiền” kèm theo danh từ “vợ” đã khiến cho bạn bè xì xào rằng đây là một nỗ lực của anh nhằm đập tan cái tin đồn vô căn cứ là Quân sợ vợ). Thiên hạ nói gì mặc họ, không ai có thể phủ nhận được một thực tế rành rành là Quân rất thỏa mãn về chuyện vợ con của mình. Bằng chứng là anh đã trở nên tự tin đến mức nói năng cứ như là chuyên gia trong lĩnh vực hôn nhân - gia đình, đi rao rằng kinh nghiệm kiếm vợ cho khá nhiều đồng đội hãy còn phòng không nhà

trống. Kinh nghiệm của Quân chỉ thu gọn trong một câu giản dị là “chớ nên coi thường sự giúp đỡ của các bậc phụ huynh”, nhưng vì nó đi kèm một thí dụ minh họa sinh động là tấm gương gia đình hạnh phúc của Quân, thành ra ai cũng phải công nhận là có sức thuyết phục lớn.

Lan Chi cười chảy cả nước mắt khi nghe Kiên kể chuyện về Quân. Câu chuyện về người bạn chung tự nhiên làm cho họ xích gần hẳn lại với quá khứ. Sự xa cách, gượng gạo ban đầu trong chốc lát dường như vụt biến đi, Kiên nhìn Lan Chi và buột miệng nói lên cái ý nghĩ cứ luẩn quẩn trong đầu anh từ nãy:

- Em hầu như không thay đổi. Không thể hình dung được rằng đã hơn mười năm rồi, và em thì đã có ba con... Em có ba con rồi, phải không?

- Vâng. Hai cậu con trai nghịch như quỷ sứ và một bé gái đáng để hơn mẹ nhiều, - Lan Chi mỉm cười đáp.

- Anh vẫn biết em yêu trẻ con lắm, nhưng ba con thì cũng dững cảm đấy nhỉ, - Kiên nói với một nụ cười quen thuộc đến nỗi đột nhiên Lan Chi cảm thấy nhói trong tim.

- Tại vì lần thứ hai em sinh được hai bé sinh đôi. Trời cho thì được vậy thôi chứ có dững cảm gì đâu, - cô đáp.

- Chồng em làm ngành gì vậy? - Kiên lại hỏi.

- Anh ấy là bác sĩ.

- Còn em? Em có làm ngành tâm lý nữa không?

- Em bỏ ngành rồi. Em không thể kiếm được việc làm đúng ngành này ở cùng thành phố với ông xã em. Em lại có ba đứa con, sức thì yếu, không thể sống theo kiểu chồng một nơi, vợ một nơi được.

Đành phải chọn giữa công việc và gia đình thôi. Đàn bà, có mấy ai dám coi gia đình nhẹ hơn sự nghiệp đâu.

- Kể cũng tiếc nhỉ... - Kiên tư lự nói.

Một nét buồn bỗng hiện lên làm gương mặt Kiên tối lại. Mắt anh thoáng vẻ thẫn thờ xa xôi đến nỗi Lan Chi tự hỏi không hiểu anh chỉ nói tiếc việc cô bỏ ngành hay còn ám chỉ đến một chuyện gì khác nữa?

- Còn anh thì sao? Nghe nói công việc của anh ở Hà Nội thuận lợi lắm phải không? - Lan Chi hỏi.

- Ừ, cũng tạm được. Nói chung bây giờ ở nhà làm ăn dễ hơn trước nhiều Lan Chi ạ, - Kiên nói.

- Em nghe nói công ty của anh làm ăn phát đạt, cuộc sống gia đình anh dễ chịu lắm, phải không? Em thực sự mừng cho anh.

- Chúng mình có lẽ sinh nhầm thời, Lan Chi ạ, - Kiên nói, mắt vẫn

nhìn xa xôi. - Nếu như hơn chục năm trước mà tình hình ở trong nước đã được như bây giờ thì chắc anh chẳng phải đi Ba Lan đánh quả làm gì. Cả em nữa, có khi em cũng chẳng sang Pháp, đúng không? Cuộc đời chúng mình lẽ ra đã có thể khác hẳn rồi.

- Anh biết tin em sang Pháp từ lúc nào? Khi ở Ba Lan hay mãi đến lúc về Hà Nội? - do dự một lát, cô khẽ hỏi.

- Đến lúc về Hà Nội anh mới biết. Khi ngồi trên máy bay từ Ba Lan về nước, anh cứ sợ thất cả tim, chỉ lo về đến nhà thì em sẽ không thềm nhìn mặt anh nữa, rồi lo không biết em sẽ nói gì. Lúc ấy, anh không thể ngờ rằng mười năm sau anh mới được gặp lại em, mà lại là gặp ở nước Đức này.

- Trước khi đi Pháp, em có đến chào bố mẹ anh. Em cứ nghĩ là các cụ sẽ báo cho anh biết chuyện ấy.

- Hồi ấy, thỉnh thoảng mẹ anh vẫn viết thư sang Ba Lan cho anh, nhưng cụ giấu biệt chuyện này đi. Chắc cụ sợ anh biết thì sẽ không chịu về nước nữa. Mãi tận khi anh đã ở Hà Nội rồi, đang chuẩn bị đến nhà em thì mẹ anh mới nói. Mẹ anh bảo khi em đến chào bố mẹ anh, em khóc.

- Tính em thì bao giờ chẳng vậy, anh còn lạ gì, - Lan Chi mỉm cười, cúi xuống để giấu giọt nước mắt đang trào ra. - Đến bây giờ, già rồi mà em vẫn chẳng sửa được cái tật mau nước mắt ấy.

Cả hai ngồi lặng đi một lúc. Bao nhiêu câu hỏi dội lên dồn dập trong đầu Lan Chi: "Tại sao hồi ấy anh không viết thư cho em? Tại sao anh không trả lời những lá thư cuối cùng mà em gửi sang Matxcova?"

Anh có nhận được những lá thư ấy không? Anh có nhận được bức điện em gửi sang Ba Lan không?...". Cô muốn cất tiếng hỏi, nhưng cảm thấy không sao thốt nổi nên lời. Vài phút yên lặng trôi qua, rồi Lan Chi chợt hiểu rằng những câu hỏi vẫn day dứt lòng mình trong bao nhiêu năm ấy giờ đây đã trở thành lạc lõng, nó đã bị lỗ mất hơn chục năm rồi. Biết câu trả lời bây giờ thì cũng còn có ích gì nữa đâu? Có thay đổi được gì đâu?

- Anh có một con trai rồi phải không? - cô hỏi.

- Ừ, thằng nhóc năm nay bốn tuổi rồi, - Kiên đáp, một nụ cười thoáng qua trên gương mặt.

- Vợ anh có cùng ngành kiến trúc với anh không?

- Không. Cô ấy học tiếng Anh, làm cho một công ty xuất nhập khẩu.

Lan Chi chăm chú quan sát Kiên khi anh nói về vợ, nhưng cô không thể đoán ra được điều gì qua vẻ mặt và giọng nói bình thản của anh.

Cô rất muốn hỏi: "Anh có hạnh phúc không?", nhưng sau một lúc ngần ngại, không hiểu sao cô lại bật ra một câu hỏi khác:

- Nhà anh có còn ở chỗ cũ không?
- Bố mẹ anh thì vẫn ở đấy, nhưng anh thì mua đất xây nhà ở chỗ khác rồi.
- Nghe nói anh có cái nhà vĩ đại lắm thì phải? - Lan Chi cười hỏi.
- Vĩ đại là so với mơ ước của mình ngày xưa thôi, chứ so với thiên hạ bây giờ thì ăn thua gì, - Kiên cũng cười theo. - Hà Nội bây giờ xây dựng khiếp lắm. Sao em không về Hà Nội chơi đi? Bao nhiêu năm rồi, sao em chẳng về Hà Nội?
- Bố em mất rồi, anh cũng biết đấy.
- Ừ, dạo đó anh đang công tác ở Sài Gòn, lúc ra anh có đến nhà em nhưng em trở lại Pháp mất rồi.
- Duy có nói lại cho em như vậy.
- Nhưng ở Hà Nội em vẫn còn bà cô ruột, đúng không? Rồi còn bao nhiêu bạn bè nữa, mọi người vẫn nhớ đến em. Thịnh thoảng bạn cũ gặp nhau vẫn hỏi sao lâu lắm không thấy Lan Chi về Hà Nội.
- Sau khi bố em mất, em buồn quá, mãi không có lòng dạ nào nghĩ đến chuyện trở về. Rồi em lại sinh thêm hai bé sinh đôi, ba đứa con cũng vướng bận lắm, thành ra cứ trì hoãn mãi chuyện về thăm quê, cứ bảo đợi một thời gian nữa để lũ trẻ lớn thêm thì đi lại đỡ vất vả hơn. Tết năm ngoái em đã có ý định về, nhưng bà cô của em dịp đó lại vào Vũng Tàu nuôi con gái đẻ, nấn ná trong đó đến hơn nửa năm, thành ra em cũng chẳng về nữa. Có lẽ Tết năm nay hay năm sau cũng phải nghĩ đến chuyện về thăm Hà Nội thật, cô em đã già yếu rồi, em cũng sốt ruột lắm.
- Về ngay Tết năm nay đi Lan Chi, - giọng Kiên bỗng sôi nổi hẳn lên.
- Anh vẫn nợ em một thứ ở Hà Nội đấy. Em có nhớ dạo ở Matxcova, đôi khi em cứ kêu thèm ăn bánh tôm Hồ Tây quá, và anh đã hứa với em là lúc nào chúng mình về Hà Nội, anh sẽ đưa em lên Hồ Tây, khao một chậu bánh tôm cho em ăn phát chán thì thôi. Bao nhiêu năm nay, mỗi lần đi qua Hồ Tây là anh lại nhớ đến lời hứa đó.
- Anh lại làm em phát thèm lên rồi, - Lan Chi cười. - Thế này thì Tết năm nay phải cố về Hà Nội thật. Ít nhất là để được ăn bánh tôm Hồ Tây không mất tiền.
- Khi nào chuẩn bị về thì gọi điện báo cho anh nhé, - Kiên vừa hăng hái nói vừa lấy tay sục sạo hết túi áo này đến túi quần nọ tìm kiếm một hồi, cuối cùng anh lôi ra được một tấm danh thiếp đã hơi bị quăn mép, đưa cho Lan Chi và nói một cách hớn hờ:
- May quá, hóa ra vẫn có một cái các đây. Địa chỉ và số điện thoại của anh có đầy đủ trong này. Có gì cứ gọi điện báo cho anh biết. Anh sẽ ra sân bay đón em... à, tức là đón gia đình em. Chắc ông xã với lũ

nhóc cũng sẽ về cùng em chứ?

- Bọn trẻ con nhà em thì em đi đâu cũng phải vác chúng nó đi theo, còn chồng em thì chưa biết thế nào. Hy vọng là anh ấy thu xếp về cùng em được. – Lan Chi chợt cười tủm tỉm. - Nhưng gọi điện bắt anh đi đón thế có phiền gì không? Bà xã anh có “độ lượng” như vợ Quân không?

- Sao em lại nói đến chuyện “phiền” ở đây được nhỉ? Còn bà xã thì có liên quan gì đến việc này mà phải can thiệp, - Kiên cũng cười.

- Nói thật đi, anh đã bao giờ phải đập đầu thề thốt “tình bạn, lịch sự” như Quân chưa nào? - Lan Chi vẫn chưa chịu tha.

- Quân khác, anh khác, em cứ nhìn Quân để suy ra anh thì không đúng đâu, - Kiên mỉm cười, đáp. Rồi, có vẻ như muốn lẩn tránh vấn đề tế nhị ấy, anh bèn trở lại với đề tài tha thiết của mình: - Nhất định Tết này em sẽ về Hà Nội nhé. Anh sẽ đợi em. Anh coi như là em đã hứa với anh rồi đấy.

Tìm trong nỗi nhớ

Chương 13

Tôi đã hứa với K. Tết này sẽ về thăm Hà Nội.

Đó là điều duy nhất mà anh yêu cầu tôi trong cuộc gặp gỡ của chúng tôi ở Berlin, một cuộc gặp lại sau mười hai năm đường chia đôi ngả kể từ buổi giã từ trên sân bay Seremetievo. Cuộc đời sao thật trở trêu: hơn chục năm trước đây, tôi không còn mong muốn gì hơn là được đón K. về Hà Nội. Giờ đây, đến lượt anh nói sẽ đợi tôi về. Nhưng là chỉ về thăm ít ngày để rồi lại ra đi.

Đó là điều duy nhất mà tôi có thể hứa được với anh trong cuộc gặp gỡ này. Tất cả những nỗi day dứt, ân hận trĩu nặng lòng tôi suốt mười hai năm trời, tôi muốn nói ra với anh cho nhẹ lòng nhưng không hiểu sao chẳng thể nào nói nổi. Bao nhiêu câu hỏi ám ảnh vậy là sẽ mãi mãi ám ảnh trong đầu tôi. Tất cả những điều phỏng đoán sẽ mãi mãi chỉ là phỏng đoán. Cuộc hội ngộ của chúng tôi trên thực tế đã không diễn ra như tôi vẫn hình dung.

Tôi không dám hỏi K. xem anh có hạnh phúc không, anh rất ít lời khi nói về cuộc sống hiện tại của mình, nhưng giọng nói và ánh mắt của anh đôi khi gieo vào lòng tôi một cảm giác mơ hồ rằng hình như anh không hạnh phúc như trước đây tôi vẫn tưởng. Nỗi ngờ vực này đã

trở thành một niềm day dứt mới của tôi, nó làm tăng thêm mặc cảm có lỗi trong tôi sau khi nghe anh nói rằng mười năm trước đây, lúc từ Ba Lan trở về Hà Nội, anh không ngờ rằng tôi đã bỏ đi. Anh về với hy vọng tìm lại tôi, nhưng hóa ra đã trở về quá muộn.

Cuộc trở về của tôi lần này cũng là quá muộn. Chín năm, thành phố của tôi chắc chắn đã thay đổi nhiều kể từ ngày tôi về Hà Nội chịu tang bố rồi mang tâm trạng hờn giận ra đi. Năm tháng trôi qua, nỗi giận hờn tan lẫn vào thời gian như một tiếng thở dài không lưu dấu vết. Còn đọng lại là nỗi nhớ, lúc thoáng qua, lúc da diết, lúc hiển hiện rõ nét, lúc mơ hồ chập chờn.

Nỗi nhớ là một hạnh phúc và một cực hình không sao dứt bỏ được của cuộc sống tha hương. Thời gian là một đồng minh và một kẻ thù luôn luôn cặp kè bám theo nỗi nhớ. Với thời gian, nỗi nhớ trở thành thấm thía hơn trong máu thịt và mờ nhạt hơn trong hình ảnh. Đôi lúc, nó là một cảm giác nhức nhối không tên gọi, không đường nét. Cũng có khi, trái lại, nó hiện ra có tên có hình cụ thể nhưng kèm theo một dư vị bẽ bàng: tôi thấy mình nhớ hương hoa sữa đường Nguyễn Du, Tháp Rùa in bóng nước, dáng cong của cầu Thê Húc, liễu rủ chiều Hồ Tây... và bàng hoàng chợt hiểu rằng nỗi nhớ của tôi đã nhạt nhòa đến mức phải chui vào một cái vỏ vay mượn để tồn tại, nó đã mong manh đến độ phải hóa thân vào những công thức khuôn mẫu trong sách vở, nó không còn là nỗi nhớ của riêng tôi.

Vậy là không tránh khỏi một cuộc phiêu lưu nhọc nhằn, lo âu, đôi lúc hoang mang và thậm chí gần như tuyệt vọng, nhưng bao giờ cũng tràn đầy thôi thúc: một cuộc lục tìm trong nỗi nhớ.

Chỗ bắt đầu hẳn là phải ở đây: một ngõ cụt trong một khu phố vắng, mặt đường giống như mảnh áo vá với những mụn vải đậm nhạt khác nhau: dấu tích của nhiều lần đào lên lấp lại mà mục tiêu nhằm tới lần nào cũng chỉ là cái đường ống dẫn nước - hạnh phúc và nỗi khổ của người Hà Nội lúc hè về. Cái ngõ nhỏ này là thế giới riêng biệt của tuổi thơ tôi, những kỳ nghỉ hè của tôi, bãi biển và đỉnh núi của tôi, nơi tụ tập của lũ trẻ lau nhau vừa mới thoát khỏi bom đạn chiến tranh, chẳng có gì chơi nên lại hồn nhiên say sưa chơi trò “chiến tranh bùng nổ”. Đầu ngõ có một cây bàng mà ấn tượng còn lại trong nỗi nhớ của tôi không phải là “mùa đông lá đỏ, mùa hạ lá xanh”, mà là những con sâu róm thường xuyên từ các tán lá rơi xuống đất: nỗi sợ của lũ con gái và vũ khí của bọn con trai (lơ mơ là các cậu lại túm một con dứ vào người để dọa thì đành chịu thua, hết cả đành hanh, đành đá).

Cuối ngõ có hai cây phượng vĩ mà những cánh hoa đỏ thắm của nó hè nào cũng được nhặt lên kết lại thành vòng để trang điểm cho tất

cả các cô bé trong ngõ, lúc giả làm công chúa, lúc trong vai cô dâu. Một cây phượng sẽ bị chặt đi để lấy chỗ xây nhà năm tôi học cuối cấp hai, cây còn lại cùng chung số phận sau vài năm nữa. Ngày tôi rời Hà Nội đi Nga học, hình ảnh mang theo là hai gốc cây còn trơ lại trên mặt đất. Khi tôi từ Nga trở về, hai gốc cây cũng không còn. Chỉ còn lại sắc lá xanh, màu hoa đỏ và tiếng ve ngân trong nỗi nhớ của tôi.

Chỗ nhiều kỷ niệm nhất hẳn phải là phố Lý Thường Kiệt, đoạn đường đã chứng kiến tôi từ một cô bé vô tư áo còn vấy mực lớn bông lên thành một thiếu nữ điệu dàng, buổi tan trường bao giờ cũng có một hai ánh mắt vụng trộm bám theo. Sáu năm đi học, hai ngôi trường - trường cấp hai ở đoạn dưới, trường cấp ba ở đoạn trên, vậy mà nỗi nhớ của tôi ở đây không sao có nổi một khuôn hình rõ nét. Chỉ thấy vang vọng mơ hồ tiếng tàu điện leng keng chỗ cắt ngang phố Hàng Bài, nhập nhòa những mảng tường khắc khổ của ngôi trường mang dáng hình tu viện góc phố giáp Quang Trung, thấp thoáng một gánh táo rong phía gần đường Bà Triệu... Những điểm tựa quá mong lung cho một nỗi nhớ quá nặng nề.

Chỗ kết thúc là một khoảng mập mờ, phân vân, không cố định. Có thể đó là con đường dẫn ra sân bay, những phố ngoại ô chen chúc và nhem nhuốc. Có thể đó là Hồ Tây, một buổi ngồi trong “Quán Gió” cùng K., một ước mơ không bao giờ được hóa thành kỷ niệm, một vết đau luôn luôn hiện diện mỗi khi nỗi nhớ ập về.

Dù biết là đã quá muộn để thực hiện ước mơ xưa, tôi vẫn hứa với anh, tôi vẫn hứa với mình, Tết này tôi sẽ về thăm Hà Nội.

Tìm trong nỗi nhớ

Chương Kết

Dự định về Hà Nội chơi vào dịp Tết của Lan Chi hóa ra không thể thực hiện được. Tết âm lịch năm nay không trùng vào kỳ nghỉ nào ở Pháp, đã thế Julie lại còn đang rập rình chuẩn bị nghỉ để. Chủ cửa hàng lo kiếm người bán hàng thay Julie đã khó nên không muốn cho Lan Chi nghỉ phép mấy tuần liền vào dịp đó.

Sau khi Lan Chi bàn đi tính lại với Trung, cuối cùng hai vợ chồng bèn quyết định sẽ tận dụng kỳ nghỉ Noel để về nước. Lan Chi hơi thất vọng: đã mười một năm rồi cô không được ăn Tết ở Việt Nam. Từ

mấy tháng nay, cô đã khắp khởi mừng thầm khi nghĩ đến chuyện sẽ được “hắt hủi” bánh chưng bọc giấy nylon một năm để về đấm mình trong không khí Tết rất đặc biệt, rất thân thương của Hà Nội. Lập tức nghĩ ngay đến những món ngon sẽ được ăn vào dịp Tết và thấy thèm thuồng luôn cả những “miếng ngon Hà Nội” khác, những “miếng ngon” quanh năm chứ không phải chỉ vào dịp Tết mà thôi. Lan Chi phải tự thừa nhận rằng nỗi nhớ quê hương của mình có tính ẩm thực hơi cao: bao giờ cũng vậy, cứ nghĩ đến chuyện về thăm quê là trong đầu cô lại hiện lên ngay một danh sách dài những món nhất thiết phải ăn cho bổ. Các loại phở, các loại bún, các loại xôi, rồi miến lươn, chả cá, bánh cuốn, ốc luộc, rồi cá rô phi nấu canh rau cải, cà pháo, cải cúc, rau ngót, rau cần..., món ngoài hàng, món gia đình, món ngồi trong tiệm, món lê la với chiếc ghế đầu trên hè phố, tất cả, không phân biệt đẳng cấp, chen nhau đổ xô vào những dự tính của Lan Chi một cách lộn xộn và đầy háo hức.

Thực ra, gần như hầu hết các món ăn này Lan Chi đều có thể ăn hoặc mua trong các nhà hàng và các khu chợ châu Á ở Pháp, nhưng với món nào cũng vậy, sau khi thử một vài lần, bao giờ cô cũng có cảm giác như bị đánh lừa, luôn luôn thấy một cái gì đó thiếu thiếu, một cái gì đó không giống, và đành tự nhủ: “Thôi, đợi đến khi nào về Hà Nội...”

“Đợi đến khi nào về Hà Nội...” đã trở thành điệp khúc láy đi láy lại trong đầu Lan Chi đến gần một chục năm nay. Đã phải trì hoãn một lần vào dịp Tết năm trước do bà cô vào Vũng Tàu chăm con gái đẻ, và nhất là giờ đây lại có lời hẹn hò với Kiên (mà cô thấy là hoàn toàn không cần thiết phải tiết lộ với chồng), Lan Chi dứt khoát không muốn đẩy lùi chuyến về thăm quê thêm một thời gian nữa. Đối với Trung, sau nhiều năm liên tục trực bệnh viện vào kỳ nghỉ Noel, xin nghỉ phép vào dịp này năm nay là một vấn đề không có gì trắc trở. Thôi thì cả nhà kéo nhau đi trốn gà tây rôti một năm, cũng hay! Vấn đề “về Hà Nội trước hay về Sài Gòn trước” thoạt đầu có gây ra một bất đồng nho nhỏ, nhưng rồi cũng được giải quyết ổn thỏa một cách khá nhanh chóng nhờ tinh thần “kính vợ sống lâu” của Trung. Trước hay sau thì cũng chỉ ít ngày, đã chờ được hàng chục năm rồi thì đợi thêm vài ngày nữa cũng có sao, tội gì tổn hại thần kinh để tranh hơn với vợ. Gì chứ kinh nghiệm về “gái Hà Nội” thì Trung có thừa: từ lâu anh đã rút ra được bài học quý báu rằng khôn ngoan nhất là đầu hàng ngay ở giai đoạn “dịu dàng quá dịu dàng không chịu nổi”, chứ lại cứ tưởng mình có lý mà dám cầm cự lâu hơn thì sẽ được biết thế nào là “nhức đầu quá, nhức đầu không chịu thấu”.

Vậy là kế hoạch đã được nhất trí thông qua: đầu tiên cả nhà sẽ đi máy bay từ Paris về Hà Nội, ở lại chơi quãng mười ngày tại đó rồi sẽ vào Sài Gòn. Lan Chi chợt bắt gặp mình có một thoáng lo âu khi nghĩ đến cuộc hội ngộ (chắc là không tránh khỏi) của Trung với người yêu cũ. Nhưng cô kiên quyết gạt phắt cái “tư tưởng lệch lạc” đó ra khỏi đầu bằng cách hướng những suy tư của mình vào niềm vui được trở về quê hương, được gặp lại những người thân thiết. Tránh vỏ dừa gặp vỏ dừa, một ý nghĩ khác cũng không được lành mạnh cho lắm bèn lập tức nảy sinh: Lan Chi cảm thấy hơi bị hẫng khi hình dung cuộc gặp gỡ sắp tới với Kiên ở Hà Nội sẽ không chỉ là “mặt đối mặt” như hồi ở Berlin, mà sẽ diễn ra trong niềm vui gượng gạo và hẳn là có nhiều phần khách khí, với vợ Kiên bên cạnh anh, và Trung bên cạnh cô. “Thế là phải rồi. Mình còn đợi chờ gì nữa?”, cô tự nhủ, thấy khó chịu với chính mình.

Tháng mười một trôi qua trong nhịp điệu dồn dập của những cú điện thoại gọi đi khắp nơi để hỏi kinh nghiệm mua quà về nước. Càng lắm ý kiến cổ vấn thì lại càng hoang mang. Quân sư này vừa khuyên mua một mặt hàng thì quân sư khác lại gạt phắt đi: “Mua làm gì thứ ấy, trong nước nhiều ê hề, bán đầy đường đầy chợ mà lại rẻ”. Ngay xưa đi tây mang về thứ gì cũng quý, bây giờ lại chỉ sợ mua nhầm phải loại quà quá tầm thường thì thành ra vô duyên. Lâu lắm rồi không về nước, Lan Chi không ngờ hóa ra cái sự chọn mua quà lại đau đầu nát óc đến thế này.

Đầu tháng mười hai, Lan Chi bắt đầu vác vali ra để thử xếp vào một lô hàng tạp hóa: đồ mỹ phẩm cho bạn gái, rượu cho giới đàn ông, quần áo đồ chơi cho trẻ con, sôcôla cho các đối tượng không phân biệt tuổi tác và giới tính..., lèn hết sức khéo thì cũng đã gần đầy một vali. Ngắm nghía kho hàng của mình, cô mỉm cười vì bất giác nhớ lại cái vali của ngày lên đường đi học ở Nga. Đang hài lòng vì việc chuẩn bị quà cáp như vậy là đã tạm ổn thì đột nhiên Hạnh gọi điện từ Paris xuống hốt hoảng báo tin vừa phải đưa mẹ vào bệnh viện cấp cứu. Trung hốt hải đi máy bay ngay lên Paris. Vài ngày sau, anh trở về, rầu rĩ bảo vợ rằng có lẽ dịp Noel này anh không thể đi đâu chơi xa được, chuyển về nước chắc đành phải hoãn lại thôi. Mẹ Trung bị chảy máu dạ dày, cơn nguy kịch qua rồi nhưng tuổi đã cao, sức vốn yếu, lại mất máu nhiều nên cụ hầy còn mệt lắm, chắc sẽ phải nằm viện lâu để theo dõi biến chứng. Tình hình như vậy thì làm sao Trung dám rời khỏi Pháp lúc này, để một mình Hạnh với mẹ được. Nhìn vẻ mặt tràn trề thất vọng của Lan Chi, Trung vội bảo ngay rằng anh thấy cô không cần thiết phải hủy chuyến đi này: một mình anh ở lại đây là

đã đủ, vé máy bay đã đặt, quà cáp đã mua, lại có bà cô già yếu đang chờ đợi ở nhà, Lan Chi cứ mang lũ trẻ về Hà Nội chơi ít ngày, còn anh thì đành lui lại đến một dịp khác vậy.

Không có chồng đi cùng, niềm vui về thăm quê của Lan Chi giảm đi đến một nửa. Từ trước đến nay, khi nghĩ về chuyến đi này, bao giờ cô cũng hình dung có Trung bên cạnh. Ước muốn giới thiệu Trung với họ hàng bạn bè và khoe Hà Nội của mình với chồng vậy là tan thành mây khói. Tuy vậy, Lan Chi hiểu rằng cô không thể trì hoãn chuyến đi này được nữa. Bà cô ruột của Lan Chi năm nay đột nhiên yếu đi nhiều, tuổi già mong manh, nếu cô cứ lần chần mãi không về thăm thì có khi sẽ không còn kịp gặp. Và lại còn lời hứa với Kiên...

Máy bay về đến Nội Bài vào quãng tám giờ sáng. Lấy đồ đạc xong, Lan Chi hì hụi đi ra cửa với chiếc xe đẩy ị ạch, đã nặng vì hai cái vali to đùng lại còn có thêm Việt Anh và Lan Anh - mặt mũi bơ phờ sau chuyến bay dài - ngồi chễm trệ phía trên. Cu Nam leo đẹo đi bên cạnh mẹ, hỏi một cách sốt ruột: “Đây là Hà Nội hả mẹ?” “Đây là sân bay Nội Bài. Chúng mình còn phải đi ô tô thêm một đoạn nữa thì mới về đến Hà Nội”, Lan Chi đáp.

Ra khỏi cửa kiểm tra của hải quan, Lan Chi nghe thấy có tiếng gọi tên mình. Ngơ ngác một lúc cô mới nhìn ra Vũ, cậu em họ con bà cô, đang vẫy tay rồi rít phía sau hàng rào sắt. “Trông chị chả khác tí nào, em nhận ra ngay lập tức”, Vũ vừa đỡ vali cho Lan Chi vừa nói.

Hà Nội thì khác đi nhiều. Ngồi trên taxi dọc đường từ sân bay về nhà bà cô, Lan Chi ngơ ngàng nhìn khung cảnh hai bên đường nửa quen nửa lạ. Nhà mới xây mọc khắp nơi, nhất là ở những chỗ ngày xưa là đồng không mông quạnh, rất nhiều kiểu lạ mắt, nhưng Lan Chi không ngạc nhiên lắm vì đã được nghe nói từ trước khá nhiều rồi. Đôi khi, gặp một kiểu nhà kỳ quái, cô mỉm cười tự hỏi không biết đây có phải là sản phẩm của trí tưởng tượng “siêu thực” của Kiên không, rồi lại tự gạt phắt đi ngay: “Kiên “siêu thực” thì có, nhưng không đời nào lại kịch cỡm thế này.”

Cảm giác lạ lẫm nhất không phải là nhà mà là người. Chẳng hiểu người ở đâu đổ ra mà đông như kiến thế không biết? Ở Pháp, rất ít khi Lan Chi nhìn thấy người đi ngoài đường đông nghìn nghịt đến mức độ này. Cô có cảm tưởng như cả Hà Nội ồ ạt kéo nhau xuống đường biểu diễn xe máy. Ngày cô ra đi, hình như thành phố chưa chen chúc toàn người là người như vậy. Ít nhất, khung cảnh rất ấn tượng này đã không hề được lưu giữ trong ký ức của cô. “Đông người quá!”, Lan Chi buột miệng thốt lên. “Nhiều xe máy quá!”, cu Nam hớn hờ nói. Mắt thẳng bé sáng rực lên đầy vẻ tò mò trước

những quang cảnh lạ. Ngắm xe máy chán, nó bèn quay ra say sưa đọc bất cứ hàng chữ tiếng Việt nào lọt vào mắt, từ tên phố, tên cửa hàng đến nội dung của các tấm biển quảng cáo. Cu cậu được mẹ dạy đọc tiếng Việt ở nhà từ bé, nhưng đây là lần đầu tiên được ứng dụng vào cuộc sống nên có vẻ rất thích thú. “Sans souci!”, cu Nam chột reo lên khi nhìn thấy hàng chữ in trên một chiếc xích lô lướt qua trước mặt. Rồi nó quay sang hỏi mẹ: “Tiếng Việt cũng có sans souci như tiếng Pháp hả mẹ?” “Không, đó là tiếng Pháp hoàn toàn đấy chứ”, Lan Chi mỉm cười, đáp. “Hà Nội cũng nói tiếng Pháp”, thằng bé nhận xét với vẻ hơi ngạc nhiên.

Bà cô đón cháu bằng món bún chả yêu thích của Lan Chi. “Buổi trưa ăn tạm thế này cho gọn nhẹ, đến tối cô sẽ làm bữa cơm đảng hoàng”, bà nói. “Ô, bún chả thì cháu ăn mấy bữa liền cũng chẳng chán, việc gì phải làm cơm nữa hả cô”, Lan Chi vừa đáp vừa hân hoan hít mùi chả nướng quyên rũ rất quen thuộc.

Bốn mẹ con xà vào ăn ngay với một vẻ ngon miệng không khách khí. Đây là lần đầu tiên lũ trẻ được thưởng thức loại bún tươi mà mẹ chúng luôn luôn quảng cáo kèm theo câu “bao giờ về Hà Nội...”, mỗi lần làm bún khô cho cả nhà ăn. “Thịt nướng này ngon hơn thịt barbecue mẹ nhỉ”, cu Nam nhận xét. “Tất nhiên rồi”, Lan Chi trả lời với một vẻ tự hào. Tuy vậy, cô cảm thấy trong lòng hơi phân vân: món bún chả này công nhận ngon thật là ngon, nhưng hình như có cái gì đó chưa thật giống hoàn toàn loại bún chả ngày xưa cô thường ăn. Không giống cái gì thì cô chịu không phân tích nổi. Nhưng có lẽ đây không hẳn là món bún chả vẫn hiện về trong nỗi nhớ của cô.

“Nếu có thời gian thì lúc nào mình phải dẫn bọn trẻ con ra ăn bún chả hàng bà Thịnh mới được”, Lan Chi thầm nghĩ với hy vọng tìm lại được hương vị cũ trong hàng bún yêu thích ngày xưa của mình. Ngày thứ hai ở Hà Nội, Lan Chi bắt đầu lên kế hoạch đi thăm họ hàng, bạn bè. Tất nhiên, tên Kiên hiện lên đầu tiên trong danh sách của cô. Khi chuẩn bị về nước, cô đã không gọi điện thoại cho Kiên đi đón như anh yêu cầu. Lý do rất đơn giản: cô cảm thấy khó coi đối với cả bà cô của mình lẫn gia đình Kiên, nếu cô về thăm nước sau gần chục năm trời lại chọn đúng Kiên để nhờ ra đón. Thêm nữa, cô cũng muốn dành cho anh một sự bất ngờ vì đã về sớm hơn lời hẹn.

Với tâm trạng có phần hồi hộp, Lan Chi lấy từ trong ví ra tấm các mà Kiên đưa cho hồi ở Berlin và bấm máy gọi điện thoại cho anh. Cô gọi theo số máy cơ quan anh, vì bây giờ đang là giờ làm việc. Vả lại, chưa biết vợ Kiên “độ lượng” thế nào, cứ gọi đến cơ quan là chắc nhất.

Chuông điện thoại reo mãi mà không có ai nhắc máy. “Chắc Kiên chạy đi đâu đó”, Lan Chi nghĩ và quay sang gọi điện thoại cho mấy người bạn khác. Sau khi đã hẹn hò đến chơi được với mấy cô bạn cũ rồi, cô bèn gọi điện thoại lại cho Kiên. Vẫn không có ai trả lời. Gọi thêm vài lần buổi sáng, rồi vài lần buổi chiều nữa vẫn không được, Lan Chi bắt đầu lo. “Nhỡ Kiên lại đi công tác xa đúng vào dịp này thì phiền quá. Mình ầu thật đấy, đáng lẽ phải gọi điện hẹn trước với anh ấy từ khi ở Pháp”, cô tự trách mình.

Không còn cách nào khác, sau giờ làm việc buổi chiều, Lan Chi đành gọi điện thoại đến nhà Kiên. Đúng như cô lo ngại, người nhắc máy trả lời là phụ nữ. Một giọng nữ trong trẻo và khá trẻ trung.

- Chào chị, đây có phải là nhà anh Kiên không ạ? – Lan Chi rụt rè hỏi.

- Vâng, tôi là vợ anh Kiên đây. Chị cần hỏi gì ạ? – vợ Kiên đáp lại khá nhã nhặn.

- Anh Kiên có nhà không hả chị? Tôi có thể nói chuyện với anh ấy được không?

- Chị là ai nhỉ mà tôi không nhận ra? – giọng nói của vợ Kiên đã bớt nhã nhặn đi một chút.

- Tôi tên là Chi, – Lan Chi trả lời một cách có tính toán, tự xưng tên mình ngắn gọn chứ không xưng “Lan Chi” đầy đủ như cách Kiên vẫn quen gọi, cách mà bạn bè ở Nga vẫn thường gọi để phân biệt cô với cô bạn Kim Chi cùng trường.

- Chị gọi cho anh Kiên về chuyện công việc phải không? – cuộc thăm vấn vẫn tiếp tục.

- Không, tôi là bạn cũ, gọi điện hỏi thăm chút thôi, – Lan Chi không muốn nói dối, tuy biết rằng danh xưng “bạn cũ” khó mà gây nổi thiện cảm ở vợ Kiên.

- Bạn cũ à? Thế chị ở đâu vậy?

- Tôi đang ở Hà Nội, – Lan Chi đáp một cách lấp lửng. Cô đã bắt đầu mệt mỏi và hơi khó chịu vì cuộc thăm vấn này thì nghe có tiếng đàn ông nói loáng thoáng xa xăm gì đó, rồi vợ Kiên nói vào điện thoại:

- Đây, anh Kiên ra rồi đây. Chị nói chuyện với anh ấy nhé.

- Alô, ai đấy? – giọng Kiên vang lên trong máy điện thoại.

- Lan Chi đây, anh Kiên. Em vừa mới về Hà Nội, – Lan Chi nhẹ nhàng nói, cảm thấy thần kinh như dịu hẳn đi.

- Em về Hà Nội từ lúc nào? Sao không gọi điện cho anh ra đón? Em đang ở đâu đấy? – Kiên hỏi dồn dập bằng một giọng mừng rỡ không che giấu.

- Em vừa về hôm qua thôi, hiện em đang ở nhà bà cô của em. Em

muốn đến thăm vợ chồng anh và thằng cu, tiện thể chiêm ngưỡng cái nhà vĩ đại của anh một tí, mà không biết đến lúc nào thì tiện nhỉ?

- Em đến chơi ngay tối nay có được không? Đối với anh thì lúc nào cũng tiện cả.

- Tối nay em đã hẹn đến nhà bà bác rồi. Thôi để ngày mai vậy nhé. Mai em đến quãng sáu giờ chiều có được không? Trước đó, em lại có hẹn với mấy đứa bạn cũ.

- Hay là mai anh mời vợ chồng em đi ăn tối luôn thể? Anh sẽ chọn một nhà hàng nào ăn được...- Kiên đề nghị.

- Thôi, chuyện ăn uống để sau. Mai em đến nhà anh rồi có gì sẽ bàn thêm, - Lan Chi gạt đi. Chẳng hiểu sao, cô chưa muốn nói lộ ra ngay là Trung không về nước cùng cô lần này.

Hôm sau là một ngày vô cùng bận rộn của bốn mẹ con Lan Chi. Buổi sáng, cả mẹ lẫn con đều chưa quen được giờ giấc nên ngủ quên trong giường đến gần mười giờ sáng mới bừng tỉnh dậy. Bà cô đã mua sẵn xôi xéo ngoài hàng về theo đúng “đơn đặt hàng” của Lan Chi từ tối hôm trước.

Lâu lắm rồi mới được ăn món ăn bình dân mà cô rất thích này để tạm quên đi bánh mì-bơ-xúc xích-cà phê đơn điệu lặp đi lặp lại sáng sáng, đã thế lại được bà cô xăng xái phục vụ cả mấy mẹ con đến tận miệng rồi âu yếm đứng loanh quanh nói chuyện rất rôm rả, Lan Chi chỉ muốn kéo thật dài bữa ăn sáng ra để tận hưởng cái cảm giác hạnh phúc như được trở về quá khứ ấy. Nhưng nhìn đồng hồ thấy đã gần mười rưỡi, cô không dám ngồi lâu thêm nữa mà vội giục giã mấy đứa con chuẩn bị nhanh nhẹn lên để còn đi chơi. Cô đã hẹn mang con đến chơi nhà ông chú em ruột bố sáng nay và ở lại ăn trưa tại đó.

Nhà ông chú thì xa, bầu đoàn của Lan Chi thì một đám lít nhít, chẳng có cách di chuyển nào tiện hơn là gọi taxi. Sau chừng nửa tiếng lượn lách qua những đường phố nườm nượp xe máy mà có nhiều chỗ Lan Chi không thể nhớ ra được là phố gì, cuối cùng taxi dừng lại trước một ngôi nhà hai tầng có mái cong cong na ná giống như một ngôi chùa Thái Lan. Nếu không nhìn thấy ông chú đứng đợi sẵn với nụ cười rất tươi trước cổng “chùa” thì Lan Chi không dám tin ngay là đã đến đúng nhà. Nhà này, nghe nói ông chú mới mua được cách đây vài năm. Trước đây, hồi Lan Chi còn ở Hà Nội, gia đình ông sống trong một căn hộ tập thể hai phòng.

Sau bữa trưa, nán nà ngồi lại chơi đến quãng gần ba giờ chiều thì Lan Chi xin phép ông chú đưa lũ con ra về để đến thăm một cô bạn như hẹn trước. Nhà cô bạn ở tí đầu kia của thành phố nên Lan Chi

lại gọi taxi. Hơn nửa tiếng lòng vòng, rồi xe lại dừng trước một biệt thự mới tinh. Lần này không phải chùa, cũng không khiêm tốn hai tầng như nhà ông chú, mà là hẳn một “lâu đài” ba tầng khá to, kiến trúc củ hành. “Chắc là để tưởng nhớ đến nước Nga”, Lan Chi thầm nghĩ khi ngắm nghía ngôi nhà của bạn (cả hai vợ chồng cô bạn của Lan Chi đều học ở Nga về).

Tuyết, bạn của Lan Chi, ra mở cổng trong bộ quần áo mặc nhà nhưng diêm dúa như chuẩn bị đi dạ hội. Tay bắt mặt mừng xong, cả hai rồi rít khen lẫn nhau “trẻ” và “xinh ra”, rồi câu chuyện tiếp tục phát triển theo hướng tất yếu là ôn lại quá khứ và nhắc đến đám bạn cũ. Điềm qua được một vài người bạn xong thì Tuyết bèn hỏi Lan Chi đã đến thăm Kiên chưa?

- Chưa, nhưng tao đã hẹn tí nữa sẽ đến, - Lan Chi bình thản trả lời.

- Chuyện của Kiên kể ra cũng buồn nhỉ, - Tuyết nói với vẻ đầy thông cảm và bí ẩn.

- Chuyện gì mà buồn? - Lan Chi sửng sốt hỏi.

- Ở, thế mày chưa biết à? - Tuyết ngạc nhiên hỏi lại.

- Tao chẳng biết gì hết cả, - Lan Chi lo ngại đáp.

- Tao cứ tưởng mày biết rồi, vì bạn bè Kiên ở Hà Nội ai cũng biết.

Công ty của Kiên đang phải đóng cửa ngừng hoạt động để thanh tra. Nghe nói có chuyện làm ăn phi pháp gì đó, - Tuyết nói.

- Kiên... làm ăn phi pháp à? - Lan Chi ngờ ngẩn hỏi.

- Hình như làm trực tiếp vụ này thì không phải là Kiên, mà là thằng phó giám đốc. Thấy bảo tay này nhân lúc Kiên đi Đức có làm một phi vụ gì đó với danh nghĩa công ty sau lưng Kiên, bây giờ mới bị khai ra, người ta bèn thanh tra lại toàn bộ hoạt động của công ty. Kiên là giám đốc tất nhiên cũng phải chịu trách nhiệm. Nói chung làm ăn ở nhà mình thời buổi này chóng mặt lắm Lan Chi ạ, phát tài cũng dễ mà đổ bể cũng nhanh, chẳng biết thế nào mà lường trước được.

“Ra thế... Công ty đóng cửa ngừng hoạt động, thảo nào mà mình gọi điện thoại đến đó không có ai trả lời”, Lan Chi thầm nghĩ. Lòng cô bỗng trào lên một nỗi xót xa cho Kiên. Sao số anh vất vả thế không biết. Cứ tưởng đã đến lúc sung sướng rồi thì lại gặp chuyện.

Câu chuyện tự nhiên trở nên rời rạc hẳn vì Lan Chi không còn đầu óc đâu để tán chuyện. Cô muốn đứng dậy ra về ngay nhưng cố nán ngồi lại vì nể bạn, lại vì anh em cu Nam vẫn còn thích ở lại chơi với con của Tuyết (chạy lên chạy xuống thám hiểm khắp ba tầng gác của “lâu đài” đối với bọn trẻ cũng là một thú vui). Đến quãng bốn giờ rưỡi thì Việt Anh và Lan Anh đã thấm mệt, Lan Chi thấy có cơ để ra về một cách vui vẻ. Cô liền nhờ Tuyết gọi điện thoại cho taxi đến đón

mấy mẹ con. Chui vào taxi lần thứ ba trong ngày, cu Nam bèn đưa ra một nhận định rất chắc chắn: “Hà Nội toàn đi taxi”.

Năm giờ chiều, về đến nhà bà cô, Việt Anh và Lan Anh lăn ra ngủ ngay lập tức. Nghỉ ngơi được một lúc, Lan Chi nhìn đồng hồ, thấy là đã đến giờ đi đến nhà Kiên. Cô quyết định để hai bé sinh đôi ở lại nhà gửi bà cô trông, vì biết nhất định là chúng còn ngủ lâu: chúng chưa quen giờ giấc, ngủ nghề hết sức linh tinh, lại đi chơi cả ngày mệt lử thế này thì súng nổ bên tai chắc cũng không buồn dậy. Thấy cu Nam vẫn còn hoạt bát, Lan Chi bèn rủ: “Đi chơi với mẹ không con?” “Đi đâu hả mẹ?”, thằng bé hỏi lại. “Đi đến nhà một bác bạn mẹ”, Lan Chi trả lời. “Lại đi taxi, con chán rồi”, cu Nam nói với vẻ rất thiếu nhiệt tình. “Không đi taxi đâu, nhà bác này gần, mẹ đèo con đi xe đạp”, Lan Chi cố nài. Nghĩ đến cuộc thăm vấn hôm qua của vợ Kiên, rồi lại liên tưởng đến câu chuyện về “vợ độ lượng” của Quân, cô thấy đi một mình đến nhà Kiên có lẽ là hơi nguy hiểm. Tốt nhất là mang cu Nam đi làm bình phong “chấn đạ” cho mẹ. Nghe nói được đi xe đạp, Nam bèn đồng ý đi theo.

Rất may, nhà Kiên không xa nhà bà cô của Lan Chi thật. Lan Chi bèn mượn bà cô cái xe đạp và đèo con trai đi. Mất khoảng hai mươi phút đi đường, rồi tìm nhà loanh quanh chừng năm phút nữa thì hai mẹ con đến được địa chỉ cần tìm. Một ngôi nhà ba tầng, to hơn nhà ông chú của Lan Chi nhưng nhỏ hơn nhà của Tuyết. Không mái cong, không củ hành. Kiểu nhà khá giản dị, không hề kệch cỡm nhưng cũng không có gì chứng tỏ đó là nhà của một kiến trúc sư có tính nghệ sĩ như Kiên.

Kiên ra mở cửa ngay khi Lan Chi vừa ấn nút chuông, cứ như là anh đã đứng chờ sẵn đó.

- Con trai đây phải không? Lớn quá nhỉ. Mà bố nó và hai đứa nữa đâu mà chỉ có hai mẹ con thế này? - Kiên cười rất tươi, nhìn cu Nam rồi quay sang Lan Chi, hỏi.

- Mẹ chồng em ốm nên chồng em không về lần này được. Hai đứa bé thì đi chơi cả ngày mệt rồi, em để cho chúng nó ngủ ở nhà bà cô em, - Lan Chi vừa trả lời xong thì nhìn thấy vợ Kiên bước ra.

Đó là một cô gái khá xinh, trông không quá ba mươi tuổi, mặc diện một cách rất có “gu”, duyên dáng dễ thương hơn nhiều so với cái hình ảnh mà Lan Chi hình dung khi nói chuyện qua điện thoại.

- Chào chị, - vợ Kiên nói với nụ cười vồn vã, trái hẳn với sự lo ngại trước đó của Lan Chi.

Lan Chi mỉm cười chào lại.

Kiên giới thiệu hai người với nhau:

- Đây là Thi, còn đây là Lan Chi, mới từ Pháp về chơi, - anh nói ngắn gọn, không giải thích quan hệ của mình với hai người, dường như cho rằng cả hai đều đã tự hiểu.

- Chị là chị Lan Chi à? - vợ Kiên reo lên vui vẻ. - Chị là bạn của anh Kiên từ hồi ở Nga phải không? Em đã nghe anh Kiên nhắc đến chị và một vài người nữa. Nghe tên chị là em nhớ ra ngay. Tại vì anh Kiên hay kể cho em nghe chuyện các anh chị hồi ở Nga lắm, nhiều chuyện rất là vui, - Thi nói và bật cười một cách hồn nhiên.

“Không biết Kiên kể cho vợ nghe những chuyện gì mà vui thế nhỉ?”, Lan Chi băn khoăn nghĩ. Thái độ thân thiện vui vẻ của vợ Kiên làm cô hơi bối rối. Cô đã chuẩn bị tinh thần để đối phó với một sự đón tiếp lạnh nhạt và xét nét, cho nên hoàn toàn bất ngờ trước tiếng cười thoải mái như vậy.

Thi quay sang cu Nam, nắc nỏm khen thằng bé xinh quá, trông cứ như con tây. Lan Chi bèn hỏi thăm thằng con trai của Thi. “Nó đang ngồi chơi với thằng anh họ con bà chị em ở trên gác, để em lên đem nó xuống chào bác”, Thi nói và đi lên cầu thang.

Ngồi lại với Kiên và cu Nam trong phòng khách sang trọng, rộng rãi của nhà Kiên, Lan Chi tự nhiên có cảm giác gượng gạo và xa lạ. Với dáng điệu có vẻ hơi ngượng ngập, khác hẳn hồi ở Berlin, Kiên định pha nước mời Lan Chi. “Thôi, em không khát đâu, anh khỏi phải pha nước”, Lan Chi nói bằng một giọng khá là khách khí.

Kiên bảo anh cứ tưởng Lan Chi đến Tết ta mới về Hà Nội chơi, không ngờ cô lại về sớm thế này. Lan Chi giải thích một cách ngắn gọn lý do khiến cô không thể về Tết được. Kiên lại hỏi cô về chơi bao lâu. “Nửa tháng thôi”, Lan Chi đáp. “Sao em về ít thế?”, Kiên khẽ kêu lên. “Đợt này em không xin nghỉ nhiều hơn được. Với lại, bọn trẻ con cũng phải về đi học nữa”, Lan Chi nói.

Cả hai người đang lúng túng chưa biết nói gì thêm thì vợ Kiên dắt con trai từ trên gác xuống. Lan Chi vội lấy quà đưa cho thằng bé và đưa luôn quà cho vợ chồng Kiên, rồi cô khen lấy khen để “con trai xinh quá” với một vẻ nhiệt tình ngang với vợ Kiên lúc trước. “Chị thấy nó có giống anh Kiên không?”, Thi hỏi. “Có lẽ giống cả bố lẫn mẹ”, Lan Chi vừa do dự trả lời vừa nhận xét thăm trong đầu rằng thằng bé quả thật là rất xinh, nhưng không có được cặp mắt và nụ cười của bố nó. “Nó giống mẹ là chính”, cô nghĩ. Dường như đọc được ý nghĩ của Lan Chi, Thi bảo: “Nó có cái trán giống hệt anh Kiên, chị thấy không? Cả ngón tay nó cũng là của anh ấy, ngón dài thế này thì cho đi học đàn piano được đấy chị Lan Chi nhỉ”, cô nói và kéo bàn tay của con trai ra trước mặt Lan Chi để mời xem. “Ừ, ngón tay dài đẹp thật”, Lan

Chi công nhận rồi mỉm cười nhìn Kiên. Anh cũng mỉm cười, không nói gì.

- Chết thật, anh ơi, sao anh không đem gì ra mời chị và cháu thế này? Khách ở nước ngoài về mà anh lại tiếp thế này thì chán quá anh ạ - vợ Kiên chột kêu lên.

Mặc cho Lan Chi từ chối với lý do “chỉ ngồi một tí rồi phải về ngay”, Thi nhất quyết đi pha nước và bê ra một lô bánh kẹo, hoa quả, ép mẹ con Lan Chi ăn bằng được.

Tranh thủ lúc nhăm nháp một miếng bánh, Lan Chi bèn kín đáo quan sát vợ Kiên. Phải công nhận rằng Thi có một vẻ đẹp rất hiện đại, trước hết là ở thân hình cao ráo, đầy đặn khỏe mạnh nhưng chưa đến mức béo, càng không “còi cọc” như thế hệ sinh ra trong chiến tranh của Lan Chi. Cô lảng xăng đi lại trong nhà, cười nói với dáng điệu rất nhanh nhẹn, hoạt bát, tự tin, cặp mắt đen sắc sảo có vẻ như không để lọt cái gì ra khỏi tầm nhìn, tóm lại, thoạt trông đã có thể thấy ngay rằng đây là loại người cực kỳ tháo vát trong cuộc sống.

“Gu của Kiên đã thay đổi”, Lan Chi nghĩ. Cô buồn bã nhớ lại rằng ngày xưa Kiên mê nhất là đôi mắt mơ mộng của cô, anh thú nhận rằng ngay từ lần gặp đầu tiên anh đã bị đôi mắt ấy hút hồn. Vẻ yếu ớt và hơi ngơ ngác trẻ thơ của cô làm cho anh mềm lòng, anh sung sướng tự hào được giữ vai trò che chở cho cô trước cuộc đời đầy sóng gió, anh gồng lên để thực hiện vai trò đó đến quá sức mình, để rồi cuối cùng chính anh là người gặp nạn... “Kiên chọn vợ như vậy là phải quá rồi. Một cô vợ tháo vát thế này mới có thể làm chỗ dựa cho anh ấy được, nhất là khi công việc làm ăn gặp khó khăn như hiện nay, chứ cứ như mình thì...”, Lan Chi nghĩ với đôi chút chạnh lòng. Cô rất muốn hỏi thăm Kiên về những chuyện không may của công ty anh, nhưng lại ngần ngại khi nhớ rằng hồi xưa anh luôn luôn tránh nói chuyện làm ăn với cô. “Với Thi thì chắc anh ấy nói hết được, có khi còn phải hỏi ý kiến ấy chứ”, Lan Chi chua chát nghĩ.

Kiên có vẻ hơi mệt mỏi và già đi so với hồi gặp Lan Chi ở Berlin. Cô nhận thấy những nếp nhăn hằn rõ ở khóe mắt anh mà lần gặp trước hình như không có.

- Anh có khỏe không? - Lan Chi khẽ hỏi khi vợ Kiên đi ra khỏi phòng khách để lấy khăn lau mũi cho thằng con.

- Anh bình thường thôi, - tự nhiên, Kiên cũng hạ giọng trả lời. Rồi, vẫn nói nhỏ như vậy, anh chuyển sang đề tài khác: - À, hôm nào phải lên Hồ Tây ăn bánh tôm chứ Lan Chi nhỉ.

Lan Chi chưa kịp trả lời thì Thi đã đột ngột bước từ phòng bên cạnh ra, nói một cách vui vẻ quá mức:

- Anh ơi, chị Lan Chi ở Pháp về mà anh lại định mời đi ăn bánh tôm thì chị ấy cười cho đấy. Hồ Tây thì thiếu gì nhà hàng đặc sản mà anh lại mời chị ấy đi ăn cái thứ rẻ tiền như thế. Hay là để hôm nào vợ chồng mình mời chị Lan Chi đi ăn nhà hàng anh nhỉ? Cái chỗ mà bọn mình thỉnh thoảng vẫn đến ăn ấy, em thấy được đấy anh ạ, - Thi vừa nói vừa ngồi xuống sát cạnh Kiên.

Một ý nghĩ lướt nhanh trong đầu Lan Chi: “Bánh tôm Hồ Tây thế là toi rồi!” Cô đang cười cười vì chưa biết nói gì thì Kiên chợt bảo:

- À, quên chưa kể với Lan Chi. Quân đang ở Hà Nội đấy, em biết chưa? Có gì bọn mình rủ Quân, hôm nào cả hội chọn chỗ nào đi ăn cùng luôn thể cho vui.

- Quân đang ở Hà Nội à? - Lan Chi mừng rỡ hỏi. – Quân về từ lúc nào đấy? Về có lâu không, có mang theo vợ con không?

- Quân mới về quãng hơn một tuần nay. Về công tác vài tuần thôi. Đi một mình, - Kiên đáp.

- Chị Huyền với thằng cu con vừa về hồi đầu năm rồi còn gì. Với lại, nghe nói chị ấy lại đang có bầu đứa thứ hai đấy anh ạ, - Thi nói xen vào và chẳng hiểu sao lại nhìn Kiên mỉm cười âu yếm một cách đầy ẩn ý.

- Huyền là vợ Quân, - Kiên giải thích cho Lan Chi.

Lan Chi hỏi Kiên số điện thoại và địa chỉ của Quân để đến chơi. “Nhà Quân hơi khó tìm đấy. Hay để anh đưa em đi cho tiện?”, Kiên đề nghị. Lan Chi từ chối, viện cớ chưa sắp xếp được thời gian, rảnh lúc nào thì đi lúc ấy thôi. Kiên bèn dặn Lan Chi nhớ hẹn Quân chọn ngày đi ăn cùng rồi báo lại cho anh biết. “Anh ơi, để em gọi điện cho anh Quân hẹn ngay bây giờ có hơn không, khỏi phiền chị Lan Chi gọi điện nhiều lần, anh nhé?”, Thi khẽ đặt tay lên đùi chồng, sốt sắng nói. “Thôi, cứ để Lan Chi bàn với Quân”, Kiên gạt đi.

Ngồi một lúc, Lan Chi bắt đầu thấy chóng mặt vì nhịp điệu dồn dập của những “anh ạ, anh nhé, anh ơi, anh nhỉ” ngọt ngào và rộn rã. Tự nhiên, cô thấy mình lạc lõng vô duyên trong khung cảnh gia đình đầm ấm này, và càng tiếc là không có Trung cùng về Hà Nội. “Thôi, em phải về đây. Mình về Thi nhé”, cô đột ngột đứng dậy nói nhân lúc câu chuyện vừa lắng xuống. “Hãy còn sớm. Em vừa mới đến có mấy phút”, Kiên vụt nói như bị hẫng. “Chị và cháu ở lại ăn cơm với nhà em đi. Bạn cũ lâu ngày gặp nhau, chắc anh Kiên còn muốn nói chuyện nhiều”, Thi mời. “Cám ơn Thi, nhưng mình còn hai đứa bé ở nhà nên phải về cho chúng nó ăn tối”, Lan Chi vừa nói vừa đi ra cửa. Kiên lẳng lặng đi theo tiễn, chẳng nói thêm câu nào. Khi mở cửa cho Lan Chi bước ra, anh bỗng nói như vừa sực nhớ: “Cho anh địa chỉ và

số điện thoại nhà bà cô của em đi”. “Em chẳng mang theo giấy bút gì cả”, Lan Chi trả lời. Trong lúc đứng đợi Kiên chạy đi lấy giấy bút, Lan Chi chợt cảm thấy cái nhìn của vợ Kiên hướng vào mình không còn được thân thiện như trước nữa. Ghi xong những thứ mà Kiên yêu cầu, cô bèn vội vã kéo con trai ra về ngay.

Buồn, buồn rười rượi là cảm giác tràn ngập lòng Lan Chi dọc đường đạp xe về. Từ lâu, trong thâm tâm cô vẫn luôn luôn mong Kiên hạnh phúc, nhưng hóa ra chứng kiến tận mắt hạnh phúc của anh lại là một điều hoàn toàn không phải dễ. Giọng nói, tiếng cười vui vẻ của vợ Kiên cứ vang lên lảnh lói bên tai Lan Chi mãi không thôi. Vậy là Kiên có một cuộc sống gia đình hạnh phúc thực sự chứ không có gì đáng buồn như cô tưởng nhằm hồi gặp anh ở Berlin. Anh có một người vợ trẻ hơn cô, xinh ít nhất không kém cô, nhanh nhẹn tháo vát chắc chắn hơn cô nhiều. Anh có một ngôi nhà to đẹp gấp nhiều lần ngôi nhà ngày xưa anh từng mơ ước cho cô và anh. Anh có tất cả để hạnh phúc, những chuyện không may trong công việc chắc chắn rồi sẽ qua đi. Với anh, Lan Chi bây giờ chỉ là một kỷ niệm đẹp không hơn không kém. Nếu trong mắt anh đôi lúc có những thoáng buồn thì cũng chỉ là một chút nhớ thương dành cho tuổi trẻ đã mất mà thôi. Cô không hề có chỗ trong cuộc sống của anh, không có từ mười hai năm nay rồi và sẽ không bao giờ có cả. Cô tự bắt mình phải mừng cho Kiên, tự mắng mình là ích kỷ, tự nhủ rằng nếu anh bất hạnh thì mình sẽ còn đau khổ hơn nhiều. Nhưng mặc cho lý trí tha hồ lên tiếng, nỗi buồn vẫn cứ khăng khăng bám riết trái tim.

Sáng hôm sau, Lan Chi gọi điện thoại đến nhà Quân. Chỉ gặp mẹ Quân, cô bèn xưng là bạn cũ, mới ở xa về. Mẹ Quân nói là anh đang về quê với bố, đến sáng ngày kia mới quay lại Hà Nội. “Vậy quăng chiều ngày kia cháu đến thăm Quân có tiện không hả bác?”, Lan Chi hỏi. “Vâng, ngày kia, hai mươi sáu tháng mười hai, chị cứ lại, buổi chiều thì chắc chắn em nó có ở nhà rồi”, mẹ Quân nói rõ thêm.

“Ừ nhỉ, hôm nay đã là hai mươi tư tháng mười hai, Noel rồi đấy!”, Lan Chi sực nhớ. Cô tự hỏi không biết Trung đang ở đâu? Ở bệnh viện, ở nhà hay lên Paris ăn Noel với gia đình Hạnh? Cô bỗng thấy nao nao thương chồng. Đây là lễ Noel xa vợ con đầu tiên của Trung, nhìn cảnh thiên hạ tụ họp gia đình, chắc là anh sẽ thấy cô đơn lắm. Nhìn đồng hồ, Lan Chi nhẩm tính bây giờ đang là đêm ở Pháp. Cô dự định đợi thêm vài tiếng nữa rồi gọi điện thoại cho chồng: sáng sớm, may ra thì anh có ở nhà.

Nhưng Trung không ở nhà, cũng không ở bệnh viện khi Lan Chi gọi điện thoại đến. Cô đoán anh đi Paris, đang phân vân chưa biết nên

gọi điện đến nhà Hạnh lúc nào thì Trung đã gọi về nhà bà cô của Lan Chi. “Anh ở đâu đấy? Em đang định gọi điện cho anh”, Lan Chi mừng cuống quýt. Trung bảo anh vừa mới đến Paris, đang ở nhà Hạnh và chuẩn bị vào bệnh viện thăm má, thấy Hạnh nói má đã đỡ mệt nhiều. Tối nay, anh sẽ ăn Noel cùng với gia đình Hạnh, sáng mai lại về nhà. Trung kêu vợ con mới đi có vài ngày mà sao anh đã thấy như lâu quá, anh đã mua quà Noel cho cả bốn mẹ con, để ở nhà đợi mọi người về đó. “Noel ở Paris có vui không anh?”, Lan Chi hỏi. “Không có gì đặc biệt. Món gà tây thì chắc không ngon bằng em làm được đâu”, Trung hạ giọng thấp hẳn đi khi nói câu cuối, có lẽ để mọi người xung quanh khỏi nghe thấy. Lan Chi hình dung anh đang khẽ mỉm cười. Tự dưng, cô thấy nhớ quá chừng không khí gia đình ấm cúng quanh bàn tiệc Noel, mùi gà tây rôti thơm nức mũi, ánh đèn màu nhấp nháy trên cây thông đặt ở góc phòng, những gói quà bọc giấy màu bóng bẩy và thắt nơ diêm dúa, tất cả những thứ mà bao nhiêu năm nay cô vẫn hờ hững nhìn như là các nghi thức không tránh được mà thôi...

Quân mừng ra mặt khi nhìn thấy Lan Chi: “Nghe mẹ mình bảo có chị Chi nào đó hẹn đến chơi, đoán già đoán non mãi không ra, không ngờ lại là Lan Chi”.

Hai bên nhanh chóng xúc tiến trao đổi thông tin hai chiều. Về mặt con cái, Quân chỉ bằng nửa Lan Chi: cô có ba con, còn anh hiện mới có “một rưỡi”. “Đang hy vọng sẽ được một cô con gái cho có nếp có tẻ đây”, Quân nói một cách hớn hờ. Về đường công danh, Quân đang bước vào giai đoạn đỉnh cao của “sự nghiệp lớn”: ngoài công việc cố định với tư cách giáo sư ở một trường đại học Mỹ, anh còn thường xuyên tung hoành năm châu bốn biển với danh nghĩa “giáo sư mời” thực chất hẳn hoi (chứ không phải chỉ là cái vỏ như một vài vị “giáo sư xin” vẫn được nêu gương trên báo chí). Quân bảo năm nào anh cũng về nước ít nhất một lần trong chương trình hợp tác khoa học với Việt Nam, để giảng bài, hướng dẫn nghiên cứu sinh hoặc tham dự các hội nghị khoa học. “Giới báo chí có đến phỏng vấn không?”, Lan Chi cười hỏi. “Không thấy ai đến cả. Mình lỗi thời rồi, không còn gì hấp dẫn nữa”, Quân cũng cười đáp.

Ngồi nói chuyện một lát, Lan Chi bèn hỏi Quân về chuyện công ty Kiên bị đóng cửa - điều mà cô vẫn canh cánh trong lòng từ khi nghe Tuyết kể, nhưng không dám hỏi Kiên. Quân bảo rằng anh có biết chuyện này: đó là một vụ trốn thuế quy mô nhỏ thôi, Kiên không phải chịu trách nhiệm trực tiếp, công ty của Kiên chắc sẽ lao đao một dạo nhưng rồi cũng qua khỏi chứ không phải đóng cửa hẳn đâu. Cảm

thấy nhẹ nhõm hẳn đi, Lan Chi liền quay sang chuyện khác:

- Tuần này Quân có rảnh không? Vợ chồng Kiên đang muốn rủ bọn mình hôm nào cùng đi ăn nhà hàng cho vui đấy.

- Vợ Kiên về rồi à? - Quân ngạc nhiên hỏi.

- Hôm nọ mình có gặp Thi khi đến chơi nhà Kiên. Thế ra Thi mới đi công tác xa về à? - Lan Chi hỏi lại.

- Công tác gì đâu, - Quân cười một cách bí ẩn. - Đi “tị nạn” ở nhà bố mẹ đẻ thì có. Chẳng lẽ Lan Chi không biết chuyện này hay sao?

Không, Lan Chi không hề biết, đây là lần đầu tiên cô được nghe nói đến chuyện này. Thế thì lạc hậu thật, Quân bảo. Hóa ra, việc vợ Kiên đi “tị nạn” vẫn xảy ra liên tục như cơm bữa, đến bây giờ chẳng còn là bí mật đối với ai, cũng không còn làm ai ngạc nhiên được. Nhưng lần đầu tiên thì kể cũng khá kinh hoàng: chưa đầy một tháng sau ngày cưới, không hiểu vợ chồng cãi nhau thế nào mà tự dưng thấy Thi dùng dùng vác quần áo về nhà bố mẹ đẻ ở. Hai gia đình xúm lại hỏi lý do nhưng cả anh lẫn ả đều nhất quyết không chịu nói. Nếu không có mẹ Kiên đem đến cả nước mắt ra làm vũ khí thì chưa chắc Kiên đã vội đến nhà bố mẹ vợ để làm lành và đón vợ về. Sau đó, tưởng đã yên được một dạo khi vợ chồng Kiên bận rộn lo việc làm nhà, rồi Thi có bầu và sinh con. Nhưng thằng bé chưa đầy một tuổi thì lại có chuyện “tị nạn” thứ hai, lần này bố mẹ vợ Kiên phải đón luôn hai nhân khẩu. Rồi từ đó thì cứ là những cuộc thay đổi chỗ ở thường xuyên giữa hai nhà của vợ con Kiên. Mẹ Kiên đã phát ngán lên, không còn nhỏ ra được giọt nước mắt nào, cũng chẳng thêm can thiệp nữa.

Chuyện “tị nạn” kéo dài nhất của Thi chính là lần này: nó bắt đầu cách đây năm tháng, sau khi Kiên đi công tác ở Đức về, và mười ngày trước đây, lúc Quân mới về nước, đến chơi với Kiên thì được biết là Thi vẫn còn bám trụ ở nhà bố mẹ đẻ. Kiên không hề có ý định làm lành, thậm chí còn nói đến chuyện ly dị khi Quân hỏi thăm. Cứ tưởng phen này hỏng thật rồi, không ngờ vợ Kiên lại quay về đột ngột như vậy.

- Sao lại khổ thế hả Quân? - Lan Chi choáng váng hỏi. - Mình thấy vợ Kiên được lắm cơ mà: xinh đẹp, trẻ trung, lại có vẻ nhanh nhẹn, thông minh và rất khéo cư xử...

- Thì đúng vậy. Cô Thi này hồi chưa chồng là có nhiều anh theo lắm đấy. Còn Kiên lúc ấy nói thành thực ra cũng đã “cà cuống” rồi, sắp ế đến nơi, không lấy vợ nhanh thì thành hâm ấỵ chứ. Cứ tưởng cậu ta lấy được Thi là mèo mù vớ được cá rán, vậy mà sống với nhau ầm ương chẳng ra sao cả. Cái chính có lẽ do không hợp tính tình. Thi thực

dụng quá, trong khi Kiên từng ấy tuổi rồi mà vẫn cứ tâm hồn nghệ sĩ phiêu diêu. Thấy Kiên bảo là chả biết nói chuyện gì với vợ cả. Lúc làm nhà thì còn có chuyện cái nhà mà nói. Nhà xong rồi thì cả tháng không kiếm ra được chuyện để nói với nhau, mà cũng chẳng thấy có nhu cầu. May mà còn có được một đề tài chung là thằng cu con, chứ không chắc đã bỏ nhau lâu rồi. Sau vụ này, mình đã thề là từ nay không có mối lái cho ai nữa. Đúng là làm phúc phải tội.

- Quân nói vậy là thế nào? - Lan Chi ngạc nhiên. - Có phải Quân làm mối cho Kiên và Thi không?

- Chính thế, - Quân tự hào xác nhận.

Sự kiện lạ đời này diễn ra sau đám cưới “đỏ mề hôi” của Quân khoảng một năm. Dạo đó, Quân cùng vợ từ Mỹ về nước chơi. Đến thăm Kiên, thấy ông bạn cố tri mãi vẫn còn bơ vơ, Quân ái ngại bèn giúp cho mấy lời khuyên thiết thực. Đầu tiên, anh vạch ra cho Kiên thấy rằng đến tuổi này mà cứ còn hy vọng vào những cuộc gặp gỡ tình cờ thì thật là hết sức hảo huyền. Rồi anh lại hùng hồn chứng minh tiếp rằng việc mai mối không hề ngăn cản người ta có được một tình yêu chân chính. Không những thế, anh nhấn mạnh thêm là phương pháp này lại có một cái lợi hiển nhiên: cả hai bên đều đã rõ ý đồ của nhau, khỏi phải vòng vo mất thời gian. Kiên tự nhiên bị thay bậc đổi ngôi, biến thành học trò, trong bụng hằn là rất hận nhưng rõ ràng lép vế nên đành nhẫn nhục ngồi nghe Quân dạy. Được một lúc thì Kiên sốt ruột bảo: “Nói lý thuyết nhiều nghe chán lắm, có đám nào thì giới thiệu đi, thực hành cái thử xem.” Quân ngắc ngứ, đã định tìm cách đánh bài chuồn, nhưng vợ anh lại nghĩ ngay đến một cô bạn hàng xóm xinh đẹp chưa chồng. Thi hồi đó rất cao giá, có khối kẻ mê, vậy mà chẳng hiểu tại sao lại chết anh Kiên ngay lập tức. Được người đẹp như thế mê mình, ai mà chẳng thích, nói gì đến một anh chàng đang cần lấy vợ như Kiên. Quen nhau chỉ hai tháng là họ làm đám cưới, Quân đã quay lại Mỹ nên không được dự. Năm sau trở về thì đã nghe chuyện vợ chồng Kiên lục đục rồi.

Sau buổi gặp Quân vài ngày, Lan Chi gọi điện đến nhà Kiên để báo rằng cô và Quân không thu xếp thời gian đi ăn nhà hàng cùng vợ chồng Kiên được: Quân phải vào dự hội nghị khoa học ở Sài Gòn cho đến sát ngày Lan Chi quay lại Pháp mới trở ra Hà Nội, về phần Lan Chi thì về nước có ít ngày nên cũng rất nhiều việc bận, thôi đành khất hẹn đến một dịp sau.

Kiên không có ở nhà, người nghe điện thoại là vợ anh. Giọng Thi khá lạnh lùng, khô khan, không hề có chút âm sắc vui vẻ, niềm nở của ngày hôm trước. Hai người trao đổi với nhau vài câu ngắn gọn rồi

dập máy. Lan Chi thở phào: dù thái độ của Thi làm cho cô không thoải mái, cô vẫn cảm thấy nhẹ nhõm vì không phải trực tiếp nói chuyện với Kiên. Cô sợ phải nghe giọng nói thất vọng của anh. Kiên gọi điện lại cho Lan Chi ngay ngày hôm sau. “Anh không thể mời em đi ăn thiếu Quân được à?”, anh giận dỗi hỏi. Lan Chi đáp ứng. Cô không dám nói rằng cô đã biết hết cả rồi, cô không thể nhận lời mời của anh vì không lòng dạ nào mà bắt cả mình lẫn vợ chồng anh phải chịu đựng cái màn bi hài kịch “gia đình hạnh phúc” ấy thêm lần nữa, và nhất là cô lại càng không muốn làm tổn hại đến hạnh phúc vốn đã rất mong manh của gia đình anh.

- Lần này em về nước ít ngày quá nên bận thật đấy, - Lan Chi nói sau vài giây do dự. - Họ hàng, bạn bè kéo đi khắp nơi, mà cũng chẳng dám đi nhiều vì sợ bọn trẻ con nó mệt. Thôi, anh cho em khát đến lần sau nhé.

- Nhưng còn bánh tôm Hồ Tây thì sao hả Lan Chi? Anh đã hứa với em, em cũng đã hẹn với anh...- Kiên nói với vẻ tuyệt vọng như thể toàn bộ vận mệnh anh đều phụ thuộc vào việc có rủ được Lan Chi đi ăn bánh tôm hay không.

- Để lần sau vậy, - không biết nói gì hơn, Lan Chi lặp lại. Cảm thấy sống mũi đã cay cay, cô vội vã cắt ngang cuộc nói chuyện: - Thôi nhé, bây giờ em có việc phải đi, có gì em sẽ gọi điện lại cho anh. Nhưng Lan Chi không gọi điện thoại lại cho Kiên: cô đã quyết định sẽ tránh mặt anh cho đến trước khi trở về Pháp mới chào tạm biệt. Những ngày còn lại ở Hà Nội của Lan Chi trở nên u ám hẳn sau khi cô được biết về nỗi bất hạnh của gia đình Kiên. Cô đau đớn nghĩ rằng mình không có khả năng làm gì được cho anh ngoài việc cầu mong cho anh và Thi hàn gắn lại. Thi yêu anh, Thi có thể đem lại cho anh hạnh phúc. Còn cô, điều duy nhất mà cô nên làm bây giờ là biến hẳn khỏi đời anh để tránh cho tình hình phức tạp thêm. Ý nghĩ rằng trong lúc cô hạnh phúc với Trung thì Kiên có thể ly dị vợ và sống cô độc một mình làm Lan Chi khổ tâm không chịu nổi. Mặc cảm có lỗi với Kiên lại trở về đè nặng trong lòng cô, day dứt hơn bao giờ hết. Kiên còn gọi điện thoại đến nhà bà cô của Lan Chi thêm hai lần nữa để hỏi xem cô có rảnh không thì anh đến chơi. Cả hai lần, Lan Chi đều thoái thác là “có hẹn” và “rất bận”.

Mà đúng là Lan Chi bận thật. Sau bao nhiêu năm cô mới trở về Hà Nội, lại về đúng vào tháng mười hai, tháng có ngày giỗ mẹ cô. Mẹ bố mẹ Lan Chi hiện giờ nằm cạnh nhau ở quê nội của cô, một làng ngoại thành Hà Nội. Lan Chi mua hương hoa và đưa ba đứa con về quê thăm mộ ông bà ngoại chúng. Ở lại nhà ông bác trong quê một

ngày, hôm sau cô trở lại nhà bà cô ở Hà Nội, buồn rĩ rượi mất mấy hôm chẳng thiết đi đâu. Nhưng rồi cũng phải đi vì lũ trẻ cuồng căng không ngồi nhà lâu được. Lại có thêm một lô bạn bè cũ liên tục đến rủ đi chơi: bạn cấp hai, bạn cấp ba, bạn thời đại học ở Nga..., đủ cả. Nhiệm vụ trọng tâm của những chuyến đi chơi cùng bạn bè này là nếm lại bằng hết tất cả những món ăn thuộc cái danh sách “thèm” mà Lan Chi đã lập ra với bao nhiêu nhớ tiếc trong những năm dài của cuộc sống tha hương. Quán ăn được bọn bạn cô chọn lựa rất kỹ lưỡng, vậy mà không hiểu sao khi ăn Lan Chi luôn luôn gặp phải cái cảm giác kỳ lạ “rất ngon nhưng không giống hẳn” như hôm đầu ăn bún chả ở nhà bà cô. Sau khi nghe bạn bè cô khẳng định rằng những hàng này bao nhiêu năm vẫn làm đúng một kiểu như vậy, không hề thay đổi, Lan Chi buồn rầu nghĩ rằng có lẽ sự thay đổi chính là ở phía cô.

Cái ngõ nhỏ của Lan Chi cũng không còn giống như cô vẫn hình dung trong nỗi nhớ. Hôm chiều đi ba đứa con một châu đi chơi phố bằng xích lô sans souci (một trong những kỷ niệm đáng ghi nhớ nhất của ba anh em cu Nam trong chuyến đi này), Lan Chi đã chỉ đường cho xích lô rẽ qua nhà cũ của mình. Xích lô dừng lại vài phút, Lan Chi lạ lẫm nhìn khung cảnh xưa: cây bàng “sâu róm” đầu ngõ không còn, mặt đường phẳng phiu chứ không gồ ghề đậm nhạt nhiều mảnh vá, nhà cũ phá bỏ nhà mới xây lên khắp nơi... Và điều bất ngờ nhất là cái “thế giới tuổi thơ” của cô bây giờ sao trông như nhỏ hẹp lại đi đến chỉ còn một nửa! Tại vì những ngôi nhà mới nhiều tầng đã choán mất một phần không gian trong ngõ, hay vì suốt bao nhiêu năm qua mắt cô chỉ quen nhìn những đường phố lớn mà thôi? Ngồi trên xích lô đi tiếp loanh quanh vài vòng cho lũ trẻ được dạo chơi, Lan Chi vừa ngượng ngùng vừa buồn bực vì phải hỏi và nghe ông xích lô giải thích cặn kẽ cho cô như cho một khách du lịch nước ngoài về những đường phố mà cô không thể nhận ra, về những công trình mới xây sau khi cô đã rời Hà Nội. Mọi thứ đã thay đổi quá nhiều trong hơn chục năm qua, cuộc đời cô đã tách rời khỏi số phận của quê hương, cô đã phần nào trở thành người lạ

Hai ngày trước khi Lan Chi trở lại Pháp, Kiên đến tìm cô bất ngờ vào quãng hơn chín giờ tối, lúc cả ba đứa con cô đều đã lên giường đi ngủ. “Anh phải đến vào giờ này mới chắc gặp được em. Ban ngày, sợ em đi chơi”, anh nói.

Kiên đưa cho Lan Chi một đồng quà cho ba đứa trẻ con và một bức tranh được gói ghém cẩn thận.

- Anh đem đến cho em cái này, không hiểu em còn thích không, - anh

nói một cách hơi lúng túng. - Để làm kỷ niệm thôi chứ chẳng có giá trị gì đâu. Đây là cái tranh anh vẽ ngày xưa. Cái mà em thích nhất.

- “Mắt thô lỗ” à? - Lan Chi cười hỏi.

- “Mắt mênh mông”, - Kiên trả lời, vẻ lúng túng bị xóa đi ngay bằng một nụ cười rất thân thương đối với Lan Chi.

- Bao nhiêu năm rồi mà sao anh vẫn còn giữ được? - Lan Chi ngạc nhiên.

- Anh chỉ còn giữ một vài bức thôi. Trước khi sang Ba Lan, anh có đem mấy bức được nhất đến gửi nhà một thằng bạn ở Matxcova, đến khi nó về nước thì nó lại quẳng vào thùng hàng biển, mang về Hà Nội hộ anh.

- Dạo này chắc anh vẫn còn vẽ chứ?

- Không đâu, anh bỏ lâu rồi. Chẳng có thời gian. Cũng chẳng còn cảm hứng.

- Tiếc nhỉ... Hồi trước, em chẳng thể hình dung anh thiếu cái giá vẽ được.

- Có bao nhiêu điều mà hồi trước mình có hình dung được đâu.

Vài phút im lặng trôi qua. “Em pha nước anh uống nhé”, Lan Chi nói và định đi lấy ấm chén để pha trà. Kiên vội xua tay: “Thôi, muộn rồi, anh về ngay đây. Anh chỉ định đến hỏi xem ngày kia mẹ con em đi lúc mấy giờ.” Lan Chi nói giờ của chuyến bay. Kiên hỏi anh có thể đi tiễn mấy mẹ con được không? “Đã có Vũ, em họ của em đi tiễn rồi. Như vậy tiện hơn anh ạ”, Lan Chi trả lời. “Thế thì anh sẽ ra thẳng sân bay”, Kiên nói bằng một giọng cương quyết khiến Lan Chi không thể có thêm ý kiến gì được nữa.

Lan Chi đi tiễn Kiên ra đến tận cổng của khu nhà. Lúc đi đến chỗ để xe máy của anh, đột nhiên Kiên quay lại hỏi Lan Chi:

- Tại sao mấy ngày qua em cứ tìm cách tránh mặt anh?

- Em... em có tránh mặt anh đâu, - Lan Chi luống cuống nói.

- Quân nói cho em biết hết rồi phải không? - Kiên lại hỏi, giọng bỗng trở nên hơi gay gắt.

- Vâng, em biết hết cả rồi. - Lan Chi thú nhận. Rồi cô nói liền một mạch, rất nhanh: - Vợ chồng anh đang có chuyện không vui, em không muốn đổ thêm dầu vào lửa. Em không muốn làm cho Thi khó chịu. Em không muốn gây thêm bất hòa giữa anh và Thi.

- Em có gây bất hòa bao giờ đâu, - giọng Kiên dịu hẳn đi. - Anh và Thi đã lục đục từ lâu rồi. Em về nước mà tránh anh thì chỉ làm cho anh buồn thôi chứ cũng chẳng cứu vãn gia đình anh được.

- Sao lại không cứu vãn được? Nếu anh cố lên một tí thì nhất định sẽ đâu vào đấy thôi. Em thấy Thi rất dễ thương. Cô ấy xinh hơn em

nhieu, - Lan Chi nói bằng một giọng như dỗ dành, năn nỉ.

- Anh có nói Thi xấu bao giờ đâu, - Kiên bật cười. - Hồi mới quen, anh cũng thấy cô ấy khá xinh. Nhưng xinh hơn em thì... mắt anh không bao giờ thấy thế. Trong mắt anh, không ai có thể đẹp bằng em được.

- Thi hơn em nhiều thứ lắm, - Lan Chi nói với vẻ gần như tuyệt vọng.

- Thi nhanh nhẹn, tháo vát chứ không lớ ngớ như em...

- Thi không có những cái mà anh yêu nhất ở em, - Kiên ngắt lời Lan Chi. - Cô ấy không nhẹ nhàng, tinh tế như em. Cô ấy không dịu dàng, đầm thắm như em. Hồi đầu, anh cứ tưởng Thi có thể giúp anh quên em được. Nhưng càng sống lâu với Thi thì anh lại càng nhớ em hơn.

- Nhưng anh cần phải quên em! - nước mắt Lan Chi đã bắt đầu chảy ra, cô nghẹn ngào nói.

- Anh không thể quên em. Anh không muốn quên em! - Kiên đáp một cách bướng bỉnh.

- Thi mới là người có thể cho anh hạnh phúc. Còn em, em chẳng có gì để cho anh nữa cả. Muộn quá rồi! - Lan Chi vừa nói vừa cố cầm nước mắt.

- Nhưng anh có yêu cầu gì em đâu. Được đứng bên em, được nhìn thấy em, được nghe em nói thế này đối với anh đã là hạnh phúc.

- Đến cả cái hạnh phúc nhỏ nhoi ấy em cũng chẳng thể cho anh lâu được. Mấy ngày nữa là em lại đi rồi. Anh phải quên em đi. Em không thể chịu đựng được nếu anh cô độc và bất hạnh. Em không thể chịu đựng được... - Lan Chi thổn thức.

Anh bước sát lại gần và vuốt nhẹ tóc cô: “Đừng khóc nữa Lan Chi. Anh cũng không chịu đựng được khi nhìn em khóc.” Không kìm nổi, cô gục đầu vào vai anh và khóc nức lên. Kiên đứng lặng, sửng sờ.

Anh có cảm giác như đang trở về quá khứ khi nhìn mái đầu của Lan Chi run rẩy trên vai mình, như ngày xưa... như ngày xưa.

Khi cô ngẩng đầu lên, Kiên cúi xuống và phác một cử chỉ như muốn hôn lên môi cô. Lan Chi lắc đầu và lùi lại. Kiên như bừng tỉnh, anh vội nói: “Thôi, anh về đây. Ngày kia, anh sẽ ra sân bay.”

Đường ra sân bay có vẻ thoáng đãng hơn, không chen chúc toàn người là người như hôm Lan Chi trở về Hà Nội. “Có thể là vì mình đã bắt đầu quen nhìn cảnh này rồi”, Lan Chi nghĩ. Cô mơ màng nhìn khung cảnh lướt qua cửa xe, tự hỏi không biết đã bao nhiêu lần mình đi trên con đường này nhỉ? Đã bao nhiêu lần cô rời Hà Nội ra đi?

- Chúng mình đi về nhà với ba hả mẹ? - ngồi bên cạnh Lan Chi, bé Lan Anh chợt hỏi.

- Ừ, chúng mình về nhà. Con nhớ ba lắm rồi phải không? - Lan Chi

âu yếm hỏi lại.

Con bé gật đầu rồi nói, nửa như hỏi, nửa như khẳng định:

- Mẹ cũng nhớ.

- Ừ, mẹ cũng nhớ, - Lan Chi mỉm cười xác nhận.

Cô ngả người vào lưng ghế, nhắm mắt lại. Bỗng thấy thềm giọng nói ấm áp của chồng, sự gần gũi dịu dàng và âu yếm của anh. Bỗng thấy cần sự yên ổn ở ngôi nhà nhỏ thân thương, ở nhịp điệu đều đặn của cuộc sống hàng ngày quen thuộc. Bỗng thấy nhớ bờ sông Garonne những chiều thư thả, ngồi tựa đầu vào vai chồng, nhìn lũ con đùa nghịch trên thảm cỏ xanh... Rồi bỗng thấy chạnh lòng tủi thân khi chợt bắt gặp mình đang ghen tị với dòng người hối hả ngược xuôi trên đường phố. Ghen với sự thanh thản của một tình yêu trọn vẹn không bị giằng xé làm đôi. Ghen với cái hạnh phúc bình yên khi nhà và quê hương là một.

Taxi dừng lại ở sân bay. Vũ vừa chạy đi tìm xe đẩy để chở các vali của Lan Chi thì Kiên xuất hiện. Bó hồng nhung đỏ thắm trong tay anh làm chiếc áo khoác màu be sáng mà anh mặc trên người cũng hồng rực lên.

- Đây là hoa hồng Đà Lạt. Không đẹp bằng hoa hồng Matxcova, nhưng anh đã tìm khắp nơi rồi, chỉ có thế này là được nhất thôi, - Kiên nói như xin lỗi.

- Hoa đẹp lắm đấy chứ, - Lan Chi đỡ bó hoa từ tay Kiên và bỗng mỉm cười. - Anh biết không, hồi em mới ở Matxcova về Hà Nội, em cũng đi bán hoa Đà Lạt để kiếm thêm tiền đấy.

- Thật à? - Kiên hỏi với vẻ hết sức ngạc nhiên. - Thế mà hồi xưa anh lại cứ tưởng tính em mơ mộng, không làm những chuyện dính dáng đến buôn bán tiền nong được.

Một ý nghĩ vụt qua trong đầu Lan Chi: "Vậy là Kiên không nhận được thư mình kể chuyện đi bán hoa. Hay là anh ấy quên?"

- Thì đúng là hồi xưa em mơ mộng thật, cho nên đi bán hoa đã đánh mất tiền đấy, - cô cười đáp. - Nhưng bây giờ thì em "tỉnh" ra nhiều rồi. Bao nhiêu năm nay em bán sách có xảy ra chuyện gì đâu.

- Hoa hồng Matxcova đúng là đẹp hơn hẳn thật. Mọi khi anh không chú ý đến điều này, hôm nay đi chọn hoa mới nhận ra, - Kiên lại nói. Rồi mắt anh chợt sáng lên. - À, nếu mọi chuyện ở công ty anh yên ổn thì có thể nửa năm nữa anh sẽ có việc phải đi Matxcova đấy. Nếu lúc đó mà gặp được ai sang Pháp thì anh sẽ gửi hoa hồng cho em nhé.

- Thôi, việc gì phải rắc rối thế hả anh. Mà Matxcova chắc bây giờ cũng đã thay đổi nhiều rồi.

Kiên có vẻ muốn đáp lại điều gì thì bất chợt bé Lan Anh đang ngồi

trên chiếc vali cạnh đó đứng dậy giặt áo mẹ: “Mẹ ời, chú Vũ lấy được xe đẩy rồi kìa. Chúng mình xếp vali lên nhé.” Kiên hơi giặt mình. Từ nãy, mãi nói chuyện, anh không để ý đến mấy đứa con của Lan Chi.

- Hai đứa sinh đôi của em đây phải không? - anh nhìn Lan Anh và Việt Anh rồi hỏi. - Sao giống mẹ quá thế này!

- Vâng, ai cũng bảo là hai đứa này giống mẹ. Thằng cu đầu thì lại giống ba nó...- Lan Chi kể.

Nhưng Kiên hình như không còn chú ý nghe cô nói nữa. Mắt anh hướng vào bé Lan Anh của cô. “Con gái em xinh quá!”, anh nói. Con bé thấy được người lạ khen thì thẹn thò mỉm cười với Kiên rồi hạ hàng mi rợp hướng cái nhìn xuống đất. Lan Chi thấy mắt Kiên như mờ đi, xa xăm. Ngày xưa, anh mơ một bé gái đầu lòng có nước da trắng mịn, đôi mắt to dưới hàng mi rợp, menh menh, menh menh...

Vũ mang xe đẩy lại gần. Kiên nhanh nhẹn xách luôn cả hai chiếc vali của Lan Chi đặt lên xe. Phán vân một lát, Lan Chi quay lại bảo Vũ:

- Thôi, em còn nhiều việc phải làm, cứ về luôn bây giờ cũng được. Có anh Kiên tiễn chị đây rồi.

- Ừ, phải đấy, - Kiên mừng rỡ nói theo. - Vũ có việc bận thì cứ về đi. Mình rộng rãi thời gian, có thể ở lại đây đợi đến lúc Lan Chi vào được bên trong.

Vũ chào hai người rồi đi về. Kiên đẩy chiếc xe chở vali đi cạnh Lan Chi và lũ trẻ. Họ tiến đến gần cửa kiểm tra của hải quan. Còn mười phút nữa mới đến giờ làm thủ tục cho chuyến bay của Lan Chi. “Mình đứng lại đợi ở đây thôi”, Lan Chi nói rồi nhờ Kiên hạ một chiếc vali to đặt nằm xuống đất để lũ trẻ ngồi lên đỡ mỏi.

- Em có định bao giờ lại về nước nữa không? - Kiên hỏi.

- Em chưa định chính xác được, nhưng chắc chắn thế nào cũng phải về thôi. Lần sau nhất định sẽ về lâu hơn, rồi còn phải cho bọn trẻ con vào Sài Gòn thăm quê ba chúng nó nữa chứ. Có lẽ từ nay em sẽ cố về thật thường xuyên. Lần vừa rồi chần chừ mãi mới về, thấy mọi thứ thay đổi nhiều quá, cảm giác mình cứ như là người lạ, buồn ghê cơ, - Lan Chi nói và thở dài.

- Vợ chồng em có lúc nào nghĩ đến chuyện về nước hẳn không? Bây giờ tình hình trong nước thoáng hơn nhiều rồi, anh thấy có những người đã về hẳn đấy.

- Nếu em chỉ có một mình thì em sẽ về ngay. Nhưng bây giờ nặng gánh quá rồi. Đến tuổi này, lại có ba đứa con, không phải ai cũng dám làm lại từ đầu, - Lan Chi trả lời. Rồi nhìn thấy vẻ mặt buồn bã của Kiên, cô mỉm cười nói nửa đùa nửa thật:

- Thôi, đợi khi nào mấy đứa con của em lớn lên, tự lập được, em

không phải lo cho chúng nó nữa thì sẽ rủ ông xã về ở hẳn Hà Nội, tham gia câu lạc bộ hưu trí với vợ chồng anh cho vui. Rồi sáng sáng chúng mình sẽ cùng nhau ra Hồ Gươm múa võ.

- Em vẫn hết như xưa, lúc nào cũng đùa được, - Kiên phì cười.

Đã đến giờ làm thủ tục hải quan. Nhìn dòng người đang rậm rịch chuyển động về phía cửa, Lan Chi bảo: “Có lẽ đến lúc em phải vào rồi”. Cô định nhờ Kiên nhắc chiếc vali đặt lại lên xe đẩy thì thấy anh ngập ngừng như muốn nói điều gì.

- Có chuyện gì vậy anh? - Lan Chi hỏi.

- Anh có thể hôn em để từ biệt được không? - Kiên rụt rè nói. Nhận thấy vẻ mặt lúng túng của Lan Chi, anh nói thêm: - Một cái thôi, một cái hôn từ biệt.

Lan Chi bối rối nhìn xung quanh. Sau lưng cô, anh em cu Nam đang ngồi trên chiếc vali, chụm đầu vào nhau say sưa đọc quyển truyện tranh tiếng Việt mà mẹ chúng vừa mua cho. Cô quay lại nhìn Kiên, thở nhẹ, và một tia tinh nghịch chợt lóe lên trong mắt cô.

- Hôn lên trán thôi nhé, - cô nói.

Một nụ cười làm gương mặt Kiên sáng bừng lên.

- Hôn trán thì chán chết, - anh đáp và cúi xuống đặt một nụ hôn nhẹ nhàng lên môi cô. Một nụ hôn thật dịu dàng nhưng ngắn ngủi. Rồi anh lùi lại, thở dài.

Lan Chi ngược mắt nhìn Kiên. Cô nhận thấy cặp mắt anh ngấn nước.

- Thôi, em đi nhé, - cô nói sau vài giây im lặng, đưa bàn tay gạt ngang hàng mi dầm lệ và cố mỉm cười.

- Ừ, em đi...

Máy bay cất cánh được khoảng mười lăm phút là Việt Anh và Lan Anh đã cùng nhau lăn ra ngủ. Cu Nam thì không buồn ngủ, nó lấy cái tai nghe mà cô tiếp viên vừa phát cho, đeo vào đầu và nghe nhạc với vẻ mặt rất say sưa.

Lan Chi xếp lại chỗ ngồi để hai bé sinh đôi có thể nằm cho thoải mái. Cô cẩn thận đặt bó hoa hồng vào một góc xa để hai đứa khỏi vô ý đạp vào. “Không biết khi về đến nhà thì hoa có còn tươi không nhỉ? Hoa hồng Matxcova thì tươi lâu lắm”, cô nghĩ. Rồi cô mỉm cười nhớ đến Kiên, nhớ đến lời anh hứa gửi hoa hồng Matxcova sang Pháp cho cô. Tính Kiên vẫn thế, khi nào bốc lên là sẵn sàng hứa đủ mọi điều, hứa đến cả những chuyện hái trăng sao trên trời đem xuống. Anh tưởng có thể tìm được ở Matxcova cho cô những bông hồng đẹp như hình ảnh mà anh lưu giữ trong ký ức. Nhưng làm sao mà tìm được hả Kiên? Những bông hồng đẹp như ngày xưa ấy, mình chỉ có thể tìm trong nỗi nhớ thôi anh.

2 - 5 / 2003
L.N.M.

Nguồn: Avys.de
Người đăng: Ct.Ly
Thời gian: 31/08/2006 9:30:16 CH